

SAIGON
TECHNOLOGY
UNIVERSITY

STU

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

www.stu.edu.vn

(Thành lập năm 1997)

NIÊN GIÁM

Hệ Đại Học & Cao Đẳng

2014 - 2015



01 - 10 - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

SAIGON
TECHNOLOGY
UNIVERSITY

STU

NIÊN GIÁM

Hệ Đại Học & Cao Đẳng

2014 - 2015

BIỂU ĐỒ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP NĂM HỌC 2014 - 2015

THÁNG	NĂM GIÁP NGỌ											NĂM ẤT MÙI																																																			
	THÁNG 09			THÁNG 10			THÁNG 11			THÁNG 12			THÁNG 01			THÁNG 02			THÁNG 03			THÁNG 04			THÁNG 05			THÁNG 06			THÁNG 07			THÁNG 08																													
TUẦN THỨ	DT	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52										
NGÀY THỨ HAI	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31										
ĐẠI HỌC 2009+2010_THI TN	[*]	[*]	[*]	DT	DT	DT	DT	TN1	TN2	TN3	TN4	TN5	TN6	DT	T1	DT	DT	DT	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]									
ĐẠI HỌC 2009+2010_LVTN	[*]	[*]	[*]	DT	DT	DT	DT	LV01	LV02	LV03	LV04	LV05	LV06	LV07	LV08	LV09	LV10	LV11	LV12	LV13	LV14	BV	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]								
ĐẠI HỌC 2011_THI TN	SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	DT	T1	T2	T3	H01	H02	H03	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]							
ĐẠI HỌC 2011_LVTN	SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	DT	T1	T2	T3	H01	H02	H03	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]					
ĐẠI HỌC 2012	SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	DT	T1	T2	T3	H01	H02	H03	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]				
ĐẠI HỌC 2013	SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	DT	T1	T2	T3	H01	H02	H03	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]			
ĐẠI HỌC 2014				SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	T1	T2	T3	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]					
CAO ĐẲNG 2010+2011_THI	[*]	[*]	[*]	DT	DT	DT	DT	TN1	TN2	TN3	TN4	TN5	TN6	DT	T1	DT	DT	DT	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]					
CAO ĐẲNG 2010+2011_LVTN	[*]	[*]	[*]	DT	DT	DT	DT	LV01	LV02	LV03	LV04	LV05	LV06	LV07	LV08	LV09	LV10	LV11	LV12	LV13	LV14	BV	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]				
CAO ĐẲNG 2012_THI TN	SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	DT	T1	T2	T3	H01	H02	H03	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]		
CAO ĐẲNG 2012_LVTN	SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	DT	T1	T2	T3	H01	H02	H03	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	
CAO ĐẲNG 2013	SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	DT	T1	T2	T3	H01	H02	H03	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]
CAO ĐẲNG 2014				SH	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	H15	T1	T2	T3	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]		
LTĐH 2013_CQ_THI TN (*)	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]				
LTĐH 2013_CQ_LVTN (*)	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]		
LTĐH 2013_VLVH_THI TN	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]		
LTĐH 2013_VLVH_LVTN	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]		
LTĐH 2014_CQ (*)																H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]				
LTĐH 2014_VLVH (*)																H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]		
ĐẠI HỌC_VLVH_KHÓA 6 [HK9_TTTN & BTTN]	TL	TL	TL	TL	DT	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	H09	H10	H11	H12	H13	H14	BV	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]					
ĐẠI HỌC_VLVH_KHÓA 7 [HỌC KỲ 7 & 8]	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]			
ĐẠI HỌC_VLVH_KHÓA 8 [HỌC KỲ 3 & 4]	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	DT	H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	TL	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	
ĐẠI HỌC_VLVH_KHÓA 9 [HỌC KỲ 1 & 2]																H01	H02	H03	H04	H05	H06	H07	H08	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]	[*]		
CÁC LỚP NIÊN CHẾ CQ/VLVH CHƯA TỐT NGHIỆP	DK	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL	HL					

NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN
 Mồng Một Tết Nguyên Đán, Thứ Năm, ngày 19/02/2015

LƯU Ý : (*) Một số trường hợp có thể ghép vào lớp Đại học CQ. VD: TKCN,

QUY ƯỚC KÝ HIỆU:

- Sinh hoạt đầu năm/đầu khóa : (bắt buộc)
- Các chuyên đề theo hướng dẫn của Vụ CT HS - SV
- Chuyên đề về đào tạo của Trường / Khoa
- Sinh hoạt giáo viên chủ nhiệm của GVCN/CVHT
- Đăng ký học lại TN TH BTL (niên chế)
- Đăng ký thi lại (niên chế)
- Học lại TN TH BTL (niên chế)
- Triển khai đăng ký môn học theo tín chỉ
- Nhận xác nhận KQ ĐKMH + đóng học phí
- Đăng ký Giáo dục quốc phòng
- Học Giáo dục quốc phòng

- SH**
- DK**
- HL**
- DK**
- KQ**
- DK**
- QS**

- Thi lần 1 - lý thuyết
- Thi lại - lý thuyết
- Dự trữ.
- Tuần học Học kỳ chính
- Học giai đoạn 1 - học kỳ cuối. Riêng ngành MTCN & QTKD học lại các môn chưa đạt.
- [1] Học kỳ hè tổ chức đợt 1
- [2] Học kỳ hè tổ chức đợt 2 (nếu có)
- Thực tập tốt nghiệp.
- Ôn tập thi tốt nghiệp
- Luận văn tốt nghiệp
- Ngoài ra còn các nội dung khác thực hiện theo lịch của các khóa đang học.

- T**
- TL**
- DT**
- H**
- H**
- hk
- he
- TT
- TN
- LV
- (*)

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
LẬP KẾ HOẠCH
(Đã ký)

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

Các bạn sinh viên thân mến,

Bước vào trường đại học, các bạn bước sang một giai đoạn mới của hệ thống đào tạo với mục tiêu, nội dung và phương pháp khác nhiều so với các giai đoạn giáo dục mà các bạn đã trải qua. Vào một cơ sở đào tạo cụ thể, chắc các bạn gặp không ít trở ngại đối với các tổ chức, phương thức hoạt động, các quy định và nề nếp của chúng ...

Bằng tài liệu này, nhà trường mong muốn tạo điều kiện để các bạn sớm hội nhập vào môi trường đào tạo đại học.

Quá trình đào tạo luôn là sự kết hợp hài hòa giữa hai hoạt động: giảng dạy và học tập. Trong quá trình đào tạo để nâng cao kiến thức, kỹ năng trong bối cảnh hiện nay, khi khối lượng tri thức phát triển mạnh mẽ như vũ bão, muốn thành đạt người sinh viên phải đóng vai trò chủ đạo. Việc các bạn cùng tập thể nhà trường sớm làm chủ quá trình đào tạo sẽ góp phần đáng kể cho sự tiến bộ, trưởng thành của các bạn trong thời gian theo học tại trường.

Hy vọng rằng bản Niên giám này sẽ đem lại lợi ích cho các bạn. Mong được các bạn quan tâm nghiên cứu và sử dụng nó.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN (STU)

A. Lịch sử phát triển tổ chức:

Tiền thân của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ DL. Tp. Hồ Chí Minh (SEC). SEC được thành lập theo Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. SEC được vinh dự là trường cao đẳng đầu tiên của nước ta chỉ đào tạo các ngành kỹ thuật, công nghệ, ...

Tháng 04/2004, trên cơ sở xem xét năng lực và thành tích đào tạo của trường, Chính phủ ra Quyết định số 57/2004/QĐ-Ttg thành lập Trường Đại học DL. Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh (SEU) trên cơ sở Trường Cao đẳng Kỹ nghệ DL. Tp. Hồ Chí Minh. Đến tháng 03/2005, theo Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, trường được đổi tên thành Trường Đại học DL. Công nghệ Sài Gòn.

Tháng 07/2007, Trường Đại học DL. Công nghệ Sài Gòn chính thức đổi tên thành Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn khi chuyển sang loại hình trường tư thục. Tên tiếng Anh là Saigon Technology University (STU).

Ngoài hệ chính quy, với sự đánh giá tốt về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, nhà trường còn được Bộ giáo dục và đào tạo cho phép đào tạo hệ ngoài chính quy (theo Quyết định số 3410/QĐ-BGD&ĐT) và được đào tạo hệ hoàn chỉnh đại học (liên thông đại học từ cao đẳng chính quy) (theo Quyết định số 7373/QĐ-BGD&ĐT).

Đến năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường liên kết đào tạo với Đại học Troy – Hoa kỳ (Quyết định 5759/QĐ-BGD&ĐT) – cấp bằng Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Troy.

Bằng tốt nghiệp cử nhân (kỹ sư) của trường thuộc hệ thống văn bằng quốc gia và có giá trị trong cả nước.

Hiện nay, STU có chức năng đào tạo kỹ sư cử nhân, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực: Cơ – Điện tử, Viễn thông, Công nghệ Thông tin, Điện – Điện tử, Công nghệ Thực phẩm, Kỹ thuật Công trình, Mỹ thuật Công nghiệp và Quản trị Kinh doanh.

B. Quá trình đào tạo:

Khóa sinh viên cao đẳng đầu tiên bước vào học tập chính thức ngày 29/12/1997, khai giảng chậm hơn lệ thường hơn hai tháng. Sĩ số sinh viên khóa 1 là 800 và khóa 2 là 900. Do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong vùng và thực lực ngày một nâng lên của trường, từ khóa 3 (khóa tuyển sinh 1999) về sau, hàng năm nhà trường tuyển vào khoảng 1.300 – 3.800 sinh viên mới. Từ năm học 2004 – 2005, trong số sinh viên tuyển mới gồm có 50% học ở bậc đại học và 50% học ở bậc cao đẳng.

Tính đến nay, qua 17 năm đào tạo, Trường đã tuyển được 18 khóa cao đẳng, 11 khóa đại học, 10 khóa liên thông đại học và 9 khóa trung cấp. Đào tạo được 11.596 kỹ sư / cử nhân đại học, 9.665 kỹ sư / cử nhân cao đẳng và 1.817 người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp.

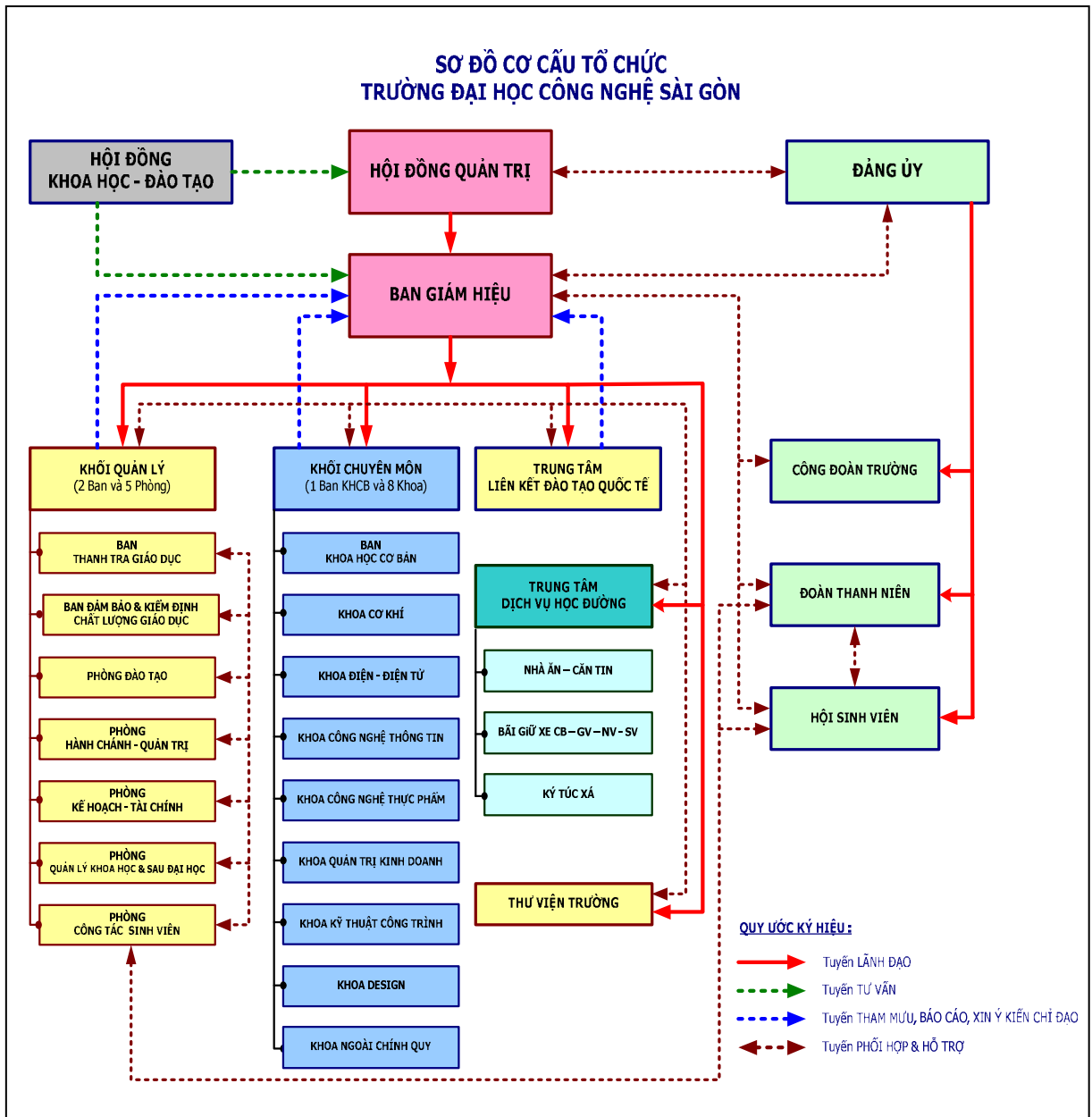
Với các hệ đào tạo: trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, liên thông đại học chính quy tập trung và ngoài chính quy, STU đã trở thành một trường đào tạo liên thông uyển chuyển, toàn diện.

Kể từ khóa tuyển sinh 2009, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ ở hai bậc học đại học và cao đẳng.

Kể từ năm học 2012 – 2013, thực hiện chỉ thị chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường sẽ dừng tuyển sinh đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG:

Hiện nay nhà trường tổ chức theo hệ thống hai cấp: Trường và Khoa/Phòng/Ban. Bên cạnh đó, còn có một số bộ môn trực thuộc trường.



A. Lãnh đạo trường:

1. Hội đồng quản trị (HDQT):

Hội đồng Quản trị là tổ chức cao nhất trong nhà trường. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đề ra đường lối, chủ trương lớn về phát triển mọi mặt của nhà trường. Hội đồng Quản trị được bầu ra từ những người có khả năng và tâm huyết trong xây dựng nhà trường, những nhà giáo, nhà khoa học, nhà quản lý tài năng và các đại diện cho “những nhóm có lợi ích liên quan đến trường”. Đứng đầu Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ở Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, Hội đồng Quản trị còn thực hiện việc đầu tư, xây dựng cơ bản các công trình có quy mô đầu tư lớn.

2. Ban Giám hiệu

Đứng đầu Ban Giám hiệu là Hiệu trưởng. Hiệu trưởng là người đại diện toàn diện cho nhà trường trước xã hội và pháp luật.

Hiệu trưởng được Hội đồng Quản trị thống nhất đề cử và do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định bổ nhiệm.

Hiện nay Hiệu trưởng là Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo Ưu tú Đào Văn Lượng, nguyên là Giáo sư Trường Đại học Bách Khoa thuộc Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh.

Sau khi có sự đồng ý của Hội đồng Quản trị nhà trường, Hiệu trưởng đề cử các Phó Hiệu trưởng để Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận.

Phó Hiệu trưởng hoạt động theo sự phân công của Hiệu trưởng, được thay mặt Hiệu trưởng điều hành và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng một số phần việc trong phạm vi được giao phó, ủy nhiệm.

B. Các Phòng, Ban:

Tham mưu cho Hiệu trưởng và thực hiện các chức năng cụ thể trong công tác quản lý trường là các phòng chức năng và một số bộ phận khác.

1. Phòng Đào tạo:

Phòng Đào tạo có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về mặt tổ chức đào tạo, tiến hành tổ chức thực hiện công tác giảng dạy và học tập đối với tất cả các hệ đào tạo (bổ sung thêm công tác quản lý đào tạo loại hình vừa làm vừa học từ Tháng 03/2014), từ kế hoạch tổng thể đến thời khóa biểu. Phối hợp với Ban Chủ nhiệm các Khoa trong việc huy động, bố trí lực lượng giảng viên. Tiến hành tốt các công việc từ tuyển sinh đến kiểm tra, thi cử, tốt nghiệp. Quản lý đầy đủ các hồ sơ, cơ sở dữ liệu về đào tạo của trường. Cung cấp các nhận xét, kết quả học tập của sinh viên. Theo dõi tình hình giảng dạy của Thầy Cô, giúp cho Ban Giám hiệu thực hiện đầy đủ chế độ thù lao, khen thưởng đối với người dạy. Phối hợp tốt với Phòng Kế hoạch – Tài chính trong việc theo dõi việc thu học phí, lệ phí. Ngoài ra, Phòng còn có nhiệm vụ theo dõi việc học tập, bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ sư phạm của giảng viên. Tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xác định ngành nghề đào tạo, cơ cấu ngành nghề.

2. Phòng Hành chính - Quản trị:

Phòng Hành chính – Quản trị có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng tổ chức điều hành các hoạt động trong trường nề nếp, hài hòa, theo đúng các quy định chung của nhà trường. Phòng Hành chính – Quản trị phụ trách khâu công văn, giấy tờ đi đến của nhà trường, đảm bảo thông tin thông suốt, công tác lưu trữ và bảo mật. Đảm bảo để những văn bản cần thiết đều đến với cơ quan đầu não của trường, và những vấn đề liên quan đến kịp thời đối với các bộ phận chức năng hữu quan trong trường. Thư từ của sinh viên, học sinh cũng được Phòng chuyển nhận đầy đủ. Phòng có chức năng giữ gìn trật tự, an ninh trong toàn trường. Phòng Hành chính – Quản trị phụ trách việc phục vụ tiếp tân cho Lãnh đạo nhà trường. Ngoài chức năng hành chánh, Phòng còn có chức năng quản trị trong trường: tổ chức quản lý tốt các công trình, các hệ thống điện, nước, hệ thống thông tin trong toàn trường; mua sắm, tổ chức tu sửa nhỏ ... theo đúng các quy định của Trường; Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện các dự án đầu tư trang bị mới phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu của nhà trường.

3. Phòng Kế hoạch – Tài chính:

Có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và chủ trì tiến hành các công tác kế hoạch tài chính, tổ chức quản lý tài chính, tài sản của trường. Phòng tiến hành thực hiện tốt công tác thu chi và sử dụng

tài chính. Quản lý tốt nguồn vốn cũng như khối tài sản của nhà trường. Sinh viên đóng học phí, lệ phí tại phòng này.

Phòng Kế hoạch – Tài chính thay mặt nhà trường giao dịch và hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ đóng thuế của trường đối với nhà nước.

4. Phòng Quản lý Khoa học và Sau Đại học:

Trong công tác Nghiên cứu Khoa học, Phòng Quản lý Khoa học và Sau Đại học có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc định hướng, cũng như tổ chức công tác nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên của trường, tìm cơ hội và tổ chức các hoạt động mở rộng hợp tác trong và ngoài nước về đào tạo và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, Phòng còn có nhiệm vụ theo dõi việc nâng cao trình độ khoa học của Thầy Cô giáo thông qua công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cũng như theo học các bậc cao học, tiến sĩ.

Trong công tác quản lý đào tạo Sau đại học, Phòng Quản lý Khoa học và Sau Đại học có chức năng tham mưu về chiến lược phát triển đào tạo sau đại học cho nhà trường và thực hiện quản lý hoạt động đào tạo sau đại học của Trường đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chất lượng trong nước và nhanh chóng hội nhập khu vực.

5. Phòng Công tác Sinh viên:

Phòng Công tác Sinh viên có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng và thực hiện những chủ trương biện pháp giúp sinh viên rèn luyện, không ngừng tiến bộ, và phát triển con người toàn diện, phát triển tài năng trong thời gian theo học tại trường. Phòng tiến hành các công tác tuyên truyền, phổ biến, học tập các đường lối chính sách, pháp luật trong sinh viên; phối hợp với Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên hỗ trợ cho sinh viên trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách, tư vấn về các mặt học tập, nghề nghiệp, đời sống tâm lý cho sinh viên, tổ chức đời sống tinh thần, văn nghệ, thể thao vui tươi lành mạnh, phong phú. Phòng này còn có chức năng tổ chức khánh tiết trong các dịp hội họp, lễ hội của Trường.

6. Ban Khoa học Cơ bản:

Tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo các môn học cơ bản trong các chương trình đào tạo do Trường quản lý. Chỉ đạo việc xây dựng đề cương chi tiết các môn học do Ban quản lý, tổ chức biên soạn tập bài giảng, tài liệu tham khảo, bài tập, giáo trình môn học, ... Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giảng viên và sinh viên trong Trường. Xây dựng kế hoạch và khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị thuộc Ban quản lý. Quản lý cán bộ giảng viên của Ban theo quy định của nhà trường. Lập bảng thống kê, báo cáo thường kỳ về tình hình giảng dạy, học tập, rèn luyện và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định của nhà trường. Phối hợp với các khoa và các bộ phận chức năng để thực hiện chức năng quản lý của Ban nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chung của nhà trường.

Ban Khoa học cơ bản không có chức năng quản lý sinh viên. Tuy nhiên, Ban Khoa học Cơ bản có trách nhiệm phối hợp với các Phòng ban và khoa khác giải quyết các vấn đề của sinh viên liên quan đến những nội dung công việc do Ban phụ trách khi có yêu cầu.

7. Khoa Đào tạo Ngoài chính quy:

Khoa Đào tạo Ngoài chính quy giúp Hiệu trưởng quản lý toàn bộ khối đào tạo “ngoài chính quy”, từ phương hướng, chương trình kế hoạch, đến quản lý giảng dạy học tập, quản lý học viên. Đây là một hệ đào tạo mới của trường. Khoa sẽ phát huy sáng tạo để đào tạo có chất lượng, có bản sắc, tạo nguồn vào phong phú, đóng góp xứng đáng cho xã hội, phục vụ nguyện vọng học tập suốt đời của người dân.

Kể từ Tháng 03/2014, Khoa Đào tạo Ngoài chính quy đã bàn giao việc tổ chức quản lý loại hình đại học hệ vừa làm vừa học cho Phòng Đào tạo để chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới.

8. Ban Thanh tra Giáo dục và Tổ giám thị:

Ban Thanh tra giáo dục giúp Hiệu trưởng thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện về công tác giáo dục, đào tạo trong nhà trường, nhằm tăng cường hiệu lực quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo.

9. Ban Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục:

Tham mưu giúp Hiệu trưởng và trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo chất lượng đào tạo trong nhà trường.

Thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ trường.

Điều phối công tác đánh giá, kiểm định ở cấp độ nhà trường và cấp độ chương trình đào tạo theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Quốc tế.

10. Các Hội đồng cấp trường:

Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường có vai trò quan trọng trong việc tư vấn cho Hiệu trưởng về những định hướng lớn, có tính chất căn bản về đào tạo, nghiên cứu, nhằm giúp nhà trường phát triển ổn định, vững vàng, không ngừng đổi mới, tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển trong xu thế hội nhập. Thành phần của Hội đồng gồm các nhà khoa học đầu đàn trong trường cũng như nhiều nhà trí thức, nhà kinh doanh thành đạt ở ngoài trường.

Tùy theo nhu cầu hoạt động của nhà trường, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định thành lập các Hội đồng chuyên đề khác như: Hội đồng Tư vấn phát triển, Hội đồng Tuyển sinh, Hội đồng Tốt nghiệp, Hội đồng Tuyển dụng, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng, Hội đồng Kỷ luật,

C. Trung tâm Đào tạo Quốc tế (ITPC):

Tháng 01/2007, Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Trung tâm Đào tạo Quốc tế (ITPC) tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hợp tác đào tạo. Tại Trung tâm đang tổ chức đào tạo các chương trình liên kết với nước ngoài như liên kết với Đại học Troy – một trong những trường đại học công lập có chất lượng tốt ở miền Nam Hoa kỳ, chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, chất lượng đào tạo do Đại học Troy quản lý theo tiêu chuẩn Quốc tế. Văn bằng Cử nhân do Đại học Troy cấp. Ngoài ra, Trung tâm còn tổ chức các chương trình liên kết đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ. Hiện có hàng trăm sinh viên đang theo học tại Trung tâm này.

D. Cấp khoa:

Đứng đầu Khoa là Trưởng khoa. Ở Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn các Trưởng khoa đều là Tiến sĩ Khoa học, Tiến sĩ hoặc Thạc sĩ, nhiều người có học hàm Giáo sư hoặc Phó Giáo sư.

Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức và quản lý mọi hoạt động trong phạm vi khoa. Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa do Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm, sau khi thông qua Hội đồng Quản trị. Các Phó Trưởng khoa do Trưởng khoa đề cử.

Lãnh đạo Khoa quản lý việc đào tạo, nghiên cứu trong các ngành thuộc Khoa, quan tâm đầy đủ đến tình hình rèn luyện tư tưởng, đạo đức, phong cách của sinh viên trong toàn Khoa. Trong bối cảnh hội nhập, việc đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo để theo kịp các trường trong khu vực cũng như trên thế giới là nhiệm vụ cấp bách và nặng nề đối với Lãnh đạo các Khoa. Khoa có vai trò to lớn trong việc thực hiện “dân chủ ở cơ sở”. Ban chủ nhiệm Khoa thường xuyên kiểm tra, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên và sinh viên trong đơn vị mình trong khuôn khổ quy định của trường. Khoa chịu trách nhiệm cải tiến, bổ sung, đề xuất với nhà trường trang bị mới các thiết bị đào tạo, nghiên cứu thuộc đơn vị mình. Trưởng khoa có trách nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị, vật tư hiện có ở các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập thuộc Khoa, đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu giảng dạy và học

tập. Bên cạnh, nhiệm vụ chính là đào tạo, việc tổ chức bồi dưỡng, trao đổi tri thức, kinh nghiệm giữa các đồng nghiệp trong và ngoài Khoa là hoạt động được quan tâm thường xuyên.

Tư vấn cho Trường khoa về các phương hướng lớn, liên quan đến công tác đào tạo, nghiên cứu cho các ngành thuộc Khoa quản lý có Hội đồng Khoa học Khoa. Hội đồng Khoa học Khoa do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập.

Hiện nay, tại STU có các khoa sau đây:

Khoa	Ngành đào tạo phụ trách
Khoa Cơ khí	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử
Khoa Điện – Điện tử	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông
	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử
	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử chuyên ngành Điều khiển tự động
Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin
Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ Thực phẩm
Khoa Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh
	Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Kế toán
	Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Tài chính
	Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Marketing
	Kế toán – Tin học
	Nghiệp vụ Marketing
Khoa Kỹ thuật Công trình	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Cầu đường
	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước
	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Quản lý xây dựng
Khoa Design	Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Tạo dáng
	Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Đồ họa
	Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế Thời trang
	Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Nội thất

E. Những bộ phận khác trong nhà trường:

Để phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu và hỗ trợ cho các hoạt động đa dạng của cán bộ, sinh viên trong trường, trường còn có các đơn vị sau:

- Thư viện: Có nhiệm vụ phục vụ, thu thập, lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin cho cán bộ và sinh viên như: báo, tạp chí, thông tin qua mạng cho toàn trường. Thư viện đã được xây dựng và đi vào hoạt động từ Tháng 08/2007. Tại thư viện, ngoài hệ thống sách và tài liệu tham khảo dạng bản in còn có thư viện điện tử, giúp cán bộ, sinh viên kịp thời cập nhật tài liệu, kiến thức.
- Các bộ phận phục vụ khác: có trách nhiệm phục vụ tốt cho Thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên, sinh viên học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người hoàn thành tốt công tác và việc học tập của mình. Các bộ phận này hoạt động lấy phục vụ làm chính, tạo sự thoải mái, thuận tiện trong trường. Bao gồm các mặt công việc sau đây: ký túc xá sinh viên; nhà ăn – căn tin, tổ photocopy, tổ giữ xe.

F. Danh sách và vị trí các khoa, phòng và ban trong nhà trường:

STT	Đơn vị	Vị trí	Điện thoại	Số Nội bộ
1	Văn phòng Công đoàn	Phòng 204 Khu C	+84.838505520	123
2	Văn phòng Đoàn Thanh niên	Phòng 114 Khu D	+84.838505520 +84.838503500	226
3	Văn phòng Hội sinh viên	Phòng 114 Khu D	+84.838505520	219
4	Trung tâm Đào tạo Quốc tế	Phòng 206 Khu A	+84.838505520	202
5	Khoa Cơ khí	Phòng 110 Khu B	+84.838505520	141
6	Khoa Điện - Điện tử	Phòng 111 Khu C	+84.838505520	217
7	Khoa Công nghệ Thông tin	Phòng 108 Khu C	+84.838505520	131
8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Phòng 104 Khu C	+84.838505520	130
9	Khoa Quản trị Kinh doanh	Phòng 102 Khu C	+84.838505520	139
10	Khoa Kỹ thuật Công trình	Phòng 121 Khu C	+84.838505520	220
11	Khoa Design	Phòng 203 Khu C	+84.838505520	357
12	Khoa Ngoài chính quy	Phòng 103 Khu C	+84.838505520	151
13	Ban Khoa học Cơ bản	Phòng 119 Khu C	+84.838505520	444
14	Ban Đảm bảo chất lượng	Phòng 103 Khu C	+84.838505520	151
15	Ban Thanh tra Giáo dục	Phòng 406 Khu C	+84.838505520	330
16	Phòng Công tác SV	Phòng 113 Khu D	+84.838505520	148
17	Phòng Đào tạo	Phòng 105 Khu C	+84.838505520	106, 107, 109, 115 và 116
18	Phòng Hành chính Quản trị	Phòng 101 Khu A	+84.838505520	101, 110, 224 225 và 228
19	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phòng 109 Khu C	+84.838505520	117, 333 và 340
20	Phòng Quản lý Khoa học	Phòng 207 Khu A	+84.838505520	206 và 207
21	Thư viện	Phòng 407 Khu A	+84.838505520	346 và 347
21	Khu Ký túc xá		+84.838508673	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU CỦA NHÀ TRƯỜNG

A. Trường sở:

Từ năm 1997 đến đầu năm 2002, việc đào tạo của STU chủ yếu được tiến hành tại Cơ sở 354 Bến Chương Dương, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh.

Cùng với bước phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, sau một thời gian khẩn trương xây dựng, vào học kỳ 1 năm học 2002 – 2003 nhà trường đã đưa vào sử dụng cơ sở mới, xây dựng tại Cánh Đồng điều, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh.

Cơ sở 180 Cao Lỗ, Quận 08, Tp. Hồ Chí Minh

Trường tọa lạc tại số 180 Cao Lỗ, Quận 08 với khuôn viên đẹp và rộng trên 20.000m². Tại đây, khu nhà học chính rộng trên 16.000 m² đã được xây dựng. Khu trường mới có đầy đủ giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, trung tâm máy tính, hội trường, nhà ăn, ... Các kiến trúc sư đã chú tâm cấu tạo một hệ thống nhà hiện đại, có dáng dấp một đại học kỹ thuật, với màu sắc, hình khối hài hòa.

Điểm đặc sắc của trường là có nhiều cây cối, bồn hoa,... Sân trước và sân trong của trường rộng rãi, yên tĩnh, được chăm chút cẩn thận như một công viên thu nhỏ, tạo không khí tinh lặng cho người ham học, ham nghiên cứu. Ở trường có mạng internet hữu tuyến và vô tuyến. Trong khuôn viên của Trường có thể sử dụng tốt hệ thống mạng thông tin này.

Phía sau khu trường là sân chơi đa năng và sân bóng đá với kích thước gần đạt chuẩn.

Ký túc xá của sinh viên, với sức chứa hơn 500 chỗ, được xây dựng khang trang trong khuôn viên Trường, tạo điều kiện thuận cho sinh viên trong học tập, sinh hoạt và vui chơi.

Trong năm học 2009 – 2010, trước nhu cầu phát triển của Trường, nhằm đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho quy mô đào tạo ngày càng tăng, Hội đồng Quản trị Trường tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng tầng Khu B và Khu C của Trường, tăng diện tích sử dụng lên thêm khoảng 7.500 m² sàn phòng học và phòng thí nghiệm. Các phòng học và phòng thí nghiệm mới đã được đưa vào sử dụng kể từ năm học 2010 – 2011.

Đến nay, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã trở thành một trong các trường ngoài công lập có điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất.

B. Lớp học, Phòng thí nghiệm:

1. Phòng học:

Trường có hơn 90 phòng học, với tổng diện tích phòng học hiện nay là 18.000 m². Phòng ốc cao ráo, sáng sủa, thoáng mát, âm thanh vừa phải.

2. Các cơ sở thực hành trong trường:

Nhà trường rất cố gắng trang bị để đảm bảo tính chất “công nghệ” của nhà trường. Trừ Khoa Quản trị Kinh doanh, lấy thư viện và các phần mềm tin học làm nguồn tư liệu khoa học chính yếu, các Khoa khác đều có phòng thí nghiệm, xưởng thực tập hoặc phòng máy tính chuyên ngành.

Hiện nay ở trường có các cơ sở thực hành sau đây:

- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương
- Phòng thí nghiệm Khoa học Thực phẩm
- Phòng thí nghiệm Chất lượng

- Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học Thực phẩm
- Phòng thí nghiệm Phát triển sản phẩm
- Phòng thí nghiệm Chế biến 1
- Phòng thí nghiệm Chế biến 2
- Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng
- Phòng thí nghiệm Cơ học đất
- Trung tâm Tính toán ứng dụng
- Phòng thí nghiệm Khí nén và Thủy lực
- Phòng thí nghiệm Cơ khí
- Phòng thí nghiệm Tự động hóa, CNC
- Xưởng Cơ khí
- Phòng thí nghiệm Schneider Electric
- Phòng thí nghiệm Điện tử số
- Phòng thí nghiệm Kỹ thuật Điện tử
- Xưởng Điện tử
- Phòng thí nghiệm Thông tin sợi quang
- Phòng thí nghiệm Công nghệ Chip
- Phòng thí nghiệm Khí cụ điện
- Phòng thí nghiệm Máy điện
- Phòng thí nghiệm Mạch và Đo
- Xưởng thực tập Điện
- Xưởng thực tập Điện Dân dụng
- Phòng thí nghiệm Điện tử Viễn thông
- Phòng thí nghiệm Điện tử Công suất
- Phòng thí nghiệm Điều khiển Tự động
- Phòng thí nghiệm PLC
- Phòng thực tập Điện tử Dân dụng
- Phòng Rửa mạch in của Xưởng thực tập Điện tử
- Phòng chuyên đề Đồ họa & Studio ảnh
- Phòng chuyên đề Nội thất
- Xưởng Thời trang
- Xưởng Vẽ mỹ thuật
- Xưởng Tạo dáng và Điêu khắc 1 & 2
- Phòng Thực hành / Báo cáo chuyên đề
- Phòng Multimedia
- Trung tâm Điện toán của trường với hơn 300 máy tính nối mạng, hệ internet ADSL hữu tuyến và vô tuyến.

IV. CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

A. Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan đến công tác đào tạo và sinh viên

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT
- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Lược trích “Quy chế Công tác học sinh, sinh viên trong các trường đào tạo” (Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

B. Quy định của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn liên quan đến công tác đào tạo

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn: Quy chế 115-09/QĐ-DSG-ĐT
- Quy định về Công tác Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập: Quy định 253-09/QĐ-DSG-ĐT.
- Quy định về Chuẩn đầu ra của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn: Quyết định 251-09/QĐ-DSG-ĐT.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 31/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 30 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thí điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.
- Điều 3:** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bành Tiến Long

QUY CHẾ

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT
ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng trong các đại học, học viện, trường đại học và trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là trường) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2: Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.
2. Chương trình được các trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành; kiểu ngành chính - ngành phụ; kiểu 2 văn bằng).
3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Điều 3: Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.
2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.
 - a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 - b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng các trường quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường.

4. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình, thì 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ.
5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4: Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 8 giờ đến 20 giờ hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế của trường, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của trường.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, trường Phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Điều 5: Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II: TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6: Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Các trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.
 - a. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau:
 - Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;
 - Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.
 - b. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học

phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.
3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học kỳ đối với các khóa học từ 5 đến 6 năm.

Tùy theo điều kiện đào tạo của nhà trường, Hiệu trưởng quy định thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7: Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường đại học, trường cao đẳng, ngoài các giấy tờ phải nộp theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành, sinh viên phải nộp cho Phòng Đào tạo đơn xin học theo hệ thống tín chỉ theo mẫu do trường quy định. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do Phòng Đào tạo của trường quản lý.
2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:
 - a. Thẻ sinh viên;
 - b. Sổ đăng ký học tập;
 - c. Phiếu nhận cổ vấn học tập.
3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.
4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8: Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.
2. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khóa học trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

Điều 9: Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong trường. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

Điều 10: Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.
2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng Đào tạo của trường. Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.
 - a. Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;
 - b. Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;
 - c. Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.Tùy điều kiện đào tạo của từng trường, Hiệu trưởng xem xét, quyết định các hình thức đăng ký thích hợp.
3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:
 - a. 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;
 - b. 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - c. Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.
6. Phòng Đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập hoặc theo quy định của Hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do Phòng Đào tạo của trường lưu giữ.

Điều 11: Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 6 tuần kể từ đầu học kỳ chính, nhưng không muộn quá 8 tuần; sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ phụ, nhưng không muộn quá 4 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.
2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:
 - a. Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo của trường;
 - b. Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;
 - c. Không vi phạm khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của Phòng Đào tạo.

Điều 12: Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.
2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 13: Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Điều 14: Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:
 - a. Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
 - b. Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
 - c. Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
 - d. Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;
 - e. Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 150 tín chỉ;
 - f. Sinh viên năm thứ sáu: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 150 tín chỉ trở lên.
2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:
 - a. Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
 - b. Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15: Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:
 - a. Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
 - b. Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
 - c. Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.
2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới .

Điều 16: Bị buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
 - a. Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;
 - b. Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;
 - c. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;
 - d. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.
2. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17: Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.
2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:
 - a. Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
 - b. Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;
 - c. Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất;

3. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.
4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.
5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18: Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
 - a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
 - b. Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
 - c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;
 - d. Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
 - a. Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
 - b. Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;
 - c. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
 - d. Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
3. Thủ tục chuyển trường:
 - a. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;
 - b. Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III: KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19: Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20: Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.
2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 21: Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.
2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.
3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).
6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 22: Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:
 - a. Loại đạt:

A (8,5 - 10) Giỏi	C (5,5 - 6,9) Trung bình
B (7,0 - 8,4) Khá	D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu
 - b. Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém
 - c. Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.	X Chưa nhận được kết quả thi.
-----------------------------	-------------------------------
 - d. Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.
3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;
 - b. Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;
 - c. Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.
4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.
5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:
 - a. Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;
 - b. Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.
6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.
7. Kí hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:
 - a. Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.
 - b. Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

Điều 25: Chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Việc chấm mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải do 2 giảng viên đảm nhiệm.
2. Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Điều 26: Thực tập cuối khóa và điều kiện xét tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù

Đối với một số ngành đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực Nghệ thuật, Kiến trúc, Y tế, Thể dục - Thể thao, Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khóa; hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của trường.

Điều 27: Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:
 - a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - b. Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo: với khối lượng không dưới 180 tín chỉ đối với khóa đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khóa đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khóa đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khóa cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khóa cao đẳng 2 năm. Hiệu trưởng quy định cụ thể khối lượng kiến thức tối thiểu cho từng chương trình được triển khai đào tạo trong phạm vi trường mình;
 - c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
 - d. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;
 - e. Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng Phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28: Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:
 - a. Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
 - b. Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
 - c. Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
 - d. Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.
2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
 - a. Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
 - b. Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.
3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).
4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.
5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.
6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

Chương V: XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29: Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bành Tiến Long

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT.

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.
2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.
4. Hiệu trưởng ban hành chương trình thực hiện trong trường mình, với khối lượng của mỗi chương trình không dưới 180 tín chỉ đối với khóa đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khóa đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khóa đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khóa cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khóa cao đẳng 2 năm.”

2. Khoản 4 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.”
3. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại đơn vị do Hiệu trưởng quy định.”
4. Khoản 1 Điều 11 và điểm c khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung:
 - a) Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể của trường, Hiệu trưởng quy định thời hạn tối đa được rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.”
 - b) Điểm c khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.”
5. Khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư, sinh viên năm thứ năm, sinh viên năm thứ sáu. Tùy thuộc khối lượng của từng chương trình quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này, Hiệu trưởng quy định cụ thể giới hạn khối lượng kiến thức để chuyển xếp hạng năm đào tạo.”
6. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

 1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:
 - a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;
 - b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
 - c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.Tùy theo đặc điểm của từng trường, Hiệu trưởng quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.
 2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:
 - a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của Hiệu trưởng;
 - b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

- c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.
3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.”
7. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:
“Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình
1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.
 2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:
 - a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
 - b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;
 - c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.
 3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.
 4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.”
8. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:
“Điều 25. Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp
1. Tùy theo từng chương trình, Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.
 2. Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.
 3. Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.”
9. Khoản 1 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:
“1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;
- e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.”

10. Chương V được bổ sung, sửa đổi như sau:

a) Tên chương được sửa đổi như sau:

“**Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**”;

b) Bổ sung Điều 29a như sau:

“**Điều 29a. Tổ chức thực hiện**

1. Các trường lập kế hoạch và xây dựng lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường mình.
2. Trên cơ sở những quy định của quy chế này, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và lộ trình tiến đến đào tạo theo hệ thống tín chỉ hoàn chỉnh, các trường xây dựng quy định cụ thể của trường mình về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho hệ chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa và đào tạo liên thông.
3. Định kỳ các trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường.
4. Các trường được phép đánh giá và công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, làm cơ sở cho việc công nhận kiến thức đã tích lũy của sinh viên sử dụng trong trường hợp chuyển trường, học liên thông hoặc học tiếp lên trình độ cao hơn giữa các cơ sở đào tạo.
5. Để so sánh trong tuyển dụng, kết quả học tập toàn khóa của sinh viên đại học, cao đẳng giữa đào tạo theo tín chỉ và đào tạo theo niên chế được chuyển đổi tương đương theo hạng tốt nghiệp (theo hướng dẫn).”

Điều 2: Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2013.

Điều 3: Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học Quốc gia, đại học vùng, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo TW;
- Ủy ban VHGD, TN, TN&ND của QH;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDĐH, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Bùi Văn Ga

Lược trích “Quy chế Công tác học sinh, sinh viên trong các trường đào tạo”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương 2: Quyền và nghĩa vụ của học sinh, sinh viên

Điều 4: Quyền của học sinh, sinh viên:

- (1) Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự thi tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường.
- (2) Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về học tập, thực tập, thi tốt nghiệp, rèn luyện, về chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến học sinh, sinh viên.
- (3) Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện, bao gồm:
 - a. Được sử dụng thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;
 - b. Được tham gia nghiên cứu khoa học, thi học sinh, sinh viên giỏi, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ;
 - c. Được chăm lo, bảo vệ sức khỏe theo chế độ hiện hành của Nhà nước;
 - d. Được đăng ký dự tuyển đi học ở nước ngoài, học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - e. Được tạo điều kiện hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, tham gia các tổ chức tự quản của học sinh, sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường;
 - f. Được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.
- (4) Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước; được xét nhận học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Nhà nước.
- (5) Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường; được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của học sinh, sinh viên.
- (6) Được xét tiếp nhận vào ký túc xá theo quy định của trường. Việc ưu tiên khi sắp xếp vào ở ký túc xá theo quy định tại Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (7) Học sinh sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được nhà trường cấp bằng tốt nghiệp, bảng điểm học tập và rèn luyện, hồ sơ học sinh, sinh viên, các giấy tờ có liên quan khác và giải quyết các thủ tục hành chính.
- (8) Được hưởng chính sách ưu tiên của nhà nước trong tuyển dụng vào các cơ quan Nhà nước nếu tốt nghiệp loại giỏi, rèn luyện tốt và được hưởng các chính sách ưu tiên khác theo quy định về tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 5: Nghĩa vụ của học sinh, sinh viên:

- (1) Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy chế, nội quy, điều lệ nhà trường.
- (2) Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn minh.
- (3) Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.
- (4) Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của nhà trường; chủ động tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và tự rèn luyện đạo đức, lối sống.
- (5) Thực hiện đầy đủ quy định quy định về việc khám sức khỏe khi mới nhập học và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của nhà trường.
- (6) Đóng học phí đúng thời hạn theo quy định.
- (7) Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của nhà trường.
- (8) Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định.
- (9) Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên; kịp thời báo cáo với Khoa, phòng chức năng, Hiệu trưởng nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên trong trường.
- (10) Tham gia phòng chống tội phạm, tệ nạn ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 6: Các hành vi học sinh, sinh viên không được làm:

- (1) Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường và học sinh, sinh viên khác.
- (2) Gian lận trong học tập như: quay cóp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm, học, thi, thực tập, trực hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập, trực hộ; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.
- (3) Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.
- (4) Gây rối an ninh, trật tự trong trường hoặc nơi công cộng.
- (5) Tham gia đua xe hoặc cổ vũ đua xe trái phép.
- (6) Đánh bạc dưới mọi hình thức.
- (7) Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma túy, các loại hóa chất cấm sử dụng, các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong nhà trường và các hành vi vi phạm đạo đức khác.
- (8) Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa nhà trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép.

Phụ lục: MỘT SỐ NỘI DUNG VI PHẠM VÀ KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế Công tác học sinh, sinh viên trong các trường đào tạo)

STT	Tên vụ việc vi phạm	Số lần				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ	Thôi học	
1	2	3	4	5	6	7
1	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép					Nhà trường quy định cụ thể
2	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học.					Nhà trường quy định cụ thể
3	Vô lễ với Thầy, Cô giáo và Cán bộ công chức nhà trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4	Học hộ hoặc nhờ người khác học hộ.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
5	Thi, kiểm tra hộ, hoặc nhờ thi kiểm tra hộ; làm hộ, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
6	Tổ chức học, thi, kiểm tra hộ; tổ chức làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp.				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.
7	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm hộ, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng					Xử lý theo quy chế đào tạo
8	Không đóng học phí đúng quy định và quá thời hạn được trường cho phép hoãn.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học.
9	Làm hư hỏng tài sản trong ký túc xá và các tài sản khác của trường					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại
10	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu bia khi đến lớp.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
11	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm và nơi cấm hút thuốc theo quy định					Từ lần 3 trở lên, xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo.
12	Chơi cờ bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.
13	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
14	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
15	Sử dụng ma túy					Xử lý theo quy định về xử lý học sinh, sinh viên sử dụng ma túy

STT	Tên vụ việc vi phạm	Số lần				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ	Thôi học	
1	2	3	4	5	6	7
16	Chứa chấp, môi giới hoạt động mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
17	Hoạt động mại dâm			Lần 1	Lần 2	
18	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có.					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
19	Chứa chấp buôn bán vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy và các hàng cấm theo quy định của Nhà nước.				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
20	Đưa phân tử xấu vào trong trường, ký túc xá gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường.					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học.
21	Đánh nhau gây thương tích, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
22	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
23	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học.

Số: 115-09/QĐ-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy
theo học chế tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/07/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định trách nhiệm và quyền hạn của hiệu trưởng các trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/05/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Theo đề nghị của Ban triển khai học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Điều 2: Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ thuộc Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn kể từ năm học 2009 - 2010 (bắt đầu từ các lớp đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung khóa tuyển sinh 2009).

Điều 3: Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng ban, Trưởng khoa và sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy được đào tạo theo học chế tín chỉ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu phòng Đào tạo.

GS, TS. Đào Văn Lượng

QUY CHẾ
Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 115 – 09/QĐ-DSG-ĐT, ngày 18/03/2009 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)*

CHƯƠNG 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này được xây dựng dựa trên cơ sở:
 - Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
 - Tham khảo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ của các Trường đại học và cao đẳng trong và ngoài nước, đã có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng và triển khai học chế tín chỉ trong hoạt động giảng dạy và học tập hệ chính quy tập trung;
 - Tình hình và đặc điểm cụ thể của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- 1.2. Quy chế này quy định các vấn đề về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- 1.3. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn kể từ năm học 2009 – 2010 (bắt đầu từ các lớp đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung khóa tuyển sinh 2009).

Điều 2 : Mục tiêu đào tạo và học chế tín chỉ

2.1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu và nhiệm vụ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng công nghệ nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là cho khu vực phía Nam.

Hệ đại học và cao đẳng chính quy nhằm đào tạo ra những kỹ sư, cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Học chế tín chỉ

Học chế tín chỉ là phương thức đào tạo lấy người học làm trung tâm, họ được chủ động lựa chọn tiến độ học tập, lựa chọn môn học (tuân theo một số ràng buộc được quy định trước) nhằm tích lũy từng phần và tiến tới hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo để được cấp văn bằng tốt nghiệp; họ còn có thể sử dụng các tín chỉ đã tích lũy để chuyển đổi sang một chuyên ngành hoặc một ngành mới.

Trên cơ sở quy trình đào tạo thông qua khái niệm tín chỉ, học chế tín chỉ tạo điều kiện tối đa để cá nhân hóa quy trình đào tạo, trao quyền cho người học trong việc đăng ký, sắp xếp lịch học, tích lũy

các môn học và các thời gian học ở trường, thời gian tốt nghiệp ra trường. Về phía mình, người sinh viên cần phát huy tính tích cực chủ động để thích ứng với quy trình đào tạo, đạt kết quả tốt nhất trong học tập và rèn luyện.

Điều 3 : Chương trình đào tạo và thời gian học

3.1. Chương trình đào tạo

3.1.1. Chương trình đào tạo thể hiện mục tiêu đào tạo đại học và cao đẳng của trường, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học, trình độ đào tạo để Trường cấp văn bằng hay chứng chỉ cho người học.

3.1.2. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo được thiết kế và trình bày theo quy định của trường, được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành và có giá trị pháp lý.

3.1.3. Chương trình đào tạo được cập nhật theo thời gian và khóa đào tạo.

3.1.4. Chương trình đào tạo gồm hai khối kiến thức:

Khối kiến thức Giáo dục đại cương: gồm các môn học thuộc các lĩnh vực Khoa học Xã hội Nhân văn, Khoa học Tự nhiên và Toán, Ngoại ngữ, Khoa học Quản lý và Pháp luật, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: được thể hiện theo hai phần kiến thức: phần kiến thức Cơ sở (Kiến thức cơ sở của nhóm ngành học) và phần kiến thức ngành - chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ban đầu cần thiết.

3.1.5. Các môn học trong chương trình đào tạo được sắp xếp theo một trình tự nhất định, theo từng học kỳ của khóa đào tạo. Đây là trình tự học tập mà nhà trường khuyến cáo sinh viên nên tuân theo để thuận tiện nhất cho việc tiếp thu kiến thức cũng như việc tổ chức quá trình đào tạo của trường (như đăng ký môn học, sắp xếp thời khóa biểu, phân công giảng dạy).

3.2. Thời gian học

3.2.1. Thời gian kế hoạch của một khóa đào tạo được thực hiện trong thời gian sáu (06) học kỳ (tương đương với ba năm học) cho trình độ cao đẳng và tám (08) học kỳ (tương đương với bốn năm học) cho trình độ đại học. Thời gian kế hoạch này được áp dụng cho những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

3.2.2. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian kế hoạch thiết kế cho chương trình quy định tại Khoản 3.2.1 của điều này, cộng với bốn (04) học kỳ (đối với khóa học từ ba đến dưới năm năm).

3.2.3. Tùy theo khả năng và hoàn cảnh, sinh viên có thể tự thu xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở trường. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình (quỹ thời gian tối đa đã được kéo dài) của một khóa đào tạo đại học hệ chính quy là 12 học kỳ chính, của một khóa đào tạo cao đẳng hệ chính quy là 10 học kỳ chính, tính từ khi sinh viên bắt đầu nhập học. Các học kỳ được phép tạm dừng, và các học kỳ ở các trường khác trước khi chuyển về Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (nếu có) đều được tính chung vào quỹ thời gian tối đa này.

Điều 4 : Các định nghĩa, khái niệm và quy ước

4.1. Khóa học, ngành đào tạo và “Khóa – ngành”

Khóa - ngành là thuật ngữ dùng để chỉ nhóm các sinh viên cùng khóa tuyển sinh, cùng nhập học và cùng học theo một chương trình đào tạo của một ngành. Mỗi khóa - ngành có một mã số xác định theo khoa, ngành và khóa nhập học.

Trong học chế tín chỉ, chương trình đào tạo được duyệt và công bố, khi đưa vào vận hành có thể được điều chỉnh riêng cho từng khóa - ngành.

4.2. Học kỳ và năm học

4.2.1. Học kỳ là khoảng thời gian nhất định, gồm một số tuần lễ dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập và một số tuần dành cho việc đánh giá (kiểm tra, thi, bảo vệ tốt nghiệp...).

4.2.2. Năm học ở Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn gồm có 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ), 03 - 04 tuần dành cho việc đánh giá tập trung (dự trữ, kiểm tra, thi, bảo vệ...). Không tổ chức kiểm tra và thi tập trung ngoài lịch này.

4.2.3. Ngoài hai học kỳ chính, trường còn tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè) nhằm tạo thêm cơ hội học tập cho sinh viên. Học kỳ hè có ít nhất 04 tuần dùng cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá. Sinh viên đăng ký học kỳ hè là tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kỳ hè phụ thuộc một số điều kiện như khả năng mở Lớp - môn học, số lượng sinh viên đăng ký theo học, ... Vì vậy, việc có tổ chức học kỳ hè hay không sẽ được Phòng Đào tạo thông báo vào trước thời điểm tổ chức, kịp cho sinh viên đăng ký.

4.2.4. Ngoài ra còn một số tuần lễ dành cho các hoạt động khác như thực tập tốt nghiệp, thực hiện bài thi tốt nghiệp cuối khóa, nghỉ Tết, nghỉ hè, sinh hoạt chính trị, giáo dục công dân đầu khóa. Thời gian biểu cụ thể cho tất cả các hoạt động này được thể hiện trong Biểu đồ kế hoạch giảng dạy học tập (BD_KHGDHT) do Hiệu trưởng ban hành hàng năm.

4.3. Các khái niệm liên quan đến thuật ngữ về tín chỉ

4.3.1. Tín chỉ

Tín chỉ là đại lượng đo khối lượng lao động học tập trung bình của người học, tức là toàn bộ thời gian mà một người học bình thường phải sử dụng để học tập, bao gồm:

- + Thời gian học tập tập trung trên lớp;
- + Thời gian học tập trong phòng thí nghiệm, thực hành, thời gian làm việc dưới sự hướng dẫn của Giảng viên hoặc làm các phần việc khác đã được quy định ở đề cương môn học;
- + Thời gian dành cho việc tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài.

Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học mà người học cần phải tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

4.3.2. Đơn vị tín chỉ

Một tín chỉ được quy định bằng:

- + 15 tiết học lý thuyết trên lớp – 01 tiết học bằng 45 phút;
- + 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận;
- + 45 – 60 giờ thực tập tại cơ sở;
- + 45 – 60 giờ cho sinh viên làm tiểu luận, bài tập, hoặc đồ án, luận văn tốt nghiệp.

Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

Đối với những môn học lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (1 tiết cần ít nhất 2 giờ).

4.3.3. Giờ tín chỉ

Giờ tín chỉ là một trong các giá trị sau đây:

- + Một tiết học lý thuyết và hai giờ chuẩn bị cá nhân.
- + Hai tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận và hai giờ chuẩn bị cá nhân.
- + Ba giờ tự học, tự nghiên cứu.

4.3.4. Hình thức tổ chức giờ tín chỉ

Hình thức tổ chức giờ tín chỉ là cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động của giảng viên và sinh viên ứng với cách tổ chức chương trình môn học / bài học, trong đó coi trọng cả khâu tự học, tự nghiên cứu, thực tập, thực hành, tham quan, khảo sát thực tế nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức cho môn học / bài học theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Có các hình thức tổ chức giờ tín chỉ như sau:

- + **Dạy, học trong lớp:** Thường là dạy, học giờ lý thuyết gồm nghe thuyết trình, ghi bài giảng, làm và chữa bài tập, thảo luận và các hoạt động khác thực hiện tại lớp học, do giảng viên yêu cầu.
- + **Dạy, học thực hành, thực tập:** Giảng viên hướng dẫn sinh viên trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng hay hiện trường, sinh viên làm thí nghiệm, thực hành theo nhóm, tổ; kể cả công việc thực tập, tham quan...
- + **Tự học ngoài lớp, ngoài phòng thí nghiệm:** Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tham gia các hoạt động theo nhóm để hỗ trợ, thảo luận, thực hành, thực tập mà không có giảng viên hướng dẫn trực tiếp.

Tín chỉ cũng là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng kiến thức, khối lượng làm việc bắt buộc và đo lường tiến độ học tập của sinh viên – nó được đánh giá dựa trên số lượng tín chỉ mà sinh viên đã tích lũy được. Số tín chỉ là một giá trị bằng số để mô tả khối lượng công việc mà sinh viên phải làm để hoàn tất một môn học. Giá trị gán này là một số nguyên, chủ yếu dựa vào mức độ lao động để hoàn tất môn học mà không dựa vào mức độ quan trọng của môn học. Thông qua số tín chỉ tích lũy được (không phải số môn học) Trường sẽ đánh giá kết quả khối lượng học tập của một sinh viên.

Vì quá trình đào tạo của Trường tổ chức theo học kỳ nên cũng được hiểu là:

- + Tín chỉ được tính bằng 01 tiết giảng dạy lý thuyết trên lớp trong mỗi tuần của một học kỳ; 02 đến 03 tiết bài tập, thảo luận, thực hành, thí nghiệm mỗi tuần. Ngoài ra để hoàn thành khối lượng kiến thức của 01 tín chỉ, sinh viên cần có thêm từ 02 – 04 giờ chuẩn bị, tự học mỗi tuần (ngoài giờ lên lớp).
- + Nếu có hoạt động đột xuất ngoài Biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập của Trường làm ảnh hưởng đến việc tính toán thời lượng của tín chỉ thì phải thực hiện việc bù để đảm bảo những quy định chung của Trường.

Ở Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, tổng số tín chỉ cho mỗi chương trình đào tạo bậc Đại học là 130 - 140 (tín chỉ) và bậc Cao đẳng là 100 - 110 (tín chỉ).

4.4. Học phí tín chỉ

Học phí tín chỉ: Là một đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy và học tập cho một tín chỉ. Học phí được xác định căn cứ theo số tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học và được xếp thời khóa biểu trong học kỳ và bằng tổng số tín chỉ học phí của các môn học nhân với mức tiền học phí của một tín chỉ học phí.

Mức học phí tín chỉ do Hiệu trưởng quy định cho từng bậc học (đại học và cao đẳng), từng hệ đào tạo (chính quy, liên thông, không chính quy), từng ngành đào tạo và từng loại môn học tương ứng trong từng học kỳ.

4.5. Môn học

4.5.1. Môn học là đơn vị cấu thành của một chương trình đào tạo, gồm một trong các loại hình hoặc kết hợp hai hay nhiều loại hình tổ chức sau:

- + Giảng dạy lý thuyết - được tổ chức thành các Lớp - môn học;
- + Hướng dẫn bài tập - được tổ chức theo Lớp - môn học hay theo nhóm;
- + Hướng dẫn thí nghiệm, thực hành - được tổ chức theo Lớp - môn học hay theo nhóm tại các phòng thí nghiệm hay xưởng thực hành;
- + Hướng dẫn tham quan, thực tập tại các cơ sở ngoài trường;

- + Hướng dẫn thảo luận, viết tiểu luận, thực hiện đồ án môn học, bài tập lớn và luận văn tốt nghiệp theo từng đề tài.

Đề cương chi tiết của môn học phải được Khoa phê duyệt và công bố cùng với chương trình đào tạo và sẽ được giảng viên thông báo đến người học trong buổi học đầu tiên của môn học.

Mỗi môn học có một mã số riêng gọi là mã số môn học (MSMH) kèm theo số tín chỉ tương ứng hoàn toàn xác định.

Các môn học được chia thành các loại sau đây:

4.5.2. **Môn học bắt buộc:** Là môn học chứa đựng một phần nội dung kiến thức chính yếu của nhóm ngành và ngành đào tạo mà sinh viên bắt buộc phải hoàn tất đạt yêu cầu. Tập hợp các môn học bắt buộc tạo thành một hệ thống kiến thức cơ bản mà sinh viên bắt buộc phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp.

4.5.3. **Môn học tự chọn bắt buộc:** Là môn học mà sinh viên được quyền chọn trong danh mục giới hạn các môn học nhằm bảo đảm đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo của nhóm ngành hay ngành.

Các môn học này trong chương trình đào tạo cũng bao gồm những nội dung cơ bản bổ sung cho một ngành mà tất cả các sinh viên sau khi lựa chọn (hoặc được phân công) đều bắt buộc phải hoàn tất đạt yêu cầu để được xét tốt nghiệp.

4.5.4. **Môn học tự chọn tự do:** Là môn học mà sinh viên được quyền chọn theo ý thích của mình.

Đây là các môn học trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung cần thiết cho định hướng nghề nghiệp mà sinh viên có thể lựa chọn khi đăng ký học (trong cùng ngành hoặc khác ngành). Các môn tự chọn được xếp theo từng nhóm môn học. Để đủ điều kiện tốt nghiệp sinh viên phải hoàn tất yêu cầu một số môn nhất định trong từng nhóm nhằm tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định cho nhóm môn học tự chọn tương ứng.

Đối với một môn học tự chọn tự do nếu không đạt sinh viên có quyền chọn đăng ký học lại chính môn học đó hoặc lựa chọn các môn học tự chọn tự do khác cùng nhóm để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Sinh viên không nhất thiết phải học lại môn học tự chọn chưa đạt nếu đã tích lũy đủ số tín chỉ của nhóm ngành.

4.5.5. **Môn học thay thế và môn học tương đương**

Môn học tương đương được hiểu là một hay một nhóm môn học thuộc chương trình đào tạo của một khóa - ngành khác đang được tổ chức đào tạo tại Trường; sinh viên được phép tích lũy để thay thế cho một môn học hay một nhóm môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo.

Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn được tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một môn học khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các môn học hay nhóm môn học thay thế hoặc tương đương do Khoa quản lý ngành đề xuất và sẽ là phần bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện.

Môn học thay thế hoặc tương đương được Hiệu trưởng quyết định áp dụng đối với tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa - ngành.

4.5.6. **Môn học tiên quyết**

Môn học A là tiên quyết của môn học B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học môn B là sinh viên phải đăng ký và hoàn tất đạt môn A.

Trong các chương trình đào tạo môn học tiên quyết được thể hiện bằng mũi tên vẽ theo nét liền từ môn A đến môn B.

4.5.7. Môn học song hành

Môn học A là môn học song hành của môn học B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký môn học B là sinh viên đã đăng ký môn học A. Sinh viên được phép đăng ký học môn học B vào cùng học kỳ đã đăng ký học môn A hoặc vào các học kỳ tiếp sau.

Trong các chương trình đào tạo môn học song hành được thể hiện bằng mũi tên vẽ theo nét đứt từ môn A đến môn B kèm theo kí hiệu “SH” trên mũi tên.

4.5.8. Môn học trước

Môn học A là môn học trước của môn học B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký môn học B là sinh viên đã đăng ký và được xác nhận học xong môn A (có thể chưa đạt). Sinh viên được phép đăng ký học môn B vào học kỳ tiếp sau học kỳ đã học môn A.

4.5.9. **Các môn học được tổ chức đặc biệt:** Môn học Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, Thực tập ngoài trường, Thực tập tốt nghiệp, Luận văn tốt nghiệp và Thi tốt nghiệp.

Đối với các môn học được tổ chức đặc biệt, việc đăng ký học sẽ tuân theo một số điều kiện ràng buộc, sẽ được quy định trong Mục 8.2.2 Khoản 8.2 Điều 8 Chương 2 - Quy trình đào tạo.

4.6. Lớp - môn học và điều kiện mở lớp

Lớp – môn học là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một môn học, có cùng thời khóa biểu, trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp môn học được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp môn học được giới hạn bởi sức chứa của phòng học (phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và phòng máy tính, ...) hoặc được sắp xếp theo yêu cầu riêng đặc thù của môn học.

Điều kiện để mở Lớp – môn học:

- + Không được ít hơn 40 sinh viên cho các môn học cơ bản và cơ sở của các nhóm ngành (trừ các môn có đặc thù riêng như Ngoại ngữ, Vẽ kỹ thuật, ...)
- + Với các môn chuyên ngành, nếu có đề nghị của Khoa quản lý ngành, Trường sẽ xem xét để có thể mở các lớp có số lượng ít hơn 40 sinh viên.
- + Các môn học “Đồ án môn học” và “Luận văn tốt nghiệp” không hạn chế số lượng sinh viên vào mỗi học kỳ chính.
- + Các môn học Thí nghiệm, Thực hành, Thực tập được mở với số lượng sinh viên phù hợp với theo khả năng sắp xếp đảm nhận của đơn vị phụ trách môn học và các phòng thí nghiệm liên quan và không ít hơn 16 sinh viên một lớp.

4.7. Lớp sinh viên và Cố vấn học tập

4.7.1. Lớp sinh viên được tổ chức theo Quy chế công tác học sinh - sinh viên. Mỗi lớp sinh viên có một mã số riêng gắn với Khoa quản lý, Khoa đào tạo và do một Cố vấn học tập phụ trách.

4.7.2. Cố vấn học tập là người cố vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn môn học phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm thích hợp, theo dõi thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn đúng trong quá trình học tập.

Cố vấn học tập thực hiện nhiệm vụ theo Quy định về công tác Cố vấn học tập của Trường. Cố vấn học tập được Khoa quản lý sinh viên đề cử và được Hiệu trưởng công nhận.

4.8. Niên giám và sổ tay sinh viên - cung cấp thông tin cho sinh viên vào đầu mỗi khóa học, năm học và học kỳ

4.8.1. **Niên giám** là tài liệu chính thức giới thiệu cho sinh viên các thông tin cần thiết về Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, gồm những thông tin sau:

- + Giới thiệu các thông tin cần thiết về Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;
- + Các văn bản pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn liên quan đến việc học tập và sinh hoạt của sinh viên;

- + Chương trình, kế hoạch đào tạo của Khóa – ngành bao gồm cả nội dung tóm tắt các môn học có trong chương trình đào tạo;
- + Biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập của năm học (BĐ_KHGDHT)
- + Các trách nhiệm và quyền lợi cơ bản của sinh viên.

Nội dung niên giám sẽ được hiệu chỉnh theo từng khóa học và năm học. Niên giám sẽ được cung cấp cho sinh viên vào đầu mỗi khóa học sau khi sinh viên hoàn tất đầy đủ các thủ tục nhập học.

4.8.2. **Sổ tay sinh viên** là tài liệu chính thức do Trường phát hành (Phòng Đào tạo) theo mỗi học kỳ, nhằm cung cấp thông tin như sau:

- + Kế hoạch tổ chức giảng dạy học kỳ, danh sách các môn học và thời khóa biểu dự kiến của các Lớp - môn học được tổ chức trong học kỳ;
- + Mức học phí;
- + Các thay đổi (nếu có) trong xử lý học vụ, trong chương trình đào tạo các Khóa – ngành;
- + Các thông tin hướng dẫn cần thiết khác để sắp xếp kế hoạch học tập.

CHƯƠNG 2

QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5 : Các diện sinh viên

5.1. Sinh viên hệ chính quy tập trung

Hàng năm, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tuyển sinh vào học hệ chính quy tập trung bậc đào tạo đại học và cao đẳng thông qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển tuân theo những quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh được tuyển vào Trường phải làm các thủ tục nhập học theo hướng dẫn và thời hạn ghi trên giấy gọi nhập học của Trường. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Trường. Sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định học vụ áp dụng đúng cho Khóa – ngành đã nhập học.

Một số trường hợp đặc biệt được xem xét thu nhận vào hệ chính quy tập trung trên cơ sở các quy định cụ thể của Bộ Giáo dục - Đào tạo và của Trường, gồm:

- + Sinh viên đang học ở nước ngoài có nguyện vọng và được giới thiệu về nước học tiếp ở cùng bậc và ngành đào tạo;
- + Sinh viên hệ chính quy của các trường đại học khác ở trong nước có nguyện vọng chuyển trường (với những lý do chính đáng) và hội đủ các điều kiện về chuyển trường do Bộ Giáo dục - Đào tạo và Trường quy định.

5.2. Sinh viên học dự thính

Ngoài sinh viên thuộc hệ chính khóa, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn còn thu nhận các sinh viên học theo hình thức dự thính. Sinh viên học dự thính không được hưởng các chế độ và quyền lợi về mặt xã hội của sinh viên chính thức. Sinh viên chỉ được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập cho các môn học đã học. Sinh viên học dự thính không được quyền chuyển sang học hệ chính quy và không được xét cấp bằng tốt nghiệp.

Đối tượng học dự thính phải có trình độ tối thiểu đủ đảm bảo cho việc học hiệu quả, một số trường hợp phải qua kỳ kiểm tra trình độ trước khi được theo học. Hiệu trưởng ra quyết định thu nhận cho từng trường hợp cụ thể, có thể là:

- + Các sinh viên đang theo học tại các trường đại học khác;
- + Các cán bộ đang công tác tại cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu ... có nguyện vọng học bổ sung một số môn học hạn chế.

5.3. Sinh viên diện tạm dừng học tập

Sinh viên có nhu cầu cá nhân hoặc một vài lý do khác có thể tạm dừng việc học (học gián đoạn). Hiệu trưởng ra quyết định cho phép sinh viên tạm dừng học tập. Thủ tục và điều kiện tạm dừng và xin học tiếp theo tuân theo một số điều kiện ràng buộc nêu trong Điều 25 Chương 4 - Điều kiện tiếp tục học tập – Các trường hợp xử lý học vụ.

Trong thời gian tạm dừng, sinh viên chịu sự quản lý của địa phương nơi sinh viên cư trú.

Điều 6 : Thông tin đào tạo dành cho sinh viên

6.1. Thông tin khi nhập học:

Đầu khóa học nhà trường có trách nhiệm thông báo với sinh viên về Quy chế học tập và các quy định của trường, Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên, Quy chế học sinh – sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Chương trình đào tạo toàn khóa cho từng Khóa – ngành đào tạo, ...

Tất cả những thông tin trên thể hiện trong quyển Niên giám của Trường và những thông tin được thông báo trong tuần lễ sinh hoạt đầu khóa.

6.2. Thông tin trước mỗi học kỳ chuẩn bị cho học kỳ mới:

Trước mỗi học kỳ, nhà trường có trách nhiệm thông báo cho sinh viên về: Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký các học phần đó, số lớp dự kiến, thời khóa biểu của các Lớp - môn học dự kiến, các thay đổi (nếu có) trong chương trình đào tạo, thông báo về học phí, lệ phí và thông báo về việc xử lý học vụ của Phòng Đào tạo,

Tất cả những thông tin trên, thể hiện trong Sổ tay sinh viên và tại các bảng thông báo chung của Văn phòng khoa hay Phòng Đào tạo.

6.3. Thông tin từng học kỳ:

Sinh viên sẽ được cung cấp một bản chính về Kết quả đăng ký môn học của học kỳ. Kết quả đăng ký môn học chứa đựng thông tin chi tiết về thời khóa biểu của cá nhân sinh viên trong học kỳ.

Khi bắt đầu một môn học, sinh viên sẽ được giảng viên giới thiệu đề cương chi tiết của môn học, được hướng dẫn về mục đích, yêu cầu của môn học, cách học, cách kiểm tra, đánh giá, danh mục các giáo trình và tài liệu tham khảo liên quan phục vụ cho việc giảng dạy và học tập môn học.

Ngoài ra sinh viên cần chú ý theo dõi các thông báo về:

- + Đối với một số môn học thí nghiệm, thực hành, đồ án môn học, bài tập lớn, ... lịch giảng dạy chi tiết được công bố vào đầu học kỳ tại Văn phòng khoa quản lý môn học.
- + Giảng viên phụ trách môn học có trách nhiệm thông báo lịch kiểm tra giữa kỳ trên lớp và được thông báo trước kỳ kiểm tra ít nhất 01 tuần;
- + Lịch thi tập trung cuối học kỳ được công bố ít nhất 04 tuần trước khi thi tại bảng thông báo của Phòng Đào tạo và Văn phòng Khoa quản lý môn học.

Về việc cung cấp thông tin kết quả học tập được quy định tại Điều 20 Chương 3 - Đánh giá kết quả học tập.

6.4. Trách nhiệm của sinh viên:

Tìm hiểu nghiên cứu để nắm vững chương trình đào tạo của Khóa - ngành đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ và các quy định liên quan đến việc dạy và học.

Khi cần thiết sinh viên có thể gặp cố vấn học tập, các khoa và Phòng Đào tạo hay cán bộ giảng dạy phụ trách môn học để được hướng dẫn và giúp đỡ.

Thường xuyên theo dõi các thông báo, phải đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn được phát ở mỗi học kỳ để thực hiện công việc học tập đúng trình tự và đúng thời hạn.

Thực hiện việc đăng ký môn học, nhận Kết quả đăng ký môn học, thời khóa biểu chính thức của mỗi học kỳ.

Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các yêu cầu của môn học đã đăng ký học, tham dự các kỳ kiểm tra thường kỳ, dự thi kết thúc môn học, các phần thí nghiệm, thực hành theo đúng các nhóm, lớp đã được xếp. Nghiêm cấm các trường hợp dự kiểm tra và thi không đúng nhóm, lớp hoặc dự thi khi không có tên trong danh sách dự thi hoặc kiểm tra.

Tham gia đầy đủ các hoạt động học tập, các hoạt động đoàn thể và xã hội, không ngừng rèn luyện đạo đức, thể chất và lối sống phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Điều 7 : Đăng ký khối lượng học tập (đăng ký môn học)

7.1. Quy trình đăng ký môn học

7.1.1. Sinh viên được cung cấp toàn bộ thông tin về kế hoạch tổ chức giảng dạy theo học kỳ, các thông tin về chương trình đào tạo, các mốc thời gian quan trọng và kết quả học tập của cá nhân sinh viên ở học kỳ trước đó.

7.1.2. Trước khi thực hiện các Phiếu đăng ký môn học, sinh viên cần gặp Cố vấn học tập để được tư vấn. Sinh viên cần trao đổi kỹ với Cố vấn học tập, nói rõ kết quả học tập đã có, nguyện vọng và khả năng của mình, dự định công việc sắp tới ... để nhận được từ Cố vấn học tập những gợi ý và lời khuyên bổ ích. Sau khi làm xong Phiếu đăng ký, sinh viên nộp lại cho Cố vấn học tập để xin chữ ký xác nhận, đây là thủ tục bắt buộc của quy trình đăng ký. Sau đó sinh viên nộp Phiếu đăng ký cho Phòng Đào tạo.

7.1.3. Các môn học đăng ký phải thỏa mãn một số điều kiện ràng buộc của môn học (môn học tiên quyết, môn học trước, ...) và Lớp – môn học tương ứng có khả năng tiếp nhận sinh viên hoặc thỏa điều kiện số sinh viên tối thiểu được quy định chi tiết trong Khoản 4.5 và 4.6 Điều 4 Chương 1 - Những quy định chung và Khoản 8.2 Điều 8 Chương 2 - Quy trình đào tạo.

7.1.4. Phòng Đào tạo sẽ tiến hành tổ chức các Lớp – môn học, sắp xếp thời khóa biểu dựa trên cơ sở các phiếu đăng ký hợp lệ của sinh viên, cơ sở dữ liệu về giảng viên, tình hình nguồn lực của Trường và đề nghị của Khoa phụ trách Lớp – môn học.

7.1.5. Sau khi đã đăng ký, sinh viên còn được phép bổ sung hoặc thay thế môn học, Lớp - môn học khi có thông tin từ Phòng đào tạo, nhằm hoàn chỉnh thời khóa biểu cá nhân trong thời hạn cho phép.

7.1.6. Sinh viên nhận bản chính Kết quả đăng ký môn học của học kỳ.

7.1.7. Sinh viên bắt buộc phải tuân thủ các quy định và tiến hành đăng ký môn học để có thời khóa biểu cá nhân trong học kỳ.

7.1.8. Sau thời hạn quy định cho việc đăng ký, nếu sinh viên không nộp phiếu đăng ký hay không hoàn tất việc đăng ký thì coi như đã tự ý bỏ học và bị xử lý buộc tạm dừng việc học theo Khoản 25.1 Điều 25 Chương 4 - Điều kiện tiếp tục học tập – Các trường hợp xử lý học vụ.

7.2. Quy định khi đăng ký môn học

7.2.1. Số tín chỉ đăng ký học cho mỗi học kỳ được quy định như sau:

- + Đối với học kỳ chính: không ít hơn 14 tín chỉ và không vượt quá 20 tín chỉ.
- + Riêng ở học kỳ chính được bố trí thực hiện bài thi tốt nghiệp (Thi tốt nghiệp cuối khóa hay thực hiện đồ án / khóa luận / luận văn tốt nghiệp), sinh viên chỉ được đăng ký học thêm tối đa 06 tín chỉ cho các môn học khác ngoài bài thi tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ thực hiện trong học kỳ này không vượt quá 15 tín chỉ.
- + Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), không được đăng ký nhiều hơn 06 tín chỉ.
- + Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gọi Cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.

7.2.2. Quy định khi đăng ký các môn học được tổ chức đặc biệt:

7.2.2.1. Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất

Môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất có số tín chỉ bằng 0. Việc đánh giá kết quả học tập của hai môn học này là điều kiện để cấp chứng chỉ môn học, là hai trong những điều kiện để xét cấp bằng tốt nghiệp đại học hay cao đẳng, tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Môn học Giáo dục thể chất được bố trí học tại trường trong các học kỳ chính do Bộ môn Giáo dục thể chất thuộc Ban Khoa học Cơ bản phụ trách.

Môn học Giáo dục quốc phòng được tổ chức học tập trung vào năm thứ nhất hoặc thứ hai theo kế hoạch đào tạo của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng (thường sẽ tổ chức vào học kỳ phụ). Học phí và lệ phí học môn học này, sinh viên nộp theo thông báo của Trường khi đến thời điểm tổ chức. Việc học lại môn học Giáo dục quốc phòng (nếu có) sẽ do sinh viên đăng ký trực tiếp với Trung tâm Giáo dục Quốc phòng hoặc sẽ đăng ký theo các đợt sau của Trường tổ chức (nếu phù hợp với thời khóa biểu học tập).

7.2.2.2. Thực tập ngoài trường

Một số môn học thực tập được tổ chức ngoài trường. Sinh viên phải chú ý để đăng ký môn học này vào đúng học kỳ được mở. Nếu các môn học này được tổ chức riêng, ngoài các tuần của học kỳ chính, thì số tín chỉ của môn học không được tính vào số tín chỉ tối đa 20 tín chỉ mà sinh viên được đăng ký trong học kỳ chính.

7.2.2.3. Thực tập tốt nghiệp

Môn học Thực tập tốt nghiệp được tổ chức vào cuối khóa trình đào tạo, trong 04 – 06 tuần và được tính là 02 tín chỉ. Đây là môn học tiên quyết trước khi sinh viên đăng ký thực hiện bài thi tốt nghiệp cuối khóa. Nhằm giúp cho sinh viên có điều kiện nghiên cứu hoạt động sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ trong môi trường thực tế tại các cơ quan, xí nghiệp, xưởng hoặc công ty bên ngoài, tương ứng với định hướng chuyên môn của chuyên ngành / ngành đã theo học. Mặt khác, môn học tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thực hiện đề tài đồ án / khóa luận / luận văn tốt nghiệp sau đó.

Điều kiện để đăng ký môn Thực tập tốt nghiệp:

- + Sinh viên có số tín chỉ chưa đạt (còn nợ) trong chương trình đào tạo của Khóa – ngành không nhiều hơn 18 tín chỉ; bao gồm 9 tín chỉ của các môn học khác, 02 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và 07 tín chỉ thực hiện bài thi tốt nghiệp cuối khóa.
- + Ngoài ra, Khoa quản lý ngành có thể quy định các điều kiện bổ sung áp dụng cho các Khóa – ngành đào tạo thuộc Khoa.

Môn học Thực tập tốt nghiệp thường được tổ chức trong học kỳ 2 và được thể hiện trong Biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập. Các trường hợp đặc biệt, thay đổi kế hoạch tổ chức phải do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở các ý kiến đề xuất của Khoa quản lý ngành và Phòng Đào tạo.

7.2.2.1. **Bài thi tốt nghiệp** (Thi tốt nghiệp cuối khóa hay thực hiện đồ án / khóa luận / luận văn tốt nghiệp)

Bài thi tốt nghiệp cuối khóa được tính là 07 tín chỉ và được tổ chức trong học kỳ chính với quy trình đánh giá riêng.

Kế hoạch chi tiết về việc tổ chức thực hiện bài thi tốt nghiệp cuối khóa sẽ được quy định trong các văn bản riêng của trường và được thông báo đến sinh viên vào cuối học kỳ 1 hàng năm.

Điều kiện để đăng ký thực hiện bài thi cuối khóa

- + Sinh viên đã hoàn tất đạt yêu cầu tất cả các môn học: đồ án, thí nghiệm, thực hành, bài tập lớn và thực tập tốt nghiệp có trong chương trình đào tạo của Khóa – ngành.
- + Sinh viên có số tín chỉ chưa đạt (còn nợ) trong chương trình đào tạo của Khóa – ngành không nhiều hơn 16 tín chỉ; bao gồm 9 tín chỉ của các môn học khác và 07 tín chỉ thực hiện bài thi tốt nghiệp cuối khóa.
- + Ngoài ra, còn có một số điều kiện bổ sung áp dụng cho các Khóa – ngành đào tạo do Khoa quản lý ngành đề nghị và được Hiệu trưởng phê duyệt.

Sinh viên cần lưu ý: Việc hoàn thành bài thi tốt nghiệp cuối khóa chỉ là một trong những điều kiện cần để xét tốt nghiệp.

Điều 8 : Thay đổi các môn học hoặc hủy môn học đăng ký

Sau khi đã nhận bản Kết quả đăng ký môn học của học kỳ, sinh viên không được phép thay đổi các môn học hoặc hủy các môn học đã đăng ký.

Trong các trường hợp đặc biệt, sinh viên muốn thay đổi hay hủy môn học đăng ký, phải làm đơn gửi Cố vấn học tập xin ý kiến, chuyển cho Phòng Đào tạo xem xét giải quyết và chỉ giải quyết trong tuần dự trữ sau khi đăng ký.

Các trường hợp thay đổi hay hủy môn học đăng ký phải thỏa các điều kiện về Quy định đăng ký môn học, điều kiện mở lớp môn học, ...

Các môn học được cho phép hủy đăng ký sẽ được hoàn lại 80% học phí đã đóng cho môn học.

Các trường hợp không được chấp thuận cho hủy đăng ký, sinh viên nếu không theo học sẽ xử lý như trường hợp tự ý bỏ học và phải nhận điểm “F”.

Điều 9 : Học lại và học cải thiện điểm

- 9.1. Đối với môn học bắt buộc, sinh viên có điểm tổng kết môn học không đạt theo Điều 11 Chương 3 - Đánh giá kết quả học tập (dưới 5,0 điểm theo thang điểm 10) phải đăng ký học lại môn học đó.
- 9.2. Đối với môn tự chọn bắt buộc, sinh viên nếu học không đạt, có thể đăng ký học lại chính môn học đó hoặc lựa chọn các môn tự chọn bắt buộc khác cùng nhóm để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ.
- 9.3. Đối với môn tự chọn tự do, sinh viên không nhất thiết phải học lại môn tự chọn chưa đạt nếu đã tích lũy đủ số tín chỉ của nhóm tương ứng.
- 9.4. Học lại để cải thiện điểm: Sinh viên có kết quả đạt đối với một môn học bất kỳ, nếu muốn cải thiện điểm, sinh viên có thể đăng ký học lại môn học đó trong thời gian học tại trường (trước khi xét tốt nghiệp và cấp bằng). Kết quả cao nhất của các lần học được chọn để tính điểm trung bình tích lũy.
- 9.5. Thủ tục và điều kiện đăng ký học lại hay học cải thiện điểm được quy định như đăng ký mới.

CHƯƠNG 3
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 10 : Thang điểm đánh giá

- 10.1. Điểm được cho theo Thang điểm 10, có một số lẻ làm tròn đến 0,5 điểm. Thang điểm 4 chỉ mang tính tham khảo, được sử dụng để chuyển đổi khi cần thiết.
- 10.2. Cách xếp loại và đánh giá theo Thang điểm 10 (quy đổi sang Thang điểm 4 để tham khảo).

Xếp loại		Thang điểm hệ 10 (chính thức)	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt yêu cầu tích lũy	Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,00
	Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	A	3,50
	Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	B+	3,00
	Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	B	2,50
	Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	C	2,00
Không đạt tích lũy	Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	D+	1,5
		Từ 3,0 đến cận 4,0	D	1,0
	Kém	Từ 2,0 đến cận 3,0	D-	1-
		Từ 1,0 đến cận 2,0		1-
		Từ 0,0 đến cận 1,0		1-

Điều 11 : Đánh giá thường xuyên – Điểm thành phần

- 11.1. Trong học chế tín chỉ, kết quả học tập của một môn học được đánh giá trong suốt quá trình học tập môn học đó của sinh viên, được gọi là điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần).
- 11.2. Điều này được thể hiện qua Điểm thành phần của môn học. Số lượng các điểm thành phần, cách đánh giá và cho điểm trong từng cột điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của môn học.
- 11.3. Điểm thành phần có thể là các dạng điểm như sau:
- + Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;
 - + Điểm đánh giá quá trình, mức độ tích cực tham gia hoạt động thảo luận, học tập;
 - + Điểm đánh giá phần thực hành;
 - + Điểm chuyên cần;
 - + Điểm thi giữa học phần (điểm kiểm tra giữa kỳ) (xem Khoản 13.1 Điều 13 Chương 2 - Quy trình đào tạo);
 - + Điểm tiểu luận;

- + Điểm thi kết thúc môn học hoặc điểm bảo vệ thực tập, đồ án môn học và khóa luận tốt nghiệp (xem Khoản 13.2 Điều 13 Chương 2 - Quy trình đào tạo).

- 11.4. Trong đó, điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.
- 11.5. Đối với các học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ là điểm của học phần thực hành.
- 11.6. Chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được quy định trong các văn bản riêng của Trường liên quan đến việc thực hiện bài thi tốt nghiệp cuối khóa của sinh viên.

Điều 12 : Tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ

12.1. Kiểm tra giữa kỳ:

Do cán bộ giảng dạy phụ trách môn học chịu trách nhiệm tổ chức trong giờ lên lớp của sinh viên (có sự hỗ trợ của Khoa quản lý môn học hay Khoa quản lý ngành), và chỉ tiến hành khi đã giảng dạy tối thiểu 40% nội dung của môn học.

Các hình thức kiểm tra giữa kỳ: làm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, viết báo cáo, viết tiểu luận, trình bày báo cáo chuyên đề tại lớp, được quy định trong đề cương chi tiết của môn học.

Lịch kiểm tra giữa kỳ được cán bộ giảng dạy thông báo trước ít nhất một tuần cho sinh viên kịp chuẩn bị.

12.2. Thi cuối kỳ:

Thi cuối học kỳ là kỳ thi được tổ chức tập trung vào 02 – 03 tuần cuối học kỳ chính, do Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, thông báo cho sinh viên. Lịch thi được thông báo cho sinh viên ít nhất là 04 tuần trước kỳ thi (xem Khoản 6.3 Điều 6 Chương 2 - Quy trình đào tạo). Thời gian dành cho việc ôn tập của sinh viên là ½ ngày cho 1 tín chỉ môn học. Sau khi chấm thi, bài thi được lưu giữ tại Trường trong thời gian ít nhất hai năm.

Việc thi cuối học kỳ chỉ được tổ chức một lần trong học kỳ – không có kỳ thi lại.

Hình thức thi cuối học kỳ có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận) cho các học phần lý thuyết, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp các hình thức trên. Trường Bộ môn hoặc Trường Khoa đề xuất hình thức thi thích hợp cho mỗi loại học phần trên cơ sở ý kiến của cán bộ giảng dạy phụ trách môn học, Phòng Đào tạo xem xét khả năng thực hiện, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Hình thức thi cuối kỳ được quy định trong đề cương chi tiết của môn học.

Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố ngay sau buổi thi. Trường hợp cán bộ chấm thi không thống nhất được điểm thì các giảng viên trình Trường Bộ môn hoặc Trường khoa quyết định.

Trường hợp thật đặc biệt, được Khoa quản lý môn học chấp thuận và có ghi trong đề cương chi tiết môn học, việc thi cuối học kỳ của môn học có thể là quá trình đánh giá liên tục trong học kỳ mà không phải có một kỳ thi cuối học kỳ.

Điều kiện được dự thi cuối kỳ: Sinh viên không vi phạm các điều kiện được quy định trong đề cương chi tiết của môn học do cán bộ giảng dạy phụ trách môn học thông báo vào đầu học kỳ; các điều kiện tại Khoản 15.1 Điều 15 Chương 3 - Đánh giá kết quả học tập và các quy định về học phí.

Điều 13 : Bảng ghi điểm – Cột điểm thành phần

- 13.1. Bảng ghi điểm do Phòng Đào tạo phát hành, dùng để ghi các cột điểm chính thức của môn học. Bảng ghi điểm cũng là danh sách sinh viên đã đăng ký học phần theo từng Lớp - môn học và sinh viên được tham dự quá trình đánh giá một môn học.

13.2. Bảng ghi điểm thể hiện ba cột điểm thành phần chính, được quy định trong đề cương chi tiết của môn học:

- + Điểm quá trình (a);
- + Điểm kiểm tra giữa kỳ (b);
- + Điểm thi cuối kỳ (c);
- + **Điểm tổng hợp của học phần (điểm học phần) = (a) + (b) + (c) với $0.5 \leq (a) \leq 1.0$; $(a) + (b) \leq 50\%$ và $(c) \geq 50\%$.**

13.3. Cán bộ giảng dạy chịu trách nhiệm ghi điểm vào bảng điểm chính, Bảng ghi điểm chính được Khoa quản lý môn học duyệt, chuyển cho Phòng Đào tạo để nhập điểm và lưu trữ. Sau đó, điểm được thông báo với sinh viên qua các Văn phòng Khoa quản lý ngành.

Điều 14 : Các dạng điểm đặc biệt và quy trình xử lý

Ý nghĩa – tên điểm	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú – tính điểm trung bình và tích lũy
Cấm thi	11	F	Tính như điểm 0.
Miễn thi (điểm thưởng)	12	M	Ghi chú tạm chờ điểm thưởng Khoa đề nghị.
Vắng thi không phép	13	F	Tính như điểm 0.
Vắng thi có phép	14	I	Điểm chưa hoàn tất, chưa tích lũy.
Chưa nhận điểm thi	15	Z	Ghi chú tạm, tính chưa tích lũy.
Miễn học (bảo lưu)	16	X	Không tính trong điểm trung bình học kỳ, tính trong điểm trung bình tích lũy cuối khóa.
Rút môn học	17	R	Không tính điểm.
Hủy môn học	18	H	Xóa hoàn toàn trong dữ liệu điểm.

14.1. **Cấm thi:** “Điểm số 11 và điểm chữ F” được sử dụng khi sinh viên vi phạm một trong những điều sau đây:

- + Vắng mặt có lý do hoặc không có lý do quá 30% số giờ lên lớp của môn học;
- + Vắng quá 50% số kỳ kiểm tra hay quá 20% số giờ thí nghiệm, thực hành hay thực tập tại xưởng;
- + Không thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của môn học theo các điều kiện đã ghi trong đề cương chi tiết môn học;
- + Vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học tập, nội quy học đường, gian dối trong học tập;

Trong buổi học đầu tiên của môn học, giảng viên phụ trách môn học phải công bố cho sinh viên các quy định về các phần bắt buộc có ghi trong đề cương môn học.

Danh sách sinh viên bị cấm thi do giảng viên phụ trách môn học đề nghị và do Phòng Đào tạo công bố. Sinh viên bị cấm thi sẽ được ghi thành điểm 11 hay điểm F vào bảng ghi điểm chính thức của môn học. Điểm cấm thi cũng là điểm kết quả cuối cùng của môn học (tính bằng 0 điểm).

14.2. **Miễn thi:** “Điểm số 12 điểm chữ M”

Đây là một hình thức thưởng điểm cho sinh viên khi thỏa các điều kiện:

- + Đã đăng ký môn học;
- + Hoàn thành xuất sắc các nội dung yêu cầu trong đề cương chi tiết của môn học;
- + Đạt điểm cao trong các kỳ kiểm tra thường xuyên và giữa kỳ của môn học;

- + Tham gia các kỳ thi Olympic quốc gia, quốc tế trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp với môn học hoặc có bài báo cáo được đánh giá cao tại các hội thảo chuyên đề thuộc lĩnh vực liên quan trực tiếp đến môn học;

Khi sinh viên hội đủ các điều kiện trên, giảng viên phụ trách môn học gửi đề nghị miễn thi cho sinh viên, Khoa cho ý kiến, đề nghị điểm số thưởng cho sinh viên, chuyên Phòng Đào tạo làm thủ tục miễn thi và thưởng điểm trình Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định. Phòng Đào tạo cập nhật vào bảng ghi điểm chính của môn học và lưu trữ (kèm theo quyết định của Hiệu trưởng).

14.3. **Vắng thi không phép:** “Điểm số 13 và điểm chữ F”

Sinh viên vắng mặt không lý do và không xin phép trong kỳ kiểm tra hay thi cuối kỳ. Cán bộ coi thi ghi “vắng mặt” vào cột ghi chú của bảng ghi điểm. Khi nhập điểm, Phòng Đào tạo nhập điểm số 13 và tính như điểm 0 cho kỳ kiểm tra hay thi cuối kỳ.

14.4. **Vắng thi có phép:** “Điểm số 14 và điểm chữ I”

Trường hợp vắng thi có phép, được Phòng Đào tạo xử lý, cho điểm I khi sinh viên hội đủ các điều kiện sau:

- + Đã đăng ký môn học;
- + Hoàn thành các nội dung yêu cầu trong đề cương chi tiết của môn học;
- + Không có tên trong danh sách cấm thi do giảng viên đề nghị;
- + Vì một lý do khách quan, hợp lý, bất khả kháng, không thể tham gia kỳ thi cuối kỳ của môn học hay không thể hoàn thành một nội dung yêu cầu của môn học.
- + Tuân thủ quy trình xử lý cho điểm I;
- + Điểm I chỉ được duy trì trong thời gian một năm. Trong thời gian này, sinh viên phải theo dõi lịch học, lịch thi của môn học được tổ chức sau đó, chủ động đăng ký xin tham gia thi hoặc thực hiện nội dung còn thiếu để xóa điểm I. Quá thời hạn trên, điểm I tự động chuyển sang điểm F.

Thủ tục để ghi điểm I cho sinh viên do Phòng Đào tạo xử lý theo các trường hợp vắng thi, ghi điểm I và chưa tính tích lũy.

- + Trường hợp 1: Vắng thi có phép do tham dự các kỳ thi Olympic, tham dự các chuyên đề ngắn hạn, các hoạt động đoàn thể xã hội, ... sinh viên phải làm đơn đề nghị và cung cấp các chứng lý cần thiết, đơn được gửi cho Phòng Đào tạo trước ngày thi diễn ra. Một số trường hợp đặc biệt, có thể được xử lý ghi điểm M (xem Khoản 15.2, Điều 15 Chương 3 - Đánh giá kết quả học tập).
- + Trường hợp 2: Vắng thi vì các lý do đột xuất (ốm đau, tai nạn, ...), sinh viên phải làm đơn hoặc nhờ người thân làm đơn kèm giấy tờ minh chứng hợp lý, nộp cho Phòng Đào tạo trong thời gian 5 ngày sau ngày thi diễn ra (không tính ngày nghỉ và ngày lễ). Quá thời hạn trên, sinh viên không được xét ghi điểm I.

14.5. **Chưa nhận điểm thi:** “Điểm số 15 và điểm chữ Z”

Điểm thi vì một lý do nào đó chưa được công nhận vào bảng ghi điểm chính thức. Ví dụ: Có một vài nghi vấn trong điểm thi chờ xử lý hoặc sinh viên chưa trả xong phần học phí còn nợ của nhà trường (thuộc các trường hợp đặc biệt được tạm hoãn đóng học phí) ... Phòng Đào tạo sẽ ghi điểm 15 vào bảng điểm chính thức. Chưa tính tích lũy.

14.6. **Miễn học (bảo lưu):** “Điểm 16 và điểm chữ X”, không tính vào điểm trung bình học kỳ, được tích lũy tín chỉ và tính vào điểm trung bình tích lũy cuối khóa.

Một môn học A được cho phép miễn học theo diện bảo lưu kết quả khi sinh viên đã hoàn tất đạt yêu cầu môn học tương ứng trong thời gian học để lấy văn bằng thứ nhất của Trường hoặc trong thời gian học tại trường đại học khác (trong và ngoài nước) trước khi chuyển về học tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (sinh viên thuộc diện chuyển trường theo Khoản 5.1 Điều 5 Chương 2 - Quy trình đào tạo).

Điều kiện để xét bảo lưu kết quả học tập của các môn học được quy định như sau:

- Môn học được gọi là tương đương với môn học A của chương trình đào tạo khi có chương trình chi tiết và thời lượng giống nhau từ 75% trở lên;
- Môn học xin xem xét phải có điểm môn học đạt yêu cầu trở lên;
- Thời gian bảo lưu các kết quả học tập của các môn học được xem xét cho miễn học hay tương đương tính cho đến ngày xét của Trường là:
 - + Không quá 05 năm cho các môn học trong chương trình thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (tính từ thời điểm có kết quả thi của môn này).
 - + Không quá 03 năm cho các môn học thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp, nhóm ngành và ngành.

Thủ tục xử lý:

- Sinh viên muốn được xem xét công nhận các môn học tương đương, miễn học phải làm đơn kèm theo các chứng lý, nộp cho Khoa quản lý ngành xem xét cho ý kiến về chuyên môn, chuyển Phòng Đào tạo xử lý trên cơ sở các ý kiến đề xuất của Khoa về và quy chế học vụ của Trường, trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định.
- Sinh viên nộp đơn có ý kiến của Khoa về Phòng Đào tạo trong tuần đăng ký môn học đầu tiên trước học kỳ mới. Nếu được chấp thuận, sinh viên sẽ được bảo lưu kết quả môn học đó. Nếu không, sinh viên sẽ thực hiện đăng ký môn học theo quy định.
- Việc xét tương đương, thay thế và miễn học được thực hiện không quá 50% số tín chỉ trong chương trình đào tạo;
- Điểm kết quả học tập môn học được miễn (điểm M) không được tính vào điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK) nhưng được tính vào điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL).

Sinh viên đã có các quyết định xóa tên do bỏ học, nghỉ học hoặc bị buộc thôi học nếu tham gia thi tuyển sinh lại và trúng tuyển vào hệ chính quy sẽ phải học lại toàn bộ chương trình đào tạo, không được xét miễn môn học hoặc bảo lưu kết quả, trừ các môn đã được cấp các chứng chỉ như Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Sinh viên có quyết định buộc thôi học vì học lực ở bậc đại học hệ chính quy khi có nguyện vọng và được Hiệu trưởng chấp nhận cho chuyển sang bậc đại học hệ không chính quy, vừa làm vừa học, hoặc bậc Cao đẳng sẽ được xem xét cho miễn học hoặc bảo lưu kết quả các môn học tương đương có trong chương trình. Về thủ tục xin miễn học được tiến hành như trên.

14.7. Rút môn học: “Điểm số 17 và điểm chữ R”, không tính vào điểm trung bình học kỳ, không tính số tín chỉ tích lũy.

Điều kiện để Phòng Đào tạo xử lý cho sinh viên điểm R:

- + Sinh viên đã đăng ký môn học, đóng học phí và nhận bản chính kết quả đăng ký môn học;
- + Sinh viên có đơn trình bày lý do, đề nghị không tham gia đánh giá kết quả một hoặc một số môn học trong thời khóa biểu;
- + Đơn gửi đến Phòng Đào tạo trong khoảng thời gian hai tuần đầu của học kỳ chính, các trường hợp đặc biệt nộp đơn trễ hạn phải gửi kèm chứng lý;

Phòng Đào tạo sẽ căn cứ vào hồ sơ cá nhân của sinh viên, ý kiến của cán bộ giảng dạy và Khoa quản lý ngành để xử lý và cho điểm R. Khi xử lý, có xem xét đến yếu tố số tín chỉ đăng ký tối thiểu trong một học kỳ. Điểm R sẽ được ghi nhận vào bảng kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có điểm R phải đăng ký học lại trong các lần sau đó.

Phòng Đào tạo không giải quyết rút môn học và cho điểm R đối với những môn học được tổ chức trong học kỳ hè (học kỳ phụ), môn học Giáo dục Quốc phòng, Thực tập ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp.

14.8. **Hủy môn học:** “Điểm số 18 và điểm chữ H”, ghi nhận trong dữ liệu đăng ký môn học của Phòng Đào tạo, không tích lũy tín chỉ, không tính vào điểm trung bình học kỳ hay tích lũy. Không thể hiện trong bảng điểm cuối khóa.

Điều kiện và thủ tục xử lý hủy môn học tuân theo Điều 9 Chương 2 - Quy trình đào tạo.

Điều 15 : Điểm trung bình học kỳ

15.1. Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK): Là trung bình cộng có hệ số (là số tín chỉ của mỗi môn học tương ứng) điểm tổng kết tất cả các môn học mà sinh viên đã đăng ký và có thời khóa biểu trong học kỳ. Được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐTBHK} = \frac{\sum (\text{Điểm tổng kết môn học} \times \text{Số tín chỉ của môn học})}{\sum \text{Số tín chỉ của các môn học đang ký trong học kỳ}}$$

15.2. Các môn học có điểm chữ H, M, I, X, R và Z không được tính trong điểm trung bình học kỳ.

15.3. Điểm trung bình học kỳ được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

15.4. Điểm trung bình trong các học kỳ chính là một trong các dữ liệu để xếp hạng, khen thưởng, và xét học bổng cho sinh viên.

Điều 16 : Số tín chỉ tích lũy

Số tín chỉ tích lũy là tổng số tín chỉ của các môn học mà sinh viên đã đăng ký, đã học và có điểm tổng kết môn học từ đạt yêu cầu trở lên (kể cả các môn học được bảo lưu, miễn học, miễn thi). Số tín chỉ tích lũy được tính một lần cho mỗi mã số môn học có điểm đạt (cũng chỉ tính một lần cho các môn học có cải thiện điểm).

Số tín chỉ tích lũy được dùng làm dữ liệu chính để xếp hạng, xét học bổng, khen thưởng hàng năm, cũng được dùng làm điều kiện để xét việc cho tiếp tục học hay cho thôi học của sinh viên.

Điều 17 : Điểm trung bình tích lũy

17.1. Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) là điểm trung bình có hệ số (số tín chỉ của các môn học tương ứng) của tất cả các điểm tổng kết môn học mà sinh viên đã học kể từ khi nhập học cho đến thời điểm tính, bao gồm cả các môn học bảo lưu và có điểm. Được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐTBTL} = \frac{\sum (\text{Điểm tổng kết môn học} \times \text{Số tín chỉ của môn học})}{\sum \text{Số tín chỉ của các môn học đang ký trong giai đoạn tích lũy}}$$

17.2. Đối với môn học mà sinh viên học và có điểm tổng kết nhiều lần thì sẽ lấy điểm cao nhất đạt được để tính điểm trung bình tích lũy.

17.3. Các môn học có điểm chữ H, I, M, X, R, Z không được tính trong điểm trung bình tích lũy.

17.4. Điểm trung bình tích lũy được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

17.5. Tương tự như số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình tích lũy cũng được dùng làm dữ liệu chính để xếp hạng, xét học bổng, khen thưởng hàng năm, và dùng làm điều kiện để xử lý học vụ cho sinh viên.

Điều 18 : Phúc tra và khiếu nại điểm

- 18.1. Sinh viên có quyền khiếu nại về các điểm thành phần của học phần (điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, ...) trực tiếp với giảng viên phụ trách môn học khi công bố điểm thành phần trên lớp. Sau khi bảng ghi các loại điểm này đã được nộp cho Trường, sinh viên không còn quyền khiếu nại về các điểm thành phần nữa.
- 18.2. Sinh viên có thể xin chấm lại bài thi cuối kỳ (còn gọi là phúc tra) khi nhận thấy kết quả có sự khác biệt quá nhiều so với sự tự đánh giá của bản thân. Trong trường hợp này sinh viên nộp đơn đề nghị Phòng Đào tạo cho kiểm tra lại. Thời hạn nộp đơn xin phúc tra chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố bảng điểm môn học.
- 18.3. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được chấp nhập lưu trữ trong hệ thống học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo và đề nghị Phòng Đào tạo kiểm tra lại và trả lời cho sinh viên về kết quả kiểm tra.

Điều 19 : Thông báo điểm và xác nhận kết quả học tập

- 19.1. Giảng viên phụ trách môn học có trách nhiệm thông báo các điểm thành phần (không bao gồm điểm thi kiểm tra cuối kỳ) của môn học trong quá trình giảng dạy trên lớp;
- 19.2. Bản gốc bảng ghi điểm có chữ ký sinh viên dự thi, có đầy đủ điểm thành phần của môn học, do giảng viên phụ trách môn học hoặc giảng viên chấm thi lập, ký xác nhận và được sự phê duyệt của Trưởng Bộ môn hoặc Trưởng Khoa quản lý môn học.
- 19.3. Bản gốc bảng ghi điểm được giảng viên phụ trách môn học nộp lại Phòng Đào tạo trong thời hạn 07 ngày sau ngày thi kiểm tra cuối kỳ. Phòng Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên bản gốc bảng ghi điểm (tên môn học, mã số môn học, điểm số, điểm chữ, hình thức vào điểm, vào điểm đúng theo quy định của Trường), lưu trữ tại Phòng Đào tạo để cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Trường.
- 19.4. Bản sao bảng ghi điểm được chuyển về các Khoa quản lý môn học và Khoa quản lý ngành để thông báo cho sinh viên.
- 19.5. Kết thúc học kỳ, ngay khi có đầy đủ kết quả đánh giá của môn học, sinh viên sẽ nhận được Bảng tổng hợp kết quả đánh giá các môn học đã đăng ký để tự kiểm tra theo các bảng ghi điểm đã dán thông báo. Trên bảng tổng hợp còn có các thông tin về điểm trung bình học kỳ, số tín chỉ đã tích lũy để giúp sinh viên theo dõi tiến độ học tập của bản thân.
- 19.6. Trong quá trình học, sinh viên có thể đề nghị Phòng Đào tạo cấp cho bảng điểm chính thức của một hay nhiều học kỳ đã học để phục vụ cho mục đích riêng. Bảng điểm này ghi kết quả học tập (đạt hoặc không đạt) của tất cả các môn học mà sinh viên đã có đăng ký theo học.
- 19.7. Sinh viên tốt nghiệp sẽ được cấp Bảng điểm tổng kết, ghi lại kết quả toàn bộ quá trình học tập của sinh viên tại Trường theo từng học kỳ.

CHƯƠNG 4

ĐIỀU KIỆN TIẾP TỤC HỌC TẬP – CÁC TRƯỜNG HỢP XỬ LÝ HỌC VỤ

Điều 20 : Các điều kiện để sinh viên được tiếp tục học tập

- 20.1. Kết thúc học kỳ, Trường có trách nhiệm thông báo danh sách sinh viên đủ điều kiện tiếp tục việc học tại Trường.
- 20.2. Điều kiện để sinh viên được tiếp tục học tập:
 - + Còn thời gian học tập tại trường theo Khoản 3.2 Điều 3 Chương 1 - Những quy định chung;
 - + Không bị xử lý buộc thôi học theo Điều 24 Chương 4 - Điều kiện tiếp tục học tập và các trường hợp xử lý học vụ;
 - + Không thuộc diện tạm dừng học tập theo Điều 25 Chương 4 - Điều kiện tiếp tục học tập và các trường hợp xử lý học vụ.
- 20.3. Những sinh viên này được quyền đăng ký môn học cho học kỳ mới, nhận bản chính kết quả đăng ký môn học và được tham gia học tập tiếp tục tại Trường cho học kỳ tương ứng.

Điều 21 : Các hình thức xử lý học vụ

- 21.1. Mỗi năm, Trường sẽ tiến hành hai lần xử lý học vụ vào thời điểm kết thúc học kỳ 1 và kết thúc học kỳ hè. Điểm môn học tích lũy trong học kỳ hè được tích lũy trong học kỳ 2 chính thức của năm học để xem xét xử lý học vụ. Riêng đối với năm học thứ nhất, Trường sẽ tiến hành xử lý học vụ từ cuối học kỳ chính thứ hai.
- 21.2. Các hình thức xử lý học vụ sau:
 - + Cảnh cáo học vụ lần 1 (xem Điều 23 Chương 4 - Điều kiện để sinh viên được tiếp tục học tập);
 - + Cảnh cáo học vụ lần 2 (xem Điều 23 Chương 4 - Điều kiện để sinh viên được tiếp tục học tập);
 - + Buộc thôi học (xem Điều 24 Chương 4 - Điều kiện để sinh viên được tiếp tục học tập).
- 21.3. Ngoài các hình thức trên, các xử lý về học phí khi sinh viên vi phạm quy định đóng học phí của nhà trường sẽ được Hiệu trưởng xem xét ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 22 : Cảnh cáo học vụ

- 22.1. Cảnh cáo học vụ là hình thức cảnh báo đối với sinh viên có kết quả học tập không đạt yêu cầu. Các trường hợp sinh viên bị cảnh cáo học vụ:
 - + Không tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu do Trường quy định cho Khóa – ngành đào tạo ở học kỳ xem xét (xem các văn bản hướng dẫn cụ thể cho từng Khóa – ngành đào tạo của Trường);
 - + Có điểm trung bình học kỳ dưới 3,0 điểm (theo thang điểm 10) ở học kỳ đang xem xét, hoặc điểm trung bình tích lũy của hai học kỳ liên tiếp (học kỳ sát trước và học kỳ đang xem xét) dưới 4,0 điểm (theo thang điểm 10).
- 22.2. Sinh viên đã bị cảnh cáo học vụ lần 1, nếu trong lần xử lý học vụ tiếp theo mà kết quả học tập vẫn không được cải thiện (nghĩa là vẫn tiếp tục vi phạm quy định nói trên) thì sẽ nhận cảnh cáo học vụ lần 2.

- 22.3. Sau lần cảnh cáo lần 2 này nếu kết quả học tập vẫn không được cải thiện sang học kỳ thứ 3 tiếp theo, thì sinh viên sẽ bị đưa vào “Danh sách thuộc diện bị buộc thôi học”.
- 22.4. Các sinh viên bị cảnh cáo học vụ phải liên hệ với cố vấn học tập để được tư vấn về kế hoạch học tập của cá nhân.
- 22.5. Sinh viên sẽ được xóa tên khỏi danh sách cảnh cáo học vụ nếu kết quả học tập ở học kỳ tiếp theo đã được cải thiện, không còn vi phạm các điều nói trên.

Điều 23 : Thôi học, xóa tên, buộc thôi học

23.1. Xin thôi học vì lý do cá nhân:

Trường sẽ ra quyết định cho phép thôi học, xóa tên khỏi danh sách nếu sinh viên có đơn xin thôi học với lý do rõ ràng, hợp lệ. Trường hợp này bao gồm cả các đơn xin đi du học, xin chuyển trường để theo học tại một cơ sở đào tạo khác với lý do chính đáng hoặc khi sinh viên xin thi tuyển sinh và học lại từ đầu.

23.2. Xóa tên trong danh sách – buộc thôi học:

Trường sẽ ra quyết định buộc thôi học và xóa tên khỏi danh sách nếu sinh viên vi phạm một trong những trường hợp sau đây:

- + Đã hết thời gian đào tạo kể cả thời gian kéo dài mà chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp và nhận bằng;
- + Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo đúng quy định của nhà trường;
- + Tự ý bỏ học không lý do - có điểm trung bình học kỳ bằng 0 điểm ở một học kỳ chính;
- + Tạm dừng học tập liên tục quá hai học kỳ chính (không có quyết định cho phép của Hiệu trưởng, không có lý do chính đáng);
- + Vi phạm kỷ luật đến mức phải buộc thôi học;
- + Không tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu do Trường quy định cho Khóa – ngành đào tạo ở học kỳ xem xét (xem các văn bản hướng dẫn cụ thể cho từng Khóa – ngành đào tạo của Trường) và có điểm trung bình học kỳ dưới 1,0 điểm (theo thang điểm 10) ở học kỳ đang xem xét, hoặc điểm trung bình tích lũy của hai học kỳ liên tiếp (học kỳ sát trước và học kỳ đang xem xét) dưới 1,5 điểm (theo thang điểm 10).

23.3. Xử lý học vụ buộc thôi học

Sinh viên bị cảnh cáo học vụ hai lần, nếu ở học kỳ tiếp theo kết quả học tập vẫn không được cải thiện sẽ bị đưa vào “Danh sách sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học”.

Tại mỗi kỳ xử lý học vụ, Hội đồng học vụ Trường sẽ họp để thông qua mức tối thiểu về học lực (điểm trung bình tích lũy và số tín chỉ tích lũy) mà sinh viên phải đạt để xem xét tạm thu nhận lại, đồng thời ấn định thời hạn và thủ tục để sinh viên nộp đơn xin cứu xét tại Phòng Đào tạo (Đơn nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo sau khi có ý kiến đề xuất của Khoa).

Căn cứ theo các thông tin trên, Hội đồng học vụ sẽ xem xét và thông qua danh sách đề nghị xử lý học vụ và Trường sẽ ra quyết định xử lý theo hai hình thức:

- + Xử lý ở mức độ buộc thôi học.
- + Được tạm thu nhận lại một học kỳ để thử thách và sẽ buộc thôi học nếu kết quả học tập vẫn không được cải thiện.

Để được xét theo hình thức thứ 2, sinh viên phải thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- + Kết quả học tập không được thấp hơn mức học lực tối thiểu để xem xét do Hội đồng học vụ quy định cho Khóa – ngành đào tạo của sinh viên;
- + Đã hoàn tất đầy đủ và đúng thời hạn tất cả các thủ tục xin cứu xét tại Phòng Đào tạo và tại Khoa;

- + Được Phòng Đào tạo và Khoa quản lý ngành chấp nhận và có văn bản đề nghị Hiệu trưởng cho tạm thu nhận lại.

Nếu sinh viên không đủ các điều kiện để tạm thời thu nhận lại thì sẽ bị buộc thôi học.

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại Điều 24 Chương 4, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể (xem Khoản 15.6 Điều 15 Chương 3 - Đánh giá kết quả)

Điều 24 : Tạm dừng học tập và thu nhận lại

24.1. Buộc tạm dừng học tập:

Trường ra quyết định buộc tạm dừng học tập cho các sinh viên rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

- + Không làm thủ tục đăng ký môn học theo thời gian quy định cho từng học kỳ (xem Khoản 8.1 Điều 8 Chương 2 - Quy trình Đào tạo);
- + Không đến nhận kết quả đăng ký môn học trong thời hạn quy định cho từng học kỳ - thời khóa biểu bị trả lại cho Phòng Đào tạo và đã bị hủy (xem Khoản 8.1 Điều 8 Chương 2 - Quy trình Đào tạo);
- + Sinh viên đăng ký học hoặc bắt buộc đăng ký học các môn học mà các môn học đó không mở Lớp – môn học trong học kỳ (không có thời khóa biểu);
- + Vi phạm kỷ luật ở mức bị buộc tạm dừng học.

Thời gian sinh viên bị buộc tạm dừng việc học được tính vào tổng thời gian học của sinh viên tại trường.

24.2. Tạm dừng theo yêu cầu của sinh viên:

Sinh viên muốn xin tạm dừng việc học tập trong một học kỳ phải làm đơn trình bày lý do, kèm minh chứng cụ thể, xin ý kiến của giáo viên chủ nhiệm hay cố vấn học tập, nộp đơn cho Phòng Đào tạo xem xét, giải quyết, trình Hiệu trưởng ra quyết định.

Các đơn xin tạm dừng sẽ được chấp thuận nếu sinh viên đã theo học tại trường ít nhất một học kỳ, không thuộc diện bị xử lý học vụ. Các trường hợp khác, sẽ quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

Hiệu trưởng ra quyết định cho phép tạm dừng học tập theo đề xuất của Phòng Đào tạo. Quyết định ghi rõ lý do và thời gian sinh viên được phép tạm dừng cùng các nghĩa vụ liên quan mà sinh viên phải thực hiện.

Thủ tục xử lý tạm dừng tùy thuộc vào lý do xin tạm dừng. Các trường hợp tạm dừng:

24.2.1. Tạm dừng do thi hành nghĩa vụ quân sự

- + Quyết định cho tạm dừng do thi hành nghĩa vụ quân sự không ghi rõ thời gian cho phép tạm dừng. Thời hạn hiệu lực tối đa của hình thức tạm dừng này tuân theo quy định chung ghi trong “Quy chế tuyển sinh vào các trường đại học và cao đẳng hệ chính quy” hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Thời gian tạm dừng để thi hành luật nghĩa vụ quân sự không tính vào thời gian học của sinh viên (xem Khoản 3.2 Điều 3 Chương 1 - Những quy định chung).

24.2.2. Tạm dừng vì các lý do khác

- + Sinh viên chỉ được giải quyết cho tạm dừng một học kỳ. Trong quyết định sẽ ghi rõ ở học kỳ nào cho tạm dừng và thời hạn mà sinh viên phải trình diện để làm thủ tục nhập học lại.

- + Sinh viên tạm dừng học tập phải nhận quyết định tạm dừng và trở về sinh hoạt tại địa phương (nơi có hộ khẩu thường trú) không được tham gia bất cứ hoạt động học tập nào tại Trường. Các thời khóa biểu (nếu có) của sinh viên đều bị hủy bỏ.
- + Thời gian tạm dừng được tính vào tổng thời gian học của sinh viên tại Trường (xem Khoản 3.2 Điều 3 Chương 1 - Những quy định chung).

24.3. Thu nhận lại sinh viên tạm dừng

Sinh viên tạm dừng học tập phải hoàn tất các thủ tục xin thu nhận lại theo đúng thời hạn đã ghi trong quyết định. Hồ sơ xin thu nhận lại phải nộp cho Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định thu nhận. Hồ sơ gồm có:

- + Quyết định cho phép tạm dừng;
- + Đơn xin nhập học lại của sinh viên, có xác nhận của địa phương nơi sinh viên cư trú về quá trình sinh sống tại địa phương của sinh viên trong thời gian tạm dừng.

Quá thời hạn nhập học ghi trong quyết định, sinh viên không đến làm thủ tục nhập học lại, Trường sẽ xem như sinh viên không có nhu cầu theo học tại trường và xử lý như sinh viên tự ý bỏ học. Trong trường hợp, sinh viên có lý do chính đáng chưa thể nhập học lại, phải làm đơn trình bày lý do xin tiếp tục tạm dừng. Thủ tục xử lý như trường hợp xin tạm dừng lần thứ nhất, có lưu ý đến điều kiện thời gian tạm dừng liên tục không được quá hai học kỳ chính.

Trong một số trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ chỉ định một hội đồng để xem xét hồ sơ và làm thủ tục thu nhận lại.

CHƯƠNG 5

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25 : Xử lý sinh viên vi phạm quy chế kiểm tra và thi

- 25.1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.
- 25.2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
- 25.3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

CHƯƠNG 6

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CUỐI KHÓA

Điều 26 : Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

- 26.1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:
 - + Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - + Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo của Khóa – ngành do Hiệu trưởng quy định.

- + Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 điểm theo thang điểm 10 (đạt từ 2,0 điểm theo thang điểm 4) trở lên.
- + Không có học phần không đạt kết quả yêu cầu dưới 5,0 điểm theo thang 10 (dưới 2 điểm theo thang điểm 4).
- + Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;
- + Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

26.2. Sau mỗi học kỳ chính, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 27.1 Điều 27 Chương 6 - Xét và công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng Phòng Công tác Sinh viên.

26.3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27 : Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

27.1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 3,20 đến cận 3,59
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 2,50 đến cận 3,19
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 2,00 đến cận 2,49

27.2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- + Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- + Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

27.3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

27.4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Khoản 27.1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

27.5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn ba năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

- 27.6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 24.2 Điều 24 của Quy chế này.

CHƯƠNG 7

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 28 : Học bổng

28.1. Học bổng bao gồm các loại:

- + Học bổng khuyến khích học tập (HBKK)
- + Học bổng chính sách (HBCS)
- + Học bổng được tài trợ do các tổ chức và cá nhân trao theo những điều kiện và quy định riêng (HBTT)

28.2. Việc thực hiện chế độ học bổng khuyến khích và học bổng chính sách cho sinh viên căn cứ theo các chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định bổ sung của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:

- + Học bổng chỉ được cấp cho sinh viên còn trong thời gian kế hoạch của khóa đào tạo (8 học kỳ với đại học và 6 học kỳ với cao đẳng).
- + Thời gian tạm dừng, thời gian kéo dài việc học và thời gian học lấy bằng thứ hai, sinh viên không được xét cấp học bổng.
- + Học bổng chính sách chỉ được cấp nếu Trường nhận được chỉ tiêu học bổng từ cấp trên và theo quyết định của Hiệu trưởng trên cơ sở hồ sơ của sinh viên được xem là đầy đủ và hợp lệ . Các trường hợp trễ hạn sẽ không được truy lĩnh và cũng chỉ cấp trong thời gian học chính thức tại Trường (8 học kỳ với đại học và 6 học kỳ với cao đẳng).
- + Điều kiện để xét học bổng khuyến khích: Sinh viên đã đăng ký, theo học, dự thi và tích lũy được số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng 90% tổng số tín chỉ theo kế hoạch trong chương trình đào tạo của Khóa - ngành tính theo từng năm học.
- + Học bổng tài trợ được xét cấp theo các tiêu chí của của nhà tài trợ.

28.3. Việc xét cấp các loại học bổng nói trên sẽ do Hội đồng xét học bổng phụ trách, theo một quy trình riêng, có sự tham gia của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Học sinh.

Điều 29 : Học phí

29.1. Học phí được tính theo số tín chỉ và được công bố vào đầu năm theo quyết định của Hiệu trưởng.

29.2. Học phí của các môn học do sinh viên đã đăng ký được thông báo trong bản kết quả đăng ký môn học của từng sinh viên. Sinh viên có trách nhiệm biết và nộp đầy đủ học phí tại Phòng Kế hoạch - Tài chính của Trường theo đúng thời hạn đã quy định.

29.3. Sinh viên muốn xin xét miễn giảm và tạm hoãn đóng học phí phải có hồ sơ xin miễn giảm nộp cho Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên đúng hạn để Trường xem xét và quyết định. Đối với sinh viên thuộc gia đình diện chính sách, diện xóa đói giảm nghèo, việc xét miễn giảm hoặc tạm hoãn đóng học phí được xem xét theo từng học kỳ theo quy trình riêng.

29.4. Việc sinh viên vay Quỹ tín dụng hoặc Ngân hàng phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 30 : Bảo hiểm y tế (BHYT) và Bảo hiểm tai nạn (BHTN)

Để đảm bảo quyền lợi và điều kiện học tập của sinh viên, Nhà trường đề nghị tất cả sinh viên đều đóng bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm tai nạn (BHTN), theo hướng dẫn của Cơ quan bảo hiểm. Ngoài ra cần lưu ý là các cơ sở nhận sinh viên đến thực tập có quyền yêu cầu sinh viên xuất trình thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn khi đến thực tập.

Điều 31 : Điều khoản thi hành

Quy chế này của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được áp dụng bắt buộc cho các khóa đào tạo hệ chính quy theo học chế Tín chỉ. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế này do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

Số: 253-09/QĐ-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về Công tác Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/07/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định trách nhiệm và quyền hạn của hiệu trưởng các trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/05/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Theo đề nghị của Ban triển khai học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về Công tác Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Điều 2: Quy định về Công tác Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và các hoạt động về Cố vấn học tập trong các lớp đào tạo theo học chế tín chỉ.

Điều 3: Trưởng phòng Đào tạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu phòng Đào tạo.

GS, TS. Đào Văn Lượng

QUY ĐỊNH
Công tác Giáo viên chủ nhiệm và Cố vấn học tập
các lớp đào tạo trong hệ thống tín chỉ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 253 – 09/QĐ-DSG-DT, ngày 19/05/2009 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)*

CHƯƠNG 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1 :** Cố vấn học tập là một chức danh có trong quá trình đào tạo theo Hệ thống tín chỉ.
- 1.1. Cố vấn học tập sẽ tư vấn và hỗ trợ cho từng sinh viên nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường. Cố vấn học tập tư vấn giúp sinh viên định hướng ngành nghề, xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực và kỹ năng để đạt yêu cầu của mục tiêu đào tạo cho toàn khóa học cũng như cho bản thân sinh viên.
 - 1.2. Khi chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thống nhất hai chức danh Giáo viên Chủ nhiệm lớp và Cố vấn học tập thành một và gọi tên chung là Cố vấn học tập.
- Điều 2 :** Cố vấn học tập được lựa chọn từ các Giảng viên cơ hữu hoặc cán bộ quản lý đào tạo của trường, theo các tiêu chuẩn sau:
- 2.1. Nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy chế đào tạo, đặc biệt là đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy chế công tác học sinh - sinh viên, các quy định liên quan đến công tác đào tạo, quản lý sinh viên của nhà trường.
 - 2.2. Hiểu biết sâu sắc về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành, cách thức tổ chức, các quy trình quản lý điều hành công tác đào tạo và quản lý sinh viên của trường, hệ thống tổ chức và các mối liên hệ công tác trong trường.
 - 2.3. Có đạo đức, tác phong tốt. Nhiệt tình và có trách nhiệm đối với thế hệ trẻ. Có thời gian để làm công tác với sinh viên.
 - 2.4. Sử dụng thành thạo tin học văn phòng, mạng internet.
- Điều 3 :** Danh sách Cố vấn học tập do Trường khoa lựa chọn, trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận. Khi có sự thay đổi Cố vấn học tập cũng tiến hành theo quy trình trên.
- Điều 4 :** Nhiệm kỳ của Cố vấn học tập được tính theo thời gian đào tạo của khóa - ngành. Kết thúc khóa – ngành đào tạo, Cố vấn học tập bàn giao lại số sinh viên chưa tốt nghiệp (nếu có) cho khoa chủ quản.
- Điều 5 :** Mỗi Cố vấn học tập phụ trách một lớp (nhóm) sinh viên từ 60 đến 100 sinh viên thuộc một khóa – ngành khi tuyển sinh đầu vào hoặc khi phân chuyên ngành đào tạo.

Điều 6 : Cố vấn học tập được cấp một tài khoản trong chương trình đăng ký học để hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên trong lớp đăng ký học, đăng ký thi và các tác nghiệp khác. Khi có sự thay đổi về Cố vấn học tập hoặc kết thúc thời gian đào tạo của khóa – ngành, tài khoản của Cố vấn học tập cũng được thay đổi hoặc kết thúc.

CHƯƠNG 2

NHIỆM VỤ CỦA CỐ VẤN HỌC TẬP

Điều 7 : Những nội dung chính cố vấn cho sinh viên:

- 7.1. Cố vấn cho từng sinh viên về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo của ngành hay chuyên ngành, chuẩn đầu ra của ngành đào tạo;
- 7.2. Cố vấn về việc lựa chọn ngành nghề cho từng sinh viên;
- 7.3. Cố vấn về kế hoạch học tập, tiến độ học tập cho từng sinh viên;
- 7.4. Cố vấn về việc đăng ký môn học từng học kỳ;
- 7.5. Cố vấn về kinh nghiệm học tập, làm bài tập đồ án, tiểu luận, thi cử;
- 7.6. Cố vấn cho các sinh viên bị xử lý học vụ;
- 7.7. Cố vấn về rèn luyện nhân cách và các vấn đề xã hội khác.

Điều 8 : Phối hợp làm việc với các bộ phận chức năng như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, các khoa quản lý sinh viên... trong các vấn đề về học vụ, rèn luyện nhân cách, tổ chức các hoạt động phong trào, hoạt động xã hội, ngoại khóa của sinh viên.

Điều 9 : Theo dõi, đánh giá toàn diện sinh viên trong lớp (nhóm) mình phụ trách về học tập và rèn luyện. Nhận xét và cho điểm rèn luyện của sinh viên trong lớp (nhóm) phụ trách theo mẫu biên bản nhận xét và đề nghị của ban cán sự lớp và chi đoàn.

Điều 10 : Tham gia thảo luận và đề đạt ý kiến tại các phiên họp của các Hội đồng có liên quan đến sinh viên và lớp (nhóm) sinh viên do mình phụ trách về các vấn đề xử lý học vụ, kỷ luật, khen thưởng, xét học bổng, ...

Điều 11 : Thường xuyên liên lạc, nắm rõ tình hình học tập rèn luyện của lớp (nhóm) phụ trách, nhằm kịp thời báo cáo và giải quyết các trường hợp bất thường xảy ra trong sinh viên.

Điều 12 : Định kỳ báo cáo với Trưởng khoa và Hội đồng Cố vấn học tập về tình hình sinh viên của lớp (nhóm) phụ trách.

CHƯƠNG 3

QUYỀN HẠN CỦA CỐ VẤN HỌC TẬP

Điều 13 : Có quyền phản ánh đề đạt ý kiến cá nhân về vấn đề liên quan đến vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quy trình làm việc của Cố vấn học tập hay các vấn đề khác liên quan.

Điều 14 : Tham gia các phiên họp của các hội đồng xử lý học vụ, khen thưởng, kỷ luật, xét tư cách nhận luận văn tốt nghiệp hay thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, xét học bổng ... Có quyền phát biểu, phản biện, nhận xét, đề xuất ý kiến với hội đồng đối với các sinh viên do mình phụ trách.

Điều 15 : Được các bộ phận chức năng trong trường cung cấp các thông tin cần thiết để phục vụ công tác cố vấn cho sinh viên bằng các tài liệu, văn bản, dữ liệu, thông tin trên mạng, trên Website của trường (gọi chung là tài liệu cho Cố vấn học tập) liên quan đến các sinh viên mình phụ trách.

Điều 16 : Được hưởng một số chế độ:

16.1. Giảm 20% khối lượng giờ nghỉ vụ;

16.2. Được hưởng phụ cấp trách nhiệm tùy theo số lượng sinh viên phụ trách và chất lượng công việc đã hoàn thành được quy định cụ thể tại Quy định về phụ cấp giảng dạy cho thỉnh giảng và cơ hữu của trường. Phòng Đào tạo căn cứ khối lượng và chất lượng công việc đã hoàn thành để tính phụ cấp và Phòng Kế hoạch – Tài chính thanh toán phụ cấp này vào cuối mỗi học kỳ.

16.3. Được xem xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng, được lưu ý khi xét nâng bậc, nâng lương, xét chức danh học hàm, học vị và đề cử đi học tập bồi dưỡng nếu hoàn thành có chất lượng nhiệm vụ Cố vấn học tập.

CHƯƠNG 4 HOẠT ĐỘNG CỦA CỐ VẤN HỌC TẬP

Điều 17 : Hội đồng Cố vấn học tập:

17.1. Hội đồng Cố vấn học tập gồm toàn thể các Cố vấn học tập đương nhiệm và một số cán bộ liên quan do Hiệu trưởng bổ nhiệm.

17.2. Ban thường trực Hội đồng Cố vấn học tập gồm:

- + Chủ tịch: Hiệu trưởng hay Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo
- + Phó chủ tịch thường trực: Trưởng Phòng Đào tạo
- + Ủy viên thường trực: Trưởng Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên
- + Các ủy viên là trưởng nhóm Cố vấn học tập tại các khoa, Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội sinh viên trường.

Điều 18 : Nhiệm vụ của Hội đồng Cố vấn học tập là tổ chức, định hướng và hướng dẫn các hoạt động Cố vấn học tập. Tư vấn cho Hiệu trưởng các vấn đề phát sinh về đào tạo và quản lý sinh viên.

Điều 19 : Cố vấn học tập chịu sự quản lý của Trưởng khoa về hành chính. Chịu sự hướng dẫn và tổ chức công việc cố vấn của Hội đồng Cố vấn học tập. Các Cố vấn học tập cũng thường xuyên làm việc cùng Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên để thực thi nhiệm vụ.

Điều 20 : Cố vấn học tập cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

20.1. Coi sinh viên là trung tâm của nhà trường, trung tâm của quá trình đào tạo. Phải luôn quan tâm đến lợi ích chính đáng của sinh viên, không làm điều gì gây thiệt hại cho sinh viên.

- 20.2. Trong quyền hạn cho phép, phải làm hết sức mình để giúp đỡ sinh viên hoặc hướng dẫn họ tìm đến sự giúp đỡ của những người khác.
- 20.3. Có hành động cư xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp, có tư cách đạo đức tốt để làm gương cho sinh viên.

Điều 21 : Cố vấn học tập cần phải nắm vững các tài liệu, văn bản sau:

- (1) “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- (2) “Quy chế công tác học sinh – sinh viên trong các trường đào tạo”, ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/ QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- (3) “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, ban hành kèm theo Quyết định số 115 – 09/QĐ-DSG-ĐT, ngày 18 tháng 03 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;
- (4) “Quy chế giảng dạy”, ban hành kèm theo Quyết định số 214– 09/QĐ-DSG-ĐT, ngày 20 tháng 04 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;
- (5) Quy định về Công tác cố vấn học tập;
- (6) Niên giám của trường;
- (7) Sổ tay sinh viên;
- (8) Biểu đồ giảng dạy và học tập hàng năm của toàn trường;
- (9) Chương trình đào tạo của ngành hoặc nhóm ngành;
- (10) Kế hoạch giảng dạy của khoa, Khóa - ngành, học kỳ và của từng chuyên ngành;
- (11) Kế hoạch và chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên.
- (12) Các thông báo cập nhật của trường, của khoa, của Phòng Đào tạo và các Phòng ban khác về học vụ và các hoạt động ngoại khóa;
- (13) Quy trình đăng ký môn học;
- (14) Phiếu đăng ký môn học và hướng dẫn đăng ký môn học (do Phòng Đào tạo phát hành);
- (15) Kết quả đăng ký môn học và Thời khóa biểu của từng sinh viên trong lớp.

Cố vấn học tập có trách nhiệm tập hợp đầy đủ các tài liệu và hồ sơ nêu trên (được cung cấp, theo dõi thông tin, thường xuyên liên hệ Văn phòng khoa, Phòng Đào tạo để nắm thông tin ...). Ngoài ra, Cố vấn học tập cần phải lưu trữ đầy đủ bảng kết quả học tập của sinh viên ở các học kỳ trước đó, kể các học kỳ hè, các biên bản ký nhận bàn giao bảng điểm, phiếu đăng ký, kết quả đăng ký, bảng điểm rèn luyện ... của Cố vấn học tập với Phòng Đào tạo và với từng sinh viên trong lớp.

Điều 22 : Hoạt động tư vấn về học tập của Cố vấn học tập

- 22.1. Trao đổi và hướng dẫn cho sinh viên tìm hiểu chương trình đào tạo của khóa – ngành và cách lựa chọn môn học.
- 22.2. Thảo luận và hướng dẫn sinh viên cách chọn ngành chính, ngành phụ, chuyên ngành và vạch kế hoạch học tập cho phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo và chuẩn đầu ra của trường.
- 22.3. Hướng dẫn cho sinh viên cách đăng ký môn học cho từng học kỳ.
- 22.4. Theo dõi việc đăng ký học tập của sinh viên sao cho phù hợp với quy định của trường.
- 22.5. Tư vấn việc đăng ký môn học của sinh viên nếu phát hiện thấy có môn học chưa hợp lý.
- 22.6. Hướng dẫn sinh viên về kinh nghiệm, phương pháp học tập và nghiên cứu

- 22.7. Thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên để động viên hoặc điều chỉnh khi cần. Hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập.
- 22.8. Nhắc nhở (cảnh báo) sinh viên khi thấy kết quả học tập của họ giảm sút.
- 22.9. Ký các đơn từ của sinh viên trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của Cố vấn học tập khi sinh viên yêu cầu
- 22.10. Giải thích cho sinh viên về cách tính điểm trung bình, số tín chỉ tích lũy của Phòng Đào tạo.
- 22.11. Hướng dẫn cho sinh viên những vấn đề liên quan đến học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, kể cả xu hướng nghề nghiệp và tuyển dụng của thị trường lao động.

Điều 23 : Hoạt động tư vấn về các lĩnh vực khác của Cố vấn học tập

- 23.1. Hướng dẫn sinh viên thực hiện các quy định về sinh hoạt của trường và của cộng đồng.
- 23.2. Bàn bạc và góp ý về các vấn đề cá nhân như: vệ sinh, sức khỏe, tinh thần và thể lực.
- 23.3. Bàn bạc và góp ý về các vấn đề xã hội như rèn luyện bản thân, kết bạn ...
- 23.4. Trao đổi, góp ý về việc phát triển nhân cách, hành vi và đạo đức.
- 23.5. Trao đổi, góp ý kiến về các vấn đề nghề nghiệp như: đặc tính nghề nghiệp, tình trạng môi trường làm việc, thị trường làm việc ...
- 23.6. Hướng dẫn sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa.

Điều 24 : Các hoạt động khác để hỗ trợ sinh viên của Cố vấn học tập

- 24.1. Phối hợp với các giảng viên môn học, các đơn vị liên quan như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Ký túc xá, Thư viện ... để giúp đỡ và tạo điều kiện cho sinh viên học tập tốt (học bổng, làm thêm ngoài giờ, xin lưu trú ký túc xá, phụ đạo thêm ...).
- 24.2. Xây dựng mối quan hệ thân thiện và hiểu biết lẫn nhau giữa sinh viên, giảng viên các môn học, tập thể lớp, khoa và nhà trường.
- 24.3. Thu thập tư liệu và lập hồ sơ lớp (nhóm) sinh viên phụ trách: họ và tên sinh viên, bố mẹ sinh viên, địa chỉ của bố mẹ sinh viên, nơi thường trú, cư trú của bố mẹ sinh viên, nơi ngoại trú hoặc nội trú của sinh viên, số điện thoại, email liên hệ (nếu có), ...
- 24.4. Xem xét các yêu cầu của sinh viên để tư vấn và giải quyết đúng theo quy định của trường. Viết giấy giới thiệu hoặc bút phê vào đơn của sinh viên nếu họ có yêu cầu đi gặp những người khác để được nhận tư vấn hoặc giúp đỡ.

Điều 25 : Các chức trách của Cố vấn học tập

- 25.1. Tham gia đầy đủ hội nghị Cố vấn học tập do nhà trường tổ chức.
- 25.2. Nhận hồ sơ tài liệu từ Hội đồng Cố vấn học tập, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Học sinh – Sinh viên. Nghiên cứu các hồ sơ tài liệu để nắm được quy chế, quy định của nhà trường, các biện pháp thực thi nhiệm vụ cố vấn và cách hướng dẫn cho sinh viên.
- 25.3. Quan tâm theo dõi các nguồn thông tin, tư liệu ở trong trường để vận dụng trong hoạt động hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên. Thường xuyên quan tâm theo dõi tin tức chính trị, xã hội để nắm bắt tình hình nhanh nhạy, kịp thời.
- 25.4. Thường xuyên trau dồi, tu dưỡng bản thân về cả kỹ năng nghiệp vụ cố vấn lẫn các mặt khác.
- 25.5. Niêm yết thời gian biểu ở nơi làm việc để sinh viên có thể đến gặp ít nhất hai tuần một lần, mỗi lần ít nhất 30 phút. Thông báo lịch tiếp sinh viên (thời gian, địa điểm, số điện thoại, Email) để họ có thể thường xuyên liên lạc hoặc gặp gỡ trao đổi và nhận ý kiến tư vấn.
- 25.6. Phải ghi nhật trình gặp gỡ sinh viên.

- 25.7. Tổ chức gặp gỡ tất cả số sinh viên mà mình phụ trách vào trước ngày đăng ký học ở học kỳ đầu tiên, nhằm làm quen và thống nhất với nhau về phương pháp làm việc, chế độ công tác...
- 25.8. Tổ chức gặp gỡ tất cả số sinh viên mà mình phụ trách khi đã biết kết quả thi giữa học kỳ để tìm hiểu và giải quyết những vấn đề nảy sinh đối với sinh viên.
- 25.9. Lập sổ theo dõi quản lý sinh viên theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và cả quá trình học tập, rèn luyện tại trường để làm cơ sở phân loại, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên theo quy định. Quy trình cụ thể và các loại biểu mẫu dùng trong công tác nhận xét đánh giá sinh viên sẽ do Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên hướng dẫn.
- 25.10. Chủ trì cuộc họp đánh giá điểm rèn luyện cho sinh viên, lớp (nhóm) phụ trách trong từng học kỳ theo đúng quy định và phải đảm bảo chính xác, công bằng, dân chủ và công khai.
- 25.11. Thông báo kịp thời tới gia đình sinh viên những thông tin cần thiết về học tập và rèn luyện của sinh viên khi kết thúc học kỳ chính.
- 25.12. Phải đặc biệt quan tâm đối với sinh viên trong "diện đặc biệt" hoặc "có vấn đề".
- 25.13. Nhắc nhở sinh viên nộp tiền học phí, tiền nội trú và các khoản lệ phí khác đúng quy định.
- 25.14. Báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng cố vấn khi hết một học kỳ, phải xin ý kiến của Hội đồng Cố vấn học tập khi gặp khó khăn trong việc tư vấn, hướng dẫn sinh viên.
- 25.15. Gửi trả hồ sơ cá nhân sinh viên và hồ sơ lớp (nhóm) sinh viên khi họ đã tốt nghiệp khóa học cho Hội đồng Cố vấn học tập hay Khoa quản lý sinh viên.
- 25.16. Bàn giao đầy đủ và kịp thời hồ sơ và tình hình lớp (nhóm) sinh viên phụ trách khi phải chuyển giao nhiệm vụ Cố vấn học tập cho giảng viên khác.

Điều 26 : Nhiệm vụ của sinh viên đối với Cố vấn học tập

- 26.1. Sinh viên phải đến gặp để trao đổi ý kiến với Cố vấn học tập của mình khi gặp các vướng mắc trong học tập hay trong cuộc sống riêng tư. Thông thường sinh viên đến gặp Cố vấn học tập của mình theo lịch đã thông báo, nhưng trong trường hợp đột suất có thể liên hệ hẹn gặp.
- 26.2. Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi sinh hoạt lớp do Cố vấn học tập tổ chức, dù sinh viên có đăng ký học các lớp môn học khác nhau thì đúng buổi đó vẫn phải tập trung về lớp cũ để sinh hoạt. Cố vấn học tập phải điểm danh và ghi biên bản buổi họp để nộp cho Khoa.
- 26.3. Sinh viên phải chú ý lắng nghe hướng dẫn và nhắc nhở của Cố vấn học tập của mình.
- 26.4. Sinh viên phải thường xuyên đọc thông báo của nhà trường nhất là các thông báo của phòng Đào tạo trên các bảng tin và Website của trường

Điều 27 : Hướng dẫn nội dung họp giữa Cố vấn học tập và lớp sinh viên

27.1. Đối với các lớp năm thứ nhất, cuộc họp đầu tiên của học kỳ chính thứ nhất:

- (1) Đọc quyết định thành lập Ban cán sự lớp (Danh sách ban cán sự lớp do Cố vấn học tập đề nghị, được sự đồng ý của Ban Chủ nhiệm Khoa, chuyển Phòng Đào tạo ra quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt). Phân công nhiệm vụ Ban cán sự lớp, làm rõ mối quan hệ công tác giữa Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp và lớp. Giải thích cho sinh viên rõ về vai trò, nhiệm vụ, cách làm việc của sinh viên đối với Cố vấn học tập;
- (2) Phổ biến cho sinh viên biết những vấn đề cơ bản về bộ máy tổ chức của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành công tác đào tạo và quản lý sinh viên của trường;
- (3) Hướng dẫn nội dung cơ bản của các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường liên quan đến sinh viên;
- (4) Phổ biến những nét cơ bản cần lưu ý về phương pháp học tập, phương pháp nghiên cứu khoa học ở bậc đại học trong những năm học tập tại Trường.

- (5) Phổ biến các công việc theo yêu cầu quản lý của Trường, của khoa và phòng ban khác có liên quan đến lớp (nếu có).

27.2. Đối với các lớp từ năm thứ hai, cuộc họp đầu tiên của học kỳ chính thứ nhất

- (1) Tổ chức Đại hội lớp, báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động của năm học, bầu ban cán sự lớp, phân công trong ban cán sự lớp.
- (2) Phổ biến những cập nhật sửa đổi trong các quy định hiện hành (nếu có).
- (3) Phổ biến các công việc theo yêu cầu quản lý của Trường, của khoa và phòng ban khác có liên quan đến lớp (nếu có).

27.3. Cuộc họp hàng tháng

- (1) Tình hình chấp hành quy định về học tập (việc lên lớp, làm bài tập, đồ án, tự học, kiểm tra, thi hết môn, thi lại...).
- (2) Tình hình chấp hành quy định về công tác sinh viên, quy định nội trú, ngoại trú.
- (3) Các công việc theo yêu cầu quản lý của Trường, của khoa và phòng ban khác có liên quan đến lớp (nếu có).
- (4) Riêng cuộc họp lớp vào cuối học kỳ chính có thêm nội dung xét điểm rèn luyện của sinh viên.

27.4. Cuộc họp trước thời điểm đăng ký học tập

- (1) Cố vấn học tập phải triệu tập sinh viên thuộc trách nhiệm quản lý của mình để bàn bạc và hướng dẫn việc đăng ký môn học trước thời điểm sinh viên chính thức đăng ký môn học.
- (2) Cố vấn học tập phải thực hiện hướng dẫn từng bước quy trình đăng ký môn học mà Phòng Đào tạo phổ biến. Ví dụ: thời gian đăng ký, mã số môn học, tên môn học, lớp học, đơn vị tín chỉ, ... theo quy định trong phiếu đăng ký.
- (3) Ngoài cuộc họp về việc đăng ký môn học, khi cần thiết, sinh viên có thể liên hệ với Cố vấn học tập để xin tư vấn thêm về việc đăng ký môn học, tăng hoặc giảm môn học đăng ký, ...

CHƯƠNG 5 HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ SỬA ĐỔI

Điều 28 : Hiệu lực thi hành

- 28.1. Bản quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.
- 28.2. Những quy định trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 29 : Hiệu lực sửa đổi

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có những vấn đề không phù hợp, Phòng Đào tạo có trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng để xem xét bổ sung hoặc sửa đổi.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS. TS. Đào Văn Lượng

Số: 251-09/QĐ-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/07/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định trách nhiệm và quyền hạn của hiệu trưởng các trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/05/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 115-09/QĐ-DSG-ĐT ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này nội dung Chuẩn đầu ra của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Điều 2: Chuẩn đầu ra này bắt đầu được áp dụng cho bậc Đại học thuộc hệ đào tạo chính quy của Trường từ khóa tuyển sinh năm học 2009 - 2010.

Điều 3: Nội dung tóm tắt của Chuẩn đầu ra được dùng trong các văn bản công bố về sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ của Nhà trường và dùng để trao đổi thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước.

Nội dung cụ thể của Chuẩn đầu ra của Trường và của các ngành đào tạo được dùng để định hướng xây dựng Chương trình đào tạo, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Nội dung này cũng được dùng để giới thiệu hướng nghiệp và phục vụ tuyển sinh.

Điều 4: Các khoa, phòng và ban chức năng của Trường có trách nhiệm phối hợp tổ chức công bố và phổ biến Chuẩn đầu ra trong thời gian sớm nhất.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông/bà Trường/phó các khoa, phòng, ban, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và sinh viên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- HDQT (để báo cáo);
- Như điều 5;
- Cơ quan Báo, Đài, Mạng;
- Lưu VPHT, HCQT và PĐT.

(Đã ký)

GS, TS. Đào Văn Lượng

CHUẨN ĐẦU RA

Các ngành đào tạo Đại học hệ chính quy tập trung

(Ban hành kèm theo Quyết định số 251-09/QĐ-DSG-ĐT, ngày 18/05/2009 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

I. TÓM TẮT:

Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU) có kiến thức hiện đại, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc, có khả năng lao động sáng tạo, có tư duy độc lập và nhạy bén, có năng lực giải quyết các vấn đề về kinh tế, kỹ thuật thuộc lĩnh vực được đào tạo, có khả năng thích ứng cao với những biến động của thị trường lao động, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và có khả năng học tiếp lên bậc cao hơn.

Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU) tùy theo lĩnh vực được đào tạo, có thể làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý, nghiên cứu, đào tạo... thuộc những lĩnh vực và thành phần kinh tế tương ứng.

II. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA TRƯỜNG:

Chuẩn đầu ra của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thể hiện ở năm (05) yêu cầu mà Nhà trường đặt ra và cam kết với xã hội cũng như với người học là sẽ trang bị cho người học trong quá trình đào tạo. Năm yêu cầu này là cụ thể hóa mục tiêu đào tạo và sứ mạng phục vụ của Nhà trường, đó là: kiến thức, kỹ năng, năng lực, đạo đức hành vi và vị trí làm việc sau khi ra trường.

1. Về kiến thức:

Có kiến thức nền tảng cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp theo hướng ứng dụng đủ để khi ra trường có thể làm việc được ngay, đáp ứng với nhu cầu của xã hội theo ngành nghề đào tạo, đồng thời có thể đi sâu làm công tác nghiên cứu hoặc học tiếp lên các bậc cao hơn, cụ thể là:

- Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, pháp luật và quản lý;
- Có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và khoa học môi trường;
- Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn TOEIC từ 350 đến 400 điểm;
- Có kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành theo nội dung của Chương trình đào tạo tương ứng.

2. Về kỹ năng:

- Nắm vững và sử dụng tốt kỹ năng truyền thông (thông tin, truyền thông và tin học);
- Có khả năng vận hành, sử dụng, bảo trì các công cụ, phương tiện, máy móc, thiết bị của ngành nghề thuộc lĩnh vực được đào tạo;
- Có kỹ năng ngoại ngữ để làm tốt công việc chuyên môn, quản lý hoặc giao tiếp thông thường với các đối tác nước ngoài;
- Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử tốt;
- Có kỹ năng làm việc đội nhóm thành thạo;
- Có kỹ năng nghiệp vụ đạt yêu cầu của ngành nghề đào tạo.

- 3. Về năng lực:**
 - Có năng lực nhận thức vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo;
 - Có năng lực tư duy, suy nghĩ sáng tạo, dám nghĩ dám làm;
 - Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo đội nhóm, tập thể làm công tác chuyên môn;
 - Có năng lực thiết kế máy móc, sản phẩm, công trình đối với các ngành công nghệ;
 - Có năng lực đề hoạch định, xây dựng kế hoạch công tác, quy trình công nghệ, chiến lược kinh doanh... thuộc lĩnh vực được đào tạo.
- 4. Về đạo đức và hành vi:**
 - Có lòng yêu ngành nghề, có hoài bão;
 - Nỗ lực, chịu khó, có ý chí vươn lên;
 - Chấp hành tốt luật pháp, nội quy, quy trình công tác;
 - Trung thực, khiêm tốn, có đạo đức nghề nghiệp;
 - Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ cao đối với đơn vị và cộng đồng, đối với môi trường và đất nước.
- 5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:**
 - Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, quản lý, đào tạo ... thuộc mọi thành phần kinh tế;
 - Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, quản lý, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực được đào tạo.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

III.1. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM:

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.201 và DSGB.201]

- 1. Về kiến thức:**
 - Hiểu biết đầy đủ về ngành nghề thực phẩm, được trang bị các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở về khoa học, kỹ thuật công nghệ và quản lý thực phẩm, nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị về dinh dưỡng, an toàn, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng trong điều kiện kinh tế xã hội của đất nước.
- 2. Về kỹ năng:**
 - Có khả năng liên kết các quan hệ trong hệ thống kỹ thuật công nghệ thực phẩm để có thể lập kế hoạch, làm việc nhóm và quản lý trong lĩnh vực phát triển sản phẩm, sản xuất và dịch vụ thực phẩm.
- 3. Về năng lực:**
 - Có năng lực làm việc độc lập;
 - Có năng lực tư duy, sáng tạo;
 - Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo đội nhóm;
 - Có năng lực quản lý và vận dụng quy trình công nghệ, thiết bị kỹ thuật thích hợp và tiên tiến;
 - Có năng lực quản lý sản xuất hợp lý nhằm đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.
- 4. Về đạo đức và hành vi:**
 - Có phẩm chất đạo đức và sức khỏe, có tinh thần hướng nghiệp, yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư Công nghệ Thực phẩm có thể đảm nhiệm các công việc tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, đào tạo, nghiên cứu và quản lý thực phẩm;
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực công nghệ thực phẩm.

III.2. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.101 và DSGD1.101]

1. Về kiến thức:

- Có kiến thức chuyên môn về Công nghệ thông tin, có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề: phân tích, thiết kế các hệ thống tin học cỡ vừa và nhỏ, thiết kế và thực hiện các phần mềm, có kiến thức vững vàng trong lập trình, triển khai và quản trị các mạng nội bộ;
- Sinh viên tốt nghiệp có thể giao tiếp và xử lý các nghiệp vụ trong môi trường làm việc quốc tế.

2. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng lập trình và khả năng làm việc nhóm;
- Có khả năng vận hành, sử dụng và bảo trì các máy móc, thiết bị liên quan đến Công nghệ thông tin;
- Có khả năng giao tiếp trong môi trường làm việc quốc tế;
- Nắm vững và sử dụng tốt kỹ năng truyền thông.

3. Về năng lực:

- Có năng lực làm việc độc lập;
- Có năng lực tư duy, suy nghĩ sáng tạo;
- Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo nhóm lập trình;
- Có năng lực phát hiện các vấn đề về Tin học.

4. Về đạo đức và hành vi:

- Chấp hành quy định pháp luật của nhà nước, nội quy của cơ quan;
- Yêu nghề và có hoài bão vươn lên;
- Nỗ lực, cần cù;
- Có trách nhiệm và nghĩa vụ với đơn vị, với cộng đồng, với đất nước và với bản thân.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo ... thuộc thành phần kinh tế tương ứng;
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, quản lý, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực được đào tạo.

III.3. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH CƠ - ĐIỆN TỬ:

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.103]

1. Về kiến thức:

Có kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên môn tốt, biết ứng dụng kiến thức nghề nghiệp đào tạo vào thực tế sản xuất, và có thể học tập nâng cao nghề nghiệp, làm công tác nghiên cứu hoặc học tiếp lên các bậc cao hơn. Cụ thể là:

- Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, pháp luật và quản lý;
 - Có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và khoa học môi trường;
 - Nắm vững kiến thức cơ sở ngành đào tạo.
- 2. Về kỹ năng:**
- Nắm vững và sử dụng tốt kỹ năng truyền thông (thông tin, truyền thông và tin học);
 - Có khả năng vận hành, sử dụng, bảo trì các công cụ, phương tiện, máy móc, thiết bị của ngành Cơ - điện tử;
 - Có khả năng tham khảo các tài liệu kỹ thuật và giao tiếp trong chuyên môn bằng tiếng Anh;
 - Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt với đồng nghiệp và các đối tác.
- 3. Về năng lực:**
- Có năng lực nhận thức vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo;
 - Có năng lực tư duy, sáng tạo gắn liền với thực tế sản xuất và cuộc sống;
 - Có năng lực hoạch định, xây dựng kế hoạch công tác, quy trình công nghệ, chiến lược kinh doanh... thuộc lĩnh vực được đào tạo;
 - Có năng lực triển khai thực hiện các công trình, nghiên cứu cải tiến sản phẩm và tổ chức quản lý đơn vị.
- 4. Về đạo đức và hành vi:**
- Là công dân tốt;
 - Có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, kiên trì và có ý chí tiến thủ;
 - Khiêm tốn, trung thực và gắn bó với đồng nghiệp;
 - Có tinh thần cởi mở và có sức khỏe tốt.
- 5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:**
- Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo ... thuộc thành phần kinh tế tương ứng với tư cách một kỹ sư hoặc một nhà quản lý.

III.4. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐIỆN – ĐIỆN TỬ chuyên ngành ĐIỆN CÔNG NGHIỆP [Mã ngành tuyển sinh: DSGA.105]

1. Về kiến thức:

Có nền tảng kiến thức cơ bản cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, và ứng dụng trong ngành đủ để ra trường làm việc được ngay trong ngành Điện công nghiệp, có thể tự nghiên cứu hoặc học lên ở bậc cao hơn, cụ thể như sau:

- Nắm vững các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành như Anh văn giao tiếp và Anh văn chuyên ngành Điện, Tin học cơ bản, Tin học chuyên ngành và lập trình ứng dụng với các ngôn ngữ lập trình C/C++ và Matlab, kiến thức cơ bản về Điện, Điện tử và Điện tử số, kiến thức về phân tích, thiết kế và chế tạo các mạch điện, mạch điện tử, mạch điện tử số, kiến thức về sử dụng, lắp ráp, vận hành và cài đặt các thiết bị linh kiện Điện và Điện tử, phân tích và thiết kế các hệ thống điều khiển tự động trong công nghiệp.
- Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành như vi xử lý và lập trình ứng dụng vi xử lý, PLC và lập trình ứng dụng PLC, cảm biến và đo lường, điện tử công suất và truyền động điện, kỹ thuật điện, máy điện, thiết bị điện và hệ thống điện, kiến thức về vận hành, lắp đặt, bảo trì và bảo hành mạng lưới điện trong xí nghiệp, nhà máy và cơ quan.
- Nắm vững các kiến thức chuyên sâu và ứng dụng trong ngành điện như phân tích, thiết kế cấu tạo mạng lưới điện, nguyên lý hoạt động và các phương pháp vận hành

các thiết bị điện trong lĩnh vực dân dụng và công nghiệp, phân tích, thiết kế, tính toán và thi công hệ thống cung cấp điện theo các họ tiêu thụ trong dân dụng và trong công nghiệp, kiến thức về tạo năng lượng điện có quy ước và không có quy ước.

2. Về kỹ năng:

- Nắm vững và sử dụng tốt các công cụ tin học trong chuyên ngành điện và điện tử để thiết kế, tính toán và giải quyết các bài toán lớn phức tạp trong ngành điện và điện tử;
- Có khả năng lập trình ứng dụng, vận hành, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa và sử dụng tốt các thiết bị điện, điện tử và máy điện trong nhà máy, xí nghiệp;
- Có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ Anh văn trong chuyên ngành điện và điện tử như đọc tài liệu, giao tiếp trong công việc chuyên môn;
- Có khả năng phân tích, thiết kế, tính toán và thi công các hệ thống cung cấp điện, hệ thống chiếu sáng và hệ tự động hóa trong nhà máy và xí nghiệp;
- Có khả năng vận hành các thiết bị điện trong các mạng lưới điện của hệ thống điện lực quốc gia;
- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm khi thiết kế, thi công và vận hành.

3. Về năng lực:

- Có năng lực nhận thức vấn đề nhanh nhất là các vấn đề liên quan đến ngành điện;
- Có năng lực tư duy sáng tạo trong quá trình phân tích, thiết kế, tính toán và thi công các hệ thống liên quan về điện và điện tử, dám nghĩ dám làm để thực hiện những gì mình đã tư duy;
- Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo đội nhóm, tập thể làm công tác chuyên môn về điện và điện tử;
- Có năng lực phân tích, thiết kế và chế tạo ra sản phẩm điện, điện tử, thi công các công trình điện, tổ chức kinh doanh các sản phẩm và các công trình đã làm ra;
- Có năng lực để hoạch định, xây dựng kế hoạch công tác, quy trình công nghệ, chiến lược kinh doanh trong ngành điện và điện tử.

4. Về đạo đức và hành vi:

- Có lòng yêu ngành nghề mà mình đã được đào tạo, có ý chí và hoài bão vươn lên;
- Nỗ lực, chịu khó và cần cù trong công việc, chịu khó học hỏi đồng nghiệp và thường xuyên rèn luyện mình để đuổi kịp thời đại phát triển của công nghệ;
- Chấp hành tốt pháp luật và nội quy, qui chế trong nghề nghiệp, trong đơn vị và cơ quan mình đang công tác;
- Có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng sự, có tác phong công nghiệp;
- Trung thực, khiêm tốn và có đạo đức nghề nghiệp;
- Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ cao với đơn vị, với cộng đồng, với môi trường và với đất nước.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Sinh viên tốt nghiệp ngành điện công nghiệp có thể ra làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo thuộc ngành nghề điện và điện tử;
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh điện và điện tử, có thể làm dịch vụ về điện và điện tử, nghiên cứu phát triển trong ngành điện, quản lý, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực điện và điện tử.

III.5. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.10]

1. Về kiến thức:

Sinh viên ngành Điều khiển tự động được trang bị nền tảng kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, cơ sở chuyên ngành, chuyên sâu và ứng dụng trong ngành nhằm giúp sinh viên đủ để ra trường làm việc được ngay trong lĩnh vực kỹ thuật Điều khiển tự động và Tự động hóa, tự nghiên cứu hoặc học lên ở bậc cao hơn cụ thể như sau:

- Nắm vững các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, Anh văn giao tiếp và Anh văn chuyên ngành Điện - Điện tử, Tin học cơ bản, Tin học chuyên ngành và Lập trình ứng dụng với các ngôn ngữ lập trình C/C++ và Matlab, kiến thức cơ bản về Điện, Điện tử và Điện tử số, kiến thức về phân tích, thiết kế và chế tạo các mạch điện, mạch điện tử, mạch điện tử số, kiến thức về sử dụng, lắp ráp, vận hành và cài đặt các thiết bị linh kiện Điện và Điện tử, phân tích và thiết kế các hệ thống điều khiển trong công nghiệp;
- Nắm vững các kiến thức về cơ sở ngành như vi điều khiển và lập trình ứng dụng điều khiển, PLC và lập trình ứng dụng PLC, cảm biến và đo lường, điện tử công suất và truyền động điện, mô hình mô phỏng, thiết bị điều khiển tự động;
- Nắm vững các kiến thức chuyên sâu và ứng dụng trong lĩnh vực kỹ thuật điều khiển và tự động hóa như phân tích và thiết kế các hệ thống điều khiển nâng cao cụ thể là hệ thống điều khiển rời rạc, điều khiển phi tuyến, điều khiển tối ưu, phân tích và thiết kế các hệ thống điều khiển quá trình công nghiệp, phân tích, thiết kế và chế tạo Robot công nghiệp, phân tích và thiết kế các hệ thống điều khiển thông minh, hệ thống giám sát và điều khiển SCADA với những khả năng ứng dụng cụ thể.

2. Về kỹ năng:

- Nắm vững và sử dụng tốt các công cụ tin học trong chuyên ngành điều khiển tự động, tự động hóa để thiết kế, tính toán và giải quyết các bài toán lớn phức tạp trong ngành kỹ thuật điều khiển;
- Có khả năng lập trình ứng dụng trong lĩnh vực điều khiển tự động và tự động hóa quá trình, vận hành, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa và sử dụng tốt các thiết bị điện, điện tử và các thiết bị điều khiển tự động trong các dây chuyền sản xuất tự động hóa tại các nhà máy, xí nghiệp;
- Có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ Anh văn trong chuyên ngành điện, điện tử và điều khiển tự động như đọc tài liệu, giao tiếp trong công việc chuyên môn;
- Có khả năng phân tích, thiết kế, tính toán và thi công các hệ thống điều khiển tự động trong công nghiệp, điều khiển quá trình, điều khiển thông minh, hệ thống điều khiển và giám sát, thiết kế và chế tạo robot công nghiệp;
- Có khả năng làm việc, vận hành các thiết bị điện tự động trong các dây chuyền sản xuất tự động tại các nhà máy và xí nghiệp;
- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm khi thiết kế, thi công và vận hành hệ thống điều khiển và tự động hóa.

3. Về năng lực:

- Có năng lực nhận thức vấn đề nhanh, nhất là các vấn đề có liên quan đến điều khiển và qui trình sản xuất tự động hóa;
- Có năng lực tư duy sáng tạo trong quá trình phân tích, thiết kế, tính toán và thi công các hệ thống điều khiển, dám nghĩ dám làm để thực hiện những gì mình đã tư duy;
- Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo đội nhóm, tập thể làm công tác chuyên môn về lĩnh vực điều khiển và tự động hóa;

- Có năng lực phân tích, thiết kế và chế tạo ra các sản phẩm robot công nghiệp, phân tích và thiết kế các hệ thống điều khiển, tổ chức kinh doanh các sản phẩm và các công trình đã làm ra;
- Có năng lực đề hoạch định, xây dựng kế hoạch công tác, quy trình công nghệ, chiến lược kinh doanh trong ngành điều khiển và tự động hóa.

4. Về đạo đức và hành vi:

- Có lòng yêu ngành nghề mà mình đã được đào tạo, có ý chí và hoài bão vươn lên;
- Nỗ lực, chịu khó và cần cù trong công việc, chịu khó học hỏi đồng nghiệp và thường xuyên rèn luyện mình để theo kịp thời đại và sự phát triển của công nghệ tự động hóa;
- Chấp hành tốt pháp luật, chấp hành nội qui, qui chế trong nghề nghiệp, trong đơn vị và cơ quan mình đang công tác đề ra;
- Có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng sự, có tác phong công nghiệp;
- Trung thực, khiêm tốn và có đạo đức nghề nghiệp;
- Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ cao với đơn vị, với cộng đồng, với môi trường và với đất nước.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo thuộc lĩnh vực điều khiển và tự động hóa;
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh các thiết bị tự động, có thể làm dịch vụ về hệ thống dây chuyền sản xuất tự động hóa, nghiên cứu phát triển trong ngành điều khiển và tự động hóa, quản lý, đào tạo với quy mô vừa nhỏ thuộc lĩnh vực điện, điện tử, điều khiển và tự động hóa.

III.6. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.102]

1. Về kiến thức:

Sinh viên ngành Điện tử - Viễn Thông được trang bị nền tảng kiến thức cơ bản cơ sở ngành, cơ sở chuyên ngành, và ứng dụng trong ngành nhằm giúp sinh viên đủ trình độ để ra trường làm việc được ngay trong lĩnh vực điện tử - viễn thông, tự nghiên cứu hoặc học lên ở bậc cao hơn. Kiến thức được trang bị cụ thể như sau:

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về cơ sở ngành, Anh văn giao tiếp và Anh văn chuyên ngành Điện - Điện Tử, Tin học cơ bản, Tin học chuyên ngành và Lập trình ứng dụng với các ngôn ngữ lập trình C/C++ và Matlab, có các kiến thức về phần cứng máy tính và thiết bị ngoại vi, kiến thức cơ bản về Điện, Điện tử và Điện tử số, kiến thức về phân tích, thiết kế và chế tạo các mạch điện, mạch điện tử, mạch điện tử số, kiến thức về sử dụng, lắp ráp, vận hành và cài đặt các thiết bị linh kiện Điện và Điện tử, phân tích và thiết kế các hệ thống điều khiển trong công nghiệp;
- Nắm vững các kiến thức về cơ sở ngành như lý thuyết tín hiệu, vi xử lý, điện tử thông tin, phân tích và thiết kế vi mạch;
- Nắm vững các kiến thức về chuyên ngành như có kiến thức cơ bản về hạ tầng viễn thông, mạng thông tin, có kiến thức chuyên sâu về điện tử thông tin, xử lý tín hiệu số, thông tin quang, chuyển mạch, mạng thông tin và số.

2. Về kỹ năng:

- Nắm vững và sử dụng tốt các công cụ tin học trong chuyên ngành điện tử - viễn thông;
- Có khả năng lập trình ứng dụng, vận hành, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa và sử dụng tốt các thiết bị trong lĩnh vực điện tử - viễn thông;

- Có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ Anh văn trong chuyên ngành điện tử - viễn thông như đọc tài liệu, giao tiếp trong công việc chuyên môn;
- Có khả năng giao tiếp, ứng xử tốt trong quan hệ xã hội và trong nghề nghiệp;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo đội, nhóm khi thiết kế, thi công và vận hành, có khả năng hoạch định kế hoạch làm việc.

3. Về năng lực:

- Có năng lực phân tích, thiết kế và nhận thức vấn đề, nhất là các vấn đề liên quan đến ngành nghề;
- Có năng lực thiết kế, tổ chức và quản lý tốt các thiết bị trong hệ thống;
- Có năng lực tư duy, suy nghĩ sáng tạo dám nghĩ dám làm trong lĩnh vực chuyên môn của ngành nghề được đào tạo;
- Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo đội nhóm làm việc;
- Có năng lực vạch kế hoạch và xây dựng, tính toán về mặt kinh tế cho một quy trình tự động hóa với chi phí tối ưu.

4. Về đạo đức và hành vi:

- Có lòng yêu ngành nghề, có hướng phấn đấu tốt.
- Trung thực, khiêm tốn và có quan hệ tốt với đồng nghiệp và đối tác.
- Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, chấp hành tốt pháp luật nhà nước, nội quy cơ quan, có ý thức đối với cộng đồng.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Điện tử - Viễn thông có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo thuộc ngành nghề điện tử - viễn thông.
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ liên quan về điện tử - viễn thông, nghiên cứu phát triển trong ngành điện tử - viễn thông, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực điện tử - viễn thông.

III.7. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH chuyên ngành XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.104]

1. Về kiến thức:

- Đạt từ 5, 0 điểm trở lên theo thang điểm 10 tất cả các môn học lý thuyết, thực hành, luận văn tốt nghiệp theo Chương trình đào tạo bậc Đại học 4 năm đã đăng ký và được Hiệu trưởng chấp thuận;
- Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp có kiến thức cơ bản nền tảng vững chắc, kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp đủ để ra trường có thể làm việc được ngay, phù hợp với nhu cầu của xã hội theo ngành nghề được đào tạo, có thể làm công tác nghiên cứu hoặc học tiếp lên bậc cao hơn.

2. Về kỹ năng:

- Thao tác thành thạo trên máy tính các phần mềm ứng dụng cho nghề nghiệp từ thiết kế đến thi công, quản lý dự án;
- Thiết kế thành thạo các bộ phận kết cấu của công trình nhà từ 7 tầng trở xuống, (đối với nhà cao tầng, từ 9 tầng trở lên cần có thời gian học thêm mới thiết kế thành thạo);
- Có khả năng chọn lựa máy móc xây dựng thi công thích hợp cho công trình. Tổ chức thi công và xử lý kỹ thuật thi công các loại công trình nhỏ, biệt thự, nhà phố, trường tiểu học, trung học, công trình đơn chiếc;

- Có trình độ tiếng Anh: đọc, dịch thành thạo các sách chuyên môn kỹ thuật và giao tiếp tốt;
- Có kỹ năng giao tiếp ứng xử tốt.

3. Về năng lực:

- Có năng lực tổ chức thiết kế và thi công các công trình vừa và nhỏ;
- Có năng lực tổ chức quản lý lãnh đạo đội nhóm để làm tốt công tác kỹ thuật của ngành;
- Có năng lực tự mình thiết kế từ đầu đến cuối một công trình loại vừa và loại nhỏ;
- Có năng lực lập kế hoạch công tác của nhóm kỹ thuật, kế hoạch năm, tháng và hàng tuần của công trường.

4. Về đạo đức và hành vi:

- Có lòng yêu ngành xây dựng, có tầm nhìn về tương lai, có hoài bão và ước mơ;
- Có tinh thần vượt khó, có ý chí vươn lên;
- Có đức tính trung thực, khiêm tốn, chịu khó, có quan hệ tốt với đồng nghiệp và đối tác;
- Chấp hành tốt pháp luật, nội quy, quy trình công tác;
- Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ cao với tập thể, với đơn vị, với cộng đồng, với môi trường và với đất nước.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Tại các doanh nghiệp xây dựng (tư vấn xây dựng và thi công);
- Các cơ quan quản lý nhà nước ngành xây dựng;
- Hành nghề tự do trong lĩnh vực xây dựng được pháp luật cho phép;
- Làm chủ cơ sở xây dựng vừa và nhỏ.

III.8. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.400 và DSGD1.400]

1. Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực xã hội - nhân văn và pháp luật;
- Có kiến thức cơ bản vững chắc về kinh tế - xã hội, về quản trị kinh doanh; kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp theo nội dung của chương trình đào tạo tương ứng, phù hợp với nhu cầu xã hội đủ để ra trường có thể ứng dụng làm việc được ngay, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn;
- Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn TOEIC từ 350 – 400 điểm.

2. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể làm tốt công việc chuyên môn, quản lý hoặc giao tiếp thông thường với các đối tác trong nước và nước ngoài;
- Nắm vững và sử dụng tốt các kỹ năng truyền thông (thông tin và truyền thông, tin học);
- Có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, ứng xử;
- Có kỹ năng về nghiệp vụ đạt yêu cầu của ngành nghề đào tạo;
- Có kỹ năng làm việc đội, nhóm;
- Có kỹ năng ra quyết định trong phạm vi chức trách và nghề nghiệp;
- Có kỹ năng giải quyết vấn đề.

3. Về năng lực:

- Có năng lực nhận thức vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo;
- Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế;

- Có năng lực tư duy, phê phán, suy nghĩ sáng tạo, khả năng phân tích các tình huống trong thực tế, sử dụng kỹ năng logic để có thể đưa ra giải pháp và triển khai thực hiện;
- Có khả năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ với một phong cách chuyên nghiệp;
- Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo đội nhóm làm công tác chuyên môn;
- Có năng lực thiết kế máy móc, sản phẩm, công trình, tổ chức kinh doanh, quản lý đơn vị;
- Có năng lực để hoạch định chính sách, chiến lược kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh, xây dựng kế hoạch công tác, quy trình công nghệ... biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới;
- Có khả năng tìm kiếm, phân tích, sử lý thông tin, dữ liệu và có thể đưa ra quyết định phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh, kế toán, tài chính, đầu tư, nhân sự.

4. Về đạo đức và hành vi:

- Có lòng yêu ngành nghề, nỗ lực, chịu khó, có ý chí vươn lên, có tinh thần cải tiến trong công việc được giao;
- Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ cao với đơn vị, với cộng đồng, với môi trường và với đất nước;
- Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ, quan tâm đến sự phát triển của đơn vị;
- Chấp hành tốt pháp luật, quy định của nhà nước, nội quy của đơn vị;
- Chấp hành sự phân công, điều động trong công tác;
- Trung thực, khiêm tốn, có đạo đức nghề nghiệp;
- Tự tin, bản lĩnh, khẳng định năng lực;
- Luôn trau dồi, học tập, cập nhật kiến thức để đáp ứng với nhu cầu.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, quản lý, đào tạo... thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Có thể đảm nhận các công việc như nhân viên bộ phận kinh doanh, bán hàng, marketing, bộ phận hành chính nhân sự, bộ phận tài chính kế toán và các lĩnh vực khác có liên quan;
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc các lĩnh vực trên.

III.9. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP:

[Mã ngành tuyển sinh: DSGA.801, DSGV.801 và DSGH.801]

1. Về kiến thức:

Người tốt nghiệp ngành Mỹ thuật công nghiệp hay Mỹ thuật ứng dụng là các Nhà thiết kế (Designer):

- Có kiến thức liên ngành, kiến thức tổng hợp về văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học nhân văn, quản trị, kiến thức lịch sử và hiểu biết ngành nghề Mỹ thuật công nghiệp;
- Có kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành để ứng dụng giải quyết vấn đề và nhiệm vụ thiết kế một cách sáng tạo, hiệu quả;
- Có lý luận và phương pháp luận để đặt vấn đề và giải quyết nhiệm vụ thiết kế;
- Có kiến thức thực tiễn kinh tế - xã hội và trình độ sản xuất công nghiệp;
- Có khả năng tiếp cận nhanh với thực tiễn và khoa học kỹ thuật hiện đại, thích nghi với nền kinh tế thị trường;
- Designer có khả năng tự nghiên cứu, có năng lực lý luận, có tiềm năng vươn lên trình độ học vấn cao hơn.

2. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng chuyên môn về thiết kế trên máy vi tính, có chứng chỉ thiết kế trên máy vi tính trên các phần mềm thiết kế ứng dụng theo hướng cập nhật những phần mềm thiết kế 2D và 3D mới nhất (gồm Autocad, Adobe Illustrator, Photoshop, 3D Max...);
- Đạt chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh tối thiểu 350 - 400 điểm theo hệ thống TOEIC;
- Designer có kỹ năng thuyết trình, bảo vệ ý tưởng, thiết kế và quảng cáo trước khách hàng;
- Designer có khả năng thiết kế và tổ chức quản lý công việc theo nhóm chuyên môn của ngành.

3. Về năng lực:

- Theo chuyên ngành đào tạo, người tốt nghiệp sẽ là: chuyên gia thiết kế chế tạo mẫu mã sản phẩm mới, bao bì và quảng cáo marketing, thiết kế tạo dáng sản phẩm, thiết kế trang trí nội thất, tạo mẫu thời trang, hoặc là nhà nghiên cứu lý luận mỹ thuật công nghiệp;
- Những chuyên gia mỹ thuật công nghiệp và mỹ thuật ứng dụng có kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác thiết kế chế tạo sản phẩm trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và các cơ quan, tổ chức hành chính sự nghiệp, quản lý thẩm mỹ môi trường, quản lý văn hóa – nghệ thuật. Là các chuyên gia trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng trong các cơ quan báo đài, cơ quan truyền thông;
- Designer được đào tạo theo mô hình Học – Hành, được gửi tới các cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà máy, công ty để nắm bắt và hiểu rõ yêu cầu của thực tiễn và tích lũy những kiến thức ngoài xã hội, bổ sung cho những kiến thức lý luận nền tảng trong nhà trường và rèn luyện kỹ năng thực hành nghề;
- Các Designer được học tập trong môi trường chuyên nghiệp và trưởng thành từ những nhu cầu thực tế. Trong quá trình học tập rèn luyện, qua các cuộc thi sáng tạo, các kỳ thực tập và tọa đàm giao lưu, được làm quen với môi trường sản xuất – kinh doanh – xã hội tạo dựng các mối quan hệ hiểu biết giúp các nhà thiết kế tương lai nhanh chóng hội nhập và thành công trong công việc sau khi tốt nghiệp;
- Có khả năng làm việc và sáng tạo ngay trong quá trình học tập tại trường.

4. Về đạo đức và hành vi:

- Design là nhà thiết kế vừa giỏi chuyên môn vừa có đạo đức nghề nghiệp, có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, tuân thủ đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Trung thực trong công việc, đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong công việc chung;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, đội và ekip thiết kế;
- Có khả năng phát huy vai trò của người nghệ sĩ mỹ thuật ứng dụng tham gia vào việc giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật trong đời sống xã hội.

5. Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo ... thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, quản lý, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực được đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

GS.TS. Đào Văn Lượng

MỘT SỐ ĐIỂM TRỌNG TÂM TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN (KỸ SƯ) CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

A. Đào tạo theo học chế tín chỉ:

Kể từ năm học 2009 – 2010, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn triển khai đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ.

Học chế tín chỉ là phương thức đào tạo lấy người học làm trung tâm, người học được chủ động lựa chọn tiến độ học tập, lựa chọn môn học (tuân theo một số ràng buộc được quy định trước) nhằm tích lũy từng phần và tiến tới hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo để được cấp văn bằng tốt nghiệp; họ còn có thể sử dụng các tín chỉ đã tích lũy để chuyển đổi sang một chuyên ngành hoặc một ngành mới cùng chung khối ngành đào tạo (khối kinh tế, khối công nghệ hoặc khối mỹ thuật).

B. Các ngành đào tạo trong trường:

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đào tạo Cử nhân (kỹ sư) cho cả hai hệ Đại học và cao đẳng thuộc các ngành học sau đây:

Khoa	Ngành đào tạo phụ trách
Khoa Cơ khí	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử
Khoa Điện – Điện tử	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử truyền thông
	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử
	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử chuyên ngành Điều khiển tự động
Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ Thông tin hướng Hệ thống thông tin và Web
	Công nghệ Thông tin hướng Công nghệ lập trình và hệ thống
Khoa Công nghệ Thực phẩm	Công nghệ Thực phẩm
Khoa Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh
	Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Kế toán
	Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Tài chính
Khoa Kỹ thuật Công trình	Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Marketing
	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Cầu đường
	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước
Khoa Design	Kỹ thuật Công trình Xây dựng chuyên ngành Quản lý xây dựng
	Thiết kế Công nghiệp chuyên ngành Tạo dáng
	Thiết kế Công nghiệp chuyên ngành Đồ họa
	Thiết kế Công nghiệp chuyên ngành Thiết kế Thời trang
	Thiết kế Công nghiệp chuyên ngành Nội thất

Việc đào tạo theo hướng chuyên ngành phụ thuộc vào số lượng sinh viên đăng ký các lớp – môn học (xem Quy chế 115-09/QĐ-DSG-ĐT - Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ).

Sinh viên, sau khi đã hoàn tất và đạt yêu cầu đối với cấp học, sẽ được cấp bằng kỹ sư (đối với các ngành kỹ thuật) và cử nhân (đối với ngành Quản trị Kinh doanh và Thiết kế Công nghiệp). Văn bằng do Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cấp.

Việc hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo tức người học tuân thủ đúng các điều kiện qui định của nhà nước trong các lĩnh vực trên, là điều kiện để người học được phép hành nghề và tham gia tất cả các hoạt động chuyên môn đã được qui định cho cấp học này.

1. Ngành Công nghệ Thông tin

Hiện nay ngành Công nghệ Thông tin là ngành mũi nhọn số một. Có nhiều sinh viên ham thích ngành này vì tính khoa học cao, phạm vi tìm việc rộng rãi, và còn do triển vọng của “Nền Công nghiệp Phần mềm” đầy hứa hẹn của nước ta. Ở Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, ngoài phần kiến thức cơ bản về phần mềm, sinh viên còn được học sâu thêm kiến thức thiết kế, vận hành mạng, giúp họ dễ dàng khi làm việc ở các cơ quan có hệ thống máy nối mạng. Các thiết bị cho chuyên đề này ở trường thuộc loại mạnh. Sinh viên được trang bị đầy đủ các kiến thức về Email, Internet, Trong học tập sinh viên có nhiều thời gian tiếp xúc với máy, được tháo lắp, sửa chữa, cài đặt các phần mềm nên có kiến thức vững vàng hơn cả về lý thuyết và thực hành, tạo thuận lợi cho việc hành nghề sau này.

2. Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Truyền thông (Điện tử - Viễn thông)

Điện tử – viễn thông là ngành đang được hiện đại hóa và phát triển nhanh nhất hiện nay. Trong một thời gian ngắn hầu như các tiến bộ của ngành này đều đã được du nhập vào Việt nam: thông tin vệ tinh, điện thoại di động, truyền hình số, truyền hình cáp, ... do đó chương trình đào tạo phải đáp ứng, phải theo kịp những tiến bộ khoa học kỹ thuật đó. Những vấn đề như tổng đài điện thoại, xử lý số, các hệ thống thông tin dân dụng hiện đại, điện thoại di động, thông tin viba số, ... đều không thể thiếu được trong chương trình đào tạo. Sau khi đã trang bị các kiến thức cơ sở, sinh viên phải hoàn thành các khối lượng thí nghiệm và đúc kết các hiểu biết qua các bài tập lớn. Trong các bài tập lớn đó sinh viên phải tự mình thi công bản thiết kế do mình làm ra. Những thiết kế có tính khoa học cao sẽ được nhà trường hỗ trợ để hoàn thiện. Các phòng thí nghiệm, các xưởng của trường hoàn toàn có đầy đủ khả năng đảm bảo các công tác thực hành kỹ thuật cho sinh viên.

3. Ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử (Cơ – Điện tử)

Ngày nay, các thiết bị sản xuất tự động với công nghệ cao đã được sử dụng ở hầu hết các ngành sản xuất, ở các nhà máy, xí nghiệp nước ta. Trước nhu cầu cấp bách đó, từ năm 1997, lần đầu tiên tại Việt nam, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, được phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã mở ngành Cơ – Điện tử ở bậc cao đẳng. Sinh viên ngành Cơ – Điện tử của trường được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật được đem ứng dụng trong các thiết bị công nghiệp hiện đại, bao gồm các lãnh vực cơ khí, khí nén, thủy lực, kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, vi xử lý, kỹ thuật điều khiển tự động, với công cụ là công nghệ tin học. Sinh viên phải làm việc ở các phòng thí nghiệm hiện đại (với PLC, tay máy công nghiệp, ...) và tham quan thực tập tại các nhà máy, xí nghiệp. Với phạm vi kiến thức nhiều mặt và cơ bản đã được trang bị, với khả năng chuyên môn khá đa dạng của ngành Cơ – Điện tử, sinh viên tốt nghiệp có những cơ hội việc làm rất rộng ở tất cả những nơi có sử dụng các thiết bị công nghiệp mới.

4. Ngành Công nghệ Thực phẩm

Thế mạnh ở Việt nam và nhất là các tỉnh phía Nam là sự dồi dào về sản phẩm nông nghiệp. Do vậy, ở khu vực này có rất nhiều xí nghiệp chế biến thực phẩm. Sinh viên ngành Công nghệ Thực phẩm không những được trang bị các kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ thực phẩm như: hóa học thực phẩm, hóa sinh thực phẩm, vi sinh vật thực phẩm, cảm quan thực phẩm, các quá trình công nghệ và thiết bị kỹ thuật trong sản xuất thực phẩm mà còn được cung cấp các kiến thức qua phần thực hành ở phòng thí nghiệm. Tại các cơ sở thực hành này, sinh viên được thực tập về vi sinh vật học thực

phẩm, về phân tích protein, lipit, glucit, vitamin, ... - phần thực hành chiếm đến 50% thời gian học tập của sinh viên. Mặt khác sinh viên cũng được tổ chức đi tham quan các nhà máy, các cơ sở sản xuất, xem đó là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, các kiến thức được trang bị tại trường còn giúp sinh viên tiếp cận nhanh với cuộc sống như kỹ năng giao tiếp, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ẩm thực, luật vệ sinh an toàn thực phẩm. Đó là những yêu cầu không thể thiếu đối với một kỹ sư Công nghệ Thực phẩm.

5. Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử (Điện – Điện tử)

Ai cũng rõ vai trò của điện năng và công nghiệp điện tử. Năng lượng điện và thiết bị điện tử đã đi vào cuộc sống hàng ngày. Với khung thời gian đào tạo là bốn năm (cho hệ cao đẳng là ba năm), sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về điện, điện tử và tin học để có thể nắm bắt và giải quyết được các bài toán kỹ thuật do ngành nghề đặt ra. Mạch điện, kỹ thuật điện tử, tín hiệu và xử lý tín hiệu, điện tử công suất, sản xuất – truyền tải – phân phối năng lượng điện, tự động điều khiển, kỹ thuật số, tin học ứng dụng. Đó là những khối kiến thức bắt buộc sinh viên ngành Điện – Điện tử phải nắm vững. Ngoài phần kiến thức trên, sinh viên còn phải có trình độ thực hành nhất định qua việc học tại các phòng thí nghiệm (mạch điện, điện tử, điện tử ứng dụng, điện tử công suất, kỹ thuật số, máy điện, khí cụ điện, ...) và tại các xưởng thực hành điện và điện tử. Tốt nghiệp ra trường, kỹ sư ngành Điện – Điện tử có đầy đủ tay nghề và bản lĩnh nghề nghiệp để làm việc trong các xí nghiệp công nghiệp và các cơ sở của ngành điện lực.

6. Ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng

Nội dung đào tạo của ngành là xây dựng dân dụng và công nghiệp (nhà ở, văn phòng, nhà hàng, khách sạn, nhà máy, ...). Để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội hiện nay, các công trình dân dụng, công nghiệp phần lớn là nhà cao tầng, các công trình có kết cấu đặc biệt. Sinh viên phải vững vàng về mặt thiết kế kết cấu, đồng thời có khả năng nhất định về sáng tạo cấu hình, đường nét, màu sắc (kiến trúc). Bên cạnh kỹ năng chuyên ngành, sinh viên còn được trang bị các hiểu biết về xây dựng cầu đường, xây dựng các công trình thủy, ngành cấp thoát nước, ... Do vậy, sinh viên được học các kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững vàng. Trong chuyên môn, bên cạnh những hiểu biết về lý thuyết, sinh viên bắt buộc phải thành thạo về thiết kế và thực hành tổ chức thi công tại công trường. Do nhu cầu bức xúc của sản xuất, đời sống, nhà trường vừa mở thêm ba chuyên ngành là Xây dựng Cầu đường, Cấp thoát nước và Quản lý xây dựng.

Tốt nghiệp ra trường, người kỹ sư Kỹ thuật Công trình Xây dựng sẽ làm việc tại các văn phòng tư vấn thiết kế xây dựng hoặc công tác tổ chức quản lý thi công. Bối cảnh phát triển kinh tế trong cả nước và của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay, triển vọng tìm việc làm của kỹ sư Kỹ thuật Công trình Xây dựng rất sáng sủa.

7. Ngành Quản trị Kinh doanh

Tốt nghiệp cử nhân về Quản trị Kinh doanh (BBA), sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản và chuyên ngành về lĩnh vực chuyên môn “thời đại” này (chiến lược kinh doanh, quản lý các mặt, tiếp thị, kế toán, kiểm toán, tài chính tín dụng, hệ thống thông tin quản lý ...). Trong chương trình đào tạo của trường rất chú trọng đến các kỹ năng cần có đối với một cử nhân Quản trị Kinh doanh như: Tin học, giao tiếp, tiếng Anh chuyên ngành. Giáo trình chuyên môn luôn được hiện đại hóa và cập nhật với những vấn đề bức xúc của đất nước. Thầy dạy chuyên môn là các Giáo sư, Phó Giáo sư của các trường đại học, có kinh nghiệm dạy dỗ, đưu dắt chuyên môn cho sinh viên. Với sức mạnh tổng hợp của mình, nhà trường ra sức trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần có đối với người cử nhân Quản trị Kinh doanh. Và trong môi quan hệ xã hội của trường, sinh viên có nhiều cơ hội để tìm hiểu, thực tập ở các công ty, xí nghiệp hiện đại, làm ăn phát đạt. Cả nước phấn đấu để trước mắt có thêm 350.000 doanh nghiệp, chủ yếu là vừa và nhỏ. Ngành kinh tế nước ta sắp hội nhập vào WTO, cơ hội việc làm đối với các cử nhân Quản trị Kinh doanh thật rạng rỡ.

8. Ngành Thiết kế Công nghiệp (Mỹ thuật Công nghiệp)

Tốt nghiệp cử nhân về Thiết kế Công nghiệp (Mỹ thuật Công nghiệp), trở thành một Designer – chuyên gia thiết kế chế tạo mẫu mã sản phẩm mới, bao bì và quảng cáo marketing, thiết kế tạo dáng sản phẩm, các chuyên gia trang trí nội thất, tạo mẫu thời trang, các nhà nghiên cứu lý luận mỹ thuật công nghiệp. Những chuyên gia mỹ thuật công nghiệp và mỹ thuật ứng dụng, có kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác thiết kế chế tạo sản phẩm trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và các cơ quan, tổ chức hành chính sự nghiệp, những cán bộ quản lý thẩm mỹ môi trường.

C. Nội dung đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:

1. Các nhiệm vụ chung của người cử nhân (kỹ sư):

Sinh viên sau khi tốt nghiệp với văn bằng cử nhân (kỹ sư) có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế:

- Là các công tác viên trực tiếp của các kỹ sư trưởng, của các cấp lãnh đạo trong cơ quan, doanh nghiệp.
- Bằng chuyên môn của mình, thể hiện cụ thể các ý tưởng về công nghệ của doanh nghiệp.
- Giữ vai trò truyền đạt, diễn giải các chỉ dẫn kinh doanh, công nghệ cho cán bộ, nhân viên thuộc quyền.
- Tiến hành báo cáo về công việc do mình phụ trách với những nhận xét chuyên nghiệp để giúp các cấp lãnh đạo ra các quyết định cần thiết.
- Có đủ ý thức và khả năng tự học lâu dài, hiệu quả.

Để đóng góp hữu hiệu vào cuộc sống của các doanh nghiệp và để tạo điều kiện cho việc tái đào tạo, trong thời đại hiện nay, người cử nhân (kỹ sư) phải giỏi tin học và có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh cũng như có trình độ giao tiếp nhất định với người nước ngoài.

2. Các hoạt động:

Hoạt động của một kỹ sư / cử nhân phụ thuộc rất nhiều vào công việc của họ phụ trách ở cơ quan, doanh nghiệp, nơi họ làm việc. Ngày nay, đặc biệt cần có khả năng thích ứng với các doanh nghiệp, xí nghiệp vừa và nhỏ. Công việc có thể hình dung tổng quát như sau:

- Vào giai đoạn đầu:
 - Thực hiện việc quản lý sản xuất theo quy trình hiện hữu của doanh nghiệp.
 - Vận hành, bảo dưỡng, duy tu các hệ thống thiết bị trong doanh nghiệp.
 - Thảo các văn bản về kỹ thuật công nghệ, quản trị theo yêu cầu của người phụ trách cơ quan, doanh nghiệp.
- Sau một thời gian làm việc, dựa trên kinh nghiệm thu thập được, có thể được phân công:
 - Phụ trách về công nghệ, quản trị ở một bộ phận công tác.
 - Thiết kế, hoàn chỉnh và thực hiện việc lắp ráp các hệ thống, thiết bị.
 - Nói chung, trách nhiệm được giao cho một cán bộ kỹ thuật, quản trị phụ thuộc rất nhiều vào tính chất của doanh nghiệp. Yêu cầu chung đối với người cử nhân là phải có tinh thần trách nhiệm, khả năng sáng tạo, kỹ năng phân tích, đối thoại, diễn đạt tốt.

Những hoạt động được miêu tả vắn tắt trên, cũng như những trách nhiệm họ được giao phó, là các yêu cầu trong tuyển dụng, nhằm giúp cho cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng có thể tin tưởng giao

phó cho họ những nhiệm vụ sau: Làm nhiệm vụ của người kỹ thuật viên, người quản trị cấp cao để trợ lý cho các cán bộ ở các doanh nghiệp trong nghiên cứu, hoạch định và phát triển.

- Người thiết kế chính ở các bộ phận nghiên cứu và tư vấn.
- Phụ trách về kỹ thuật ở các đơn vị thiết kế, kiến tạo và xây lắp.
- Phụ trách về công nghệ ở các đơn vị tổ chức sản xuất.
- Chuyên gia kinh doanh, tổ chức các cơ sở bán lẻ.

3. Yêu cầu đào tạo

Để đáp ứng được các yêu cầu về khả năng và nhiệm vụ sẽ phụ trách trong tương lai, các cử nhân (kỹ sư) phải được đào tạo theo diện rộng, nhằm tạo điều kiện cho người tốt nghiệp thích nghi được với các công việc rất đa dạng, giúp họ phát triển tính năng động và khả năng đào tạo nâng cao về sau.

Chính vì vậy, chương trình đào tạo của trường phải bao gồm các khối kiến thức hoàn chỉnh, đề cập đến tất cả các phần của ngành nghề: Khoa học cơ bản (toán cao cấp, vật lý, ...), các môn kỹ thuật cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành, từ lý thuyết đến thí nghiệm. Hướng phấn đấu lâu dài của trường là không ngừng nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập so với lý thuyết để sinh viên ngày một nâng cao kỹ năng hơn, phấn đấu cuối cùng đạt được “tỷ lệ 1: 1”. Ngoài ra không thể không quan tâm đến việc tham quan, tiếp cận với các tiến bộ về kỹ thuật, công nghệ mới ở cơ sở sản xuất, trong thời điểm hội nhập này.

Với một cấu trúc kiến thức như vậy, cho phép người kỹ sư có thể đáp ứng tốt đối với nhiều dạng công việc do nhiều ngành nghề đặt ra và trong các lĩnh vực kinh tế khác nhau: Công nghiệp điện, công nghiệp điện tử, công nghiệp xây dựng, công nghiệp chế biến thực phẩm và các ngành công nghiệp khác như cơ khí, luyện kim, hóa chất.

D. Về các chương trình đào tạo (CTĐT):

Theo các chương trình đào tạo đã được xây dựng, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn mong muốn cung cấp cho sinh viên của trường các kiến thức về khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở vững vàng nhằm chuẩn bị tốt cho việc theo học các môn chuyên ngành, và có thể tiếp tục học tập của kiến thức trong tương lai. Phần chuyên ngành, tuy cơ bản cũng theo cấu tạo chung của các chương trình khung, nhưng nhà trường quan tâm sâu sắc đến đặc điểm của vùng miền (xây dựng trên nền đất yếu, thực phẩm trên cơ sở cây trái, nguyên liệu miền Nam, ... cũng như quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa), sự phát triển mới về công nghệ (chương trình BBA cho Quản trị Kinh doanh, những thành tựu mới về mạng, về E. commerce cho công nghệ thông tin, ... vi xử lý, PLC cho điện tử, cơ khí, về building cao tầng cho ngành Kỹ thuật Công trình ...).

Trong thực tế sản xuất, nghiên cứu, người kỹ sư thường phải giải quyết những vấn đề, mà để có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, họ cần phải có những hiểu biết về mặt xã hội, nhân văn và quản lý kinh tế. Chính vì vậy nên trong quá trình học tập ở trường, sinh viên được cung cấp thêm một số kiến thức về các mặt nói trên. Việc giảng dạy các kiến thức này phải thích nghi với các yêu cầu trong tương lai của người kỹ sư, nhằm tạo điều kiện để họ hiểu biết sâu sắc về vai trò của người kỹ sư trong xã hội.

Chương trình đào tạo các ngành của trường rất chú ý đến việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức về công nghệ thông tin. Trường cố gắng tăng cường nhanh chóng cơ sở vật chất thực hành để sinh viên có điều kiện thực hành trên máy tính, sử dụng internet. Cho đến nay, Trường đã trang bị một trung tâm điện toán, mười phòng máy với trên 300 máy tính nối mạng hiện đại, có thể chạy các phần mềm lớn và sinh viên có thể dùng thư viện điện tử ở bất kỳ máy tính nào của trường. Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích sử dụng những công cụ tin học, internet phục vụ cho việc học tập của mình.

Hiện nay, trường tập trung vào việc xây dựng chương trình đào tạo của các môn học “bắt buộc” và đang tiến hành xây dựng dần từng bước các môn “tự chọn bắt buộc” hay “tự chọn tự do”.

Các chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên những kinh nghiệm của các quá trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước.

Về bài thi tốt nghiệp:

Học kỳ cuối cùng được dành để sinh viên hoàn thành khối lượng bài thi tốt nghiệp. Bài thi tốt nghiệp giúp sinh viên hệ thống toàn bộ kiến thức đã được học tại trường, nâng cao lên một bước để thiết thực bước vào nghề nghiệp. Bài thi tốt nghiệp là một dạng lao động cá nhân cao độ, là dạng học tập “một Thầy – một trò”, nên đòi hỏi sự nỗ lực cá nhân của người sinh viên rất cao. Thời kỳ này sinh viên phải biết thu thập và xử lý số liệu, phải đọc sách và tài liệu nhiều hơn. Sinh viên phải gặp Thầy Cô hướng dẫn theo lịch quy định.

Hình thức bài thi tốt nghiệp là sinh viên phải hoàn thành một luận văn, một đồ án tốt nghiệp hoặc một bản tiểu luận. Ở bậc cao đẳng, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định sinh viên phải qua một kỳ thi tốt nghiệp gồm một môn cơ sở và một môn chuyên ngành. Ở bậc đào tạo này, với các sinh viên xuất sắc và giỏi, nhà trường sẽ ưu tiên cho tham dự “thi tốt nghiệp” bằng hình thức khác, mang tính nghiên cứu nhiều hơn, đó là thực hiện một đồ án / khóa luận tốt nghiệp.

Trước khi bước vào học kỳ cuối, các Khoa sẽ thông báo đầy đủ tên, nội dung yêu cầu đối với từng luận văn, đồ án tốt nghiệp, Giảng viên hướng dẫn và thời gian hoàn thành, bảo vệ trước Hội đồng Tốt nghiệp. Với số sinh viên thi tốt nghiệp hai môn cũng được Khoa thông báo đầy đủ môn thi, nội dung yêu cầu và thời điểm thi.

Về mặt điểm số, bài thi tốt nghiệp được xem là một môn học có số tín chỉ từ 5 đến 10.

II. VỀ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Tất cả mọi công dân Việt nam có bằng tú tài và tương đương trở lên đều có thể được tuyển vào học tại Trường Đại học Công nghệ Sài gòn.

Người nước ngoài cũng có thể ghi danh học tại trường nếu họ đạt tiêu chuẩn văn hóa và đủ vốn tiếng Việt để theo học. Tuy nhiên việc vào học phải được sự chấp thuận của nhà nước Việt nam cũng như chính quyền nước họ.

Sinh viên học tại Trường Đại học Công nghệ Sài gòn phải tuân theo nội quy của trường. Sinh viên phải đóng đầy đủ, kịp thời học phí, lệ phí cũng như các yêu cầu đóng góp khác theo quy định của nhà trường.

Sinh viên được cấp Bằng Tốt nghiệp Quốc gia và các chứng chỉ tương ứng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sinh viên vào học tại Trường Đại học Công nghệ Sài gòn, nếu học xuất sắc và có hoàn cảnh gia đình khó khăn có thể được cấp học bổng, miễn giảm học phí, giúp vay tiền từ quỹ tín dụng khuyến học, cũng như tạo thêm việc làm trong khi học tập cũng như khi ra trường.

III. NỘI QUY CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN:

Để giữ gìn kỷ cương, tạo môi trường tốt cho việc học tập và công tác, nay quy định các điều sau đây:

1. Nội dung:

- Tôn trọng sự yên tĩnh trong khuôn viên trường:
 - Trong giờ làm việc không được đi lại trò chuyện to tiếng trong khu vực học tập, nghiên cứu.
 - Các hoạt động thể thao, văn nghệ không được diễn ra trong khu vực các lớp học của trường, vào thời gian học tập.
- Giữ gìn vệ sinh:
 - Mọi người phải giữ gìn vệ sinh ở lớp học, nơi làm việc, nhà vệ sinh, sân bãi, căn tin, ..
 - Không tự tiện viết, dán các thông báo lên bất kỳ nơi nào trong khuôn viên trường.
 - Các tổ chức, gồm cả Đoàn và Hội sinh viên, được tiến hành thông báo tại các khu vực quy định.
- Thực hiện nếp sống văn minh:
 - Đi làm, đi học đúng giờ
 - Ăn mặc gọn gàng, lịch sự, nói năng lịch thiệp.
 - Tôn trọng người lớn tuổi, Thầy Cô giáo, cán bộ – nhân viên Trường. Có thái độ cư xử lịch sự, đúng mực.
 - Không nằm trong các phòng học và hành lang.
 - Cấm vui chơi với hình thức bài bạc, cá độ “đỏ đen”.
 - Không sử dụng và truyền bá các loại văn hóa phẩm thiếu lành mạnh.
 - Không hút thuốc lá nơi công cộng.
 - Tuyệt đối nghiêm cấm sử dụng ma túy dưới mọi hình thức.
- Sinh hoạt tập thể:
 - Các đơn vị, đoàn thể có tổ chức sinh hoạt, vui chơi tập thể trong khuôn viên trường và phải tiến hành tại địa điểm và trong thời gian cho phép.
 - Sau khi kết thúc các hoạt động nói trên, các tổ chức, cá nhân tham gia có trách nhiệm dọn dẹp gọn sạch hiện trường.
- Bảo vệ tài sản của trường:
 - Mọi người có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản của trường: thiết bị, bàn ghế, công trình, cây cảnh, ...
 - Không tự tiện thay đổi bài trí trong lớp học, giảng đường cũng như nơi công cộng.
 - Sử dụng điện nước tiết kiệm.
- Về trị an:
 - Mọi người đều phải có ý thức, giữ gìn trật tự an ninh trong nhà trường.
 - Thầy Cô, cán bộ, nhân viên và sinh viên, trong thời gian làm việc, học tập tại trường, phải mang theo thẻ Cán bộ – nhân viên hoặc thẻ sinh viên. Các giấy tờ này cần xuất trình khi có yêu cầu của ban bảo vệ hoặc tổ Giám thị của trường.

2. Thực hiện:

- Giữ gìn nội quy nhà trường là công việc của mọi thành viên trong nhà trường.
 - Lực lượng bảo vệ, tổ giám thị được giao nhiệm vụ nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện bằng nội quy này.
 - Khi có vi phạm, ở mức độ nhỏ, giám thị và bảo vệ xử lý tại chỗ, trong trường hợp vi phạm trầm trọng phải lập biên bản báo cáo lên Trường. Trường hợp cần thiết, phải báo cáo ngay cho Phòng Hành chính – Quản trị để phối hợp giải quyết. Người có công sẽ được khen thưởng. Người thiếu sót sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật.
- Mức độ xử lý: Tùy khuyết điểm nặng nhẹ và số lần tái phạm mà áp dụng các hình thức sau:
 - Với cán bộ – nhân viên: phê bình, hạ mức khen thưởng, cảnh cáo ghi lý lịch, buộc thôi việc.
 - Với sinh viên: phê bình, cảnh cáo, ghi học bạ, buộc thôi học.

Bản nội quy này được áp dụng cho mọi thành viên trong trường, Ban Giám hiệu yêu cầu mọi người tích cực hưởng ứng, nghiêm chỉnh chấp hành.

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

Các chương trình đào tạo được cấu tạo logic chặt chẽ nhằm đáp ứng tốt nhất mục tiêu đào tạo. Về hình thức thể hiện: Rõ ràng, chặt chẽ, ngắn gọn. Bởi vậy sinh viên cần đọc kỹ trong quá trình học tập.

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- Tổng cộng: 100 – 145 tín chỉ (không tính môn học giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)
- Các khối kiến thức chính: Khối kiến thức giáo dục chuyên biệt; Khối kiến thức giáo dục đại cương; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

2. Môn học - Nội dung môn học: (xem chi tiết trong quy chế 115-09/QĐ-DSG-ĐT và Chương trình đào tạo của từng ngành cụ thể)

- Phần chung toàn trường:

Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.

- Phần chung của một số ngành:

Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.

Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.

- Các môn học của ngành:

Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

- Các môn học bắt buộc:

Một môn học bắt buộc là môn học của chương trình đào tạo mà tất cả sinh viên đều bắt buộc phải theo học và phải đạt yêu cầu. Cho đến nay, phần lớn các môn học trong chương trình đào tạo các ngành đều là môn học bắt buộc.

- Các môn tương đương:

Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên có nhiều phần giống nhau). Như vậy, có nghĩa là trong chương trình đào tạo không thể đồng thời xuất hiện cùng lúc hai môn học trên.

Cũng trên tinh thần đó, một số môn học không thể xem như là một phần của chương trình đào tạo bởi vì trong những môn học này có đề cập đến những nội dung đã được giảng dạy trong các môn học bắt buộc, đã học từ các học kỳ trước. Vì các lý do trên xuất hiện khái niệm “Môn học tương đương”

3. Trình tự sắp xếp các môn học:

Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.

Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)

Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.

4. Ký hiệu liên quan đến môn học:

Môn học A được thể hiện 3(2.2.4) có thể đọc và hiểu như sau:

- Môn học A, 3 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - 2 x 15 tiết lý thuyết trên lớp;
 - 2 x 15 tiết thí nghiệm / thực hành / bài tập / thảo luận tại phòng thí nghiệm / xưởng thực hành / phòng chuyên đề / phòng học / phòng máy;
 - 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

V. NỘI DUNG TÓM TẮT CỦA CÁC MÔN HỌC

A. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương:

1. Giáo dục thể chất 1

Phần lý thuyết: Một số vấn đề cơ bản về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới. Mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của giáo dục thể chất đối với sinh viên. Cơ sở khoa học của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sinh viên. Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao. Vệ sinh thể dục thể thao.

Phần thực hành: Các kỹ năng vận động và thể lực chung thuộc môn thể thao Điền kinh (Chạy cự ly trung bình nam 1.500 mét, nữ 800 mét) và môn Thể dục (đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục tay không, một số bài tập khác: khiêng, vác, cứu hộ, ...).

2. Giáo dục thể chất 2

Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời của bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, công tác trọng tài.

Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng, đập và chắn bóng.

3. Giáo dục thể chất 3

Phần lý thuyết: Lý luận chung về chấn thương thể dục thể thao. Lý thuyết chung môn bóng rổ.

Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản của bóng rổ: Di chuyển không bóng, dẫn bóng, chuyền bóng, đón – bắt bóng, qua người, ném rổ và hai bước lên rổ.

4. Giáo dục thể chất 4

Phần lý thuyết: Đề phòng chấn thương; một số trạng thái xấu của cơ thể và sơ cứu trong thể dục thể thao.

Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật bóng chuyền: Chiến thuật cơ bản, chiến thuật tấn công và phòng thủ liên phòng. Thực tập thi đấu, trọng tài và tổ chức thi đấu môn bóng rổ.

5. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin

Giới thiệu chung về Chủ nghĩa Mác – Lênin. Tập trung làm rõ về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin và vai trò của nó. Trên cơ sở đó, làm rõ những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

6. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Cấu trúc nội dung môn học bảo đảm sự thống nhất trong việc trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài phần giới thiệu chung về khái niệm, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, cần làm rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm và các nguồn tư liệu chính thống đã được khẳng định trong các Văn kiện của Đảng ta.

Trong triển khai chương trình và viết giáo trình cần tập trung làm rõ giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với toàn bộ tiến trình cách mạng nước ta hiện nay và mai sau; cần nhấn mạnh những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và phong trào cách mạng thế giới.

7. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích lũy tri thức từ các môn học khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.

Nội dung chủ yếu của môn học này là làm rõ quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực cơ bản, trong đó chú trọng làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và nội dung đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

8. Tiếng Anh 1

Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Communicating in English”, “All kinds of people”, “Free time”, “People”, “Money”, “Travel and tourism” và “Food and drink”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Auxiliary verbs, Tenses, Infinitives and gerunds, Participles and participle clauses, và Negation and parallel structure.

9. Tiếng Anh 2

Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Health”, “Self - improvement”, “In the city”, “Customs”, “Famous people”, “Home, sweet home”, và “Then and now”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Comparisons, Agreement, Relative clauses, Voice, Conjunctions and prepositions.

10. Tiếng Anh 3

Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Getting to know you”, “Making a good impression”, “Food and cooking”, “Weather”, “Working for a living”, “Leisure time”, và “Sports and games”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Gerunds and Infinitives, Subject - Verb Agreement, Verb Form and Tenses, Participial Forms, Comparatives and Superlatives.

11. Tiếng Anh 4

Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Vacation time”, “Inventions and gadgets”, “The environment”, “News and current events”, “City life”, “Entertainment and art”, và “The past”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Pronouns and Determiners, Nouns and Articles, Relative Clauses, Conjunctions and Prepositions, Conditionals.

Khối kiến thức giáo dục đại cương – khối ngành Kỹ thuật Công nghệ

12. Toán A1 (Hàm một biến, chuỗi)

Học phần giới thiệu về vi tích phân hàm một biến, lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân.

13. Toán A2 (Đại số tuyến tính)

Môn học giới thiệu về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính.

14. Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vectơ)

Học phần giới thiệu về vi tích phân hàm nhiều biến, giải tích vectơ và lý thuyết trường.

15. Vật lý 1 (Cơ – nhiệt)

Vật lý đại cương 1 hay Cơ - nhiệt đại cương được chuẩn bị nhằm mục đích trang bị kiến thức, giúp sinh viên nắm được các hiện tượng, định luật trong cơ cổ điển, bao gồm: Động học, động lực học, các định luật bảo toàn trong cơ học, cơ vật rắn, cơ chất lưu. Tiếp đến là các thuyết và các nguyên lý trong nhiệt động học: Khí lý tưởng, nguyên lý thứ nhất và thứ hai nhiệt động học, khí thực.

16. Vật lý 2 (Điện từ - quang)

Nội dung của học phần cung cấp kiến thức cơ bản về trường điện, trường từ, hiện tượng cảm ứng điện từ, trường điện từ, hệ phương trình Maxwell và các ứng dụng vào thực tế. Sau cùng là các hiện tượng giao thoa, nhiễu xạ, phân cực trong quang học sóng và các đại lượng đo trong quang học.

17. Thí nghiệm Vật lý

Đo các thông số vật lý trong 12 bài thực hành:

- Sai số – đồ thị – dụng cụ đo chính xác.
- Xác định mômen quán tính của bánh xe và lực ma sát trong ổ trục quay.
- Khảo sát hiện tượng sóng dừng trên dây.
- Khảo sát sự phân cực ánh sáng dùng tia laser, nghiệm định luật malus (maluýt).
- Xác định tỷ số nhiệt dung phân tử C_p/C_v của chất khí.
- Xác định điện tích riêng e/m của electron theo phương pháp manhêtrôn (magnetron).
- Xác định gia tốc trọng trường bằng con lắc thuận nghịch.
- Khảo sát cặp nhiệt điện xác định hằng số cặp nhiệt.
- Khảo sát mạch dao động tích phóng dùng đèn neon đo điện trở và điện dung.
- Xác định nhiệt độ curie của sắt từ.
- Khảo sát sự nhiễu xạ của chùm laser qua cách tử phẳng – xác định bước sóng của laser.
- Khảo sát hiện tượng quang điện ngoài xác định hằng số Planck.
- Khảo sát mạch cộng hưởng RLC sử dụng dao động ký điện tử.

18. Hóa đại cương

Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, liên kết hóa học, nhiệt động hóa học, cân bằng hóa học, dung dịch, điện hóa học giúp người học có cơ sở tiếp thu kiến thức các môn khoa học cơ bản khác.

19. Tin học đại cương

Môn song hành : Thực hành Tin học đại cương

Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương tổng quan về máy tính, các hệ thống số và cách biểu diễn thông tin trong máy tính. Các kiến thức chung về hệ điều hành, các ứng dụng cụ thể: Hệ điều hành Windows XP, kiến thức Internet và ứng dụng, phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, phần mềm xử lý bảng biểu MS Excel.

Chú trọng các kiến thức kỹ năng căn bản sử dụng máy tính cho sinh viên các ngành đào tạo khác nhau trong trường.

20. Thực hành Tin học đại cương

Môn song hành : Tin học đại cương

Nội dung tóm tắt:

- Cung cấp các kiến thức nền tảng về tin học.
- Nắm được các thành phần chính của PC, nguyên lí hoạt động.
- Hiểu và sử dụng tốt Hệ điều hành Windows.
- Sử dụng phần mềm Microsoft Word.
- Internet và một số dịch vụ: Mail, WEB, Chat, FTP.....
- Cài đặt và sử dụng một số phần mềm tiện ích: VIRUS.....
- Khái niệm về ngôn ngữ C++.

21. Pháp luật Việt Nam đại cương

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc của nhà nước và pháp luật, bản chất nhà nước và pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật ... và những kiến thức cơ bản của một số ngành luật như Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Lao động. Những kiến thức cơ bản trên đây giúp sinh viên hình thành tư duy về pháp luật, nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật.

22. Nhập môn công tác kỹ sư

Môn học “Nhập môn công tác kỹ sư” giúp cho sinh viên:

- Hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ và năng lực của người kỹ sư trong hệ thống lao động kỹ thuật, từ đó phải nỗ lực học hỏi nhiều hơn.
- Môn học còn giúp cho người kỹ sư tương lai hiểu biết và thực hiện nhuần nhuyễn các kỹ năng giao tiếp cần thiết như: ghi chép, đối thoại, thuyết trình trước tập thể, điều khiển cuộc họp vv...
- Môn học còn giúp cho người kỹ sư hoàn thiện chính bản thân mình trong cương vị lãnh đạo kỹ thuật.

23. Vẽ kỹ thuật

Môn học nhằm trang bị những kiến thức lý thuyết căn bản về phương pháp biểu diễn các vật thể hình học không gian ... thông qua các phép chiếu, các tiêu chuẩn, quy ước được áp dụng trong ngành kỹ thuật công nghiệp.

Ứng dụng phương pháp này trong việc vẽ, đọc, hiểu, phân tích chính xác các bản vẽ kỹ thuật chuyên ngành.

Môn học còn giới thiệu mối quan hệ giao tiếp giữa vẽ bằng tay với phương pháp sử dụng các phần mềm đồ họa tiên tiến trong thiết kế và mô phỏng hiện đại.

Khối kiến thức giáo dục đại cương – khối ngành Kinh tế

24. Toán C

Học phần giới thiệu về Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Vi tích phân hàm một biến và một số khái niệm về phương trình vi phân.

25. Xác suất thống kê và thực hành

Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm: Các phương pháp điều tra chọn mẫu được dùng khá phổ biến trong điều tra thị trường và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh doanh, quản lý nói riêng.

Bước đầu tập cho sinh viên biết cách vận dụng kiến thức lý thuyết được học vào nghiên cứu ứng dụng thực tế. Giảng viên hướng dẫn sinh viên chọn một tình huống cụ thể để thực hiện việc nghiên cứu, chọn mẫu, thu thập thông tin, xử lý dữ liệu ... và ra được kết quả nghiên cứu thống kê. Sinh viên phải biết trình bày đầy đủ, rõ ràng kết quả nghiên cứu thực hiện đề tài của mình, cách minh họa số liệu trong những giới hạn yêu cầu (số trang của đề tài, thời gian thực hiện, ...). Chương trình môn học bao gồm 15 tiết thực hành tại phòng máy.

Môn học tiên quyết: Không.

Môn học trước: Tin học đại cương.

26. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp, tập trung vào việc biết ứng dụng tốt các nguyên tắc đó để đạt hiệu quả trong giao tiếp nói, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thuyết trình diễn đạt, kỹ năng lắng nghe tích cực, cùng các kỹ năng truyền thông giao tiếp khác, để phát triển các kỹ năng làm việc trong nhóm, giải quyết xung đột, thương lượng và giao tiếp với khách hàng một cách hiệu quả trong môi trường học tập và môi trường doanh nghiệp sau này.

Môn học tiên quyết: Không.

Môn học trước: Không.

B. Tóm tắt các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử

1. Kỹ thuật nhiệt

Kỹ thuật nhiệt trang bị cho sinh viên các kiến thức về các quy luật biến đổi năng lượng, chủ yếu là nhiệt năng và cơ năng, diễn ra trong các loại máy nhiệt nói riêng và các hệ thống nhiệt động nói chung, đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quá trình trao đổi nhiệt trong thực tế. Môn học được chia làm hai phần:

- Phần 1: Nhiệt động lực học kỹ thuật
- Phần 2: Truyền nhiệt.

2. Cơ ứng dụng 1

Tĩnh học: Các khái niệm cơ bản và hệ tiên đề tĩnh học. Thu gọn hệ lực, điều kiện cân bằng của hệ lực. Bài toán cân bằng của vật rắn - hệ vật rắn, ma sát, trọng tâm.

Động học: Động học điểm, hai chuyển động cơ bản của vật rắn, chuyển động phức hợp điểm, chuyển động song phẳng của vật rắn, chuyển động quay quanh một điểm cố định, chuyển động tổng quát của vật rắn. Mô hình hóa cơ cấu động học.

Động lực học: Động lực học chất điểm, đặc trưng hình học khối lượng của hệ, các định lý tổng quát của động lực học hệ, nguyên lý D'Alembert, nguyên lý di chuyển khả dĩ, phương trình Lagrange 2.

3. Cơ ứng dụng 2

Môn học trang bị cho các kỹ sư tương lai của các ngành công nghiệp một nền tảng kiến thức cơ học vật rắn biến dạng.

Nền tảng này bao gồm các điều kiện cân bằng, sự lan truyền lực bên trong và sự biến dạng của các vật rắn có dạng thanh, cũng như các cơ sở lý thuyết để tính bền và tính độ cứng cho hệ thanh.

4. Kỹ thuật đo lường cơ khí

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Dung sai lắp ghép, kỹ thuật đo các thông số hình dạng hình học, vị trí tương quan, đo lực, đo vị trí, đo vận tốc và đo các thông số quá trình, xử lý kết quả đo.

5. Vật liệu kỹ thuật

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về vật liệu kỹ thuật: Cấu trúc và tính chất của vật liệu; biến dạng dẻo và cơ tính vật liệu; các biến đổi pha và nhiệt luyện.

Ngoài ra môn học này còn trình bày thêm các kiến thức về các vật liệu kim loại, vật liệu gốm và polyme.

6. Nguyên lý máy

Giúp sinh viên nắm bắt được cấu trúc một cụm máy hoặc cơ cấu máy, các cơ cấu truyền động và các cơ cấu biến đổi chuyển động thông dụng.

Nghiên cứu quy luật chuyển động và tính toán động học các cơ cấu.

7. Chi tiết máy

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý truyền động của các cơ cấu máy, khảo sát về động học, động lực học các cơ cấu truyền động.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức tính toán thiết kế các cơ cấu máy và ứng dụng vào thực tiễn.

8. Công nghệ cơ khí

Giúp sinh viên hiểu biết được các phương pháp tạo phôi như đúc, hàn, rèn.

Giúp sinh viên biết được phương pháp gia công không phôi như: cán, kéo, vuốt, uốn tạo hình sản phẩm.

9. Công nghệ thủy lực

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về công nghệ thủy lực, ứng dụng truyền động thủy lực trong công nghiệp.

Qua môn học, sinh viên được trang bị những kiến thức sau:

- Biết nhận dạng và hiểu được hoạt động của các phần tử dùng trong truyền động thủy lực.
- Biết cách tính toán xác định các thông số của các phần tử.
- Biết cách thiết kế, xây dựng một hệ thống thủy lực đáp ứng yêu cầu.

Ngoài ra, môn học còn cung cấp một số kiến thức trong điều khiển tự động có liên quan; sử dụng một số công cụ trong điều khiển nhằm mục tiêu tự động hóa hệ thống truyền động bằng thủy lực.

10. Công nghệ khí nén

Môn học trình bày các kiến thức cơ bản về công nghệ khí nén, ứng dụng công nghệ khí nén trong công nghiệp. Qua môn học, sinh viên được trang bị các kiến thức sau:

- Biết nhận dạng và hiểu được hoạt động của các phần tử dùng trong truyền động khí nén.
- Biết cách tính toán xác định các thông số của các phần tử.
- Biết cách thiết kế, xây dựng một hệ thống khí nén đáp ứng yêu cầu.

Ngoài ra, môn học còn cung cấp một số kiến thức trong điều khiển tự động có liên quan.

Sử dụng một số công cụ trong điều khiển nhằm mục tiêu tự động hóa hệ thống sử dụng công nghệ khí nén.

11. Cơ sở công nghệ chế tạo máy

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành một sản phẩm cơ khí, bản chất vật lý của quá trình cắt gọt, lý thuyết tạo hình bề mặt, các kiến thức về độ chính xác gia công, chất lượng bề mặt, gá đặt và đồ gá, các phương pháp gia công cắt gọt cụ thể như tiện, phay, bào, mài, v. v... với các nội dung về chuyển động tạo hình, dụng cụ, máy, khả năng và các biện pháp công nghệ.

Môn học truyền đạt những yêu cầu và chỉ tiêu công nghệ cần thiết nhằm nâng cao tính công nghệ trong quá trình thiết kế các kết cấu góp phần nâng cao hiệu quả chế tạo.

12. Môi trường công nghiệp và an toàn lao động

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết cũng như thực nghiệm để phòng chống tác hại nghề nghiệp nhằm cải thiện điều kiện ngăn ngừa tai nạn lao động, ý thức về bảo vệ môi trường lao động và môi trường sống, bảo đảm an toàn và bảo vệ sức khỏe cho bản thân người lao động và cho cộng đồng trong sản xuất.

13. Công nghệ chế tạo máy

Môn học này giới thiệu đến người học một số phương pháp gia công bằng điện vật lý và điện hóa học.

Lý thuyết và thực hành gia công một số bề mặt đặc biệt như: bề mặt ren, bề mặt răng, bề mặt định hình phức tạp.

Giới thiệu phương pháp thiết kế quy trình công nghệ gia công, thiết lập tính công nghệ trong kết cấu của các sản phẩm cũng như tiêu chuẩn hóa quy trình công nghệ, công nghệ gia công các chi tiết điển hình và thiết kế quy trình công nghệ lắp ráp nhằm đạt hiệu quả kinh tế nhất.

14. Thí nghiệm Kỹ thuật đo lường cơ khí

Nội dung thực tập trang bị cho sinh viên các thao tác và kỹ năng cơ bản thuộc các lĩnh vực sau:

- Sử dụng dụng cụ đo.
- Phương pháp đo sai số hình dáng và vị trí tương quan, đo lực
- Phương pháp đo các thông số của ren và bánh răng

15. Thí nghiệm Nguyên lý máy – Chi tiết máy

Môn học này giúp sinh viên thấy được những chuyển động thực các cơ cấu máy, quỹ đạo chuyển động của các cơ cấu.

16. Thực tập Cơ khí

Môn học này rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên từng thao tác: Dũa, cưa, hàn phương pháp hàn các dạng mối hàn. Vận hành gia công được trên các máy cắt gọt.

17. Thí nghiệm Công nghệ thủy lực

Môn học trang bị các kiến thức:

- Nhận dạng và hiểu rõ hoạt động của các phần tử trong công nghệ thủy lực.
- Phương pháp đo kiểm, xác định các thông số: áp suất (P), lưu lượng (Q) ...
- Lắp ráp mạch thủy lực theo sơ đồ nguyên lý cho trước.
- Kiểm chứng hoạt động của các phần tử thủy lực, sơ đồ mạch thủy lực.
- Lắp ráp mạch điều khiển hệ thống thủy lực đúng yêu cầu.

18. Thí nghiệm Công nghệ khí nén

Môn học trang bị các kiến thức:

- Nhận dạng và hiểu rõ được hoạt động của các phần tử khí nén.
- Phương pháp đo kiểm, xác định các thông số khí nén.
- Lắp được mạch khí nén theo sơ đồ hình vẽ.
- Kiểm chứng hoạt động của các phần tử khí nén, hoạt động của hệ thống khí nén.
- Nắm được sự tương quan trong việc xử lý logic giữa điện và khí nén.

19. Thực hành CNC

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Phương pháp vận hành máy CNC
- Kỹ thuật phay CNC
- Kỹ thuật tiện CNC

20. Giải tích mạch điện

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các định nghĩa: Phần tử mạch, phần tử nguồn độc lập và phụ thuộc.
- Các định luật cơ bản của mạch điện.
- Các phương pháp giải mạch cơ bản tại chế độ xác lập: Phương trình điện thế nút, phương trình dòng mắt lưới.

- Các định luật và các phương pháp giải mạch được bắt đầu khảo sát trong mạch một chiều với phần tử điện trở và mở rộng trong mạch xoay chiều với các phần tử R, L, C bằng tổng trở phức.
- Công suất, hệ số công suất, giản đồ vector phase mạch điện một pha và 3 pha với tải 3 pha cân bằng và không cân bằng.

21. Máy điện 1

Trình bày các nội dung sau đây cho bốn loại máy điện chính: Máy biến áp 1 pha ; Động cơ cảm ứng (không đồng bộ) 3 pha; Máy phát điện đồng bộ 3 pha; Máy phát và Động cơ một chiều.

- Cấu tạo, quá trình điện từ, nguyên tắc hoạt động.
- Mô hình toán, mạch tương đương.
- Các đặc tính làm việc.

22. Điện tử 1

Nguyên lý hoạt động và các mạch áp dụng của các linh kiện bán dẫn: Diode, Transistor, FET, UJT, PUT SCR TRIAC ... Mỗi linh kiện được giới thiệu trong môn học bao gồm hai nội dung chính:

- Đặc tính của mỗi chân ra trên linh kiện.
- Các nội dung lý thuyết khác nhằm giải thích đặc tính của mỗi chân ra của linh kiện.

Các nội dung trình bày theo hình thức: Tóm lược các phương trình và các định luật mô tả nguyên lý hoạt động của linh kiện, kèm theo là các thí dụ làm sáng tỏ và thuyết minh các qui luật áp dụng trong quá trình khảo sát linh kiện.

Giới thiệu các phần mềm SPICE (trong ORCAD) và NI Circuit Design hay MATLAB dùng mô phỏng và phân tích các mạch áp dụng của từng linh kiện.

23. Điện tử 2

Trọng tâm chính của môn học nhằm trang bị cho sinh viên các phương thức sử dụng nhanh gọn linh kiện Opamp là một dạng mạch tích hợp tuyến tính.

- Các kiến thức vật lý cơ sở và các phương trình mạch cơ bản.
- Mô hình Opamp khi hoạt động trong dây tuyến tính và các phương trình của Opamp lý tưởng để sinh viên có thể tính toán nhanh chóng các hàm truyền của Opamp với các đáp ứng AC.
- Giới thiệu các vấn đề: Hồi tiếp âm và các ứng dụng, mạch khuếch đại đo lường, mạch phát sóng tam giác, vuông và sin chính xác với tần số có thể điều chỉnh trong tầm rộng, các áp dụng đặc biệt của Opamp phối hợp với Diode.

24. Kỹ thuật số

Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về kỹ thuật số, chú trọng ứng dụng các loại vi mạch số để thiết kế hệ thống. Các nội dung chính bao gồm:

- Tổng quan về kỹ thuật số: Phân biệt tín hiệu số với tín hiệu tương tự, số nhị phân, các loại mã (BCD, HEXA, GRAY, ASCII), vi mạch số họ TTL và CMOS.
- Nguyên lý hoạt động, các đặc tính kỹ thuật của các loại vi mạch số thông dụng (Logic, Flip - Flop, Counter, Encoder, Decoder, Latch, Shift Register, Comparator, Memory, ADC, DAC).

- Đọc hiểu và phân tích được các sơ đồ mạch số. Thiết kế các hệ thống số theo yêu cầu, trên cơ sở áp dụng các vi mạch thông dụng.

25. Điện tử công suất

Giới thiệu tổng quát về nguyên lý hoạt động của các bộ biến đổi: AC sang DC (chỉnh lưu); DC sang DC (Chopper); DC sang AC (nghịch lưu) và AC sang AC (điều khiển pha).

Chú trọng các trường hợp: Mạch AC một pha và ba pha, đồng thời quan tâm đến tính chất tải (thuần trở, tải tính cảm: R, L; tải cảm có sức phản điện E) trong quá trình khảo sát.

Giới thiệu phương pháp xác định các thông số đánh giá chất lượng của các bộ biến đổi. Trình bày công cụ toán học, các phần mềm tiện ích áp dụng để khảo sát thông số mạch của các bộ biến đổi.

Giới thiệu các mạch phát xung kích hay điều khiển các linh kiện động lực chính trong mỗi bộ biến đổi.

26. PLC

Tổng quan về hệ thống điều khiển tự động dùng PLC: Giới thiệu sơ lược về vị trí PLC trong hệ thống điều khiển tự động tổng quát. Nguyên tắc hoạt động và các yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng PLC. Các lệnh điều khiển cơ bản của PLC trong các chương trình hoạt động dạng logic.

Các giải thuật lập trình PLC: Lưu đồ (Flowchart) và giản đồ tuần tự (Grafcet).

Các tập lệnh nâng cao của PLC và khối AD: Trình bày trên PLC họ Nano FX2N của nhà sản xuất Mitsubishi.

Phương thức kết nối PLC với các thiết bị ngoại vi: Bộ 4 đèn led 7 đoạn, bàn phím Hexa, thiết bị HMI.

27. Điều khiển tự động

Môn học trang bị đầy đủ, chính xác các lý thuyết cơ bản của hệ thống điều khiển tuyến tính có hồi tiếp. Môn học được trình bày theo hai nội dung chính:

- Các thuật ngữ và các vấn đề then chốt dùng trong hệ thống điều khiển có hồi tiếp; các kỹ thuật để xây dựng các công thức; phương pháp giải phương trình vi phân với hệ số hằng tuyến tính; phép biến đổi Laplace; phương pháp xác định tính ổn định của hệ thống tuyến tính; hàm số chuyển; sơ đồ khối và giản đồ dòng tín hiệu.
- Khảo sát bốn phương pháp giải tích và thiết kế cổ điển cho hệ thống điều khiển tuyến tính có hồi tiếp: Nyquist, Bode, quỹ đạo nghiệm và giản đồ Nichols.

28. Đo lường công nghiệp

Mục tiêu chính của môn học: Giải thích và minh họa phương pháp sử dụng các cảm biến hay các thiết bị chuyển đổi kèm theo các mạch điện tử.

Các nội dung chính được trình bày như sau:

- Cấu tạo, nguyên tắc làm việc, đặc tính và các áp dụng của các cảm biến nhiệt (RTD, Thermocouple, Thermistor); điện trở Strain gage - Loadcell; Encoder, phần tử Hall ... và các mạch điện tử biến đổi các tín hiệu vật lý cần đo thành các tín hiệu điện.

- Áp dụng vi điều khiển, PLC – AD block hay PCI card phối hợp phần mềm LabView để ghi nhận, hiển thị và xử lý các số liệu đo lường.

29. Thực tập Điện

Nội dung thực tập trang bị cho sinh viên các thao tác và kỹ năng cơ bản thuộc các lĩnh vực sau:

- Thiết trí điện dân dụng: Nối dây dẫn, lắp mạch vận hành đèn chiếu sáng thông dụng, mạch điện nôi, mạch điện ngầm, lắp đặt điện năng kế 1 và 3 pha.
- Vận hành động cơ điện: Đấu nối các mạch vận hành động cơ 3 pha cảm ứng thông dụng 1 và 3 pha. Đo dòng khởi động và không tải. Các mạch chỉnh tốc độ động cơ quạt điện dân dụng loại tụ thường trực.
- Quấn dây máy biến áp 1 pha.

30. Thí nghiệm Mạch điện

Thực hiện các thí nghiệm kiểm chứng các định luật cơ bản của mạch điện và áp dụng giải tích mạch trong các phép đo gián tiếp các thông số mạch.

- Kiểm chứng Định luật Kirchhoff 1 và 2 trong mạch điện DC và AC 1 pha, 3 pha
- Đo và xác định gián tiếp hệ số công suất của tải 1 pha.
- Kiểm chứng định luật bảo toàn công suất trong mạch điện DC.
- Xây dựng giản đồ vector bằng thực nghiệm cho các mạch 3 pha cân bằng và không cân bằng (khảo sát trong các mạch tải đấu Y và đấu Δ).

31. Thực tập Điện tử

Nội dung thực tập trang bị cho sinh viên các thao tác và kỹ năng cơ bản thuộc các lĩnh vực sau:

- Sử dụng máy đo VOM: Áp dụng đo điện trở, đo thử cực tính linh kiện bán dẫn diode, transistor.
- Xi chì hàn nối dây dẫn, hàn nối các linh kiện cho các mạch điện tử đơn giản.
- Thí nghiệm không tải và thí nghiệm ngắn mạch máy biến áp 1 pha.
- Thí nghiệm không tải và thí nghiệm ngắn mạch động cơ cảm ứng 3 pha.
- Đo đặc tính không tải và thí nghiệm ngắn mạch máy phát điện 3 pha.
- Đo đặc tính không tải, đặc tính tốc độ động cơ DC kích từ độc lập và song song.

32. Thí nghiệm Máy điện

- Thí nghiệm không tải và thí nghiệm ngắn mạch máy biến áp 1 pha.
- Thí nghiệm không tải và thí nghiệm ngắn mạch động cơ cảm ứng 3 pha.
- Đo đặc tính không tải và thí nghiệm ngắn mạch máy phát điện 3 pha.
- Đo đặc tính không tải, đặc tính tốc độ động cơ DC kích từ độc lập và song song.

33. Thí nghiệm Cung cấp điện

- Lắp các mạch điều khiển và động lực dùng contactor.
- Lắp các mạch điều khiển phối hợp giữa: Contactor, Relay thời gian (Timing Relay loại ON và OFF Delay) và Relay điều khiển (Control Relay).
- Lắp và vận hành mạch bảo vệ quá dòng dùng Relay nhiệt và Relay dòng.
- Vận hành các mạch bảo vệ thấp áp, quá áp, mất pha.
- Lắp và vận hành hệ thống ATS (điều khiển bằng khí cụ điện từ).
- Lắp và vận hành thiết bị bù điều chỉnh hệ số công suất.

34. Thí nghiệm Điện tử 1 & 2

- Khảo sát các mạch chỉnh lưu dùng diode không lọc và có dùng bộ lọc tụ.
- Mạch kẹp và mạch xén.
- Mạch ổn áp DC dùng diode Zener, Transistor, IC ổn áp có và không điều chỉnh.
- Các mạch khuếch đại dùng Transistor
- Mạch dao động đa hài và dao động đơn ổn.
- Mạch tạo trễ dùng RC, IC 555.

35. Thí nghiệm Truyền động điện

- Lắp các mạch điều khiển và động lực dùng giảm dòng khởi động động cơ không đồng bộ 3 pha.
- Lắp các mạch điều khiển và động lực dùng giảm dòng khởi động động cơ DC
- Vận hành các mạch bảo vệ quá dòng động cơ AC.
- Lắp và vận hành hệ thống phanh thắng động cơ
- Lắp và vận hành mạch đảo chiều quay động cơ AC 3 pha và động cơ DC
- Vận hành biến tần thay đổi tốc độ động cơ AC.

36. Thí nghiệm Điện tử công suất

- Khảo sát các bộ biến đổi: AC sang DC (chỉnh lưu); DC sang DC (Chopper) ; DC sang AC (nghịch lưu) và AC sang AC (điều khiển pha).
- Khảo sát các mạch phát xung kích hay điều khiển các linh kiện động lực chính trong mỗi bộ biến đổi trên.
- Vận hành biến tần điều chỉnh thay đổi tốc độ động cơ 3 pha.
- Khởi động mềm động cơ cảm ứng 3 pha

37. Thí nghiệm Kỹ thuật số

Môn học thí nghiệm trang bị cho sinh viên các kỹ năng thao tác trên “Circuit board” và sử dụng các máy đo VOM kim, VOM số và dao động ký.

Nội dung thực hiện bao gồm:

- Kiểm chứng tính chất mạch tổ hợp logic.
- Các mạch FlipFlop.
- Các mạch đếm, ghi dịch, mạch đếm mã Johnson.
- Các mạch giải mã đèn 7 đoạn

38. Thí nghiệm PLC

- Lập trình các lệnh cơ bản tác động ngõ vào và ngõ ra PLC.
- Lập trình các khối định thì và khối đếm.
- Lập trình dùng giải thuật Grafcet.
- Lập trình hiển thị số liệu đo dùng bộ đèn 4 Led 7 đoạn.
- Lập trình nhập dữ liệu vào PLC dùng bàn phím Hexa.
- Lập trình phối hợp PLC và AD thu thập dữ liệu analog.
- Lập trình phối hợp PLC và Work Station (HMI).

39. Thí nghiệm Vi xử lý

Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sau đây:

- Kết nối mạch và viết chương trình cho các LED đơn hoạt động nhấp nháy theo chu trình cho trước.
- Điều khiển xuất LED theo phương pháp chốt và phương pháp quét với cấu trúc phần cứng là giải mã cứng hoặc giải mã mềm.
- Kết nối mạch và viết chương trình đồng hồ điện tử sử dụng chức năng của Timer.
- Kết nối mạch và viết chương trình thể hiện đồng hồ điện tử trên LCD.
- Kết nối mạch và viết chương trình đọc dữ liệu từ ADC và thể hiện trên LCD
- Kết nối mạch và viết chương trình thể hiện số trên LED được đọc từ bàn phím.
- Lập trình một ứng dụng: Đọc nhiệt độ và thể hiện trên LCD cùng với đồng hồ.

40. Quản lý sản xuất

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản để ra quyết định trong quản lý sản xuất và tác vụ từ các vấn đề chiến lược như:

- Hoạch định mặt bằng và vị trí sản xuất. Hoạch định công nghệ và sản phẩm.
- Quản lý chất lượng.
- Quản lý nguồn lực đến các vấn đề chiến thuật như: Dự báo; quản lý tồn kho và nguyên vật liệu; hoạch định và điều độ sản xuất; quản lý dự án; quản lý bảo trì công nghiệp.

41. Robot công nghiệp

Ứng dụng robot trong công nghiệp: Tìm hiểu các khái niệm, cấu trúc và ứng dụng robot trong công nghiệp.

Bài toán động học và động lực học tay máy: Phương pháp giải bài toán động học (vị trí, vận tốc, gia tốc ...) và động lực học của tay máy.

Phương pháp điều khiển robot: Tìm hiểu các cơ cấu truyền động và cảm biến dùng trong robot công nghiệp, các phương pháp điều khiển áp dụng cho robot...

42. Hệ thống sản xuất tự động

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống sản xuất tự động. Môn học này trình bày những phần tử cơ bản nhất của một hệ thống sản xuất tự động (bộ phận cấp liệu và kiểm tra phân loại đầu vào, vận chuyển trung gian, bộ phận chế tác, đóng gói lắp ráp và kiểm tra, bộ điều khiển ...), phương thức liên kết giữa các bộ phận để tạo thành các trạm gia công tự động, các hệ thống sản xuất tự động.

Môn học còn giới thiệu đến các hệ thống sản xuất hiện đại như hệ thống sản xuất linh hoạt FMS (Flexible manufacturing system), hệ thống sản xuất tích hợp CIM (Computer integrated manufacturing system); các nguyên tắc, thủ tục truyền thông của các bộ điều khiển dùng trong công nghiệp.

43. Công nghệ CAD/CAM/CNC

Các khái niệm về CAD/CAM/CNC là phương tiện hay công cụ thiết kế và gia công với sự trợ giúp của máy tính.

Hiệu và vận dụng được phần mềm CAD/CAM trong thiết kế và gia công.

Bằng ngôn ngữ lập trình NC, sinh viên lập chương trình gia công các sản phẩm đã có bản vẽ chi tiết, các điều kiện cũng như vật liệu (biết chế độ cắt) trên máy CNC.

44. Cung cấp điện

Khí cụ điện: Nguyên tắc hoạt động và phương pháp chọn lựa các loại khí cụ điện từ thông dụng dùng trong lãnh vực điều khiển và bảo vệ: Contactor, Relay thời gian ON và OFF delay, Cầu chì, MCCB, ELCB.

Tính toán công suất tải của xí nghiệp công nghiệp (áp dụng tiêu chuẩn tính toán theo IEC).

Phương pháp nối đất an toàn: Tác dụng của dòng điện đối với con người khi chạm điện trực tiếp hay gián tiếp, điện áp tiếp xúc. Các phương pháp nối đất an toàn theo tiêu chuẩn IEC: TT ; TNS, TNC và IT.

Tính toán kích thước, chủng loại dây dẫn, phương pháp lắp đặt. Kiểm tra độ sụt áp. Tính toán dòng ngắn mạch điện kiểm tra tuổi thọ khí cụ bảo vệ.

45. Truyền động điện 1

Trình bày các phương pháp truyền thống giảm dòng khởi động: Động cơ DC và động cơ cảm ứng 3 pha.

Phương pháp thay đổi tốc độ động cơ 3 pha dùng phương pháp đấu đổi cực.

Đặc tính cơ và phương pháp điều chỉnh thay đổi tốc độ của các loại động cơ.

Các phương pháp phanh thắng cho các loại động cơ DC và động cơ cảm ứng ba pha.

46. Vi xử lý và vi điều khiển

Giới thiệu cấu trúc và nguyên lý hoạt động của vi điều khiển hay vi xử lý. Phương thức giao tiếp vi điều khiển với các thiết bị ngoại vi. Tập lệnh và phương pháp xây dựng lưu đồ giải thuật. Một số các áp dụng thông dụng dùng vi điều khiển.

47. Nội dung các môn tự chọn

Mục tiêu chính của các môn học tự chọn được xây dựng trong học kỳ 7 và 8 nhằm trang bị kiến thức mới (hiện đang được áp dụng) không thuộc nhóm kiến thức cốt lõi của ngành được đào tạo.

Các môn học tự chọn được xây dựng trên cơ sở định hướng cho sinh viên phát triển năng lực của mình theo các hướng chuyên sâu của ngành đào tạo.

Các môn học tự chọn có thể thay đổi trong quá trình đào tạo, giúp sinh viên có thể cập nhật kiến thức mới đúng thời điểm. Tuy nhiên, chu trình thay đổi các môn học tự chọn cần cân nhắc để có thể đảm bảo quá trình quản lý trong công tác đào tạo.

Các môn học thuộc lãnh vực: **Cơ khí chế tạo Cơ – Điện tử**

- Máy CNC
- Máy chế biến
- Kỹ thuật khuôn mẫu
- Cơ – điện tử ứng dụng
- Tối ưu hóa

- Quản lý kỹ thuật và bảo trì công nghiệp

Các môn học thuộc lĩnh vực: **Kỹ thuật điện – điện tử Điều khiển tự động**

- Máy điện 2
- Truyền động điện 2
- Mạng PLC và hệ thống SCADA
- Điều khiển thông minh
- Áp dụng phần mềm Matlab
- Giao tiếp máy tính dùng Labview

48. Đồ án Cung cấp điện

Thông qua quá trình thực hiện đồ án, từ sơ đồ mặt bằng và các bảng số liệu kỹ thuật của toàn bộ trang thiết bị trong xí nghiệp; sinh viên có khả năng:

- Xác định tổng công suất cần trang bị cho xí nghiệp.
- Chọn lựa được sơ đồ nối đất an toàn.
- Chọn lựa các khí cụ đóng ngắt và các khí cụ bảo vệ lắp đặt trong các tủ động lực và các tủ phân phối.
- Chọn phương án lắp đặt và kích thước dây dẫn.
- Xác định công suất máy phát dự phòng và hệ thống tự động điều chỉnh bù nâng hệ số công suất.

49. Đồ án Chi tiết máy

Môn học này củng cố những kiến thức nguyên lý máy, chi tiết máy. Rèn luyện kỹ năng tính toán thiết kế cho sinh viên.

50. Đồ án Công nghệ chế tạo máy

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về:

- Trình tự thiết lập quy trình công nghệ chế tạo máy.
- Thiết kế nguyên công.
- Thiết kế đồ gá.
- Chọn phôi, chọn sơ đồ gá đặt, tính toán và chọn lượng dư gia công.
- Chọn chế độ cắt.

Tạo cho sinh viên phát huy tối đa tính độc lập sáng tạo để giải quyết một vấn đề công nghệ cụ thể.

51. Thí nghiệm Cơ – Điện tử

Trang bị cho sinh viên kỹ năng phối hợp, hệ thống hóa và vận dụng các kiến thức liên quan đến các lĩnh vực: Cơ khí, điện, điện tử và điều khiển để thiết kế một bộ phận hoặc máy công tác đặc trưng trong thực tế.

52. Thực tập tốt nghiệp

Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ được gửi đến một cơ sở thực tập phù hợp với chuyên ngành học của mình như: Nhà máy, xí nghiệp và viện nghiên cứu.

Sinh viên thực tập sẽ tập sự như cán bộ kỹ thuật của cơ sở, nắm bắt các vấn đề thực tế sản xuất như thiết kế hệ thống, vận hành, điều hành sản xuất, theo dõi và quản lý. Giảng viên thuộc Khoa và cán bộ hướng dẫn ở cơ sở sẽ giao đề tài thực tập.

Đợt thực tập sẽ giúp cho sinh viên nâng cao kinh nghiệm và kỹ năng thực tiễn, đồng thời cũng giúp sinh viên củng cố kiến thức tổng quát và chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho luận văn tốt nghiệp sau thực tập.

Kết thúc đợt thực tập tốt nghiệp, sinh viên phải nộp cho Khoa bài báo cáo thực tập đã được cán bộ hướng dẫn nhận xét và đánh giá.

53. Luận văn tốt nghiệp / Bài thi tốt nghiệp

Sinh viên được giao thực hiện Luận văn tốt nghiệp trong ngành đào tạo do giảng viên trong hoặc ngoài Khoa hướng dẫn được Trường khoa duyệt.

Đề tài của Luận văn có thể được phát triển mở rộng từ đề tài thực tập tốt nghiệp, hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, hoặc khảo sát một vấn đề trong chuyên ngành công nghệ, hoặc đề tài lý thuyết.

Luận văn tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng trong phân tích, lập phương án thiết kế, tính toán thiết lập sơ đồ và trình bày bản vẽ minh họa.

Kết quả nghiên cứu được trình bày trong các chương của thuyết minh luận văn bao gồm phát triển lý thuyết và kết quả thực nghiệm được minh họa bởi sơ đồ, bản vẽ tổng quát và chi tiết.

Luận văn tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của người kỹ sư tương lai và sẽ được thực hiện đúng theo quy định của Khoa và Trường.

Luận văn tốt nghiệp sẽ được sinh viên trình bày, bảo vệ và được phê duyệt trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp của Khoa.

C. Tóm tắt các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện Điện tử, Điện tử Truyền thông và Điều khiển tự động

1. Toán chuyên ngành 1: Xác suất thống kê

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp các kiến thức về xác suất thống kê cũng như ứng dụng trong các chuyên ngành kỹ thuật.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có nhập môn thống kê, đại lượng xác suất, quy luật phân phối, lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng, kiểm định giả thiết thống kê, tương quan và hồi quy mẫu.

2. Tin học chuyên ngành 1: Ngôn ngữ lập trình C / C++

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản và nâng cao về kỹ thuật lập trình với ngôn ngữ lập trình C/C++.

Tóm tắt môn học: Giới thiệu về cấu trúc chương trình, khai báo biến, lệnh nhập xuất, toán tử gán, số học, logic và quan hệ, cấu trúc điều khiển, hàm kiểu void và kiểu return, biến mảng, kiểu liệt kê, cấu trúc, biến con trỏ, tạo, đóng mở file dữ liệu, truyền thông giao tiếp, lập trình hướng đối tượng.

3. Thực hành Tin học chuyên ngành 1: Ngôn ngữ lập trình C / C++

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực hành trực tiếp trên máy tính với ngôn ngữ lập trình C/C++ phục vụ chuyên ngành nhằm giúp sinh viên có tư duy kỹ năng lập trình.

Tóm tắt môn học: Nội dung thực hành bao gồm các bài thực hành như làm quen với môi trường làm việc của ngôn ngữ lập trình C/C++, cấu trúc chương trình và các lệnh nhập xuất có định dạng, các toán tử gán, tách, kết thúc câu lệnh, toán tử số học, toán tử so sánh, toán tử logic và cấu trúc điều khiển, hàm con, mảng và con trỏ, biến tham chiếu và cấp phát bộ nhớ động, tạo, đóng mở file dữ liệu và truyền thông với các thiết bị ngoại vi, lập trình hướng đối tượng với C/C++.

4. Mạch điện

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức giải tích mạch điện ở chế độ xác lập và quá độ.

Tóm tắt môn học: Các khái niệm cơ bản về mạch điện, mô hình, các phần tử mạch, công suất và năng lượng, định luật Kirchoff.

Phân tích mạch ở chế độ xác lập điều hòa như ảnh phức, quan hệ áp dòng trên phần tử R, L, C, trở kháng và dẫn nạp, định luật Kirchoff dạng phức, phân tích mạch dùng ảnh phức, đồ thị vector, biến đổi mạch, công suất, phối hợp trở kháng giữa tải và nguồn và mạch cộng hưởng.

Các phương pháp phân tích mạch như phương pháp dòng nhánh, dòng mắt lưới, điện thế nút, mạch có ghép hồ cảm và biến áp lý tưởng, mạch có khuếch đại thuật toán, định lý Thévenin và Norton, quan hệ tuyến tính, nguyên lý tỷ lệ và nguyên lý xếp chồng, định lý Telegen, định lý tương hỗ và định lý chuyển vị nguồn.

Mạch ba pha gồm khái niệm và thí dụ, phân tích mạch ba pha, mạch ba pha đối xứng và công suất.

5. An toàn điện

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết về an toàn điện, phân tích nguyên nhân và hậu quả đồng thời đưa ra các giải pháp giúp phòng ngừa và khắc phục tác hại của các sự cố về điện.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có các khái niệm cơ bản về an toàn điện, phân tích an toàn điện trong các mạng điện đơn giản, trong mạng điện 3 pha, bảo vệ nối đất, bảo vệ chống sét, thiết bị chống dòng rò, những vấn đề ảnh hưởng của trường điện từ, tần số cao, tần số công nghiệp và đề phòng tĩnh điện.

6. Trường điện từ

Mục tiêu môn học: Giới thiệu cho sinh viên về những đặc tính chính của trường điện từ như là trường điện tĩnh, trường từ tĩnh, lực từ và phương trình Maxwell

Tóm tắt môn học: Giáo trình bao gồm 4 chương:

Chương 1, gồm 3 phần là đại số vector, hệ trục tọa độ và các phép toán vector. Trong phần này, sẽ giới thiệu cách phân tích vector và hệ trục tọa độ bởi vì phân tích vector và hệ trục tọa độ là nền tảng toán học cơ bản cho các tính toán ở các chương tiếp theo.

Chương 2, sẽ tập trung phân tích trường điện tĩnh bao gồm những luật cơ bản như luật Coulomb, Gauss ... Và tính toán cường độ trường, mật độ thông lượng điện, mật độ năng lượng trong trường điện tĩnh và phương trình Maxwell.

Chương 3, sẽ phân tích trường từ tĩnh và lực từ. Trong chương này sẽ học về luật Biot – Svat, Ampere và tính lực do trường từ, moment xoắn và moment từ, điều kiện biên, năng lượng từ.

Chương cuối cùng, chương 4, bao gồm phương trình Maxwell và sự lan truyền sóng điện từ. Sẽ học về luật Faraday, phương trình Maxwell dạng cuối cùng và sự lan truyền sóng điện từ phẳng trong các môi trường.

7. Tín hiệu và hệ thống

Mục tiêu môn học: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên căn bản vững vàng về mô tả tín hiệu, thành phần phổ của các tín hiệu thông thường, mô tả đặc trưng của các hệ tuyến tính qua đáp tuyến xung và tần số, thay đổi các đặc tính của tín hiệu qua bộ lọc và điều chế.

Định lý lấy mẫu tín hiệu và vai trò trung tâm của nó trong mô tả tín hiệu số được nhấn mạnh. Kinh nghiệm lập trình MATLAB sẽ thu thập được qua các bài tập.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm các khái niệm cơ sở về mô tả tín hiệu, tích chập và các thay đổi của đáp tuyến tần số tác động bởi các hệ thống tuyến tính. Ngoài ra là phân tích Fourier của tín hiệu và các hệ thống. Các khái niệm cơ bản được minh họa qua các bài tập và dự án xử lý tín hiệu âm thanh số dùng MATLAB.

8. Kỹ thuật điện

Mục tiêu môn học: Môn học giới thiệu và phân tích các kiến thức cần thiết về các mạch điện trong chế độ xác lập, tính toán thông số, các kiến thức liên quan đến khảo sát, tính toán và vận hành máy điện cơ bản.

Tóm tắt môn học: các kiến thức cơ bản về điện, các phương pháp giải mạch điện, máy biến áp, máy điện xoay chiều và một chiều

9. Đo lường điện và thiết bị đo

Mục tiêu môn học: Nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực đo lường. Nắm được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo lường thông dụng có mặt trên thị trường. Môn học giúp sinh viên có thể thiết kế và thi công các hệ thống đo lường.

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về lý thuyết cũng như ứng dụng trong lĩnh vực đo lường các đại lượng điện và đại lượng không điện. Trình bày cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo đang sử dụng rộng rãi trên thị trường như là volt kế DC/AC, ampe kế DC /AC, watt kế . . . Trình bày nguyên lý hoạt động và đặc tính kỹ thuật của các cảm biến đo các đại lượng cơ, nhiệt, quang học, cơ học lưu chất . . . Các phương pháp gia công và xử lý tín hiệu.

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản phân tích và thiết kế các hệ thống đo lường.

10. Thí nghiệm Mạch điện

Mục tiêu môn học: Môn học này giúp sinh viên thực hành trên các thiết bị đo lường cơ bản như: Volt kế, Amper kế, Watt kế, máy phát sóng, dao động ký các bài thí nghiệm giúp sinh viên có thể

kiểm chứng lại các qui luật hay hiện tượng trong các mạch: mạch một pha, mạch điện DC và AC, mạch ba pha, mạng hai cửa, mạch cộng hưởng, mạch khuếch đại thuật toán, mạch quá độ và mạch có chứa các phần tử phi tuyến. Ngoài ra còn có một số bài thí nghiệm mà ở đó sinh viên sử dụng các phần mềm mô phỏng mạch trên máy tính để khảo sát và thiết kế mạch điện.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có các bài thí nghiệm dựa trên cơ sở môn học lý thuyết mạch điện như sử dụng thiết bị trong thí nghiệm mạch, khảo sát cấp số đặc nhánh, khảo sát mạch ba pha, mạch cộng hưởng, khảo sát quá độ trong mạch tuyến tính và khảo sát mạch khuếch đại thuật toán.

11. Thực hành Điện

Mục tiêu môn học: môn học giúp sinh viên khảo sát và thực hành các mạch điện cơ bản, phát triển các kỹ năng mắc mạch, vận hành và sửa chữa những mạch điện cơ bản.

Tóm tắt môn học: các mạch đèn cơ bản, các mạch chuông, ổ cắm, các mạch điều khiển công tơ điện, các mạch contactor

12. Thực hành Điện tử

Mục tiêu: Nhằm giúp cho SV kiến thức cơ bản về các linh kiện điện tử thông dụng đồng thời thực hành phân tích mạch, giải thích nguyên lý hoạt động và lắp ráp một số mạch điện tử đơn giản, trên cơ sở đó củng cố lại kiến thức đã học ở lý thuyết.

Tóm tắt nội dung:

- SV thực tập sử dụng mỏ hàn, cách xi chì và hàn nối một số loại dây đồng
- Nhận dạng và đọc trị số một số linh kiện cơ bản như điện trở, tụ điện, transistor, diode...
- Thực tập lắp ráp các loại mạch cơ bản
- Hướng dẫn SV thiết kế mạch in và vẽ mạch

13. Thí nghiệm Đo lường và thiết bị điện

Nội dung thí nghiệm liên quan đến môn Đo lường và thiết bị điện

14. Điện tử 1

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho người học phương pháp tính toán các thông số kỹ thuật của các dạng mạch khuếch đại và từ đó đưa ra phương pháp thiết kế mạch khuếch đại tương ứng.

Tóm tắt môn học: Môn học giới thiệu nguyên lý hoạt động của diot chỉnh lưu, diod Lezer, BJT, FET, MOSFET, OP. AMP cũng như sơ đồ tương đương của các linh kiện trên và từ đó xác định độ lợi dòng, độ lợi áp, trở kháng vào và trở kháng ra của mạch khuếch đại tương ứng.

15. Điện tử 2

Mục tiêu môn học: Nhằm cung cấp cho sinh viên phương pháp phân tích tính toán các dạng mạch khuếch đại dùng BJT và FET.

Tóm tắt môn học: Môn học nhằm giới thiệu phương pháp xác định băng thông của mạch khuếch đại dùng BJT hay FET bằng cách biểu diễn qua đồ thị BODE. Ngoài ra còn phân tích tính toán các dạng mạch khuếch đại công suất âm tần, mạch khuếch đại cộng hưởng.

16. Kỹ thuật số (Điện tử số)

Mục tiêu môn học: Hoàn thành môn học sinh viên có kiến thức tổng quan về các cổng và hàm Logic cơ bản, các phương pháp biểu diễn, rút gọn, biến đổi và thiết kế hàm Logic. Sinh viên còn hoàn thiện các khả năng phân tích và thiết kế các mạch tổ hợp, mạch tuần tự. Sinh viên được trang bị các kiến thức để sử dụng các vi mạch số trong việc thiết kế các ứng dụng thực tế.

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hệ thống số đếm và các loại mã hóa, các kiến thức để biểu diễn, biến đổi, rút gọn và phân tích hàm Boole (Hàm Logic), các kiến thức cơ bản về các cổng Logic cơ bản, các hàm Logic cơ bản. Môn học đưa ra các phương pháp phân tích và thiết kế mạch tổ hợp cũng như mạch tuần tự.

17. Vi xử lý

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng về vi xử lý. Trên cơ sở đó tìm hiểu họ vi điều khiển MCS - 51 đang được sử dụng rộng rãi trong thực tế, ngôn ngữ lập trình cũng như các chức năng của họ MCS - 51. Ứng dụng vi điều khiển trong giao tiếp các ngoại vi cơ bản như giải mã địa chỉ, led đơn, led ma trận, LCD, cảm biến, động cơ, bàn phím, nút nhấn, các IC số.

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vi xử lý, phần cứng họ MCS - 51, lập trình hợp ngữ họ MCS - 51, các chức năng họ vi điều khiển MCS - 51, giao tiếp ngoại vi.

18. Thí nghiệm Điện tử 1

Mục tiêu môn học: Môn học nhằm giúp sinh thí nghiệm các đại lượng điện của Diod BJT, FET và mạch khuếch đại đa tầng, mạch hồi tiếp và mạch khuếch đại thuật tron.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có các bài thí nghiệm dựa trên môn học lý thuyết Điện tử 1 như đo và khảo sát các đại lượng điện, nhận dạng và vẽ các đặc tuyến Diod và Volt - Ampier, nhận dạng và vẽ các đặc tuyến BJT, Transistor và FET, quan sát và đo mạch khuếch đại, khảo sát và đo mạch khuếch đại đảo.

19. Thí nghiệm Điện tử 2

Mục tiêu môn học: Môn học nhằm giúp sinh viên thí nghiệm xét đáp ứng tần số thấp và tần số cao của mạch, cùng xét các thông số mạch khuếch đại công suất âm tần và cộng hưởng

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có các bài thí nghiệm dựa trên cơ sở môn học lý thuyết Điện tử 2 như:

- Khảo sát tần số thấp của mạch khuếch đại dùng BJT, đo băng thông và vẽ đặc tuyến.
- Khảo sát tần số cao của mạch khuếch đại dùng BJT, đo băng thông và vẽ đặc tuyến.
- Khảo sát tần số thấp của mạch khuếch đại dùng FFT, đo băng thông và vẽ đặc tuyến
- Khảo sát mạch khuếch đại công suất, đo và quan sát.
- Khảo sát mạch cộng hưởng, đo và vẽ đặc tuyến

20. Thí nghiệm Kỹ thuật số

Mục tiêu môn học: Môn học giúp sinh viên khảo sát các cổng Logic cơ bản, Phân tích thiết kế mạch tổ hợp dùng các cổng Logic, khảo sát các vi mạch tổ hợp thông dụng và ứng dụng của các vi mạch tổ hợp.

Sinh viên khảo sát các phần tử nhớ cơ bản Flip – Flop, sử dụng Flip – Flop thiết kế mạch đếm, khảo sát các vi mạch đếm thông dụng và mạch ứng dụng các vi mạch đếm.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có các bài thí nghiệm dựa trên môn học lý thuyết điện tử số như khảo sát các vi mạch của các cổng logic, khảo sát các vi mạch 74 LS, thiết kế mạch đếm đồng bộ, khảo sát các vi mạch ghi dịch, bộ nhớ ROM và RAM.

21. Thí nghiệm Vi xử lý

Mục tiêu môn học: Môn học giúp sinh viên làm quen với kiến trúc vi điều khiển MCS - 51, ngôn ngữ assembly và các ứng dụng trong giao tiếp các ngoại vi như LCD, cảm biến, bàn phím, nút nhấn, các IC số

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có các bài thí nghiệm dựa trên cơ sở môn học lý thuyết vi xử lý như giao tiếp port nhập / xuất, bộ định thời và ngắt, mở rộng port nhập / xuất dùng IC chốt giao tiếp led 7 đoạn và led ma trận, giao tiếp bàn phím, chuyển đổi số - tương tự và điều khiển động cơ.

22. Hệ thống điều khiển tự động

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực nghiệm của môn học lý thuyết hệ thống điều khiển tự động thông qua các bài thí nghiệm phân tích mô phỏng đặc tính động học, thiết kế và mô phỏng các hệ thống điều khiển của các đối tượng cụ thể bằng mô hình toán và mô hình thực sử dụng Matlab.

Tóm tắt môn học: Môn học bao gồm bài 1 phân tích và mô phỏng các đặc tính động học của các đối tượng động cơ DC, nhiệt độ và hệ mực chất lỏng ở miền thời gian, bài 2 phân tích và mô phỏng các đặc tính động học của các đối tượng ở bài 1 ở miền tần số, bài 3 thiết kế các bộ điều khiển P, PD, PI và PID cho đối tượng động cơ, bài 4 và bài 5 như bài 3 nhưng cho các đối tượng nhiệt độ và hệ bồn nước.

23. Thí nghiệm Hệ thống điều khiển tự động

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực nghiệm của môn học lý thuyết hệ thống điều khiển tự động thông qua các bài thí nghiệm phân tích mô phỏng đặc tính động học, thiết kế và mô phỏng các hệ thống điều khiển của các đối tượng cụ thể bằng mô hình toán và mô hình thực sử dụng Matlab.

Tóm tắt môn học: Môn học bao gồm:

Bài 1: Phân tích và mô phỏng các đặc tính động học của các đối tượng động cơ DC, nhiệt độ và hệ mực chất lỏng ở miền thời gian

Bài 2: Phân tích và mô phỏng các đặc tính động học của các đối tượng ở Bài 1 ở miền tần số.

Bài 3: Thiết kế các bộ điều khiển P, PD, PI và PID cho đối tượng động cơ.

Bài 4 và Bài 5 như Bài 3 nhưng cho các đối tượng nhiệt độ và hệ bồn nước.

24. Ăng ten truyền sóng

Mục tiêu môn học: Giới thiệu cho sinh viên về những đặc tính chính của ăng ten và truyền sóng như là đồ thị bức xạ, độ lợi, hiệu suất Và đặc tính lan truyền của sóng trong các môi trường khác nhau.

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp các kiến thức về truyền sóng và ăng ten như truyền sóng trên đường dây dẫn, truyền sóng trên ống dẫn sóng và truyền sóng vô tuyến. Cung cấp phương pháp tính và vẽ đồ thị bức xạ của ăng ten, tính độ lợi và độ định hướng. Hệ thống bức xạ và ăng ten thông minh.

25. Bảo vệ hệ thống điện

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bảo vệ hệ thống điện.

Tóm tắt môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức như các khái niệm cơ bản về bảo vệ relay trong hệ thống điện, các nguyên tắc bảo vệ relay, các thiết bị tự động hóa bảo vệ trong hệ thống điện.

26. Công nghệ Chip

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về công nghệ mạch tích hợp. Tạo điều kiện tiếp cận với công nghệ vi mạch đang phát triển ở Việt Nam. Giúp sinh viên có điều kiện thuận lợi khi xin việc tại các nhà máy sản xuất IC, đặc biệt về Assembly & Test

Tóm tắt môn học: Tổng quan về quá trình sản xuất IC: từ dự án đến IC thành phẩm, các component tích hợp trên wafer – Kỹ thuật Bipolar & MOS, Assembly & Packaging & Testing.

27. Công nghệ robot

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho Sinh viên cái nhìn tổng quan và một số kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Robot. Các kiến thức đưa ra bao gồm cả lý thuyết và thực hành, giúp Sinh viên hiểu và giải quyết được những vấn đề cơ bản có ý nghĩa thực tế của Robot.

Nội dung môn học: Giới thiệu cơ bản về các loại Robot: cấu trúc và đặc tính động học của chúng, cùng các sơ đồ điều khiển, ngôn ngữ và cách lập trình. Đưa ra một mô hình Robot cụ thể (tay máy hoặc mô hình Robot di chuyển) để Sinh viên tập trung tìm hiểu và giải quyết các bài toán liên quan.

28. Cung cấp điện

Mục tiêu môn học: Cung cấp kiến thức về phần thiết kế hệ thống cung cấp điện: tính toán phụ tải điện, tính toán ngắn mạch, tính chọn dây dẫn, lựa chọn các phần tử trong hệ thống cung cấp điện, tính toán chiếu sáng, tính toán chống sét - nối đất và phương pháp nâng cao chất lượng điện năng.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm: tính toán phụ tải điện, tính toán ngắn mạch, tính chọn dây dẫn, lựa chọn các phần tử trong hệ thống cung cấp điện, tính toán chiếu sáng, tính toán chống sét - nối đất và phương pháp nâng cao chất lượng điện năng.

29. Điện tử công suất

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực điện tử công suất và những ứng dụng của nó trong công nghiệp và trong các dây chuyền sản xuất tự động hóa.

Tóm tắt môn học: Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về linh kiện điện tử công suất, bộ biến đổi, sau đó phân tích các ứng dụng của chúng trong công nghiệp như các bộ nguồn một chiều, xoay chiều, các bộ truyền động động cơ một chiều, xoay chiều. Môn học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành tự động hóa và điều khiển khả năng thiết kế và vận hành các thiết bị liên quan trong hệ thống tự động hóa hay điều khiển.

30. Điện tử thông tin

Mục tiêu môn học: cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về thông tin vô tuyến, hiểu nguyên lý cơ bản của các mạch trong máy phát, máy thu và đường truyền vô tuyến, có khả năng đọc hiểu các thiết kế mới. Hướng cho sinh viên cách thiết kế các mạch cụ thể.

Tóm tắt môn học: môn học bao gồm các nội dung về thông tin điện tử căn bản: phân bố tần số, nhiễu trong hệ thống, các phương pháp nhân, đổi tần, khuếch đại tín hiệu cho đến các mạch dao động, lọc tín hiệu, điều chế và giải điều chế, các hệ thống máy thu, phát.

31. Đo lường và cảm biến

Mục tiêu môn học: môn học mô tả những vấn đề cơ bản của kỹ thuật đo lường bằng cảm biến, giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản trong lãnh vực đo lường các đại lượng vật lý: nguyên lý làm việc, cấu tạo, các đặc tính cơ bản, các mạch đo và ứng dụng của các bộ cảm biến trong hệ thống đo lường và điều khiển.

Tóm tắt môn học: sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về cảm biến nhiệt, cảm biến quang, cảm biến vị trí và dịch chuyển, cảm biến vận tốc và gia tốc, cảm biến lực,... trên cơ sở lý thuyết đó sinh viên có thể bảo trì, bảo dưỡng cũng như thiết kế các hệ thống trong xí nghiệp công nghiệp, các hệ thống điều khiển tự động.

32. Hệ thống điện

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về mạng lưới điện trong lĩnh vực điện công nghiệp.

Tóm tắt môn học: Môn học giới thiệu và phân tích các kiến thức cần thiết về mạng lưới điện trong chế độ xác lập, tính toán thông số đường dây, khảo sát vận hành đường dây, tính toán phân bố công suất, thành lập ma trận tổng trở thanh cái và một số phương pháp tính.

33. Hệ thống thông tin quang

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin sợi dẫn quang: các thuật ngữ trong thông tin sợi quang; chức năng, hoạt động và cấu trúc cơ bản các khối cấu tạo nên hệ thống thông tin sợi quang; một số thiết kế cơ bản dùng trong các mạch thu phát quang.

Kỹ thuật thông tin quang cũng còn đang trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển ứng dụng, một số vấn đề được đưa ra nhằm định hướng cho nghiên cứu sâu hơn.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có các loại sợi dẫn quang, cấu tạo và nguyên lý truyền sóng, đặc tính và thông số kỹ thuật tác động đến việc truyền tải thông tin, các thiết bị trong hệ thống truyền tin sợi dẫn quang, Laserdiode và photodiode, mạch phát và thu tín hiệu quang, thiết kế đường truyền thông tin sợi dẫn quang, dòn kênh phân bước sóng.

34. Hệ thống viễn thông

Mục tiêu môn học: Hoàn thành môn học, sinh viên có kiến thức tổng quan về các hệ thống viễn thông, nắm rõ việc phân tích, biểu diễn dạng thông tin, xử lý thông tin trong việc truyền và nhận thông tin trong các hệ thống viễn thông. Nắm cơ bản các dạng sơ đồ khối mạch có thể ứng dụng trong việc xử lý, truyền và nhận thông tin.

Tóm tắt môn học: Mục đích cơ bản của hệ thống viễn thông là phân tích, tính toán và xử lý thông tin để truyền thông tin từ nơi này đến nơi khác. Thông tin nguồn có thể ở dạng analog (tương tự), như tiếng nói của con người hay tiếng nhạc, hay dạng digital (số), như số mã nhị phân hay các mã ký số. Tất cả thông tin phải được chuyển sang năng lượng điện từ trước khi đưa vào hệ thống viễn thông điện tử. Vì các lý do đó, môn học này trình bày các kiến thức về lý thuyết và hệ thống viễn thông từ cơ sở đến nâng cao, như phát, thu, xử lý thông tin (các kỹ thuật điều chế, giải điều chế, mã hóa, trộn, nhiễu . . .) và sử dụng các mạch điện tử để truyền thông tin này.

35. Khí cụ điện và máy điện

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức qua các định luật cơ bản về mạch từ, cấu tạo, đặc tính, tính toán chọn công suất, vận hành và điều khiển được các loại máy điện thông dụng.

Tóm tắt môn học: Giới thiệu về cấu tạo, nguyên tắc làm việc, mô hình toán và đặc tính cơ của bốn loại máy điện: Máy biến áp, động cơ điện không đồng bộ 3 pha, máy phát điện xoay chiều và máy điện một chiều.

36. Kỹ thuật chuyển mạch

Mục tiêu môn học: Môn học ôn lại kiến thức về mạng viễn thông, mạng PSTN, vai trò của hệ thống chuyển mạch. Trang bị kiến thức về kỹ thuật PAM, TDM, PCM và các kỹ thuật chuyển mạch. Các kiến thức có liên quan như báo hiệu, đồng bộ, kết cuối, ghép kênh, kỹ thuật điều khiển. Tìm hiểu cấu trúc chuyển mạch của một số tổng đài NEAX61E, AXE - 10, E10, S12, . . .

Tóm tắt môn học: Kiến thức căn bản về điện thoại và tổng đài, hệ thống chuyển mạch số, các kiến thức cơ bản về báo hiệu, điều khiển, kết cuối, xử lý cuộc gọi và kỹ thuật ghép kênh.

37. Kỹ thuật điều khiển hiện đại

Mục tiêu môn học: cung cấp các kiến thức về phân tích, thiết kế, mô phỏng với các phương pháp điều khiển nâng cao và hiện đại ứng dụng trong các dây chuyền sản xuất, trong các hệ thống công nghiệp của quá trình tự động hóa.

Tóm tắt môn học: môn học bao gồm phần giới thiệu các phương pháp như điều khiển phi tuyến, điều khiển thích nghi, điều khiển tối ưu, điều khiển mờ và điều khiển nơ - ron.

38. Máy tính và mạng

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng về cấu trúc máy tính; các kiến thức căn bản về mạng máy tính, kiến trúc và thành phần của một mạng LAN. Tìm hiểu hệ điều hành mạng và các dịch vụ mạng cơ bản. Trên cơ sở đó học kỹ năng phân tích và thiết kế các mạng LAN có qui mô nhỏ.

Tóm tắt môn học: Kiến thức cơ bản cấu trúc máy tính, kiến thức cơ bản về mạng máy tính, các hệ điều hành mạng và các dịch vụ cơ bản, kỹ năng phân tích và thiết kế mạng LAN cơ bản.

39. Mô hình và mô phỏng

Mục tiêu môn học: Cung cấp các phương pháp xây dựng mô hình toán từ các hệ thống vật lý, giải các hệ phương trình vi phân, phân tích và mô phỏng các hệ thống ở miền thời gian và miền tần số với Matlab, thiết kế và mô phỏng các hệ thống điều khiển.

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp các phương pháp xây dựng mô hình toán của các hệ thống vật lý, giải và phân tích các hệ phương trình vi phân và sai phân. Mô phỏng và phân tích các hệ thống động ở miền thời gian và miền tần số dùng Matlab. Thiết kế, mô phỏng và phân tích các hệ thống điều khiển với Matlab.

40. Thiết bị và hệ thống công nghiệp

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp kiến thức về các thiết bị đóng cắt điện hạ áp, giám sát điện áp, phương pháp đọc mạch điều khiển, linh kiện ứng dụng trong khí cụ điện, hệ thống ATS.

Tóm tắt môn học: Môn học bao gồm: các thiết bị đóng cắt điện hạ áp, giám sát điện áp, phương pháp đọc mạch điều khiển, linh kiện ứng dụng trong khí cụ điện, hệ thống ATS

41. Truyền động điện

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ truyền động điện hiện đại, bao gồm việc phân tích các đặc tính của các hệ truyền động điện có bộ biến đổi điện tử công suất; Nghiên cứu các cấu trúc điều khiển mới của các hệ truyền động động cơ xoay chiều đồng bộ và không đồng bộ.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có những khái niệm cơ bản về hệ truyền động điện, đặc tính cơ của động cơ điện, các bộ biến đổi công suất dùng cho hệ truyền động, điều chỉnh tốc độ động cơ điện một chiều, điều chỉnh tốc độ động cơ không đồng bộ, điều chỉnh tốc độ động cơ đồng bộ, chọn công suất động cơ điện cho truyền động, truyền động điện thông minh, mô phỏng hệ thống điện tử công suất và truyền động điện.

42. Truyền số liệu

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức truyền dữ liệu qua mạng máy tính với các chuẩn truyền thông, giao thức qua các thiết bị mạng và cách quản lý mạng.

Tóm tắt môn học: Môn học này giới thiệu về lĩnh vực truyền thông số liệu và hoạt động mạng, trong đó gồm hai phần tiếp cận chính: phần nguyên lý cơ bản của truyền số liệu và phần mạng máy tính. Lĩnh vực này rất rộng, bao gồm từ viễn thông đến mạng cục bộ, mạng diện rộng. Mục tiêu của môn học này sẽ được nhấn mạnh đến trong các chủ đề chính, bao gồm: các mô hình OSI, TCP/IP; các chuẩn, giao thức, kỹ thuật và quản lý của mạng cục bộ, liên kết các mạng cục bộ; các nguyên tắc truyền cơ bản, các thuật toán định tuyến; các khái niệm giao thức, nén số liệu, phát hiện và sửa lỗi, điều khiển luồng, bảo mật mạng và toàn vẹn số liệu. Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về truyền số liệu và mạng, hiểu được các giao thức truyền thông hướng ứng dụng khác nhau trong môi trường liên kết mở.

43. Tự động hóa lập trình PLC

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ thuật lập trình PLC, giải quyết các bài toán tự động vận hành dây chuyền máy móc trong công nghiệp và dân dụng. Ứng dụng PLC trong đo lường và điều khiển công nghiệp.

Tóm tắt môn học: PLC là một môn học giúp sinh viên thực hiện thiết kế và vận hành được một hệ thống tự động: tủ điện điều khiển trong công nghiệp, các dây chuyền tự động trong sản xuất, hệ thống thang máy, cánh tay robot.

44. Tự động hóa quá trình công nghiệp

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các quá trình công nghệ, các mô hình và thuật toán điều khiển quá trình công nghệ trong sản xuất.

Tóm tắt môn học: tổng quan về hệ thống sản xuất tự động từ đơn giản đến phức tạp: từ các dây chuyền lắp ráp hoặc gia công bằng tay đến các hệ thống sản xuất linh hoạt hoặc hệ thống sản xuất tích hợp nhờ máy tính. Sinh viên sẽ nắm được các thông số cơ bản của hệ thống sản xuất, các thiết bị từ đầu vào đến đầu ra của hệ thống sản xuất, từ các hệ thống nạp liệu tự động, hệ thống vận chuyển, bốc xếp, kho bãi, các hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm tới các máy gia công CNC, các robot công nghiệp, từ các bộ điều khiển lập trình đến các bộ điều khiển bằng máy tính và mạng máy tính điều khiển hệ thống sản xuất.

45. Vận hành và điều khiển hệ thống điện

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vận hành và điều khiển hệ thống điện trong lĩnh vực điện công nghiệp.

Tóm tắt môn học: Môn học giới thiệu và phân tích các kiến thức cần thiết về hệ thống điện, tính toán thông số đường dây, khảo sát vận hành đường dây, tính toán phân bố công suất... Từ đó đưa ra cách thức vận hành và điều khiển thích hợp.

46. Xử lý tín hiệu số

Mục tiêu môn học: Hoàn thành môn học sinh viên có kiến thức tổng quan về các phương pháp biểu diễn, phân tích và biến đổi tín hiệu trong miền thời gian và trong miền tần số, cách phân tích và thiết kế hệ thống xử lý tín hiệu.

Tóm tắt môn học: Môn học đưa ra các phương pháp biểu diễn tín hiệu và hệ thống thời gian rời rạc, các phương pháp phân tích, phương pháp biến đổi tín hiệu, từ đó đưa ra các phương pháp xử lý tín hiệu trong miền thời gian, trong miền tần số. Môn học còn đưa ra phương pháp phân tích và thiết kế một hệ thống xử lý tín hiệu.

47. Thí nghiệm Công nghệ Chip

Mục tiêu môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức thực nghiệm từ môn học lý thuyết về công nghệ vi mạch, giúp sinh viên cọ sát với thiết bị và phần mềm mô phỏng mạch.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có khảo sát các loại wafer bằng kính hiển vi – Visual inspection, dò tìm trên die và vẽ lại một số khối đơn giản – Wafer tracing, khảo sát packages, khảo sát đặc tuyến linh kiện dùng Curve tracer, lắp các mạch analog dùng transistor theo sơ đồ cơ bản của IC,

lắp các mạch số dùng transistor theo sơ đồ cơ bản của IC, mô phỏng mạch analog dùng Matlab và mô phỏng mạch số dùng Matlab.

48. Thí nghiệm Cung cấp điện

Mục tiêu môn học: Mục tiêu môn học là giúp sinh viên nắm bắt được các kiến thức thực nghiệm từ môn học lý thuyết cung cấp điện thông qua các bài thí nghiệm và từ đây có thể vận dụng kiến thức này áp dụng trong các mô hình thực ở các nhà máy, phân xưởng, xí nghiệp ...v.v

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp các kiến thức thực nghiệm từ môn học lý thuyết cung cấp điện thông qua các bài thí nghiệm như điều khiển contactor, relay thời gian, xác định đặc tính ngắn mạch của MCCB, hệ số công suất, bù công suất phản kháng và hệ thống ATS.

49. Thí nghiệm Điện tử công suất

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực nghiệm về lĩnh vực điện tử công suất và những ứng dụng của nó trong công nghiệp và trong các dây chuyền sản xuất tự động hóa.

Tóm tắt môn học: Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về linh kiện điện tử công suất, bộ biến đổi, sau đó phân tích các ứng dụng của chúng trong công nghiệp như các bộ nguồn một chiều, xoay chiều, các bộ truyền động động cơ một chiều, xoay chiều. Môn học cung cấp cho sinh viên khả năng thiết kế và vận hành các thiết bị liên quan trong hệ thống tự động hóa hay điều khiển.

50. Thí nghiệm Điện tử thông tin

Mục tiêu môn học: Mang lại khả năng ứng dụng lý thuyết trong các mạch cụ thể cơ bản trong môn học Điện tử thông tin

Tóm tắt môn học: Nội dung bao gồm các mạch lọc, dao động, điều tần, antena, phát thu sóng.

51. Thí nghiệm Đo lường và cảm biến

Mục tiêu môn học: Trên cơ sở lý thuyết đã học sinh viên được củng cố kiến thức thông qua các bài thí nghiệm, sinh viên lắp đặt và vận hành được các bộ cảm biến thông qua các mô hình trong phòng thí nghiệm.

Tóm tắt môn học: Sinh viên được làm quen với các cảm biến thường sử dụng trong các dây chuyền sản xuất tự động như các bộ cảm biến tiệm cận, cảm biến nhiệt và bộ điều khiển nhiệt, các load cell, các loại encoder...

52. Thí nghiệm Khí cụ điện và máy điện

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế và vận hành được các loại máy biến áp, động cơ điện không đồng bộ 3 pha, động cơ điện một chiều, máy phát điện một chiều. giúp SV kiểm tra lại phần lý thuyết máy điện.

Tóm tắt môn học: Thí nghiệm Máy Điện gồm các loại: Máy Biến áp, động cơ điện không đồng bộ 3 pha, máy phát điện xoay chiều và máy điện một chiều. Qua các thí nghiệm SV sẽ đo các thông số như dòng điện, điện áp, tốc độ... từ đó sẽ tính toán vẽ sơ đồ mạch tương đương của máy điện, vẽ các đường đặc tuyến để so sánh, kiểm chứng với phần lý thuyết.

53. Thí nghiệm Kỹ thuật điều khiển hiện đại

Mục tiêu môn học: Cung cấp các kiến thức thực tế trong thiết kế, phân tích và lập trình điều khiển các đối tượng thực thông qua các bài thí nghiệm

Tóm tắt môn học: Môn học bao gồm các bài thí nghiệm điều khiển hệ phi tuyến, điều khiển thích nghi, điều khiển tối ưu, điều khiển mờ, nơ-ron với các đối tượng thực như hệ con lắc ngược hệ bồn nước, nhiệt độ, cánh tay Robot hai khớp nối.

54. Thí nghiệm Thiết bị và hệ thống công nghiệp

Mục tiêu môn học: cung cấp cho sinh viên phương pháp thiết kế, xây dựng, lắp ráp sơ đồ mạch điều khiển, động lực, bảo vệ, phương pháp xác định nguyên nhân sự cố của mạch điện, thiết bị điện công nghiệp bất kỳ.

Tóm tắt môn học: Môn học giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về trạng thái hoạt động thực tế của các thiết bị điện công nghiệp, cung cấp cho sinh viên kiến thức về: phương pháp thiết kế, lắp ráp sơ đồ mạch điều khiển, động lực, bảo vệ, phương pháp xác định nguyên nhân sự cố của mạch điện, thiết bị điện công nghiệp. Từ đó sinh viên có thể thiết kế, lắp ráp, xác định nguyên nhân sự cố mạch điện, thiết bị điện công nghiệp bất kỳ của nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, ...

55. Thí nghiệm Truyền động điện

Mục tiêu môn học: Môn học giúp sinh viên nắm được các thông số kỹ thuật và cách vận hành của động cơ một chiều và xoay chiều trong các mô hình thực.

Tóm tắt môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực nghiệm từ môn học lý thuyết truyền động điện thông qua các bài thí nghiệm như khảo sát động cơ điện một chiều kích từ độc lập và song song, điều khiển tốc độ động cơ điện một chiều kích từ độc lập (song song), động cơ điện một chiều kích từ nối tiếp, các trạng thái hãm của động cơ điện một chiều, động cơ điện xoay chiều 3 pha không đồng bộ và các trạng thái hãm của động cơ điện xoay chiều 3 pha không đồng bộ.

56. Thí nghiệm Tự động hóa lập trình PLC

Mục tiêu môn học: Sinh viên hiểu cấu trúc ngõ vào, ra; kết nối phần cứng PLC với các thiết bị điều khiển. Lập trình với bộ timer, counter. Lập trình điều khiển băng chuyền sản xuất, thang máy, đèn điều khiển giao thông ... Lập trình với khối AD, phân loại sản phẩm.

Tóm tắt môn học: Trên cơ sở lý thuyết đã học trên lớp, trong quá trình thực hành sinh viên hiểu vấn đề rõ ràng hơn. Sinh viên có thể tự giải quyết một số vấn đề: Lập trình cho một dây chuyền tự động sản xuất, hệ thống thang máy, lập trình giao diện bàn phím...

57. Thí nghiệm Viễn thông

Mục tiêu: cung cấp những kiến thức và thao tác thực hành ở hai lĩnh vực: thí nghiệm chuyển mạch và thí nghiệm thông tin quang

Tóm tắt môn học:

- Tìm hiểu và đấu nối cho mạng ngoại vi từ tổng đài đến các thuê bao; Xử lý các sự cố trên đường dây như đứt, hở, suy hao,...
- Tiến hành lập trình căn bản trên tổng đài để kích hoạt hay vô hiệu hóa 1 thuê bao, các dịch vụ cho các thuê bao

- Tìm hiểu và lập trình điều khiển các hệ thống chuyển mạch tương tự và số bên trong các tổng đài, các khái niệm luồng PCM, khe thời gian, kênh thoại, mạch Hibrid...
- Lập trình và sử dụng nâng cao trong việc kiểm soát cước, chặn cuộc gọi, đổi số, các dịch vụ cao cấp trong tổng đài nội bộ
- Tìm hiểu, cấu hình và khai thác cho tổng đài IP dựa trên nền Asterrisk. Làm quen với điện thoại IP, softphone, gateway,...
- Tìm hiểu, cấu hình và khai thác cho tổng đài IP dựa trên nền Asterrisk. Làm quen với điện thoại IP, softphone, gateway,...
- Tìm hiểu hệ thống truyền tín hiệu Analog qua sợi dẫn quang.
- Tìm hiểu hệ thống truyền tín hiệu Digital qua sợi dẫn quang.
- Phân biệt các loại cáp quang, hàn sợi quang.
- Phân biệt Led, Laser, Photodiode, xác định đặc tuyến Laserdiode, Photodiode.
- Xác định góc và vùng phát quang của Laserdiode.
- Khảo sát dải thông của hệ thống truyền tin qua sợi dẫn quang.

58. Thí nghiệm Xử lý tín hiệu số

Mục tiêu môn học: Môn học nhằm cung cấp những kiến thức thực nghiệm cơ bản về xử lý số các loại tín hiệu tương tự và số cho các học viên có trình độ đại học.

Tóm tắt môn học: bao gồm hai phần chính được gọi là phần thí nghiệm mô phỏng và phần thí nghiệm lập trình trên các cards cứng DSPs (TMS320C6713). Phần mô phỏng sử dụng chương trình Matlab cho việc thiết kế các bộ lọc FIR với nhiều hàm cửa sổ khác nhau chẳng hạn Barlett, Hanning, Hamming, Blackman, Kaiser,... và thiết kế các bộ lọc IIR. Phần cứng thí nghiệm trên các cards DSP TMS320C6713 để lập trình và thử nghiệm lọc FIR, IIR trên thời gian thực. Kết quả sẽ được so sánh đánh giá giữa mô phỏng trên Matlab và thực nghiệm trên card DSPs.

59. Thực hành Mạng máy tính

Mục tiêu: Môn học cung cấp cho Sinh viên các kỹ năng và thao tác cơ bản về mạng máy tính dựa trên hệ điều hành mạng Microsoft

Tóm tắt:

- Tìm hiểu và cấu hình cho các giao thức mạng thông dụng, cách thức kết nối, chia sẻ và sử dụng tài nguyên qua mạng như tập tin, máy in, CD,...
- Một số phương thức bảo mật cơ bản thông qua tài khoản, phân quyền hạn trên thư mục, tập tin; cách nén, giải nén, mã hóa và giải mã hệ thống tập tin.
- Cấu hình cho các ứng dụng mạng cơ bản như mail, ftp, web, trợ giúp từ xa,...
- Bước đầu làm quen với hệ điều hành mạng bằng việc xây dựng các file server, ftp server, web server,...

60. Đồ án môn học 1 và 2

Mục tiêu môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức bước đầu làm quen cách vận dụng lý thuyết đã được học áp dụng để phân tích, thiết kế và thi công giải quyết các bài toán cụ thể trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

Tóm tắt môn học: Sinh viên phải thực hiện một đề tài do khoa phân công hoặc tự chọn đề tài mà mình ưa thích có liên quan với ngành nghề được đào tạo, áp dụng lý thuyết đã được học để phân tích, thiết kế, thi công và giải bài toán cụ thể trong lĩnh vực các lĩnh vực được đào tạo.

Sinh viên phải viết báo cáo, chạy thử nghiệm mô hình và bảo vệ trước Hội đồng.

61. Thực tập tốt nghiệp

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên làm quen với môi trường làm việc thực tế với ngành nghề đã được đào tạo, giúp sinh viên cảm nhận công việc thực tế ở các xí nghiệp và nhà máy.

Tóm tắt môn học: Môn học bao gồm sinh viên sẽ được gửi đến xí nghiệp hoặc nhà máy có liên quan với ngành nghề đã được đào tạo, tìm hiểu cơ cấu và tổ chức của xí nghiệp hoặc nhà máy, giám sát, vận hành hoặc phân tích, thiết kế và thi công một công việc cụ thể mà xí nghiệp hoặc nhà máy giao, viết báo cáo và bảo vệ quá trình thực tập trước Hội đồng.

62. Luận văn tốt nghiệp / Bài thi tốt nghiệp

Mục tiêu môn học: Giúp sinh viên tự lập nghiên cứu tạo ra tác phẩm đầu tiên với lý thuyết đã được học, tài liệu đã được tham khảo trong lĩnh vực điện, điện tử và điều khiển tự động cứng cố và hệ thống hóa kiến thức chuyên sâu và nâng cao cũng như tư duy sáng tạo.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có sinh viên sẽ được giao một đề tài có liên quan đến ngành nghề được đào tạo từ Khoa có thầy hướng dẫn hoặc sinh viên có chọn đề tài mà mình ưa thích, sinh viên sẽ tự nghiên cứu, tham khảo tài liệu, phân tích, thiết kế và thi công, viết báo, chạy thử nghiệm mô hình và bảo vệ trước Hội đồng.

D. Tóm tắt các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành Công nghệ Thông tin

1. Nhập môn lập trình

Môn học trước : Tin học đại cương

Môn song hành : Thực hành Nhập môn lập trình

Môn học Nhập môn lập trình cung cấp cho sinh viên các khái niệm căn bản về lập trình, ngôn ngữ C++/C#, công cụ lập trình. Đặc biệt chú trọng đến các kiến thức lập trình như: Các kiểu dữ liệu của ngôn ngữ C++/C#, các lệnh điều khiển chương trình.

Môn học chú trọng khả năng đọc hiểu chương trình và khả năng tự viết chương trình dùng ngôn ngữ C++/C# của sinh viên.

2. Thực hành Nhập môn lập trình

Môn học trước : Tin học đại cương

Môn song hành : Nhập môn lập trình

Nội dung văn tắt : Môn học Thực hành nhập môn lập trình cung cấp cho sinh viên các kỹ năng căn bản về việc lập trình trên máy tính: Cách soạn thảo chương trình, cách dịch và sửa lỗi cú pháp một chương trình, các biên dịch chương trình ra tập tin thực thi. Ngoài ra, môn học cũng chú trọng đến khả năng lập trình của sinh viên trực tiếp trên máy dùng ngôn ngữ C++/C#.

3. Hệ thống số

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hệ thống số đếm và các loại mã hóa, các kiến thức để biểu diễn, biến đổi, rút gọn và phân tích hàm boole (hàm logic), các kiến thức cơ bản về các cổng logic cơ bản, các hàm logic cơ bản. Môn học đưa ra các phương pháp phân tích và thiết kế mạch tổ hợp cũng như mạch tuần tự.

4. Thí nghiệm Hệ thống số

Môn học giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết hệ thống số để lắp ráp một số mạch số đơn giản, cũng như sử dụng thành thạo các công cụ đo trong hệ thống số.

5. Tổ chức cấu trúc máy tính

Môn tiên quyết : Hệ thống số

Môn song hành : Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính

Nội dung văn tắt:

Lịch sử phát triển của máy tính, các thế hệ máy tính và cách phân loại máy tính. Cách biến đổi cơ bản của hệ thống số, các bảng mã thông dụng được dùng để biểu diễn các ký tự.

Giới thiệu các thành phần cơ bản của một hệ thống máy tính, khái niệm về kiến trúc máy tính, tập lệnh. Các kiểu kiến trúc máy tính: mô tả kiến trúc, các kiểu định vị.

Giới thiệu cấu trúc của bộ xử lý trung tâm: tổ chức, chức năng và nguyên lý hoạt động của các bộ phận bên trong bộ xử lý. Mô tả diễn tiến thi hành một lệnh mã máy và một số kỹ thuật xử lý thông tin: ống dẫn, siêu ống dẫn, siêu vô hướng.

Giới thiệu chức năng, nguyên lý hoạt động và tổ chức của các cấp bộ nhớ máy tính.

Giới thiệu một số thiết bị lưu trữ ngoài như: đĩa từ, đĩa quang, thẻ nhớ, băng từ; hệ thống kết nối cơ bản các bộ phận bên trong máy tính; cách giao tiếp giữa các ngoại vi và bộ xử lý.

6. Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính

Môn song hành : Tổ chức cấu trúc máy tính

Nội dung văn tắt : Cung cấp các kiến thức nền tảng về phần cứng hệ thống máy tính cá nhân và các thiết bị ngoại vi. Nắm được mối liên hệ giữa các thành phần. Cài đặt một số hệ điều hành, phần mềm thông dụng. Tạo cơ sở cho môn học “mạng máy tính”. Sinh viên tự lắp ráp và cài đặt hoàn chỉnh hệ thống máy PC. Có khả năng nhận diện một số sự cố và kế hoạch xử lý.

7. Kỹ thuật lập trình

Môn tiên quyết : Nhập môn lập trình

Môn song hành : Thực hành Kỹ thuật lập trình

Nội dung văn tắt : Môn học Nhập môn lập trình cung cấp cho sinh viên các khái niệm căn bản về lập trình, ngôn ngữ C++/C#, công cụ lập trình. Đặc biệt chú trọng đến các kiến thức lập trình như: Các kiểu dữ liệu của ngôn ngữ C++/C#, các lệnh điều khiển chương trình.

Môn học chú trọng khả năng đọc hiểu chương trình và khả năng tự viết chương trình dùng ngôn ngữ C++/C# của sinh viên.

8. Thực hành Kỹ thuật lập trình

Môn song hành : Kỹ Thuật Lập Trình

Nội dung văn tắt : Môn học Thực hành nhập môn lập trình cung cấp cho sinh viên các kỹ năng căn bản về việc lập trình trên máy tính: cách soạn thảo chương trình, cách dịch và sửa lỗi cú pháp một chương trình, các biên dịch chương trình ra tập tin thực thi.

Môn học cũng chú trọng đến khả năng lập trình của sinh viên trực tiếp trên máy dùng ngôn ngữ C++/C#.

9. Nhập môn cấu trúc dữ liệu

Môn tiên quyết : Nhập môn lập trình

Môn song hành : Thực hành Nhập môn lập trình

Nội dung văn tắt : Môn học Nhập môn cấu trúc dữ liệu cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về các loại cấu trúc dữ liệu sử dụng trong việc lập trình như: chuỗi, danh sách đặc, các loại danh sách liên kết, hàng, chồng, cây nhị phân. Các giải thuật ứng dụng lên các cấu trúc dữ liệu cũng được trình bày trong môn học. Ngoài ra , môn học cung cấp thêm các giải thuật trong việc sắp xếp và tìm kiếm.

10. Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu

Môn song hành : Nhập môn cấu trúc dữ liệu

Nội dung văn tắt : Môn học Thực hành nhập môn cấu trúc dữ liệu cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về việc lập trình có sử dụng các cấu trúc dữ liệu học từ môn lý thuyết trên máy tính: cách khai báo cấu trúc dữ liệu, thực hành các giải thuật ứng dụng trên các cấu trúc dữ liệu đã học, giải các bài tập lập trình sử dụng các cấu trúc dữ liệu học được trên máy tính.

11. Cấu trúc dữ liệu và thuật giải

Môn tiên quyết : Nhập môn cấu trúc dữ liệu

Môn học trước : Kỹ thuật lập trình

Môn song hành : Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải

Nội dung văn tắt : Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và những giải thuật thao tác trên bảng băm, đồ thị, cây AVL, cây đỏ - đen, và B - cây. Giúp sinh viên xây dựng các cấu trúc dữ liệu phù hợp cho các giải thuật đó và ứng dụng các giải thuật để giải quyết các bài toán cụ thể.

12. Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải

Môn song hành : Cấu trúc dữ liệu và thuật giải

Nội dung văn tắt : Giúp sinh viên cài đặt các giải thuật trên bảng băm, đồ thị, cây AVL, cây đỏ - đen, và B - cây. Áp dụng các giải thuật đó cho các bài toán cụ thể.

13. Cơ sở dữ liệu

Môn học trước : Nhập môn cấu trúc dữ liệu, Kỹ thuật lập trình.

Môn song hành : Thực hành Cơ sở dữ liệu

Nội dung văn tắt : Môn học Cơ sở dữ liệu cung cấp cho sinh viên các khái niệm căn bản về cơ sở dữ liệu, tổng quan các quy trình thiết kế hệ thống thông tin, các công cụ phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu như:

- Mô hình thực thể quan hệ.
- Mô hình thực thể quan hệ mở rộng.
- Mô hình quan hệ
- Chuẩn hoá dữ liệu
- Công cụ truy vấn dữ liệu

Môn học chú trọng khả năng đọc hiểu phân tích thiết kế và khả năng tự thiết kế Cơ sở dữ liệu của sinh viên, đồng thời chú trọng đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ truy vấn SQL.

14. Thực hành Cơ sở dữ liệu

Môn song hành : Cơ Sở Dữ Liệu

Nội dung văn tắt : Môn học Thực hành cơ sở dữ liệu cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về việc cài đặt phần mềm SQL Server, sử dụng ngôn ngữ truy vấn SQL để xây dựng, truy vấn dữ liệu, sử dụng các thủ tục để điều khiển dữ liệu

15. Hệ điều hành

Môn học trước : Nhập môn lập trình.

Môn song hành : Thực hành Hệ điều hành

Nội dung văn tắt :

Hệ điều hành là thành phần quan trọng trong bất cứ hệ thống máy tính nào. Do đó, môn học hệ điều hành là cần thiết cho chương trình giảng dạy sinh viên ngành khoa học máy tính. Môn học mong muốn giới thiệu một cách rõ ràng các khái niệm nằm bên dưới hệ điều hành.

Cung cấp những hiểu biết về kiến trúc của hệ điều hành, khái niệm quá trình và giao tiếp giữa các quá trình. Môn học còn trình bày việc quản lý bộ nhớ và các hệ thống file trong các hệ điều hành. Khái niệm tắc nghẽn, phát hiện và tránh tắc nghẽn cũng được đưa ra trong môn học. Môn học còn giới thiệu một trong các hệ điều hành mã nguồn mở - hệ điều hành Linux – minh họa cho lý thuyết về các hệ điều hành

16. Thực hành Hệ điều hành

Môn song hành : Hệ Điều Hành

Nội dung văn tắt : Giúp sinh viên nắm rõ bản chất hệ điều hành thông qua việc khảo sát hai hệ điều hành phổ biến: Windows và Linux

- Cơ chế quản lý ứng dụng, người dùng, thiết bị, Disk.
- Tìm hiểu và cấu hình các services.
- Làm quen một số tiện ích.

Cài đặt và cấu hình đa hệ điều hành: VMWare

17. Toán tin học

Các kiến thức cơ bản về logic, tập hợp, ánh xạ, phép đếm, giải tích tổ hợp, hệ thức đệ quy và quan hệ.

18. Mạng máy tính

Môn học trước : Hệ điều hành.

Nội dung văn tắt : Môn học giới thiệu một cách khá chi tiết hệ thống mạng máy tính TCP/IP tập trung từ lớp 2 trở lên trong mô hình OSI. Môn học trình bày các vấn đề cơ bản về định tuyến (thuật toán, các giao thức định tuyến), các vấn đề về quản lý luồng, quản lý nghẽn. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các ứng dụng chính của mạng Internet hiện nay như tên miền, email, truyền file, Web, VoIP trên hệ điều hành Windows và Linux.

19. Công nghệ phần mềm

Môn học trước : Cấu trúc dữ liệu và thuật giải, Cơ sở dữ liệu.

Nội dung văn tắt : Môn học này nhằm cung cấp cho các sinh viên các kiến thức cơ sở liên quan đến các đối tượng chính yếu trong lĩnh vực công nghệ phần mềm (qui trình công nghệ, phương pháp kỹ thuật thực hiện, phương pháp tổ chức quản lý, công cụ và môi trường triển khai phần mềm,...). Giúp sinh viên hiểu và biết tiến hành xây dựng phần mềm một cách có hệ thống, có phương pháp.

Trong quá trình học sinh viên sẽ được giới thiệu nhiều phương pháp khác nhau để có được góc nhìn tổng quan về các phương pháp. Và để minh họa cụ thể hơn, phương pháp OMT (Object Modeling Technique) được chọn để trình bày với một sự lược giản để thích hợp với tính chất nhập môn của môn học.

20. Lập trình hướng đối tượng

Môn học trước : Kỹ thuật lập trình.

Môn song hành : Thực hành Lập trình hướng đối tượng

Nội dung văn tắt : Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản trong lập trình hướng đối tượng như: sự đóng gói, lớp, đối tượng, hàm và lớp template, tính thừa kế, phương thức ảo, tính đa hình, lớp cơ sở trừu tượng và phương thức ảo thuần túy ... Môn học này hướng dẫn cho sinh viên xây dựng lớp (khai cấu trúc dữ liệu cho lớp và xây dựng các phương thức, ...) và sử dụng các lớp đã có vào những ứng dụng cụ thể.

21. Thực hành Lập trình hướng đối tượng

Môn song hành : Lập trình hướng đối tượng

Nội dung văn tắt : Môn học này bước đầu hướng dẫn cho sinh viên xây dựng lớp trên C++ (khai cấu trúc dữ liệu cho lớp và xây dựng các phương thức, ...) và sử dụng thành thạo các lớp đã có vào những ứng dụng cụ thể. Làm quen với lập trình trên Java.

22. Nhập môn Web và ứng dụng

Môn song hành : Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng.

Nội dung văn tắt : Cung cấp các kiến thức tổng quan về Internet và các ngôn ngữ trên Internet. Học ngôn ngữ HTML và sử dụng công cụ để thiết kế các trang Web tĩnh. Xây dựng trang Web với DHTML, ngôn ngữ lập trình Javascript.

23. Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng

Môn song hành : Nhập môn Web và ứng dụng

Nội dung văn tắt : Sau khi học xong, sinh viên có những kỹ năng sử dụng công cụ, phân tích và xây dựng được một ứng dụng Web DHTML căn bản.

24. Đồ án Tin học

Môn tiên quyết : Cấu trúc dữ liệu và thuật giải, Kỹ thuật lập trình.

Nội dung văn tắt : Môn học giúp sinh viên ngành công nghệ thông tin bước đầu viết một chương trình để giải quyết một bài toán tin học như: tiếp cận, phân tích, vẽ sơ đồ khối, phân chia bài toán lớn thành các module nhỏ, ráp nối các module nhỏ lại với nhau, ... Ngoài ra, giúp sinh viên làm quen hình thức tự nghiên cứu và cách làm việc nhóm.

25. Tham quan

Học phần nhằm mục đích giúp sinh viên có được cái nhìn thực tế thông qua việc tham quan một số công ty phần mềm, nắm được quy trình công nghệ cũng như cách thức làm việc nhóm.

26. Quản trị mạng

Nội dung văn tắt : Môn học giúp cho sinh viên biết các thành phần cấu hình nên hệ thống mạng, hoạt động của hệ thống mạng. Về phần mạng, sinh viên cũng được học cấu hình các thiết bị mạng đơn giản như router, switch. Về hệ thống, sinh viên học cách cấu hình các dịch vụ cơ bản trên hệ thống Linux và Windows.

27. Phát triển phần mềm nguồn mở

Môn song hành : Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở.

Nội dung văn tắt : Giới thiệu cho sinh viên các khái niệm, phương pháp và qui trình phát triển phần mềm mã nguồn mở. Sinh viên được trang bị những kiến thức nền tảng về qui trình xây dựng phần mềm mã nguồn mở, về các phương pháp và kỹ thuật được áp dụng cũng như các công cụ và môi trường hỗ trợ.

28. Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở

Môn song hành : Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở.

Nội dung văn tắt : Môn học song hành với môn Phát triển phần mềm nguồn mở, nhằm rèn luyện kỹ năng, các kinh nghiệm thực tiễn thông qua các bài tập nhỏ và các dự án phần mềm nhỏ. Sinh viên sẽ được thực hành trên các môi trường và các ngôn ngữ phổ biến cho việc phát triển các phần mềm nguồn mở.

29. Quản trị cơ sở dữ liệu

Môn song hành : Thực hành Quản trị cơ sở dữ liệu

Nội dung văn tắt : Môn học giới thiệu các đối tượng trong một hệ quản trị cơ sở dữ liệu, các vấn đề liên quan đến việc quản trị một hệ thống dữ liệu đa người dùng như: Quản lý người dùng, quản lý giao dịch, quản lý cạnh tranh, sao lưu và phục hồi.

Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các công nghệ và xu hướng mới trong các hệ quản trị cơ sở dữ liệu lớn hiện nay.

Môn học sử dụng Microsoft SQL Server để minh họa các tính năng của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu, nhằm giúp sinh viên thực tập các lý thuyết trong quản trị cơ sở dữ liệu.

30. Thực hành Quản trị cơ sở dữ liệu

Môn song hành : Quản trị cơ sở dữ liệu

Nội dung văn tắt : Thực hành các kiến thức đã học trong môn quản trị cơ sở dữ liệu

31. Lập trình Web 1

Môn song hành : Thực hành Lập trình Web 1

Nội dung văn tắt : Sinh viên sẽ làm quen và có cái nhìn tổng quan về các ngôn ngữ lập trình cho các ứng dụng Web. Kế tiếp, sinh viên sẽ đi vào học và sử dụng ngôn ngữ lập trình PHP cùng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MYSQL để xây dựng những ứng dụng Web động

32. Thực hành Lập trình Web 1

Môn song hành : Lập trình Web 1

Nội dung văn tắt : Sinh viên sẽ làm quen với lập trình Web và các công cụ lập trình cho Web. Sinh viên học và rèn luyện các kỹ năng để có thể xây dựng và triển khai một ứng dụng Web động sử dụng PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MYSQL.

33. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

Môn học trước : Công nghệ phần mềm

Môn song hành : Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

Nội dung văn tắt : Môn học giới thiệu chu kỳ phát triển hệ thống và các phương pháp luận để phân tích và thiết kế một hệ thống thông tin: Nghiên cứu tính khả thi, phân tích hệ thống, thiết kế hệ thống, thực hiện hệ thống, cài đặt hệ thống và bảo trì.

Môn học tập trung vào hai phương pháp luận: Phương pháp truyền thống theo hướng cấu trúc và phương pháp hướng đối tượng.

34. Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

Môn song hành : Phân tích thiết kế hệ thống thông tin

Môn học nhằm giúp sinh viên thực hiện các kiến thức học được ở môn học Phân tích thiết kế hệ thống thông tin trong một yêu cầu thực tế cụ thể. Công cụ của đồ án tập trung vào phương pháp luận hướng đối tượng để đánh giá tính khả thi, phân tích và thiết kế hệ thống.

35. Lập trình Web 2

Môn song hành : Thực hành Lập trình Web 2

Nội dung văn tắt : Tìm hiểu kỹ thuật lập trình Web Ajax và xây dựng những ứng dụng Web sử dụng kỹ thuật này kết hợp với các ứng dụng Web truyền thống.

36. Thực hành Lập trình Web 2

Môn song hành : Lập trình Web 2

Nội dung vấn tắt : Hiểu về lập trình Web với kỹ thuật Ajax. Cải tiến các ứng dụng Web truyền thống để xây dựng ứng dụng Web mới đáp ứng các chức năng nâng cao.

37. Xây dựng phần mềm Web

Nội dung vấn tắt : Ôn lại các kiến thức lập trình Web đã học. Xây dựng ứng dụng Web theo hướng đối tượng, tách biệt các chức năng thiết kế và lập trình trong các ứng dụng Web lớn, khai thác các chức năng nâng cao trong PHP 5. và MYSQL 5, bảo mật trong ứng dụng Web.

38. Lập trình Windows

Môn song hành : Thực hành Lập trình Windows

Nội dung vấn tắt : Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lập trình trên cửa sổ (Controls, View, Document và Frame) và các thanh công cụ, làm quen với lập trình thông điệp (sự kiện). Phương pháp truyền dữ liệu giữa các lớp. Giúp sinh viên tra cứu và sử dụng những thư viện đã có. Áp dụng để xây dựng những ứng dụng đơn giản trên Windows.

39. Thực hành Lập trình Windows

Môn song hành : Lập trình Windows

Nội dung vấn tắt : Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng lập trình trên các controls cơ bản. Lập trình vẽ các hình trên cửa sổ View và Dialog. Sử dụng lớp Document, Cfile, Carchive để đọc/ghi dữ liệu trên file. Lập trình trên lớp Frame để thao tác trên các thanh công cụ. Làm quen với lập trình thông điệp (sự kiện). Áp dụng để xây dựng những ứng dụng đơn giản trên Windows.

40. An ninh máy tính

Môn song hành : Thực tập An ninh máy tính

Nội dung vấn tắt : Môn học trình bày một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về an ninh máy tính và an toàn dữ liệu. Các kiến thức liên quan đến mạng được cung cấp vừa đủ để sinh viên có thể nắm bắt và thực hành các giải pháp bảo vệ hệ thống. Trên cơ sở phân tích các lỗ hổng bảo mật, môn học trình bày các giải pháp phòng chống, khắc phục cũng như bảo vệ và bảo mật các dữ liệu nhạy cảm.

41. Thực tập An ninh máy tính

Môn song hành : An ninh máy tính

Nội dung vấn tắt : Trình bày và cho thực nghiệm các công cụ (chủ yếu là các công cụ nguồn mở) hỗ trợ quá trình phân tích rủi ro về an ninh máy tính. Thực hành việc thiết lập các hệ thống phòng thủ. Hướng dẫn và giúp sinh viên xây dựng các chính sách an toàn dữ liệu cho hệ thống máy tính thông qua các kịch bản, các ví dụ nghiên cứu điển hình.

42. Xây dựng phần mềm hướng đối tượng

Môn học trước : Công nghệ phần mềm

Môn song hành : Đồ án Xây dựng phần mềm hướng đối tượng

Nội dung văn tắt : Tổng quan về công nghệ phần mềm và phương pháp hướng đối tượng. Qui trình xây dựng phần mềm hướng đối tượng. Thu thập và phân tích yêu cầu của người sử dụng. Phân tích, thiết kế và cài đặt hướng đối tượng. Triển khai hệ thống.

43. Đồ án Xây dựng phần mềm hướng đối tượng

Môn song hành : Xây dựng phần mềm hướng đối tượng

Nội dung văn tắt :

- Xác định đề tài, khảo sát hiện trạng.
- Phân tích yêu cầu người sử dụng.
- Phân tích và thiết kế xử lý.
- Cài đặt.
- Triển khai, kiểm tra, nâng cấp

44. Lập trình cho thiết bị di động

Môn song hành : Thực hành Lập trình cho thiết bị di động

Nội dung văn tắt : Môn học Lập trình cho thiết bị di động cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về kiến trúc hệ thống thiết bị thông tin di động, lý thuyết cơ bản về các hệ điều hành cho các thiết bị không dây như Symbian ,Windows Mobile, MobiLinux. Tổng quan về nền tảng lập trình ứng dụng không dây trên Java 2 Micro Edition như: Kiến trúc J2ME, cấu hình các thiết bị kết nối giới hạn (Connected, Limited Device Configuration), những giao diện lập trình ứng dụng (API) cho các thiết bị không dây trên nền tảng J2ME.

Ngoài ra môn học cũng cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về các hệ thiết bị trợ giúp cá nhân kỹ thuật số PDA, PALM. Tổng quan về nền tảng lập trình phát triển ứng dụng cho các thiết bị trợ giúp cá nhân kỹ thuật số bằng ngôn ngữ lập trình C# trên hệ điều hành Windows Mobile for PDA.

Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động chạy hệ điều hành Symbian hay Windows Mobile bằng công nghệ J2ME&MIDP

45. Thực hành Lập trình cho thiết bị di động

Môn song hành : Lập trình cho thiết bị di động

Nội dung văn tắt : Môn học cũng cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về các hệ thiết bị trợ giúp cá nhân kỹ thuật số PDA, PALM. Tổng quan về nền tảng lập trình phát triển ứng dụng cho các thiết bị trợ giúp cá nhân kỹ thuật số bằng ngôn ngữ lập trình C# trên hệ điều hành Windows Mobile for PDA. Kết thúc môn học, sinh viên có khả năng phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động chạy hệ điều hành Symbian hay Windows Mobile bằng công nghệ J2ME&MIDP

46. Xây dựng phần mềm Windows

Ngôn ngữ chính được minh họa trong môn học này là CSharp (C#). Công cụ lập trình là Microsoft Visual Studio.NET 2005

Cung cấp cho các sinh viên các kiến thức chuyên sâu liên quan đến việc xây dựng phần mềm Windows Application trên môi trường Windows.

Sinh viên được giới thiệu phương pháp, kỹ thuật để xây dựng phần mềm theo hướng đối tượng, giới thiệu sử dụng một công cụ phân tích thiết kế UML, đặc biệt trong giai đoạn phân tích và thiết kế phần mềm.

Tính tiên hóa và kiến trúc linh hoạt của phần mềm là nội dung quan trọng trong môn học này.

47. Chuyên đề tự chọn

Nội dung vắn tắt: Mục tiêu của môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức xây dựng một hệ cơ sở dữ liệu Oracle, cách cài đặt, quản trị và khai thác CSDL Oracle 9.i. Cách thức lập trình và phát triển ứng dụng trên công cụ lập trình của Oracle là Oracle Developer 6.0.

48. Đồ án Chuyên ngành

Nội dung vắn tắt: Môn học giúp sinh viên ngành công nghệ thông tin tổng hợp các kiến thức đã học, cách tìm kiếm tài liệu, tận dụng thế mạnh của làm việc nhóm để giải quyết bài toán. Đây là bước chuẩn bị cho sinh viên làm luận văn tốt nghiệp sau này. Kết quả của đồ án là sinh viên hoặc nhóm sinh viên hiện thực được chương trình.

49. Thực tập tốt nghiệp

Môn học trước : Đồ án chuyên ngành.

Môn song hành : Luận văn tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được thực tập thực tiễn tại các cơ sở. Nếu thực tập tại các cơ quan, sinh viên sẽ được học các kinh nghiệm thực tiễn về triển khai các hệ thống thông tin, các hệ thống máy tính. Nếu tham gia thực tập tại các doanh nghiệp tin học, sinh viên sẽ được tham gia một phần qui trình sản xuất một phần mềm, qua đó tự tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và hoàn thiện kỹ năng của mình. Các kỹ năng mềm sẽ được thể hiện thông qua báo cáo thực tập.

50. Luận văn tốt nghiệp / Bài thi tốt nghiệp

Môn song hành : Thực tập tốt nghiệp

Sinh viên theo nhóm (tối đa hai người), sẽ thực hiện tương đối hoàn chỉnh một dự án tin học vừa và nhỏ dưới sự hướng dẫn của các giảng viên có kinh nghiệm. Luận văn nhằm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề một cách tự chủ. Bên cạnh đó, luận văn cũng giúp sinh viên phát huy tối đa tính sáng tạo, khả năng thu thập tài liệu và các kỹ năng mềm khác.

E. Tóm tắt các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành Công nghệ Thực phẩm

1. Anh văn chuyên ngành 1

Kỹ năng:

- Đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh
- Cách học quy tắc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu nhằm tăng vốn từ vựng tiếng Anh
- Làm việc theo nhóm thông qua việc tham gia các trò chơi tại lớp và giải quyết các bài tập của các bài đọc

Kiến thức:

- Ôn lại và mở rộng kiến thức về ngữ pháp
- Mở rộng kiến thức chuyên môn thông qua 8 bài đọc bằng tiếng Anh

2. Anh văn chuyên ngành 2

Kỹ năng:

- Viết: đơn vị câu → đoạn văn → bài luận
- Thiết lập một dàn bài trước khi viết một bài luận
- Chuẩn bị và thuyết trình về chuyên môn bằng power point trước đám đông
- Viết sơ yếu lý lịch và đơn xin việc bằng tiếng Anh
- Nói tiếng Anh, đặc biệt là các vấn đề có liên quan tới chuyên môn
- Làm việc theo nhóm

Kiến thức:

- Các quy tắc khi thể hiện ý kiến thông qua việc viết lách hoặc thuyết trình
- Cấu trúc của đơn xin việc, và CV bằng tiếng Anh
- Kiến thức chuyên môn mở rộng thông qua bài thuyết trình của các nhóm

3. Nhập môn công nghệ thực phẩm

Môn học cung cấp các kiến thức về nguồn gốc, bản chất các nguyên liệu nông sản, thủy sản, các bán chế phẩm và sản phẩm thực phẩm; giới thiệu về quy trình công nghệ trong khai thác, chế biến, bảo quản thực phẩm; các đặc điểm công nghệ của thực phẩm có giá trị gia tăng cao, thực phẩm đặc sản của nước ta và trên thế giới. Nội dung môn học cũng bao gồm phần tham quan thực tế các cơ sở sản xuất, chế biến, phân phối và dịch vụ thực phẩm.

4. Hóa lý

Cung cấp các kiến thức về động học phản ứng, các pha và sự chuyển pha. Đặc biệt chú trọng tới các hệ keo tồn tại và biến đổi trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm.

5. Vật lý thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Các tính chất về cơ học, lưu biến, quang học, nhiệt, điện, điện từ, thủy khí, động lực học của vật liệu thực phẩm; các phương pháp đo các tính chất này.

6. Hóa học thực phẩm

Bao gồm các kiến thức: Nước, hoạt độ của nước, vai trò của nước đối với cấu trúc, chất lượng thực phẩm. Thành phần hóa học cơ bản: Protein, glucid, lipid, vitamin, khoáng, hợp chất phenol thực vật, hợp chất tạo màu, tạo vị và cấu trúc cho sản phẩm thực phẩm. Các phản ứng hóa học xảy ra trong thực phẩm: Thủy phân, phân hủy, tổng hợp, oxy hóa khử, trùng hợp, ... liên quan đến chất lượng thực phẩm trong quá trình chế biến và bảo quản.

7. Hóa sinh thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Enzym và vai trò trong trao đổi chất, đồng hóa và dị hóa. Những biến đổi của các hợp chất chính có trong thực phẩm (protein, glucid, lipid, axit nucleic...) trong quá trình cơ thể sống và trong bảo quản chế biến thực phẩm ứng dụng của các quá trình biến đổi này để sản xuất sản phẩm thực phẩm theo hướng có lợi.

8. Vi sinh đại cương

Môn học cung cấp những kiến thức đại cương về vi sinh vật, các phương pháp nghiên cứu vi sinh vật, sự sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật, di truyền học vi sinh vật.

9. Vi sinh thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Phân loại và đánh giá các hệ vi sinh vật thường gặp trong nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm; ứng dụng các hệ vi sinh vật có lợi và hạn chế các vi sinh vật có hại trong quá trình chế biến, bảo quản thực phẩm.

10. Phân tích thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về nguyên lý, phương pháp và phương tiện tiến hành các phân tích cơ bản để đánh giá chất lượng thực phẩm gồm các phương pháp hóa lý phân tích đa lượng và vi lượng, các phương pháp xác định tính chất vệ sinh và kỹ thuật đánh giá tính chất cảm quan của thực phẩm.

11. Dinh dưỡng

Bao gồm các kiến thức về nguyên tắc căn bản của dinh dưỡng, vai trò của các thành phần dinh dưỡng trong thực phẩm đối với sức khỏe cá nhân và cộng đồng; nhu cầu và tính cân đối giữa các chất dinh dưỡng được cung cấp bởi thức ăn; nguyên tắc chọn lựa các nhóm thực phẩm để xây dựng thực đơn cho các bữa ăn hợp lý, tăng cường sức khỏe và đảm bảo năng suất lao động cho mọi đối tượng lao động.

12. Đánh giá cảm quan thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Cơ sở tâm lý và tâm sinh lý của các phép thử cảm quan và thị hiếu người tiêu dùng; xử lý số liệu thống kê; phương pháp điều tra và đánh giá thị hiếu và cảm quan.

13. An toàn vệ sinh thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm: Các loại độc tố thường gặp trong quá trình thu nhận, sơ chế, bảo quản, chế biến thực phẩm; các biện pháp hạn chế và xử lý độc tố trong thực phẩm; xử lý các tình trạng ngộ độc thực phẩm.

14. Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Khái niệm chung về chất lượng, đánh giá, kiểm tra, định lượng và quản lý chất lượng thực phẩm; các hoạt động quản lý chất lượng thực phẩm; hệ thống tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam và quốc tế; các phương pháp đảm bảo chất lượng thực phẩm.

15. Kỹ thuật thực phẩm 1

Các quá trình và thiết bị trong thực phẩm có mối liên quan mật thiết đến quá trình vật lý; khái quát về các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật cũng như hệ đơn vị, thứ nguyên sử dụng trong các quá trình kỹ thuật thực phẩm; cân bằng vật chất và năng lượng trong tính toán các quá trình chế biến thực phẩm.

Cơ học lưu chất: Các quá trình cơ học và cơ học lưu chất xảy ra và sự biến đổi tính chất của lưu chất; các máy móc, thiết bị, phương tiện thực hiện các quá trình cơ học lưu chất: lắng, lọc, ly tâm, các hệ thống bơm, quạt,

Cơ học vật liệu rời: Tính chất vật lý, quá trình và thiết bị vận chuyển, nghiền nhỏ, phân cỡ vật liệu rời

Truyền nhiệt: Các nguyên lý và phương thức truyền nhiệt trong quá trình chế biến, bảo quản thực phẩm, các thiết bị truyền nhiệt cơ bản.

16. Kỹ thuật thực phẩm 2

Bao gồm các kiến thức về: Các quá trình và thiết bị trong thực phẩm có liên quan mật thiết đến các quá trình hóa lý – hóa học; các quá trình truyền chất, biến đổi pha, tách chiết, thủy phân, phân hủy, tổng hợp, oxy hóa khử.

17. Tự động hóa

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý cấu tạo, cách vận hành và sử dụng một số loại dụng cụ đo thông dụng trong ngành công nghệ thực phẩm và ứng dụng của chúng; các ứng dụng điều khiển tự động trong các dây chuyền thiết bị công nghệ chế biến và sản xuất thực phẩm ở quy mô công nghiệp.

18. Toán kỹ thuật (Quy hoạch thực nghiệm)

Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về thống kê ứng dụng trong khảo sát điều tra và phương pháp tổ chức bố trí một thí nghiệm khoa học liên quan đến chuyên ngành công nghệ thực phẩm; cách tính toán phân tích, trình bày và giải thích kết quả số liệu thu thập được từ một cuộc điều tra khảo sát hay một số kiểu bố trí thí nghiệm thông dụng.

19. Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Mục đích, nội dung, phân loại, các giai đoạn, tổ chức thiết kế, những tiêu chuẩn cơ bản về thiết kế nhà máy; Nhiệm vụ thiết kế: chọn địa điểm, thiết kế mặt bằng nhà máy; thiết kế công nghệ, cách tiến hành vẽ các bản vẽ, thiết kế phần điện, hơi, cấp nước, thoát nước; các tính toán về kinh tế.

20. Thí nghiệm Hóa thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Định tính, định lượng các thành phần chính trong thực phẩm (đường, lipid, protein, vitamin). Xác định các chỉ tiêu chất lượng thực phẩm (chỉ số acid của chất béo). Xác định hoạt tính enzyme (amylase).

21. Thí nghiệm Vi sinh đại cương

Bao gồm các kiến thức về: Quan sát tiêu bản bằng kính hiển vi quang học nền sáng. Làm các tiêu bản giọt treo, giọt ép, tạo vết bôi và nhuộm đơn các chủng thuần và mẫu, nhuộm âm bản, nhuộm bào tử, nhuộm gram. Các kỹ thuật cấy chuyền, nuôi cấy VSV. Các phương pháp phân lập vi sinh vật và bảo quản chủng vi sinh vật thuần khiết.

22. Thí nghiệm Vi sinh thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Xác định các chủng vi sinh vật thường gặp trong thực phẩm; sưu tập các chủng vi sinh vật (tạo ngân hàng giống vi sinh vật) và nuôi cấy vi sinh vật để thu một số sản phẩm sinh học (giấm ăn, rượu vang).

23. Thí nghiệm Phân tích thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về: Lấy và xử lý mẫu; xây dựng các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá; tổ chức phân tích và đánh giá; phân tích các kết quả đánh giá và các kết luận; thiết lập tiêu chuẩn sản phẩm (tiêu chuẩn nội bộ).

24. Thực hành Cảm quan thực phẩm

Bao gồm các kiến thức về lựa chọn thành viên hội đồng cảm quan, các phép thử cơ bản trên dung dịch đơn và sản phẩm thực phẩm. Các phương pháp phân tích thống kê và đánh giá xử lý số liệu.

25. Bài tập lớn Kỹ thuật thực phẩm 1 và 2

Thực hành (bài tập lớn) Kỹ thuật thực phẩm 1 và 2 yêu cầu sinh viên vận dụng tất cả những kiến thức đã học về các quá trình cơ học, truyền nhiệt, truyền khối để hiểu rõ bản chất các quá trình và tính toán, thiết kế thiết bị sử dụng trong một quá trình cụ thể.

26. Công nghệ bao gói thực phẩm

Cung cấp cho học viên những hiểu biết về bao bì thực phẩm bao gồm các lĩnh vực: Luật pháp về bao bì và ghi nhãn hàng, các loại vật liệu để làm bao bì thực phẩm, công nghệ gia công bao bì và công nghệ đóng gói các sản phẩm thực phẩm và sự biến đổi chất lượng thực phẩm khi chứa đựng trong bao bì.

27. Công nghệ chế biến thực phẩm

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phương pháp luận công nghệ, những hướng khai thác và chế biến nguồn nguyên liệu động thực vật trong công nghiệp thực phẩm.

28. Công nghệ sinh học thực phẩm

Các quá trình và thiết bị sinh học. Kỹ thuật lên men: truyền thống, hiện đại. Thu nhận và tinh sạch enzyme. Kỹ thuật sử dụng các chế phẩm enzyme. Công nghệ sản xuất một số chế phẩm sinh học.

29. Công nghệ sau thu hoạch

Môn học cung cấp kiến thức về các dạng hư hỏng của nguyên liệu động, thực vật trong quá trình xử lý và bảo quản sau thu hoạch; các phương pháp xử lý và bảo quản nguyên liệu tươi; giới thiệu khái quát về công nghệ sau thu hoạch một số nguyên liệu động, thực vật phổ biến tại Việt Nam.

30. Văn hóa ẩm thực

Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản về văn hóa ẩm thực Việt Nam và so sánh với các nước khác; nắm vững cơ cấu và tính chất bữa ăn, không gian, thời gian, phong cách ăn uống truyền thống của người Việt Nam; xu thế biến đổi văn hóa ẩm thực của người Việt nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

31. Quản trị sản xuất

Quản trị sản xuất hướng trọng tâm vào việc quản trị có hiệu quả quá trình chuyển hóa các nguồn lực đầu vào (lao động, nguyên vật liệu, thông tin, ...) thành các yếu tố đầu ra (sản phẩm và dịch vụ).

Nội dung của môn học bao gồm dự báo nhu cầu, hoạch định quá trình và công suất, bố trí sản xuất, thiết kế các hệ thống làm việc, quản lý hàng dự trữ, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu vật liệu và hệ thống vừa đúng lúc, điều độ sản xuất, và quản lý chất lượng.

32. Quản lý dự án

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án: Phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án.

33. Quản lý môi trường

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các tiêu chuẩn môi trường cũng như hệ thống quản lý, kiểm soát môi trường trong ngành công nghiệp thực phẩm.

34. Marketing thực phẩm

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khái niệm marketing và môi trường marketing, các nguyên lý marketing cơ bản, chiến lược marketing cũng như các phương pháp nghiên cứu thị trường.

Sinh viên cũng được tiếp cận với các bài tập và ví dụ cụ thể về các tình huống marketing trên thị trường các sản phẩm thực phẩm.

35. Phát triển sản phẩm

Chiến lược kinh doanh liên quan đến việc phát triển sản phẩm; các bước chính trong quy trình phát triển sản phẩm mới; mô hình hóa quy trình công nghệ một sản phẩm thực phẩm, tính toán và dự đoán hiệu quả kinh tế của sản phẩm mới phát triển; một số ví dụ cụ thể trong phát triển một số sản phẩm đã thành công.

36. Thực hành Công nghệ bao gói

Thực hành sản xuất và bao gói một số sản phẩm thực phẩm trong các loại bao bì kim loại, thủy tinh, plastic, plastic hút chân không, bao bì giấy và bao bì vật liệu tổng hợp khác.

37. Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm

Cung cấp các kiến thức về kỹ thuật nuôi cấy vi sinh vật, xác định tốc độ phát triển của vi sinh vật, kỹ thuật lên men. Sản xuất enzyme, đo hoạt tính enzyme và sử dụng enzyme để biến tính tinh bột.

38. Thực hành chế biến thực phẩm 1 và 2

Thực hành chế biến một số sản phẩm thực phẩm: đồ hộp, đồ uống, thực phẩm ăn liền... Thông qua các bài thực hành, sinh viên được củng cố thêm kiến thức lý thuyết đã học; nắm vững quy trình công nghệ, làm quen với các dụng cụ, thiết bị; có khả năng tổ chức thực hiện việc sản xuất các sản phẩm ở quy mô nhỏ, bán cơ giới.

39. Thực hành Phát triển sản phẩm

Thực hiện một tiến trình phát triển sản phẩm thực phẩm mới (bánh, kẹo, đồ hộp, đồ uống, thực phẩm ăn liền...) gồm các bước tìm hiểu thị trường và đánh giá ý tưởng, phát triển sản phẩm trong phòng thí nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm, phát triển bao bì thực phẩm, đánh giá phản hồi của người tiêu dùng trước khi đưa sản phẩm ra thị trường.

40. Công nghệ chế biến thủy sản

Môn học giới thiệu về nguyên liệu, quy trình công nghệ và thiết bị sản xuất các sản phẩm thủy sản cũng như các phương pháp khai thác phế liệu từ công nghiệp chế biến thủy sản.

41. Công nghệ chế biến thịt, trứng

Môn học giới thiệu về nguyên liệu, quy trình công nghệ và thiết bị sản xuất các sản phẩm thịt, trứng cũng như các phương pháp khai thác phế liệu từ công nghiệp chế biến thịt.

42. Công nghệ chế biến chất béo thực phẩm

Cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên môn về đặc điểm của các nguồn nguyên liệu dầu béo, kỹ thuật khai thác, tinh luyện, chế biến và bảo quản các sản phẩm dầu béo. Môn học cũng đồng thời cung cấp các thông tin về hiện trạng khai thác và sử dụng chất béo ở Việt Nam và trên thế giới.

43. Công nghệ sản xuất rượu và bia

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các quá trình và thiết bị trong công nghệ sản xuất rượu bia. Ngoài ra môn học còn đề cập đến các kiến thức cơ bản về an toàn lao động, quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất rượu bia.

44. Công nghệ chế biến trà, cà phê, ca cao

Giới thiệu các công nghệ và thiết bị chế biến trà, cà phê, ca cao.

45. Công nghệ sản xuất đồ uống và các sản phẩm từ sữa

Phần 1: Công nghệ sản xuất đồ uống (gồm nước ngọt có gas, không gas, nước khoáng, nước tinh khiết và một số đồ uống khác được sản xuất từ nguyên liệu còn thực phẩm): Giới thiệu nguyên liệu, qui trình sản xuất, máy và thiết bị, các phương pháp kiểm tra các qui trình công nghệ và chất lượng sản phẩm.

Phần 2: Công nghệ chế biến các sản phẩm từ sữa: Giới thiệu thành phần và tính chất của sữa, các phương pháp bảo quản sữa, phân loại sản phẩm và qui trình chế biến (sữa tươi, sữa cô đặc, bột sữa, các sản phẩm lên men, kem sữa, bơ và các sản phẩm khác), máy - thiết bị, các phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm.

46. Công nghệ chế biến lương thực và ngũ cốc

Nội dung chính của môn học là cung cấp các kiến thức cơ bản về thành phần cấu tạo, các nguyên tắc bảo quản một số loại ngũ cốc (gạo, bắp, lúa mì...) và giới thiệu các quy trình công nghệ để chế biến một số sản phẩm lương thực chính: gạo, bột, tinh bột, bánh mì, mì sợi và các sản phẩm ăn liền ...

47. Công nghệ sản xuất đường và bánh kẹo

Giới thiệu nguyên liệu, sản phẩm, các biến đổi chính, các thiết bị chính trong quy trình sản xuất đường, bánh biscuit và kẹo. Cân bằng vật chất, xử lý chất thải trong nhà máy sản xuất đường, bánh biscuit và kẹo.

48. Công nghệ chế biến rau quả

Giới thiệu các đặc điểm, nguyên tắc, kỹ thuật và biến đổi trong bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ rau quả nhiệt đới như rau quả đóng hộp, nước rau quả, mứt, rau quả sấy khô...

49. Thực phẩm chức năng

Tìm hiểu về bệnh lý các bệnh mãn tính, một số bệnh hiểm nghèo, bệnh do sự chuyển hóa của cơ thể theo tuổi tác. Tìm hiểu về nguồn nguyên liệu thực phẩm và dược liệu có khả năng phòng chống bệnh. Sử dụng công nghệ để chế biến các nguồn nguyên liệu có giá trị thành thực phẩm chức năng.

50. Nghiệp vụ bán hàng

Nội dung cơ bản của học phần là hệ thống lý luận liên quan đến những tiêu chuẩn và những hiểu biết mà người bán hàng ngày nay cần phải có để có thể thực hiện tốt công việc của mình và cách thức thực hiện từng giai đoạn trong tiến trình chào hàng.

51. Đồ án 1 - Nguyên liệu thực phẩm

Tìm hiểu về các thành phần hóa học, đặc điểm về dinh dưỡng, cảm quan của nguyên liệu thực phẩm, những biến đổi hóa học, hóa sinh và vi sinh có thể xảy ra trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm.

52. Đồ án 2 - Quy trình sản xuất thực phẩm

Xây dựng quy trình công nghệ chế biến thực phẩm và lựa chọn thiết bị: Hướng dẫn cho sinh viên tập xây dựng một quy trình công nghệ chế biến thực phẩm gồm thiết kế công nghệ, tính toán, lựa chọn máy móc và thiết bị.

53. Đồ án 3 - Thành phẩm

Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm. Đề xuất các phương án bao gói. Bao bì và luật thực phẩm liên quan đến việc ghi nhãn. Tìm hiểu và đề xuất các phương án đảm bảo chất lượng cho quy trình sản xuất sản phẩm thực phẩm.

54. Thực tập tốt nghiệp

Giúp sinh viên làm quen với điều kiện làm việc của các nhà máy, công ty, xưởng sản xuất thực phẩm, tìm hiểu các thiết bị trong các phân xưởng, tập làm quen với vị trí người kỹ sư tương lai.

Sinh viên thực tập tốt nghiệp vào đầu học kỳ 8 tại nhà máy, xí nghiệp do mình tự chọn hoặc do Khoa gửi đi với nội dung thực tập theo đề cương thực tập của giáo viên hướng dẫn sát với thực tế ngành nghề được đào tạo. Sinh viên phải hoàn thành đợt thực tập của mình trong thời gian bốn tuần với một bản báo cáo có xác nhận và đánh giá của người có thẩm quyền tại nơi thực tập. Giáo viên hướng dẫn sẽ dựa vào đó để đánh giá cho điểm.

55. Bài thi tốt nghiệp / Luận văn tốt nghiệp

Sinh viên thực hiện luận văn tốt nghiệp theo đề tài tự chọn hoặc đề nghị của giáo viên hướng dẫn, khuyến khích các đề tài theo ba hướng trọng tâm của ngành công nghệ thực phẩm được đào tạo tại khoa gồm:

- Đánh giá chất lượng và đảm bảo chất lượng thực phẩm;
- Phát triển các sản phẩm thực phẩm chức năng và các sản phẩm thực phẩm chủ lực;
- Marketing thực phẩm.

Luận văn phải được giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện chấm sơ khảo và đồng ý cho phép bảo vệ trước hội đồng.

Trước hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp, sinh viên phải trình bày tóm tắt nội dung luận văn, giới thiệu các sản phẩm mình tạo ra, bảo vệ những sáng kiến, ý tưởng sáng tạo, quy trình, thiết bị mới hoặc các số liệu điều tra, thí nghiệm được thực hiện trong luận văn. Điểm đánh giá là điểm trung bình của của các thành viên trong hội đồng, giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện.

F. Tóm tắt các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh

1. Tâm lý học đại cương

Môn học giúp cho sinh viên nắm được những vấn đề khái quát về tâm lý học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý – ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách.

2. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp, tập trung vào việc biết ứng dụng tốt các nguyên tắc đó để đạt hiệu quả trong giao tiếp nói, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thuyết trình diễn đạt, kỹ năng lắng nghe tích cực cùng các kỹ năng truyền thông giao tiếp khác, để phát triển các kỹ năng làm việc trong nhóm, giải quyết xung đột, thương lượng và giao tiếp với khách hàng một cách hiệu quả trong môi trường học tập và môi trường doanh nghiệp sau này.

3. Marketing căn bản

Môn học giới thiệu các khái niệm và nguyên lý cơ bản của Marketing.

Sinh viên sẽ được giới thiệu một cách tổng quát về quy trình hoạch định, thực thi và kiểm soát marketing trong bối cảnh kinh doanh hiện đại. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được trang bị các kiến thức về hệ thống thông tin marketing, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường, hành vi người mua hàng, phát triển sản phẩm, xây dựng các chiến lược sản phẩm, giá, phân phối và truyền thông cho sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và quốc tế. Ngoài ra, môn học sẽ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Internet trong các hoạt động marketing của doanh nghiệp ngày nay.

4. Quản trị học

Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Qua môn học này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp, ...): Khái niệm và sự cần thiết của quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị, việc ra quyết định, khái niệm về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, ...

5. Kinh tế vi mô

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó, sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

6. Kinh tế vĩ mô

Môn học trước: Kinh tế vi mô

Môn học cung cấp một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính trong tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn

đề kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở bao gồm: cán cân thanh toán, tỉ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

7. Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ

Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về tài chính và tiền tệ: Tiền đề, bản chất, chức năng của tài chính; Hệ thống tài chính và vai trò của các khâu trong hệ thống tài chính; Những kiến thức cơ bản về tiền tệ; Công tác kiểm tra tài chính; Khái quát những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính trong các lĩnh vực như: Ngân sách nhà nước, Bảo hiểm, Tín dụng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế, Định chế tài chính trung gian, Thị trường tài chính...

8. Luật trong doanh nghiệp

Tiếp theo môn Pháp luật đại cương, môn Luật trong doanh nghiệp chủ yếu trình bày những vấn đề cơ bản về luật trong kinh doanh, cũng như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp.

Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các doanh nghiệp và những nghĩa vụ kinh doanh; Quan hệ lao động trong doanh nghiệp; Chế độ hợp đồng kinh tế, cách thức giao dịch, ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế; Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.

9. Phương pháp định lượng và thực hành

Môn học trước: Xác suất thống kê và Quản trị học.

Phương pháp định lượng nghiên cứu các mô hình toán học được ứng dụng vào những tình huống kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên một số phương pháp định lượng cơ bản dùng trong quản lý như Quy hoạch tuyến tính, Bài toán vận tải, Bài toán ra quyết định, Lập lịch trình dự án. Các mô hình này được chọn vì có thể áp dụng được cho nhiều lĩnh vực kinh doanh, cho nhiều hoạt động: sản xuất, tài chính, tiếp thị, ...

Việc sử dụng phần mềm Microsoft Excel để giải các bài toán được chú ý thích đáng.

Chương trình môn học gồm các giờ lý thuyết, bài tập và 15 tiết thực hành tại phòng máy tính.

10. Dự báo trong kinh doanh và thực hành

Môn học tiên quyết: Xác suất thống kê.

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khoa học dự báo cũng như rèn luyện các kỹ năng thực hành dự báo (trên máy tính) từ các dữ liệu thực tế thu thập từ các công ty trên toàn cầu.

Môn học trình bày nhiều kỹ thuật khác nhau được các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp sử dụng để dự báo doanh số, sản lượng, tồn kho, các nhân tố vĩ mô như lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như các mặt khác của công tác hoạch định kinh doanh ngắn và dài hạn.

Môn học bao gồm cả phương pháp dự báo định tính và định lượng. Trọng tâm môn học đặt vào việc ứng dụng các kỹ thuật dự báo để ra quyết định. Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và FORECASTXTM để phân tích, dự báo và diễn giải dữ liệu.

Chương trình môn học gồm các giờ lý thuyết, bài tập và 15 tiết thực hành tại phòng máy tính.

11. Phân tích dữ liệu và thực hành

Môn học tiên quyết: Xác suất thống kê.

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao về xử lý và phân tích dữ liệu đa biến, rèn luyện các kỹ năng thực hành (trên máy tính) từ các dữ liệu thực tế thu thập từ các công ty trên toàn cầu. Môn học giới thiệu các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết hai tổng thể, kiểm định phi tham số, phân tích phương sai, khảo sát mẫu và phân tích dữ liệu đa biến.

Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và SPSS (Statistical Package for Social Sciences) để xử lý và phân tích dữ liệu.

Chương trình môn học gồm các giờ lý thuyết, bài tập và 15 tiết thực hành tại phòng máy tính.

12. Thuế

Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng: biết được những ảnh hưởng có thể có của thuế đối với tài chính quốc gia và đối với doanh nghiệp; Cách tính các loại thuế liên quan và phổ biến với hoạt động kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp phù hợp với chính sách thuế Việt Nam; Hiểu được vai trò của thuế trong các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính doanh nghiệp.

13. Nguyên lý kế toán

Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết hạch toán kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

14. Soạn thảo văn bản

Môn học trước: Tin học đại cương và Thực hành Tin học đại cương

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thẩm quyền ra văn bản, nguyên tắc, thể thức viết văn bản, thủ tục ra và gửi văn bản, quy trình soạn thảo và trình bày các loại văn bản, các yêu cầu cơ bản của một văn bản hành chính, một văn thư thương mại; đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết văn bản giao dịch thương mại, văn bản hành chính, ...và sử dụng Microsoft Word để trình bày một văn bản

Chương trình môn học gồm các giờ lý thuyết, bài tập và 15 tiết thực hành tại phòng máy tính.

15. Nghiệp vụ ngân hàng

Môn học trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tiền tệ, tín dụng và ngân hàng như: Tiền tệ và cung cấp tiền tệ, các chế độ lưu thông tiền tệ; ngân hàng và các tổ chức tín dụng; các nghiệp vụ ngân hàng.

16. Nghiệp vụ ngoại thương

Môn học cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về ngoại thương.

Học xong môn học này sinh viên phải hiểu rõ sự khác biệt giữa thương mại trong nước và ngoại thương; các phương thức mua bán quốc tế; các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); quá trình tìm kiếm, đàm phán và ký kết hợp đồng ngoại thương; các điều khoản cơ bản khi soạn thảo hợp đồng ngoại thương; quy trình thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu; các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu áp dụng trong ngoại thương; các nghiệp vụ thuê tàu, bảo hiểm ngoại thương; các chứng từ trong ngoại thương, cách lập tờ khai hải quan; các rủi ro thường xảy ra trong hoạt động ngoại thương.

17. Thị trường chứng khoán

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chứng khoán, cơ chế vận hành và những quy định của một sở giao dịch chứng khoán, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay, hoạt động của các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư, phát hành chứng khoán ra thị trường, phương pháp giao dịch mua bán chứng khoán trên thị trường, kỹ thuật phân tích chứng khoán.

18. Quản trị hành chính văn phòng

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản lý hành chính một văn phòng của doanh nghiệp như: Cách thức tổ chức và điều hành một văn phòng doanh nghiệp; các nghiệp vụ cơ bản của công tác hành chính văn phòng như tổ chức sắp xếp nơi làm việc, hội họp, lưu trữ, soạn thảo văn bản, ...

19. Tin học ứng dụng trong kinh doanh và thực hành

Môn học tiên quyết: Tin học đại cương và Thực hành Tin học đại cương.

Các nội dung được giới thiệu trong môn học bao gồm: Microsoft Word, Microsoft FontPage, Microsoft Power Point và Microsoft Excel.

Môn học này giúp sinh viên các kỹ năng: Trình bày các loại hình văn bản, làm những trình bày (presentation) trên máy tính, tổ chức dữ liệu và chọn công cụ thích hợp để lưu trữ, hiểu biết và thao tác thuần thục trên Excel để có thể ứng dụng vào công việc chuyên môn dự báo bán hàng, thống kê và phân tích dữ liệu, kế toán – tài chính, ... Môn học chú trọng các bài tập thực hành nhằm giới thiệu cách ứng dụng chúng vào những hoạt động học tập hay công việc cụ thể sau này.

20. Quản trị tài chính 1

Môn học tiên quyết: Quản trị học.

Môn học trước: Nguyên lý kế toán.

Môn học giới thiệu những vấn đề cơ bản về tài chính và quản trị tài chính của doanh nghiệp: Xác định nhu cầu vốn, tổ chức nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp; Thời giá tiền tệ; Quản lý và sử dụng vốn; Chi phí; Doanh thu và lợi nhuận; Kế hoạch tài chính doanh nghiệp; Phương pháp lập dự toán; Tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn của nhà quản trị.

21. Quản trị nguồn nhân lực

Môn học tiên quyết: Quản trị học.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá sự thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

22. Quản trị chiến lược

Môn học tiên quyết: Quản trị học.

Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Với môn học này sinh viên được trình bày những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

23. Phương pháp nghiên cứu trong quản trị và thực hành

Môn học trước: Xác suất thống kê, Quản trị học.

Môn học giới thiệu vai trò, tầm quan trọng, và những mặt hạn chế trong nghiên cứu quản trị và các phương pháp được sử dụng trong những nghiên cứu quản trị (Giả định cơ bản là không có một phương pháp nghiên cứu tốt nhất). Môn học giúp sinh viên nhận dạng được những nhân tố căn bản nằm sau cách tiếp cận khoa học về nghiên cứu trong quản trị; cung cấp những kiến thức về các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng; cung cấp những hiểu biết về tiến trình nghiên cứu trong quản trị thông qua kinh nghiệm thực tế khi tiến hành các dự án nghiên cứu theo nhóm về các vấn đề quản trị được chọn lọc. Chương trình môn học có thể bao gồm một số tiết thực hành tại phòng máy.

24. Kế toán quản trị

Môn học tiên quyết: Quản trị học.

Môn học trước: Nguyên lý kế toán.

Môn học trang bị những kiến thức về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị; Sự khác biệt và mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị; Khái niệm về trung tâm chi phí; Cách phân bổ chi phí; Các phương pháp tính giá; Kiểm soát chi phí; Mối quan hệ chi phí – sản lượng - lợi nhuận.

25. Phân tích hoạt động kinh doanh

Môn học trước: Kế toán quản trị, Quản trị tài chính.

Đến cuối chương trình đào tạo của khóa học, sinh viên phải hiểu rõ vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp. Môn học trang bị cho sinh viên các phương pháp - kỹ thuật phân tích, ứng dụng vào phân tích tình hình thực hiện chi phí, tình hình tiêu thụ và doanh thu, tình hình thực hiện lợi nhuận của doanh nghiệp, phân tích những thông tin trong báo cáo tài chính từ đó nhận xét đánh giá những hạn chế của các con số trong báo cáo tài chính, phục vụ cho việc ra các quyết định, phân tích tình hình đầu tư, ...

26. Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

Môn học trước: Quản trị tài chính, Quản trị nguồn nhân lực.

Môn học xem xét những cơ hội và trở ngại liên quan đến việc khởi sự và quản lý / điều hành doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp nhất các khái niệm quan trọng của kế toán, tài chính, tiếp thị, sản xuất và tác nghiệp, khi được áp dụng vào việc sở hữu và quản lý một doanh nghiệp vừa và nhỏ.

27. Hành vi tổ chức

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học giới thiệu về lý thuyết tổ chức; hành vi tổ chức; hành vi cá nhân trong tổ chức; sự khác nhau về văn hoá; ra quyết định của các cấp quản trị; quản lý nhóm làm việc; quản lý tổ chức thông qua các thay đổi và xung đột. Môn học giúp tìm hiểu thấu đáo về hành vi con người với mong muốn những hiểu biết đó sẽ nâng cao hiệu quả trong thực tế quản lý. Các khái niệm đưa ra ở cả hai mức độ cá nhân và tổ chức, giúp người học phát triển hiểu biết cả về mặt tâm lý lẫn các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến hành vi của con người tại nơi làm việc.

28. Kỹ thuật bán hàng

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kỹ thuật bán hàng cho nhà sản xuất cũng như các đại lý bán sỉ và lẻ; các chức năng, phương pháp quản lý lực lượng bán hàng hiệu quả. Từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.

29. Quản trị dự án

Môn học trước: Quản trị tài chính 1.

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án: Phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án.

30. Quản trị vận hành

Môn học trước: Quản trị học.

Quản trị vận hành hướng trọng tâm vào việc quản trị có hiệu quả quá trình chuyên hóa các yếu tố đầu vào (sức lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, thông tin, ...) thành các sản phẩm đầu ra (hàng hoá, dịch vụ). Mục tiêu của môn học là cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về sản xuất và cung cấp dịch vụ cũng như vai trò vận hành trong một tổ chức kinh doanh. Nội dung của môn học bao gồm lựa chọn quá trình, bố trí sản xuất, hệ thống sản xuất tinh gọn; điều độ sản xuất; hoạch định: sản xuất tổng hợp, nhu cầu vật liệu, công suất; quản lý dự trữ; .. .

31. Quản trị chất lượng

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản giúp sinh viên hiểu, nắm được các yếu tố và quá trình hình thành chất lượng sản phẩm, các phương pháp quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm; các tổ chức hệ thống quản lý chất lượng và một số kinh nghiệm quản lý ở các nước phát triển.

32. Quản trị rủi ro

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học cung cấp các kiến thức về rủi ro, đánh giá rủi ro, kiến thức và kỹ năng quản trị rủi ro kinh doanh. Nội dung môn học bao gồm: lý thuyết về rủi ro, đặc điểm và hình thức thể hiện của rủi ro, các nguyên nhân gây rủi ro, phân tích đánh giá rủi ro thông qua các phương pháp (cây quyết định, độ nhạy, xác suất,...); sáu bước của quá trình quản trị rủi ro: lập kế hoạch quản trị rủi ro, xác định rủi ro, phân tích định tính và định lượng rủi ro trên cơ sở các phương pháp Delphi, mô phỏng, cây quyết định, ..., lập kế hoạch đối phó rủi ro, kiểm soát và điều chỉnh rủi ro.

33. Môi trường học

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết khái niệm về môi trường, những kiến thức cơ bản về quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế, dựa trên các nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, nhằm mục tiêu điều hòa các xung đột giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường; giúp doanh nghiệp chủ động lập kế hoạch bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật, chủ động tính toán chi phí bảo vệ môi trường như một nội dung chi phí sản xuất kinh doanh; các giải pháp có tính khả thi cao trong việc áp dụng công cụ này ở cả tầm vĩ mô và vi mô; các kết quả khả quan được nhiều nước trên thế giới áp dụng.

34. Logistic

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học Logistic (Quản lý tồn kho, vận chuyển và phân phối) nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức khái niệm liên quan đến tồn kho (gồm những lĩnh vực như chọn lựa vị trí kho, xác định kích thước kho, thiết kế cơ sở hạ tầng kho và các chức năng quản lý kho cũng như tính toán đầu tư tồn kho); những kiến thức liên quan đến quản lý vận chuyển (như lý thuyết vận chuyển, phương thức vận chuyển, định giá, quãng đường vận chuyển cũng như kiểm soát và lập lịch trình vận chuyển). Môn học cũng đề cập đến những khái niệm liên quan quản lý khâu phân phối bao gồm các loại phân phối, sự vận dụng các kênh phân phối và chọn lựa thành viên trong kênh phân phối

35. Hành vi người tiêu dùng

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi người tiêu dùng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ thông hiểu vai trò trung tâm của người tiêu dùng trong công tác tiếp thị và có khả năng vận dụng các mô hình học được làm công cụ phân tích hành vi người tiêu dùng. Chiến lược tiếp thị sẽ được xem xét dưới góc độ xã hội rộng hơn và sẽ bao gồm những vấn đề đương đại như đạo đức kinh doanh, các quy định của Nhà nước, phong trào bảo vệ người tiêu dùng... Nội dung cụ thể bao gồm các khái niệm hành vi người tiêu dùng ứng dụng trong việc ra quyết định tiếp thị, các mô hình hành vi tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua hàng của người tiêu dùng và nghiên cứu hành vi người tiêu dùng.

36. Quản trị sản phẩm và định giá

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học cung cấp những hiểu biết sâu về những vấn đề và những điều cần phải tính đến trong việc quản trị định giá sản phẩm, minh họa vai trò của định giá và quản trị sản phẩm trong việc đạt được các mục tiêu kinh doanh mang tính chiến lược, giải thích mối liên kết giữa định giá và quản trị sản phẩm trong bối cảnh của phối thức tiếp thị và tiến trình quản trị tiếp thị. Môn học nhằm vào việc phát triển các kỹ năng quản trị cho sinh viên để hoạch định sản phẩm và giá mang tính chiến lược, định vị và phát triển sản phẩm. Trọng tâm đặt vào việc không chỉ hiểu biết những nguyên tắc và khuôn khổ lồng ghép mà còn ứng dụng thực tiễn.

37. Quản trị quan hệ khách hàng và kênh phân phối

Môn học trước: Quản trị học.

Quản trị Quan hệ khách hàng: Cung cấp một cái nhìn thấu đáo về tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và trang bị cho sinh viên một hệ thống lý luận và thực tiễn về việc tổ chức chăm sóc khách hàng. Phần kiến thức này giúp sinh viên xác định được khách hàng của doanh nghiệp (bao gồm khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài); tầm quan trọng và nội dung của việc chăm sóc khách hàng; mô tả một số nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng; xác định được những mong đợi của khách hàng của doanh nghiệp bạn; xác định những khiếm khuyết trong việc chăm sóc khách hàng của một tổ chức.

Quản trị kênh phân phối: Giúp sinh viên nhận dạng các loại hệ thống kênh phân phối khác nhau, và các chức năng của một kênh phân phối; xem xét tác động của các môi trường bên ngoài và bên trong đến hiệu quả hoạt động của kênh phân phối; các cấu trúc và các chiến lược kênh phân phối và quy trình thiết kế một hệ thống kênh phân phối; nhận dạng những xung đột hiện hữu và tiềm ẩn và quyết định những giải pháp quản trị kênh phân phối; ngoài ra còn đề cập đến việc vận dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản trị kênh phân phối; và cuối cùng là những vấn đề về hậu cần kênh phân phối.

38. Quản trị truyền thông - tiếp thị

Môn học trước: Quản trị học.

Môn học giới thiệu các công cụ, kỹ thuật và phương tiện truyền thông được sử dụng để chiêu thị sản phẩm. Quản trị truyền thông tiếp thị tích hợp là một chiến lược kết hợp các thông điệp nhằm gia tăng mức độ tác động đến khách hàng mục tiêu. Môn học cũng tập trung vào nghiên cứu các chức năng và các thành phần cơ bản của chiêu thị trong các chương trình tiếp thị của các doanh nghiệp; các khái niệm và tiến trình thiết lập một truyền thông tiếp thị tích hợp (Integrated Marketing Communication – IMC).

39. Quản trị mua hàng và bán hàng

Môn học trước: Quản trị học.

Quản trị bán hàng trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng, nhận thức về người quản lý bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.

Quản trị mua hàng được xem xét xuất phát từ vai trò của người mua, đại lý mua hàng, người quản lý mua hàng và người quản lý vật tư. Phần kiến thức này xem xét những nghĩa vụ theo hợp đồng của một đơn đặt hàng và “quyền sở hữu” các bộ phận, hàng hoá tồn kho, tồn kho sản phẩm dở dang và

hàng hoá đã gửi đi. Các chủ đề bao gồm những yêu cầu mua hàng, đánh giá các đề nghị, phân tích nhà cung cấp, thực hiện hợp đồng, các vấn đề về nhân sự, hoạch định nhu cầu vật liệu, tồn kho vừa đúng lúc, điểm đặt hàng lại, các vấn đề về pháp lý và môi trường ảnh hưởng đến việc mua hàng và xây dựng các mối liên hệ cùng có lợi với các nhà cung cấp.

40. Kế toán tài chính 1, 2 và 3

Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán.

Môn học trước: Kế toán tài chính 1, 2 tương ứng

Môn học cung cấp kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; Tổ chức hạch toán kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Tổ chức hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, hạch toán thành phẩm và tiêu thụ, hạch toán nghiệp vụ xác định kết quả tài chính và phân phối lợi nhuận; Tổ chức hạch toán lưu chuyển hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ xây dựng cơ bản; Lập các báo cáo tài chính.

41. Tài chính quốc tế

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và lý luận nghiệp vụ về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về tài chính quốc tế; Thị trường tài chính quốc tế; Các định chế về tài chính quốc tế; Tài chính công ty đa quốc gia; Các hoạt động thanh toán, tín dụng, đầu tư quốc tế; Chính sách điều hành tỉ giá hối đoái và xác lập cán cân thanh toán quốc tế; Liên minh thuế quan giữa các quốc gia.

42. Quản trị tài chính 2

Môn học trước: Quản trị tài chính 1.

Môn học được xây dựng trên nền tảng của Quản trị tài chính 1. Môn học này bao gồm các chuyên đề nâng cao trong thị trường tài chính từ quan điểm của giám đốc tài chính và những phân tích, cân nhắc của nhà đầu tư như đầu tư vào các tài sản dài hạn, cấu trúc vốn và chính sách cổ tức, quản trị vốn luân chuyển, các chủ đề đặc biệt trong quản trị tài chính và chứng khoán phái sinh (derivatives).

43. Quản trị chi phí

Môn học trước: Kế toán quản trị.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thấy được ảnh hưởng của những thông tin chi phí trong quá trình hoạt động của một doanh nghiệp. Thấy rõ ý nghĩa, vị trí của quản trị chi phí trong chiến lược kinh doanh chung và những đóng góp của nó vào sự thành công của doanh nghiệp trong thời đại hiện nay. Hiểu và áp dụng những phương pháp quản trị thích hợp trong mỗi giai đoạn của bốn chức năng quản trị: quản trị mang tính chiến lược, ra quyết định và hoạch định, soạn thảo báo cáo tài chính và kiểm soát hoạt động. Tìm thấy mối liên hệ giữa quản trị chi phí với những kỹ thuật quản trị khác như: quản trị chất lượng toàn diện, định giá theo mục tiêu, quản trị theo công việc, so sánh chuẩn ...

44. Kiểm toán

Môn học trước: Kế toán tài chính 3.

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản giúp sinh viên hiểu được bản chất, chức năng, đối tượng và phương pháp của kiểm toán; Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; Các hình thức kiểm toán và chủ thể kiểm toán; Quy trình và phương pháp kiểm toán; Tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

45. Thương mại điện tử

Môn học giới thiệu những kiến thức chung nhất về thương mại điện tử bao gồm các mô hình thương mại điện tử, cách thức triển khai, áp dụng thương mại điện tử cho doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh trực tuyến; các vấn đề liên quan đến thương mại điện tử như tiếp thị điện tử (e-marketing), thanh toán điện tử (e-payment); an toàn mạng...

46. B2B Marketing

Môn học giúp cho học viên có thể phân biệt được tiếp thị cho người tiêu dùng (B2C) và tiếp thị cho các tổ chức (B2B); hiểu rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức; xây dựng chiến lược tiếp thị B2B; phát triển các chiến thuật tiếp thị B2B; và xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng.

47. Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh

Môn học sẽ thảo luận và đánh giá trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý và các tổ chức. Môn học sẽ giúp sinh viên khám phá những vấn đề hiện thực từ quan điểm quản lý cũng như quan điểm đa dạng khác, và phân tích những mâu thuẫn phức tạp và tình huống khó xử qua các nghiên cứu tình huống.

48. Nghệ thuật lãnh đạo

Môn học chú trọng đến các kỹ năng lãnh đạo trong tổ chức thông qua việc phát triển khả năng tự thích ứng và tự học hỏi. Sau khi học xong, sinh viên sẽ có ý niệm tốt hơn về nghệ thuật lãnh đạo. Điều quan trọng hơn là, với tư cách là nhà lãnh đạo có khả năng nhận thức cao, hiểu rõ và phác họa được bối cảnh mà trong đó nghệ thuật lãnh đạo được ứng dụng sẽ giúp người lãnh đạo quản lý được sự thay đổi. Môn học sẽ bao gồm lý thuyết về lãnh đạo và thực hành các kỹ năng lãnh đạo hiệu quả, các kỹ năng thích ứng, các kỹ năng sáng tạo để làm chủ sự thay đổi. Môn học sẽ được thực hiện qua thảo luận tình huống, đóng vai, làm bài tập.

49. Tài chính ngân hàng

Sau các môn học quản trị tài chính, môn học này là môn học tự chọn tự do, nhằm bổ sung thêm một số kiến thức tài chính chuyên sâu trong lĩnh vực ngân hàng cho những sinh viên muốn tìm hiểu và có thể chọn lĩnh vực ngân hàng trong công việc làm sau này.

50. Định giá doanh nghiệp

Môn học phát triển những kiến thức cơ bản về các kỹ thuật định giá doanh nghiệp, cùng với những hiểu biết về vai trò mà những việc định giá như thế đóng trong nhiều quyết định tài trợ doanh nghiệp. Môn học sẽ xem xét kỹ lưỡng các kỹ thuật định giá khác nhau như phân tích dòng tiền chiết khấu truyền thống, định giá quyền chọn thực, phân tích so sánh công ty, ...; các giả định làm nền tảng cho mỗi phương pháp này; cách chúng được ứng ra sao trong thực tiễn; cách chúng liên hệ lẫn nhau thế nào; cách nào quyết định phương pháp định giá nào thích hợp cho một ứng dụng nhất định.

51. Bảo hiểm đại cương

Môn học này là môn học tự chọn tự do, nhằm bổ sung thêm một số kiến thức trong lĩnh vực tài chính. Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về Bảo hiểm (là một trong những định chế tài chính trung gian), về các tổ chức hoạt động bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm, các nghiệp vụ bảo hiểm hiện có trên thế giới cũng như ở Việt Nam hiện nay.

52. Ngoài ra còn có một số môn chuyên đề tự chọn khác: Marketing xuất khẩu, Văn hóa ẩm thực, Kế toán Mỹ,

53. Các môn thực hành hay đồ án môn học

Sinh viên được hướng dẫn chọn nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng cụ thể những kiến thức của môn học để thực hành giải quyết những bài tập tình huống, để tìm hiểu một vấn đề trong lĩnh vực môn học, qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy, kỹ năng liên kết các kiến thức từ các môn học, kỹ năng trình bày, báo cáo thuyết trình một vấn đề nghiên cứu, ...

54. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp: sinh viên được yêu cầu tiếp cận, tìm hiểu và viết báo cáo về một nội dung sinh viên đã chọn để tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp sinh viên thực tập; để thực hành ứng dụng những lý thuyết đã học vào thực tế doanh nghiệp. Đây là những đề tài mới đòi hỏi sinh viên phải tìm tòi nghiên cứu hoặc tìm giải pháp cho các vấn đề tồn tại tại doanh nghiệp.

Từ đợt thực tập tốt nghiệp sinh viên nhận xét rút kinh nghiệm và sau khi đã bổ xung những kiến thức chuyên môn cần thiết, sinh viên có thể sẽ chọn và thực hiện đề tài Luận văn tốt nghiệp sau đó bảo vệ đề tài trước Hội đồng chấm và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

55. Bài thi tốt nghiệp

Bài thi tốt nghiệp được tổ chức dưới hai hình thức: Luận văn tốt nghiệp và Thi tốt nghiệp. Việc tổ chức hình thức nào do Trường quyết định và thông báo cho sinh viên.

Đối với hình thức Luận văn tốt nghiệp: Sinh viên có thể tự chọn đề tài luận văn tốt nghiệp (dựa vào việc tìm hiểu và nghiên cứu đề tài trong thời gian thực tập tốt nghiệp) hay theo hướng dẫn của khoa.

Đối với hình thức Thi tốt nghiệp: Sinh viên được phụ đạo, ôn tập và thi hai nội dung liên quan đến ngành và chuyên ngành được đào tạo:

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp:

- Môn thi về kiến thức cơ sở ngành: Quản trị học, Kinh tế vi mô, ...
- Môn thi về kiến thức chuyên ngành: Quản trị nhân sự, Quản trị tài chính, ...

Chuyên ngành Quản trị Marketing:

- Môn thi về kiến thức cơ sở ngành: Quản trị học, Kinh tế vi mô, ...
- Môn thi về kiến thức chuyên ngành: Quản trị nhân sự, Quản trị tài chính, ...

Chuyên ngành Quản trị Tài chính:

- Môn thi về kiến thức cơ sở ngành: Quản trị học, Kinh tế vi mô, ...
- Môn thi về kiến thức chuyên ngành: Quản trị chi phí, Quản trị tài chính, ...

G. Tóm tắt các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành kỹ thuật Công trình Xây dựng

1. Anh văn chuyên ngành 1 & 2

Một số kiến thức và từ vựng về Tiếng Anh trong Kỹ thuật Xây dựng.

Các cấu trúc ngữ pháp căn bản trong tiếng Anh

Phương pháp đọc – hiểu, dịch các cấu trúc, bài đọc về Kỹ thuật Xây dựng.

Giới thiệu các chuyên ngành chính của trong Kỹ thuật Xây dựng như: các loại móng, các loại kết cấu, những tải trọng chính, hệ thống đường bộ, các phương pháp khảo sát, các loại bê tông, các loại cầu. Các thủ tục trong xây dựng...

2. Xác suất thống kê

Mục tiêu môn học: Môn học cung cấp các kiến thức về xác suất thống kê cũng như ứng dụng trong các chuyên ngành kỹ thuật.

Tóm tắt môn học: Môn học gồm có nhập môn thống kê, đại lượng xác suất, quy luật phân phối, lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng, kiểm định giả thiết thống kê, tương quan và hồi quy mẫu.

3. Kỹ thuật an toàn và môi trường

Môn học này nhằm cung cấp cho các sinh viên một nền tảng kiến thức cơ bản về các điều khoản quy định trong luật lao động, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động trong xây dựng, các yếu tố tác hại đến môi trường. Qua đó, trang bị cho những kỹ sư tương lai các nguyên tắc cần tuân thủ khi thiết kế thi công nhằm giảm thiểu tối đa hệ số tai nạn lao động trên công trường.

4. Cơ học kết cấu 1 & 2

Nội dung chính của học phần là xét các hệ thanh phẳng tĩnh định gồm các phần:

- Phân tích cấu tạo hình học.
- Phân tích nội lực của hệ chịu tải bất động và di động.
- Khái niệm hệ không gian.
- Xác định chuyển vị trong hệ thanh phẳng đàn hồi tuyến tính.
- Khái niệm về hệ siêu tĩnh - bậc siêu tĩnh.
- Phương pháp lực và cách tính hệ thanh phẳng siêu tĩnh.
- Phương pháp chuyển vị tính hệ thanh phẳng.

Môn học tiên quyết: Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu 1.

5. Cơ học kết cấu 3

Trang bị kiến thức về các phương pháp xác định nội lực, chuyển vị của các kết cấu thông dụng trong kết cấu cầu, hầm chịu tác dụng của tải trọng bất động và tải trọng di động. Trong đó hướng dẫn áp dụng phương pháp đường ảnh hưởng để xác định vị trí bất lợi của đoàn tải trọng di động trên kết cấu tĩnh định và kết cấu siêu tĩnh.

6. Kết cấu bê tông cốt thép 1 & 2

Đã học phần Vật liệu xây dựng và Sức bền vật liệu.

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kết cấu bê tông cốt thép cũng như khả năng thiết kế các dạng Kết cấu bê tông cốt thép thông thường.

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu 1,2 và Cơ học kết cấu 1.

7. Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép 1 & 2

Đã hoặc đang học phần Kết cấu bê tông cốt thép 1 & 2 (liên quan).

Vận dụng những kiến thức đã học trong phần Kết cấu bê tông cốt thép về tính toán cấu tạo cấu kiện chịu uốn để thiết kế một kết cấu cụ thể là sàn sườn có bản dầm.

8. Cơ học đất & Thí nghiệm Cơ học đất

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề sau: Sự hình thành của đất, các pha hợp thành đất, các đặc trưng vật lý của đất, các tính chất cơ học và đặc trưng liên quan, sự phân bố ứng suất trong đất, các vấn đề biến dạng, sức chịu tải của nền đất, ổn định của khối đất và áp lực đất lên các vật rắn. Hướng dẫn đọc được các hồ sơ khảo sát địa chất, tính các chỉ tiêu cơ lý đất.

Môn học tiên quyết: Không

9. Cơ lý thuyết

Đã học đạo hàm, vi phân, phương trình vi phân thường.

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề sau:

- Các khái niệm cơ bản về hệ tiên đề cơ học, lý thuyết về lực, bài toán cân bằng.
- Các khái niệm chuyển động của vật rắn.
- Các định luật của Newton, các định lý tổng quát của động lực học, nguyên lý Dаламbe và nguyên lý di chuyển khả dĩ.

10. Kỹ thuật điện

Kỹ thuật điện là ngành kỹ thuật ứng dụng các hiện tượng điện từ để biến đổi năng lượng để tạo ra điện năng. Năng lượng điện năng ngày nay được sử dụng rộng rãi trong đời sống của con người. Môn học Kỹ thuật điện cung cấp kiến thức cơ bản về điện cho sinh viên khối kỹ thuật.

Đủ kiến thức lý thuyết điện và điện tử phổ thông.

Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về tính toán thiết kế hệ thống cấp điện cho công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Chương trình học còn giới thiệu cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về:

- Hệ thống chống sét (lightning protection).
- Hệ thống thông tin liên lạc (communication system).
- Hệ thống chống trộm cướp (security system).
- Hệ thống cứu hỏa tự động (fire protection system).
- Hệ thống điện thang máy (electrification for elevator).
- Hệ thống điện điều hoà trung tâm và hệ thống điện bơm nước.
- Hệ thống ăngten cho tivi (master antenna).

Phần kiến tập giúp sinh viên làm quen với các hệ thống điện tiêu biểu trong các công trình xây dựng.

11. Sức bền vật liệu 1, 2 & Thí nghiệm Sức bền vật liệu:

Đã học đạo hàm, vi phân, phương trình vi phân, cơ học cơ sở 1.

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề sau:

- Các khái niệm cơ bản về ứng lực, ứng suất trong bài toán thanh.
- Trạng thái ứng suất đơn và phức tạp trong thanh.
- Các thuyết bền.
- Các đặc trưng hình học cần thiết khi tính toán thanh.
- Các bài toán thanh chịu xoắn và chịu uốn phẳng.
- Ổn định thanh chịu nén.

Môn học tiên quyết: Cơ học lý thuyết

12. Tin học chuyên ngành 1

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm Auto Cad để thể hiện các bản vẽ xây dựng. Sau khi học xong, sinh viên có thể đọc hiểu và thực hiện được các bản vẽ về công trình xây dựng bằng phần mềm Auto Cad phiên bản cập nhật mới nhất.

13. Tin học chuyên ngành 2

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách sử dụng phần mềm chuyên ngành xác định nội lực kết cấu. Sau khi học xong, sinh viên có thể sử dụng được SAP 2000 và ETAB (phiên bản cập nhật mới nhất) để xác định nội lực cho các kết cấu dầm, khung phẳng, cầu thang, sàn, hồ nước và cả khung sàn không gian.

Sinh viên còn được trang bị kiến thức về tải trọng áp dụng và cách áp đặt tải vào kết cấu, cách đặt các trường hợp tải trọng và tổ hợp để xác định được nội lực nguy hiểm nhất trong từng loại kết cấu chịu lực.

14. Tin học chuyên ngành 3

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm Microsoft Project xác định tiến độ thi công công trình và các tài nguyên cần thiết để thực hiện tiến độ đề ra. Sau khi học xong sinh viên có thể đọc hiểu biểu đồ tiến độ ngang, tiến độ mạng, lập tiến độ thi công, xác định đường găng, các công tác găng, biểu đồ nhân lực, biểu đồ vật liệu và chi phí của dự án bằng phần mềm Microsoft Project phiên bản cập nhật mới nhất.

15. Trắc địa & Thực tập Trắc địa

Nội dung chính của học phần bao gồm các vấn đề trắc địa cơ bản nhưng cần thiết cho xây dựng công trình như: Định vị điểm, định hướng đường thẳng, sử dụng bản đồ, đo vẽ mặt cắt địa hình, các dạng công tác bố trí công trình, đo vẽ hoàn công, quan trắc biến dạng công trình.

16. Vật liệu xây dựng & Thí nghiệm Vật liệu xây dựng

Đã học các học phần Hóa đại cương, Sức bền vật liệu.

Nội dung gồm 13 chương giới thiệu đại cương về tính năng cơ lý và các yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng phổ biến và 5 bài thí nghiệm giới thiệu phương pháp kiểm tra đánh giá các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng.

17. Vẽ kỹ thuật xây dựng 1 (= Vẽ kỹ thuật cơ bản)

Trang bị kiến thức cơ bản về biểu diễn các đối tượng hình học không gian thông qua các phép chiếu, các quy chuẩn áp dụng trong bản vẽ kỹ thuật.

18. Vẽ kỹ thuật xây dựng 2

Cung cấp kiến thức về các quy chuẩn, các cách thể hiện về kiến trúc, kết cấu của công trình xây dựng nhằm phục vụ cho việc thực hiện các bản vẽ kỹ thuật xây dựng trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.

19. Cơ lưu chất

Nội dung môn học trang bị kiến thức về chất lỏng như: tĩnh học chất lỏng (trong đó chú trọng đến áp suất và áp lực chất lỏng tác dụng lên các thành rắn); động học chất lỏng; động lực học chất lỏng (trong đó chú trọng đến các phương trình liên tục, phương trình Bernoulli, các loại tổn thất cột nước, dòng chảy ổn định đều trong đường ống có áp và việc tính thủy lực trong các mạng đường ống rẽ nhánh hay khép kín, ...).

20. Kết cấu thép 1, 2 & Đồ án Kết cấu thép 1, 2

Đã học phần Sức bền vật liệu và Cơ học kết cấu.

Đây là học phần cơ bản của học phần kết cấu thép, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở của kết cấu thép gồm: vật liệu thép trong kết cấu xây dựng, cách cấu tạo và tính toán các loại liên kết hàn, liên kết bulông, liên kết đinh tán, cách thiết kế các cấu kiện cơ bản như dầm thép, cột thép, dàn thép, khung nhà công nghiệp, nhà nhịp lớn, bể chứa, trụ thép cao.

Môn học tiên quyết: Sức bền vật liệu và Cơ học kết cấu

21. Kiến trúc 1 & 2

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc thiết kế kiến trúc, các nguyên lý cấu tạo kiến trúc của công trình trong lĩnh vực xây dựng dân dụng.

22. Thủy lực 1

Nội dung môn học gồm những phần chủ yếu sau:

- Tĩnh học chất lỏng (trong đó chú trọng đến áp suất và áp lực chất lỏng tác dụng lên các thành rắn);
- Động học chất lỏng;
- Động lực học chất lỏng (trong đó chú trọng đến các phương trình liên tục, phương trình Bernoulli, các loại tổn thất cột nước, dòng chảy ổn định đều trong đường ống có áp và việc tính thủy lực trong các mạng đường ống rẽ nhánh hay khép kín, ...).

23. Thủy lực 2

Nội dung môn học gồm những phần chủ yếu về dòng chảy ổn định đều và không đều trong kênh hở; dòng chảy qua đập tràn, cống hở, cống ngầm, vấn đề tiêu năng ở hạ lưu công trình, ...

24. Hóa nước

Môn học này cung cấp các khái niệm cơ bản về nước và hóa học trong môi trường nước tự nhiên và nước thải, cũng như các biến đổi hóa học trong nước tự nhiên, các quá trình hóa học ứng dụng trong đánh giá chất lượng môi trường và xử lý ô nhiễm.

25. Dự toán công trình

Trang bị các kỹ năng cần thiết cho việc bóc khối lượng và lập dự toán cho một công trình xây dựng.

26. Thiết kế công trình dân dụng & Đồ án Thiết kế công trình dân dụng

Trang bị cho sinh viên ngành Kỹ thuật Công trình các kiến thức cơ bản về trình tự thiết kế công trình dân dụng theo quy chuẩn Việt Nam, qua đó nhắc lại và hướng dẫn ứng dụng các kiến thức chuyên ngành đã được trang bị trong quá trình đào tạo ngành.

27. Nhà cao tầng

Hiểu biết về hệ chịu lực nhà cao tầng, tính toán các loại tải trọng tác dụng lên nhà cao tầng, tính toán và cấu tạo hệ chịu lực của nhà cao tầng. Biết áp dụng các tiêu chuẩn chuyên ngành, sử dụng các phần mềm chuyên ngành để tính toán kết cấu nhà cao tầng.

Trang bị cho sinh viên ngành Kỹ thuật công trình hiểu biết các dạng kết cấu nhà cao tầng. Biết tính toán và thiết kế kết cấu nhà cao tầng.

28. Móng trên nền đất yếu

Hướng dẫn sinh viên áp dụng các kiến thức của môn học móng trên nền đất yếu để tự thực hiện thiết kế xử lý phần nền móng xây dựng trên những nền đất yếu.

29. Kinh tế xây dựng

Đã học các phần chuyên môn kỹ thuật xây dựng chuyên ngành.

Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về kinh tế và quản trị kinh doanh xây dựng cũng như các kiến thức về kinh tế - kỹ thuật xây dựng khi ra trường. Nghiên cứu kinh tế và quản trị kinh doanh xây dựng đòi hỏi phải gắn liền với những kiến thức kinh tế chung và kiến thức kỹ thuật chuyên môn thuộc ngành xây dựng công trình.

30. Quản lý xây dựng 1

Quản lý dự án cơ bản: Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý dự án.

Công nghiệp xây dựng và thực hành: Cung cấp các khái niệm tổ chức, quản lý và điều hành dự án. Các khái niệm về một đơn vị quản lý xây dựng chuyên nghiệp. Các khái niệm về các mô hình trong quản lý xây dựng chuyên nghiệp.

31. Quản lý xây dựng 2

Quản lý xây dựng chuyên nghiệp trong thực hành như: Lập kế hoạch thi công, thiết kế, dự toán, đấu thầu, xây dựng và áp dụng các công cụ kiểm soát.

Các phương pháp trong quản lý xây dựng chuyên nghiệp như: Lập kế hoạch và kiểm soát dự án, dự toán các chi phí của dự án, lập kế hoạch kiểm soát nguồn nhân lực, kỹ thuật giá, cung ứng, phân tích giá trị kỹ thuật công trình, độ đảm bảo chất lượng, và an toàn lao động.

32. Thiết kế đường ô tô 1

Cung cấp các phương pháp cụ thể thiết kế đường ô tô: cảnh quan, nền đường, mặt đường.

33. Thiết kế đường ô tô 2

Cung cấp các phương pháp cụ thể thiết kế đường ô tô về quy hoạch mạng lưới đường ô tô, công tác khảo sát, ngân sách của các phương án vạch tuyến đường ...

34. Đồ án Thiết kế đường ô tô 1

Mỗi sinh viên được nhận một đề tài nhằm rèn luyện kỹ năng thiết kế đường ô tô thông qua việc ứng dụng kiến thức môn học Thiết kế đường ô tô 1.

35. Đồ án Thiết kế đường ô tô 2

Mỗi sinh viên được nhận một đề tài nhằm rèn luyện kỹ năng thiết kế đường ô tô thông qua việc ứng dụng kiến thức môn học Thiết kế đường ô tô 2.

36. Thiết kế cầu 1

Cung cấp các phương pháp cụ thể thiết kế kết cấu cầu bê tông cốt thép toàn khối, chế tạo sẵn, ứng lực trước.

37. Thiết kế cầu 2

Cung cấp các phương pháp cụ thể thiết kế kết cấu thượng tầng cầu thép dạng dầm, dàn, dàn thép liên hợp bê tông cốt thép.

38. Đồ án Thiết kế cầu 1

Mỗi sinh viên được nhận một đề tài nhằm rèn luyện kỹ năng thiết kế kết cấu bê tông cốt thép toàn khối hay chế tạo sẵn hoặc kết cấu ứng lực trước.

39. Đồ án Thiết kế cầu 2

Mỗi sinh viên được nhận một đề tài nhằm rèn luyện kỹ năng thiết kế kết cấu thượng tầng cầu thép dạng dầm, dàn, dàn thép liên hợp bê tông cốt thép.

40. Thi công đường ô tô

Cung cấp các phương pháp cụ thể thi công các cấp đường ô tô bao gồm nhiều hạng mục: Nền đường, mặt đường, hệ thống thoát nước, hệ thống vỉa hè ...

41. Đồ án Thi công đường ô tô

Mỗi sinh viên được nhận một đề tài nhằm rèn luyện kỹ năng thiết kế phần thi công đường ô tô. Nhấn mạnh việc ứng dụng kiến thức từ môn học Thi công đường ô tô.

42. Thi công cầu

Cung cấp các phương pháp cụ thể thi công cầu bao gồm phần kỹ thuật thi công móng, trụ, thân, mặt cầu và phân tổ chức thi công công trình cầu.

43. Đồ án Thi công cầu

Mỗi sinh viên được nhận một đề tài nhằm rèn luyện kỹ năng thiết kế phần thi công bao gồm một phần về kỹ thuật thi công các bộ phận cầu hoặc một phần về tổ chức thi công.

44. Đánh giá kiểm định công trình giao thông

Cung cấp các phương pháp cụ thể nhằm đánh giá công trình giao thông.

45. Khảo sát công trình giao thông

Môn học trang bị kiến thức về các phương pháp khảo sát địa hình, địa chất phục vụ cho việc thiết kế và thi công công trình giao thông. Môn học còn trang bị khả năng đánh giá nền móng, khối lượng đào đắp, chuyển vận vật liệu phục vụ cho tính toán kinh tế công trình.

46. Thực tập Khảo sát công trình giao thông

Đợt thực tập cung cấp kiến thức thực tế về thiết kế, thi công các công trình phục vụ giao thông đường bộ như hệ thống các bộ phận hình thành cầu, các bộ phận hình thành đường ô tô, việc duy tu, bảo dưỡng.

47. Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc của kết cấu bê tông cốt thép ứng suất trước, những nguyên tắc chung về cấu tạo và tính toán các cấu kiện bê tông cốt thép ứng suất trước. Đây là môn học chuyên ngành giúp cho sinh viên có thể tính toán và thiết kế kết cấu bê tông cốt thép ứng suất trước theo tiêu chuẩn thiết kế hiện hành TCXDVN 356: 2005.

48. Kết cấu thép ứng suất trước

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý làm việc của kết cấu thép ứng suất trước, những nguyên tắc chung về cấu tạo và tính toán kết cấu thép ứng suất trước.

49. Thí nghiệm Công trình

Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách bố trí thí nghiệm trên một bộ phận hay một cấu kiện chịu lực cơ bản của công trình, qua đó tìm hiểu thêm ứng xử của công trình thực qua thí nghiệm chất tải trên cấu kiện có kích thước tương đối gần với kích thước thật của công trình.

50. Thi công 1, 2 & Đồ án Thi công 1, 2

Học kỹ thuật, biện pháp thi công các bộ phận công trình, như thi công móng, thi công phần thô, phần hoàn thiện. Tổ chức thi công.

Môn học tiên quyết: Bê tông cốt thép, Nền móng công trình.

51. Quản lý dự án cơ bản

Cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm tra dự án. Cách ra quyết định ứng với các ràng buộc về thời gian, ngân quỹ, nhân lực...

52. Quản lý hợp đồng xây dựng

Phần 1: Cung cấp kiến thức về những phương pháp chuyển giao dự án, những loại hình khác nhau của hợp đồng.

Phần 2: Cung cấp kiến thức về quản trị các hợp đồng xây dựng, những phương pháp ứng dụng căn bản cho tất cả các hợp đồng xây dựng.

53. Quản trị nhân sự trong xây dựng

Cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý nhân sự cho một doanh nghiệp xây dựng như: thương thảo hợp đồng ngắn hạn, dài hạn, thực hiện hợp đồng, kết thúc hợp đồng, bảo hiểm, tiền lương ...

54. Quản lý tài chính trong xây dựng

Cung cấp kiến thức cơ bản về quản lý tài chính cho một doanh nghiệp như: huy động vốn, quản lý vốn, quản lý tiền mặt, ra quyết định đầu tư, về cấu trúc nguồn vốn ...

55. Luật xây dựng

Cung cấp kiến thức cơ bản về luật xây dựng như: quy hoạch, đầu tư, thiết kế, thi công, quản lý chất lượng, hợp đồng kinh tế, quyền tác giả.

56. Quản lý chất lượng công trình

Cung cấp kiến thức cơ bản về các yếu tố và quá trình hình thành chất lượng sản phẩm, các phương pháp quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm, cách thức tổ chức hệ thống quản lý chất lượng.

57. Phương pháp và thực hành quản trị

Sinh viên được giới thiệu các lý thuyết về quản trị học và các phương pháp áp dụng lý thuyết quản trị trong điều hành thực tế.

58. Ứng dụng phần mềm quản lý xây dựng

Sinh viên được giới thiệu một số phần mềm chuyên dùng trong quản lý: phần mềm quản lý tác vụ, phần mềm kế toán, phần mềm thống kê, phần mềm quản lý dự án...

59. Đồ án Quản lý hợp đồng xây dựng

Đề tài đòi hỏi sinh viên phải biết ứng dụng kiến thức môn học trong việc đưa ra các phương pháp quản lý và ký kết các hợp đồng trong ngành xây dựng.

60. Đồ án Quản lý chất lượng công trình

Đề tài đòi hỏi sinh viên phải biết ứng dụng kiến thức môn học trong việc đưa ra các phương pháp quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm, cách thức tổ chức hệ thống quản lý chất lượng.

61. Nền móng công trình

Trang bị các kiến thức cơ bản về nền móng công trình và trình tự thiết kế các loại nền móng dưới các công trình xây dựng.

62. Địa chất công trình

Cung cấp kiến thức cơ bản về địa chất, địa chất công trình và địa chất thủy văn. Lập các phương án khảo sát địa chất công trình đối với công trình cụ thể, phục vụ cho thiết kế nền móng.

63. Công trình thu và trạm bơm

Công trình thu nước ngầm, công trình thu nước mặt, trạm bơm cấp nước, trạm bơm nước thải, trạm bơm nước mưa, các thiết bị của trạm bơm, lắp đặt và vận hành các loại trạm bơm, cấp điện và tự động hóa cho trạm bơm, tính toán kinh tế kỹ thuật trạm bơm, ...

64. Mạng lưới cấp nước

Nhu cầu và quy mô dùng nước, hệ thống cấp nước và chế độ làm việc của hệ thống cấp nước, mạng lưới đường ống cấp nước, cấu tạo mạng lưới cấp nước, các thiết bị và công trình trên mạng lưới cấp nước, các công trình điều hòa và dự trữ nước, phân khu cấp nước, công trình vận chuyển nước cấp, thi công và quản lý vận hành mạng lưới và công trình trên mạng lưới cấp nước ...

65. Mạng lưới thoát nước

Khái niệm về hệ thống thoát nước, lưu lượng tính toán của hệ thống thoát nước sinh hoạt, cơ sở tính toán thủy lực mạng lưới thoát nước, cấu tạo mạng lưới thoát nước thải, mạng lưới thoát nước mưa, hệ thống thoát nước chung, hệ thống thoát nước chân không và các loại hệ thống thoát nước khác, hồ điều hòa, trạm bơm thoát nước và các công trình trên mạng lưới thoát nước, xây dựng và quản lý vận hành mạng lưới và các công trình trên mạng lưới cấp nước.

66. Xử lý nước cấp

Chất lượng nước cấp cho sinh hoạt, ăn uống và công nghiệp, keo tụ các chất bẩn trong nước, lắng và các công trình lắng, lọc và các công trình lọc nước, xử lý sắt, mangan và các chất đặc biệt trong nước, khử trùng nước, quản lý vận hành nhà máy nước, làm mềm nước và xử lý nước cấp cho công nghiệp.

Các bài thí nghiệm về lắng và lọc, làm thoáng; lắng tiếp xúc và lọc; keo tụ, lắng và lọc.

67. Vi sinh vật nước

Nội dung chính của học phần này bao gồm các vấn đề sau: Đánh giá chất lượng nước; các quá trình keo tụ, khử sắt và mangan, làm mềm nước, xử lý nước thải bằng phương pháp hóa học, ổn định nước; hệ thống vi sinh vật, cấu tạo tế bào vi khuẩn, các quá trình sinh trưởng, phát triển của vi sinh vật; các quá trình dinh dưỡng và năng lượng của vi khuẩn; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên; các loại bệnh dịch liên quan đến môi trường nước; quá trình khử trùng; cơ chế các quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh hóa ...

68. Cấp thoát nước bên trong công trình

Là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thiết kế, xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị cấp thoát nước trong nhà và công trình nhằm đảm bảo các yêu cầu và tiêu chuẩn tối thiểu cho sức khỏe, sự an toàn và lợi ích người sử dụng hệ thống cấp thoát nước.

69. Xử lý nước thải

Số lượng và thành phần tính chất nước thải, xác định mức độ xử lý nước thải cần thiết, sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý và sử dụng nước thải, các công trình xử lý cơ học nước thải, các công trình xử lý sinh học nước thải trong điều kiện tự nhiên, các công trình xử lý nước thải trong điều kiện nhân tạo, xử lý bùn cặn, khử trùng nước thải, trạm xử lý nước thải đô thị, xử lý nước thải bằng phương pháp hóa học và hóa lý, quản lý vận hành trạm xử lý nước thải, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của trạm xử lý nước thải.

70. Kinh tế môi trường

Là môn học sử dụng các nguyên lý, công cụ kinh tế để nghiên cứu các vấn đề môi trường và ngược lại trong nghiên cứu, tính toán kinh tế phải tính đến các vấn đề môi trường.

71. Đánh giá tác động môi trường

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình phân tích, đánh giá dự báo ảnh hưởng đến môi trường của các dự án, các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, đề xuất các giải pháp thích hợp để bảo vệ môi trường.

72. Công nghệ và vệ sinh môi trường nước thải

Môn học này cung cấp kiến thức về công nghệ và vệ sinh môi trường nước thải.

73. Đồ án Mạng lưới cấp nước

Nghiên cứu lý thuyết và tính toán quy mô công suất trạm cấp nước, tính toán thiết kế mạng lưới cấp nước và công trình liên quan, tính toán thiết kế trạm bơm cấp II, ...

Thể hiện các bản vẽ: Mặt bằng mạng lưới cấp nước, biểu đồ áp lực vòng bao, trạm bơm cấp II và chi tiết hóa đường ống.

74. Đồ án Mạng lưới thoát nước

Lựa chọn hệ thống thoát nước, xác định lưu lượng nước thải, tính toán thủy lực mạng lưới thoát nước thải, tính toán thủy lực tuyến cống thoát nước mưa, tính toán thiết kế trạm bơm nước thải, tính toán xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của mạng lưới và trạm bơm thoát nước.

Các bản vẽ thể hiện: Mặt bằng mạng lưới thoát nước thải, mặt cắt dọc các tuyến cống thoát nước thải, trạm bơm nước thải.

75. Đồ án Xử lý nước thải

Xác định các đại lượng tính toán, xác định dây chuyền công nghệ xử lý nước thải, tính toán các công trình xử lý nước thải, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trạm xử lý nước thải.

Các bản vẽ: Mặt bằng trạm xử lý nước thải, mặt cắt dọc theo nước và theo bùn của trạm xử lý nước thải, chi tiết công trình xử lý nước thải.

76. Đồ án Cấp thoát nước

Tính toán công suất, dây chuyền công nghệ xử lý nước cấp, tính toán thiết kế các công trình xử lý nước, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của nhà máy nước.

Các bản vẽ: Sơ đồ cao trình nhà máy nước, mặt bằng nhà máy nước, chi tiết công trình lọc nước

77. Thí nghiệm Vi sinh vật nước

Các thí nghiệm vi sinh vật: Hệ thống vi sinh vật, vi khuẩn; các loại bệnh dịch liên quan đến môi trường nước; quá trình khử trùng; cơ chế các quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh hóa,...

78. Thí nghiệm Hóa môi trường nước

Các thí nghiệm hóa nước và hóa học trong môi trường nước tự nhiên: Phân tích các chỉ tiêu đặc trưng của nước thiên nhiên, nước cấp và nước thải; xác định liều lượng hóa chất tối ưu để xử lý nước cấp và nước thải; xác định coliform trong nước và bùn cặn,...

79. Đồ án Chuyên ngành

Môn học giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức đã học, cách tìm kiếm tài liệu, tận dụng thế mạnh của làm việc nhóm để giải quyết bài toán. Đây là bước chuẩn bị cho sinh viên làm luận văn tốt nghiệp sau này.

80. Thực tập tốt nghiệp

Được tổ chức trong học kỳ cuối. Sinh viên làm việc tại công trường xây dựng như 1 cán bộ kỹ thuật được sự hướng dẫn của kỹ sư thi công và giảng viên của trường. Cuối đợt sinh viên làm báo cáo thực tập trình bày những vấn đề đã học tập được. Có sự xác nhận của công trường nơi sinh viên thực tập về giờ giấc, tinh thần thái độ làm việc và giảng viên hướng dẫn đánh giá cho điểm.

81. Luận văn tốt nghiệp / Bài thi tốt nghiệp

Thường là thiết kế một ngôi nhà từ mái đến móng bao gồm: Hồ nước mái, sàn các tầng, dầm, khung, cầu thang, Và hai phương án móng; cũng có thể làm phần thi công chính là lập biện pháp thi công, tiến độ thi công, hoặc làm về tổ chức thi công và quản lý công trường, hoặc làm chuyên đề do giảng viên hướng dẫn. Dù đề tài gì cũng phải có phần tiết kế các kết cấu chính trong một ngôi nhà bao gồm tính và vẽ: sàn, dầm, khung, móng.

– Cách tổ chức lớp các môn lý thuyết:

Giảng viên giảng dạy lý thuyết tại lớp, kết hợp giao bài tập, giao đề tài, giao câu hỏi để sinh viên thảo luận tại lớp, hoặc đưa về nhà làm tùy từng môn. Giảng viên có thể cung cấp trước tài liệu, sinh viên tự soạn bài học ở nhà, đến lớp giảng viên hệ thống lại, nhấn mạnh những chỗ cần thiết và làm bài tập thực hành tại lớp.

– Cách tổ chức lớp các môn thực hành hay đồ án môn học:

Giảng viên ra đầu đề cho từng sinh viên, hướng dẫn sinh viên tại lớp, sinh viên tự làm ở nhà, từng bước giảng viên thông qua và duyệt. Cuối cùng sinh viên nộp bài, giảng viên chấm trước và tổ chức cho sinh viên bảo vệ trước mặt giảng viên.

H. Tóm tắt các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành Thiết kế Công nghiệp (Môn thuộc Công nghiệp)

1. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam cùng với tiến trình phát triển của văn hóa Việt nam qua các giai đoạn lịch sử.

Nội dung văn tắt: Trình bày những biểu hiện của văn hóa Việt Nam thông qua các thành tựu văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống công đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội...

Điểm môn học là trung bình cộng các điểm bài tiểu luận và điểm bài thi cuối kỳ.

2. Mỹ học đại cương

Mục đích môn học: Giúp sinh viên phân tích, tìm hiểu quá trình xác định đối tượng của Mỹ học trong lịch sử, đối tượng của Mỹ học theo quan điểm hiện đại.

Nội dung vấn tắt: Khái quát về quan điểm thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ; đặc trưng của nghệ thuật; nghệ sĩ với các hình thức biểu đạt, cá tính, bản sắc, khí chất và cơ sở tạo ra phong cách riêng của nghệ sĩ. Trên cơ sở đó, sinh viên có kiến thức và hiểu biết về các hoạt động thẩm mỹ của con người thông qua mục tiêu giáo dục thẩm mỹ bằng hệ thống quan điểm thẩm mỹ tiến bộ, hiện đại.

3. Lịch sử văn minh thế giới

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nền văn minh thế giới từ thời cổ đại đến nay.

Nội dung vấn tắt: Những nền văn minh lớn của thế giới từ xưa tới nay. Văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Byzantin và Phương Đông Trung Quốc, Ấn Độ thời cổ đại. Văn minh Đông Tây thời trung đại và văn minh thế giới thời hiện đại từ khi có các mạng công nghiệp thế kỷ XVIII đến nay.

4. Lịch sử mỹ thuật

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của nền mỹ thuật tạo hình, hội họa và điêu khắc cũng như nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống của thế giới và của Việt Nam. Những phong cách nghệ thuật và những tác giả nổi bật, những thành tựu nghệ thuật qua các thời đại.

Nội dung vấn tắt: Nền mỹ thuật của nhân loại từ thời cổ đại Ai Cập, Cổ đại Hy-La qua thời Trung cổ cho tới Phục hưng và thời cận đại. Nghệ thuật hiện đại thời đại công nghiệp từ thế kỷ XVIII đến nay. Những đặc điểm nổi bật của các nền nghệ thuật đông – tây qua các thời đại.

5. Môn Khoa học xã hội nhân văn tự chọn: Tiếng Việt thực hành

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt văn bản, viết luận và thuyết trình.

Nội dung vấn tắt: Ngữ pháp, cấu trúc và các thể loại văn bản tiếng Việt. Ngữ pháp, từ vựng, thành ngữ. Cách thành lập câu, đoạn và toàn văn bản. Các mẫu văn bản và các thể loại văn bản. Lập đề cương nghiên cứu. Soạn thảo văn bản.

6. Hình họa 1; Hình họa 2; Hình họa 3; Hình họa 4

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kỹ năng hội họa, khả năng dựng hình, nhìn hình, mô tả khối, ánh sáng và chất liệu... làm nền tảng cơ bản cho kỹ năng thể hiện đồ án thiết kế sau này. Giúp sinh viên phát triển khả năng cảm thụ thẩm mỹ và ý thức nghệ thuật của nghề nghiệp.

Nội dung vấn tắt: Thực hành vẽ chì, than, màu và các loại chất liệu các loại hình mẫu vẽ tĩnh vật, hình khối cơ bản, tượng chân dung, tượng toàn thân, mẫu người tại xưởng vẽ mỹ thuật. Sinh viên phải hoàn thành hệ thống bài tập từ đơn giản tới phức tạp và đòi hỏi nâng cao dần trình độ qua từng học kỳ. Bài tập ký họa, ghi chép tự làm ở nhà và kỳ thực tập mỹ thuật cơ sở (dã ngoại) bổ sung kiến thức và kỹ năng vẽ chuyên nghiệp.

Điểm môn học là trung bình cộng các điểm bài tập thực hành và điểm bài thi cuối kỳ.

7. Điều khắc cơ bản

Mục đích môn học: Giúp sinh viên mô tả được hình khối cơ bản cùng các tính chất của khối. Thực hiện được một số hình khối điêu khắc cơ bản về chân dung và các hình khối trang trí khác bằng các chất liệu khác nhau.

Nội dung vắn tắt: Hệ thống các bài tập thực hành tại xưởng điêu khắc bằng các chất liệu thạch cao, đất sét... do sinh viên thực hiện mô tả các khối hình đơn giản, các khối hình trang trí và chân dung 3D nhằm nâng cao trình độ thẩm mỹ hình khối trong không gian thực cũng như những kỹ năng thực hiện mô hình bằng các loại chất liệu khác nhau.

8. Design đại cương

Mục tiêu môn học:

- Mục tiêu về kiến thức: Tìm hiểu các khái niệm, chức năng, phân loại, phương pháp và mục tiêu ngành design.
- Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, nghiên cứu. Kỹ năng tư duy.
- Mục tiêu khác: Rèn luyện thói quen hệ thống hóa lý thuyết và thực tế.

Nội dung vắn tắt: Sinh viên được học các khái niệm cơ bản về design. Phương pháp luận hệ thống những lĩnh vực design, ngôn ngữ tạo hình của design. Sản phẩm của design và những yếu tố tạo thành nền tảng kiến thức và kỹ năng hành nghề design sinh viên sẽ được học hành trong khóa học. Đó là các môn học Khoa học về màu sắc, Nghiên cứu thiên nhiên, Hình khối cơ bản, Nguyên lý thị giác... Ngoài các giờ nghe giảng lý thuyết tại lớp, đặc trưng của môn học yêu cầu sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các bài nghiên cứu đúng thời hạn.

Ngoài các bài tập bắt buộc, cuối học kỳ sinh viên phải dự kỳ thi học kỳ tại lớp.

Điểm môn học là tổng cộng các điểm thành phần.

9. Khoa học về màu sắc

Mục tiêu môn học:

- Mục tiêu về kiến thức: Tìm hiểu khoa học về màu sắc. Tìm hiểu các khái niệm về trang trí. Ứng dụng và kết hợp các kiến thức trên vào các bài bố cục trang trí.
- Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng làm phác thảo. Kỹ năng thể hiện ý tưởng. Kỹ năng tô màu.
- Mục tiêu khác: Rèn luyện cách phân bố thời gian phù hợp với khối lượng các việc cần làm. Rèn luyện tính kiên nhẫn.

Nội dung vắn tắt: Sinh viên được học các khái niệm cơ bản về màu sắc, hoa văn, đường nét, mảng phẳng, không gian, hình khối, bố cục. Ứng dụng các kiến thức trên cùng với sự sáng tạo cá nhân để vẽ các bài trang trí theo chủ đề: hình vô hướng, hình định hướng, hình định hướng đối lập, hình đa giác, hình chuyển động với các hòa sắc khác nhau: tương đồng nóng, tương đồng lạnh, tương phản. Ngoài các giờ nghe giảng lý thuyết tại lớp, đặc trưng của môn học yêu cầu sinh viên phải tự học và hoàn thành các phác thảo chì, phác thảo trắng đen, phác thảo màu, cũng như hoàn chỉnh bài tập đúng thời hạn.

Mỗi buổi học Giảng viên có thể sửa bài nhiều lần cho một sinh viên, do đó sinh viên cần mang đầy đủ dụng cụ học tập để có thể tự hoàn chỉnh phác thảo và các bài tập ngay tại lớp. Ngoài các bài tập

bắt buộc, cuối học kỳ sinh viên phải dự kỳ thi học kỳ tại lớp. Điểm môn học là tổng cộng các điểm thành phần.

10. Nghiên cứu thiên nhiên

Mục tiêu môn học:

- Mục tiêu về kiến thức: Tìm hiểu vẻ đẹp của thiên nhiên bằng phương pháp ký họa. Ứng dụng và kết hợp với kiến thức về màu sắc, bố cục, khả năng sáng tạo vào các bài cách điệu theo các phương pháp: nét, mảng, chấm T'ram. Khả năng ứng dụng của các bài cách điệu vào lĩnh vực trang trí.
- Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng quan sát. Kỹ năng phát triển ý tưởng.
- Mục tiêu khác: Rèn luyện cách phân bố thời gian phù hợp với khối lượng các việc cần làm. Rèn luyện tính kiên nhẫn.

Nội dung vấn đề: Sinh viên được học các buổi học ngoài trời, ký họa hoa lá, côn trùng, động vật, đồ gia dụng. Phát triển các ký họa trên cùng với sự sáng tạo cá nhân cũng như kỹ năng để hoàn thành hệ thống bài tập: ký họa – cách điệu – ứng dụng. Ngoài các giờ nghe giảng lý thuyết tại lớp hoặc thực hành có Giảng viên hướng dẫn, đặc trưng của môn học yêu cầu sinh viên phải tự ký họa và hoàn thành các phác thảo cũng như hoàn chỉnh bài tập đúng thời hạn.

Mỗi buổi học Giảng viên có thể sửa bài nhiều lần cho một sinh viên, do đó sinh viên cần mang đầy đủ dụng cụ học tập để có thể tự hoàn chỉnh phác thảo và các bài tập ngay tại lớp. Ngoài các bài tập bắt buộc, cuối học kỳ sinh viên phải dự kỳ thi học kỳ tại lớp. Điểm môn học là tổng cộng các điểm thành phần.

11. Nguyên lý thị giác

Mục tiêu môn học:

- Mục tiêu về kiến thức: Tìm hiểu các định luật thị giác. Liên hệ ứng dụng của các định luật này trong thực tế và khả năng ứng dụng trong chuyên môn.
- Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng quan sát. Kỹ năng tư duy.
- Mục tiêu khác: Rèn luyện thói quen liên hệ lý thuyết với thực tế.

Nội dung vấn đề: Sinh viên được học các định luật thị giác cơ bản. Quan sát và tư duy về khả năng ứng dụng. Ngoài các giờ nghe giảng lý thuyết tại lớp, đặc trưng của môn học yêu cầu sinh viên phải hoàn thành các bài tập, các bài nghiên cứu thực tế đúng thời hạn.

Ngoài các bài tập bắt buộc, cuối học kỳ sinh viên phải dự kỳ thi học kỳ tại lớp.

Điểm môn học là tổng cộng các điểm thành phần.

12. Hình khối cơ bản

Mục đích môn học: Giúp sinh viên nắm bắt được về hình khối cơ bản cùng các tính chất của khối. Giới thiệu về một số vật liệu và cách sử dụng để ứng dụng vào bài tập thực hành.

Nội dung vấn đề: Giới thiệu về hình khối cơ bản trong mỹ thuật công nghiệp; những thành phần cơ bản của hình khối học và khả năng tạo hình, những tính chất cơ bản của hình khối học và trạng thái cảm giác tâm lý do hình khối tạo nên; bố cục hình khối chuyển và hình khối biến dạng; phương pháp nghiên cứu lấy tài liệu và sử dụng tài liệu. Sinh viên ứng dụng chất liệu giấy, thạch cao,... để thực hành các bài tập, có tiểu luận cuối kỳ. Hệ thống các bài tập thực hành tại xưởng bằng các chất liệu bìa

carton, thạch cao, đất sét,... do sinh viên thực hiện mô tả các khối hình học đơn giản, các khối hình trang trí và hình khối chủ đề bằng các mô hình 3D nhằm nâng cao trình độ thẩm mỹ hình khối trong không gian thực cũng như những kỹ năng thực hiện mô hình bằng các loại chất liệu khác nhau.

13. Lịch sử Design

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của nền mỹ thuật công nghiệp (design) thế giới từ thời kỳ công nghiệp hóa thế kỷ XVIII đến nay. Những phong cách design và những tác giả nổi bật, những thành tựu design thông qua sản phẩm và tác phẩm của các tên tuổi qua các thời kỳ.

Nội dung vấn đề: Khái niệm Design – Mỹ thuật công nghiệp, các chức năng và tiêu chí của design. Các đối tượng nghiên cứu của lịch sử design qua phong cách hình dáng thời kỳ nền văn minh công nghiệp. Các phong cách design tiêu biểu qua các thời kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến nay.

14. Ergonomics

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công thái học, hình thái học – Khoa học ergonomics nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người với sản phẩm, với môi trường và tìm hiểu những hạn chế cũng như khả năng của con người để phục vụ cho mục đích thiết kế sản phẩm phù hợp con người.

Nội dung vấn đề: Nhân trắc học ergonomics, tâm sinh lý con người và tác động của môi trường của màu sắc lên con người. Những bài tập thực hành vận dụng hệ số nhân trắc vào thiết kế sản phẩm công nghiệp.

15. Chuyên đề

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tiễn thông qua các bài giảng, báo cáo chuyên đề, bài nói chuyện của các nghệ sĩ, nghệ nhân, chuyên gia designer hàng đầu trong các lĩnh vực thiết kế, kinh doanh, và quản lý mỹ thuật công nghiệp. Qua đó sinh viên có thể mở rộng thế giới quan bổ ích cho nghề nghiệp.

Nội dung vấn đề: Các bài nói chuyện tích lũy kiến thức từ các lĩnh vực đồ họa, nội thất, tạo dáng, thời trang và các lĩnh vực liên quan tới mỹ thuật công nghiệp. Nội dung gắn với tình hình thực tiễn, có tính thời sự. Sinh viên có thể nghe giảng ở trường hoặc tại cơ sở trong suốt khóa học, khi tích lũy đủ 6 bài chuyên đề, viết thu hoạch sẽ được cho điểm môn học. Các giảng viên có thể là các nghệ sĩ, nghệ nhân, các designer có tiếng và các doanh nhân thành đạt.

16. Thẩm mỹ công nghiệp (Môn Cơ sở chuyên ngành Design tự chọn)

Mục đích môn học: Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu được thẩm mỹ công nghiệp là một trong những chỉ tiêu để đánh giá chất lượng sản phẩm.

Nội dung vấn đề: Tìm hiểu sự ra đời của nền sản xuất công nghiệp và thẩm mỹ công nghiệp. Các trào lưu khuynh hướng trong thẩm mỹ công nghiệp. Các nguyên lý và phạm trù tương hỗ của thẩm mỹ công nghiệp. Các quy luật phát triển đồng hành với thủ công. Thẩm mỹ công nghiệp trong tương lai.

17. Nghệ thuật ảnh

Mục đích môn học: Giúp sinh viên hiểu được thiết bị chụp ảnh, các kỹ thuật chụp hình, lấy ánh sáng và bố cục cơ bản. Thực hiện được một số bài tập cơ bản về chụp hình nghệ thuật.

Nội dung văn tắt: Hệ thống các bài tập thực hành tại xưởng ảnh và các bài tập chụp hình thể giới tự nhiên cũng như chân dung, phong cảnh, đô thị.

18. Studio ảnh

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quy trình thực hiện ảnh từ chọn chủ đề, đề tài, bố cục, chụp hình tới xử lý hình ảnh trên máy tính.

Nội dung văn tắt: Nghệ thuật chụp ảnh. Các thiết bị hỗ trợ studio ảnh. Bố cục ảnh theo chủ đề, đề tài. Thực hiện chụp ảnh. Xử lý ảnh bằng photoshop. In ấn ảnh và sử dụng ảnh chụp.

Khối kiến thức chuyên ngành Tạo dáng sản phẩm

19. Nguyên lý thiết kế tạo dáng

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức căn bản và phương pháp luận design giúp cho thực hành kỹ năng thiết kế tạo dáng các sản phẩm công nghiệp...

Nội dung văn tắt: Nhắc lại những kiến thức căn bản và giới thiệu các nguyên lý thiết kế chuyên ngành. Sinh viên thực hiện các bài tập và tiểu luận bằng ứng dụng nguyên lý thiết kế vừa học. Để sinh viên có thể thực hiện bài tập ứng dụng cần có nhà xưởng, vật liệu và công cụ hỗ trợ.

Đánh giá kết quả học tập: Bài tập ứng dụng 20% (bài tập cá nhân), tham gia thảo luận 20% (theo nhóm). Đề tài nghiên cứu nhỏ (tiểu luận) 60% (đề tài cá nhân hoặc nhóm, tùy theo quy mô đề tài). Nộp tiểu luận hay bài mô hình vào thời điểm cuối học kỳ. Không có bài thi học kỳ.

20. Vật liệu tạo dáng

Mục đích môn học: Giúp sinh viên nắm bắt được tư tưởng của môn học và nhận dạng chất liệu cùng tầm quan trọng nhằm bổ sung hữu ích cho khả năng thể hiện ý tưởng trên mô hình.

Nội dung văn tắt: Nhận dạng và phân loại vật liệu và công nghệ. Thông qua bài tập để nghiên cứu và phân tích ưu khuyết của từng vật liệu. Sinh viên học tại xưởng, vật liệu và các công cụ hỗ trợ.

Đánh giá kết quả học tập: Kiểm tra giữa kỳ tính 30%. (30 phút câu hỏi tự luận). Bài kiểm tra cuối học kỳ tính 70% (60 phút).

21. Kỹ thuật mô hình

Mục đích môn học: Giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản và kỹ năng thể hiện mô hình bằng những chất liệu khác nhau.

Nội dung văn tắt: Phương pháp thể hiện mô hình. Dụng cụ cơ bản để làm mô hình. Các phương pháp xử lý, pha trộn, phối hợp chất liệu. Các phương pháp tạo khuôn và phụ liệu. Các phương pháp đổ khuôn và xử lý bề mặt sản phẩm. Sinh viên thực hành thực hiện qua chất liệu cụ thể tại xưởng, có vật liệu và các công cụ hỗ trợ.

Cách đánh giá kết quả: Bài kiểm tra viết giữa kỳ: 30%. Bài tập lớn: Thể hiện mô hình thông qua các phương pháp đã dạy: 70%. Không có bài thi cuối học kỳ.

22. Kỹ thuật thể hiện Đồ án Tạo dáng 1 & 2

Mục đích môn học: Kỹ thuật trình bày các đồ án tạo dáng sao cho ý tưởng thiết kế được trình bày một cách logic, hợp lý và có hiệu quả lôi cuốn người xem hơn.

Nội dung văn tắt: Các tiêu chuẩn và quy ước của bản vẽ kỹ thuật; Các kỹ thuật thể hiện bản vẽ phác thảo và hồ sơ thiết kế bằng các chất liệu khác nhau (bút chì, bút kim, màu bột, màu nước, bút sáp, marker...) đặc biệt là bằng máy tính và mô hình, sản phẩm thật. Cách bố cục các thành phần trong bản vẽ đồ án.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ: 30%. Bài tập lớn: 70%.

23. Quảng cáo đại cương

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và khái niệm về các loại hình truyền thông quảng cáo. Hiểu rõ quy trình thực hiện một chiến dịch quảng cáo và tầm quan trọng của đồ họa truyền thông trong truyền thông tiếp thị.

Nội dung văn tắt: Khái niệm chung về quảng cáo. Các giai đoạn phát triển của quảng cáo. Các hình thức truyền thông. Sự ảnh hưởng của quảng cáo đến tâm lý người tiêu dùng. Hoạch định chiến lược quảng cáo, hoạch định ý tưởng quảng cáo. Các vấn đề về thương hiệu, các vấn đề về thị trường...

Sinh viên thực hiện bài tập theo nhóm với sự tham gia hướng dẫn của các chuyên viên quảng cáo. Viết tiểu luận về quá trình phát triển quảng cáo của một thương hiệu tự chọn.

24. Đồ án chuyên ngành 1: Tạo dáng đồ trang trí

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế tạo dáng hoàn chỉnh một sản phẩm.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm; Lịch sử phát triển của các phong cách và xu hướng thiết kế gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế sản phẩm cụ thể và thực hiện mẫu sản phẩm tại xưởng. Sinh viên cần có vật tư và các công cụ hỗ trợ.

25. Đồ án chuyên ngành 2: Tạo dáng đồ gia dụng

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả loại hình sản phẩm này và hoàn thiện kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế bằng mô hình.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm; Sự tương đồng và khác biệt trong phong cách thiết kế giữa phương Đông và phương Tây. Tóm tắt về lịch sử phát triển. Sinh viên thiết kế và thể hiện ý tưởng thiết kế bằng bản vẽ và mô hình cụ thể tại xưởng.

26. Đồ án chuyên ngành 3: Tạo dáng giày dép

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế tạo dáng và hoàn chỉnh một sản phẩm giày dép thời trang.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm giày dép. Lịch sử phát triển của các phong cách và xu hướng thiết kế gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng

dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế sản phẩm cụ thể và thực hiện mẫu sản phẩm tại xưởng liên kết.

27. Đồ án chuyên ngành 4: Tạo dáng Đồ chơi

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và thể hiện hiệu quả các sản phẩm này và hoàn thiện kỹ năng thiết kế mô hình.

Nội dung vấn đề: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm. Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế và xu hướng thiết kế gần nhất; Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế trên 3D và thực hiện mô hình cụ thể tại xưởng.

28. Đồ án chuyên ngành 5: Tạo dáng dụng cụ cầm tay

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng để thiết kế và thể hiện mô hình hoàn chỉnh.

Nội dung vấn đề: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm. Các phong cách thiết kế và xu hướng thiết kế gần nhất; Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế 3D và thực hiện mô hình cụ thể tại xưởng, có vật liệu và dụng cụ hỗ trợ.

29. Đồ án chuyên ngành 6: Tạo dáng phương tiện giao thông

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng để thiết kế và thể hiện mô hình hoàn chỉnh.

Nội dung vấn đề: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm. Lịch sử phát và xu hướng thiết kế gần nhất; Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế 3D và thể hiện mô hình cụ thể tại xưởng, có vật liệu và các dụng cụ hỗ trợ.

30. Đồ án tự chọn

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng để thiết kế và thể hiện mô hình hoàn chỉnh.

Nội dung vấn đề: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm; Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế và xu hướng thiết kế gần nhất; Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế 3D và thể hiện mô hình cụ thể tại xưởng, có vật liệu và các dụng cụ hỗ trợ.

31. Chuyên đề chuyên ngành (Đồ họa trong tạo dáng công nghiệp)

Mục đích môn học: Hoàn thiện khả năng nghiên cứu khoa học, tổng hợp và hệ thống hóa một khối lượng kiến thức lớn về chuyên ngành đã tích lũy được trong quá trình học ở 6 học kỳ đầu. Sinh viên làm quen với các phương pháp lập luận, phương pháp trình bày hoàn chỉnh, logic một đề tài nghiên cứu khoa học và bảo vệ đề tài đó trước hội đồng phản biện.

Nội dung vấn đề: Phương pháp nghiên cứu khoa học. Sinh viên tự chọn đề tài và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên viết bài luận về đề tài nghiên cứu đã chọn, trình bày đề tài dưới dạng thuyết trình trước hội đồng phản biện.

32. Nghiên cứu chuyên đề

Mục đích môn học: Hoàn thiện khả năng nghiên cứu khoa học, tổng hợp và hệ thống hóa một khối lượng kiến thức lớn về chuyên ngành đã tích lũy được trong quá trình học ở 6 học kỳ đầu. Sinh viên làm quen với các phương pháp lập luận, phương pháp trình bày hoàn chỉnh, logic một đề tài nghiên cứu khoa học và bảo vệ đề tài đó trước hội đồng phản biện.

Nội dung vấn đề: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu theo hướng phát triển đề án tổng hợp và những nghiên cứu trong quá trình thực hiện thực tập tốt nghiệp nhằm mục tiêu nghiên cứu lý luận những vấn đề mục tiêu của đề án tốt nghiệp sau này. Sinh viên viết bài luận về đề tài nghiên cứu đã chọn, trình bày đề tài dưới dạng thuyết trình trước hội đồng phản biện.

33. Đồ án tổng hợp

Mục đích môn học: Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Giảng viên khuyến khích sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn đề tài từ đồ án nghiên cứu chuyên đề, làm tư liệu phục vụ cho đề tài tốt nghiệp.

Nội dung vấn đề: Lý thuyết: sinh viên tự chọn đề tài và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên viết tóm lược nội dung đề tài nghiên cứu và nội dung ứng dụng thực tiễn của đề tài, thuyết trình trước hội đồng phản biện. Sinh viên thiết kế ứng dụng vào công trình cụ thể, trình bày trên các bản vẽ khổ A3.

34. Bài thi tốt nghiệp chuyên ngành Tạo dáng sản phẩm

Mục đích môn học: Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển của đề tài từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nội dung vấn đề: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh mô hình hoặc sản phẩm mẫu.

Khối kiến thức chuyên ngành Thiết kế đồ họa

35. Nguyên lý thiết kế đồ họa

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế đồ họa. Ngôn ngữ tạo hình và các quy luật của bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc,... dùng trong thiết kế đồ họa. Những sản phẩm đồ họa. Sinh viên nắm được các yếu tố cơ bản, hiểu rõ tầm quan trọng của môn học ứng dụng vào việc thực hiện các đồ án thiết kế chuyên ngành.

Nội dung vấn đề: Môn học lý thuyết về các khái niệm về Lịch sử đồ họa, nhóm sản phẩm đồ họa, các yếu tố cơ bản trong thiết kế đồ họa, ngôn ngữ tạo hình của đồ họa. Khái quát về các lĩnh vực

đồ họa quảng cáo, các phương pháp thể hiện nội dung và trình bày ý tưởng bằng ngôn ngữ đồ họa. Sinh viên thực hiện các bài tập và viết tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.

Tài liệu tham khảo: Cơ sở tạo hình (Lê Huy Văn), Bí quyết sáng tạo (Jack Foster), Design & Layout (Nhà xuất bản Trẻ).

36. Phát triển ý tưởng

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp luận thiết kế đồ họa. Phát triển ý tưởng giải quyết nhiệm vụ thiết kế thông qua ngôn ngữ tạo hình và các quy luật của bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc... dùng trong thiết kế đồ họa. Sinh viên nắm được các bước cơ bản, hiểu rõ tầm quan trọng của quy trình design vào việc thực hiện các đồ án thiết kế chuyên ngành.

Nội dung văn tắt: Môn học lý thuyết về các khái niệm và phương pháp luận design ứng dụng trong lĩnh vực thiết kế đồ họa. Khái quát về các lĩnh vực đồ họa hệ thống nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu. Sinh viên thực hiện các bài tập và viết tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.

37. Nghệ thuật chữ

Mục đích môn học: Giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng và các ứng dụng của các kiểu chữ trong thiết kế đồ họa. Nắm vững các biến hóa của chữ là cơ sở để tạo ra các font chữ mới. Có ý thức trình bày chữ trong một bố cục hoặc trong một thiết kế.

Nội dung văn tắt: Các kiến thức về nguồn gốc ra đời của chữ viết, các kiểu chữ cơ bản, các ứng dụng và cách trình bày, hiểu về cấu trúc bộ chữ Latinh và sự biến hóa cấu trúc từ bộ chữ cơ bản. Các quy định về bố cục chữ, từ trong câu,... Sáng tác mẫu chữ mới.

38. Kỹ thuật thể hiện Đồ án Đồ họa 1 & 2

Mục đích môn học: Kỹ thuật trình bày các đồ án đồ họa sao cho ý tưởng thiết kế được trình bày một cách logic, hợp lý và có hiệu quả lôi cuốn người xem hơn.

Nội dung văn tắt: Các kỹ thuật thể hiện bản vẽ phác thảo và hồ sơ thiết kế bằng các chất liệu khác nhau (bút chì, bút kim, màu bột, màu nước, bút sáp, marker...) đặc biệt là bằng máy tính và sản phẩm. Cách bố cục các thành phần trong bản vẽ đồ án.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ: 30%. Bài tập lớn: 70%.

39. Quảng cáo đại cương

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và khái niệm về các loại hình truyền thông quảng cáo. Hiểu rõ quy trình thực hiện một chiến dịch quảng cáo và tầm quan trọng của đồ họa truyền thông trong truyền thông tiếp thị.

Nội dung văn tắt: Khái niệm chung về quảng cáo. Các giai đoạn phát triển của quảng cáo. Các hình thức truyền thông. Sự ảnh hưởng của quảng cáo đến tâm lý người tiêu dùng. Hoạch định chiến lược quảng cáo, hoạch định ý tưởng quảng cáo. Các vấn đề về thương hiệu, các vấn đề về thị trường...

Sinh viên thực hiện bài tập theo nhóm với sự tham gia hướng dẫn của các chuyên viên quảng cáo. Viết tiểu luận về quá trình phát triển quảng cáo của một thương hiệu tự chọn.

40. Đồ án chuyên ngành 1: Đồ họa chữ và tín hiệu

Mục đích môn học: Giúp sinh viên có được những kiến thức chuyên sâu về thiết kế chữ. Trang bị các phương pháp nghiên cứu tìm tòi ý tưởng và kỹ thuật phát triển một bộ chữ mới và các tín ký hiệu đồ họa thay cho ngôn ngữ biểu đạt thông điệp và truyền tải thông tin.

Nội dung vấn đề: Sinh viên nghiên cứu, thực hiện phác thảo và thể hiện các phương án về ý tưởng cho một thiết kế ấn phẩm về chữ và xây dựng hệ thống tín ký hiệu cho một mục tiêu cụ thể. Giai đoạn 1 phác thảo tìm ý, thuyết trình ý tưởng mang tính thuyết phục người xem. Yêu cầu các kỹ năng phác thảo bằng bút chì hoặc màu, thể hiện nội dung chữ theo chủ đề. Giai đoạn 2 diễn họa kỹ thuật nhiều phương án, thể hiện hoàn chỉnh tác phẩm dựa trên phác thảo đã duyệt.

41. Đồ án chuyên ngành 2: Đồ họa hệ thống

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế các ấn phẩm theo hệ thống một thương hiệu hoặc một sản phẩm bao gồm biểu trưng logo, tiêu đề, tờ gấp quảng cáo, lịch, applic,...

Nội dung vấn đề: Nguyên lý thiết kế hệ thống (corporate identity design) và đặc trưng của từng loại ấn phẩm thuộc hệ thống đồ họa. Các bản vẽ thể hiện hồ sơ thiết kế và phương pháp trình bày, bảo vệ trước Hội đồng.

42. Đồ án chuyên ngành 3: Đồ họa minh họa

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế các ấn phẩm minh họa.

Nội dung vấn đề: Sinh viên được học các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng kỹ năng hội họa cũng như phần mềm thiết kế đồ họa vào minh họa các ấn phẩm đồ họa như bìa sách, vỏ đĩa CD, minh họa sách, tạp chí, sáng tác truyện tranh...

43. Đồ án chuyên ngành 4: Đồ họa quảng cáo

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế các Poster truyền thông, quảng cáo, tuyên truyền như một phương tiện quảng cáo hữu hiệu hiện nay.

Nội dung vấn đề: Sinh viên được học các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng phần mềm thiết kế đồ họa vào sáng tạo poster theo các chủ đề quảng cáo sản phẩm, applich tuyên truyền chính trị – xã hội – môi trường. Ứng dụng phần mềm Corel, Illustrator, Photoshop vào các bài tập đồ án.

44. Đồ án chuyên ngành 5: Đồ họa bao bì

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế các loại bao bì đặc biệt sử dụng đồ họa như một phương tiện quảng cáo hữu hiệu hiện nay qua bao bì.

Nội dung vấn đề: Sinh viên được học các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng phần mềm thiết kế đồ họa vào sáng tạo bao bì cho các loại sản phẩm công thương.

45. Đồ án chuyên ngành 6: Đồ họa dàn trang

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế dàn trang các ấn phẩm đồ họa như sách báo, tạp chí, loch, catalogue, brochure...

Nội dung vắn tắt: Sinh viên được học các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng kỹ năng phần mềm thiết kế đồ họa vào thiết kế dàn trang các ấn phẩm đồ họa như bìa sách, vỏ đĩa CD, sách, báo, tạp chí,...

46. Chuyên đề chuyên ngành (Kỹ thuật ấn loát)

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về in ấn, các quy trình in ấn. Chú trọng kiến thức trong in offset trong tất cả các giai đoạn nhận file đến khi ra thành phẩm. Giúp sinh viên có khả năng trình bày một file in thực tế theo các hình thức in khác nhau.

Nội dung vắn tắt: Cung cấp các lý thuyết về: Tổng quan lịch sử ngành in, tính chất và ứng dụng của các hình thức in khác nhau. Phương thức in offset, kỹ thuật tách màu, xuất film, xuất kẽm. Tiêu chuẩn về giấy in. Kỹ thuật bình trang tự động. In lụa.

Tham quan một số nhà máy in và xưởng thành phẩm sau in. Sinh viên được thực hiện bình bản một nội dung tài liệu nhiều trang.

47. Nghiên cứu chuyên đề

Mục đích môn học: Hoàn thiện khả năng nghiên cứu khoa học, tổng hợp và hệ thống hóa một khối lượng kiến thức lớn về chuyên ngành đã tích lũy được trong quá trình học ở 6 học kỳ đầu. Sinh viên làm quen với các phương pháp lập luận, phương pháp trình bày hoàn chỉnh, logic một đề tài nghiên cứu khoa học và bảo vệ đề tài đó trước hội đồng phản biện.

Nội dung vắn tắt: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu theo hướng phát triển đồ án tổng hợp và những nghiên cứu trong quá trình thực hiện thực tập tốt nghiệp nhằm mục tiêu nghiên cứu lý luận những vấn đề mục tiêu của đồ án tốt nghiệp sau này. Sinh viên viết bài luận về đề tài nghiên cứu đã chọn, trình bày đề tài dưới dạng thuyết trình trước hội đồng phản biện.

48. Đồ án tự chọn

Sinh viên tham gia một cuộc thi thiết kế đồ họa lấy từ ngoài thực tiễn trong năm học hoặc các đồ án trong danh mục đề tài đồ án. Ví dụ đồ án Thiết kế tổ chức sự kiện.

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên khái niệm và quy trình của một sự kiện từ khâu tiếp nhận đề án đến việc tổ chức thành công một sự kiện thực tế.

Tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu và làm việc theo nhóm nhằm nâng cao ý thức làm việc đồng đội.

Nội dung vắn tắt: Môn học chung cho các ngành. Mỗi nhóm sinh viên gồm đủ các chuyên ngành thực hiện đồ án gồm 2 giai đoạn.:

- Giai đoạn 1 nghiên cứu thu thập thông tin về đề tài sự kiện cho trước, hoạch định ý tưởng tổng thể, lên kịch bản chương trình sự kiện, phác thảo ý tưởng của từng hạng mục trong sự kiện.
- Giai đoạn 2 thiết kế chi tiết từng hạng mục, lên kịch bản chương trình chi tiết, hoàn thành in ấn và trình chiếu bảo vệ đề tài.

49. Đồ án Đồ họa tổng hợp

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp tổng hợp cho một thương hiệu hay một sản phẩm, một doanh nghiệp và thực hành kỹ năng thiết kế các sản phẩm đồ họa công ty từ logo tới poster, brochure, catalogue, calendar...

Nội dung vấn đề: Sinh viên được thực hiện đồ án tổng hợp theo chủ đề lựa chọn định hướng cho bài tốt nghiệp. Thực hiện nghiên cứu và tìm tòi ý tưởng sáng tạo theo hướng chuyên sâu. Sinh viên dùng các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng phần mềm thiết kế đồ họa vào sáng tạo đồ án như các phần mềm ứng dụng Corel, Illustrator, Photoshop,...

50. Bài thi tốt nghiệp chuyên ngành Thiết kế đồ họa

Mục đích môn học: Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển của đề tài từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nội dung vấn đề: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh mô hình hoặc sản phẩm mẫu.

Khối kiến thức chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Design

51. Phương pháp luận Design

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế đồ họa. Ngôn ngữ tạo hình và các quy luật của bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc... dùng trong thiết kế đồ họa. Những sản phẩm đồ họa. Sinh viên nắm được các yếu tố cơ bản, hiểu rõ tầm quan trọng của môn học ứng dụng vào việc thực hiện các đồ án thiết kế chuyên ngành.

Nội dung vấn đề: Môn học lý thuyết về các khái niệm về Lịch sử đồ họa, nhóm sản phẩm đồ họa, các yếu tố cơ bản trong thiết kế đồ họa, ngôn ngữ tạo hình của đồ họa. Khái quát về các lĩnh vực đồ họa quảng cáo, các phương pháp thể hiện nội dung và trình bày ý tưởng bằng ngôn ngữ đồ họa. Sinh viên thực hiện các bài tập và viết tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên.

Tài liệu tham khảo: Cơ sở tạo hình (Lê Huy Văn), Bí quyết sáng tạo (Jack Foster), Design & Layout (Nhà xuất bản Trẻ).

52. Tiếng Việt thực hành

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Việt văn bản, viết luận và thuyết trình.

Nội dung vấn đề: Ngữ pháp, cấu trúc và các thể loại văn bản tiếng Việt. Ngữ pháp, từ vựng, thành ngữ. Cách thành lập câu, đoạn và toàn văn văn bản. Các mẫu văn bản và các thể loại văn bản. Lập đề cương nghiên cứu. Soạn thảo văn bản.

53. Nghệ thuật chữ

Mục đích môn học: Giúp cho sinh viên hiểu được tầm quan trọng và các ứng dụng của các kiểu chữ trong thiết kế đồ họa. Nắm vững các biến hóa của chữ là cơ sở để tạo ra các font chữ mới. Có ý thức trình bày chữ trong một bố cục hoặc trong một thiết kế.

Nội dung văn tắt: Các kiến thức về nguồn gốc ra đời của chữ viết, các kiểu chữ cơ bản, các ứng dụng và cách trình bày, hiểu về cấu trúc bộ chữ Latinh và sự biến hóa cấu trúc từ bộ chữ cơ bản. Các quy định về bố cục chữ, từ trong câu... Sáng tác mẫu chữ mới.

54. Kỹ thuật thể hiện Đồ án Đồ họa 1 & 2

Mục đích môn học: Kỹ thuật trình bày các đồ án đồ họa sao cho ý tưởng thiết kế được trình bày một cách logic, hợp lý và có hiệu quả lôi cuốn người xem hơn.

Nội dung văn tắt: Các kỹ thuật thể hiện bản vẽ phác thảo và hồ sơ thiết kế bằng các chất liệu khác nhau (bút chì, bút kim, màu bột, màu nước, bút sáp, marker...) đặc biệt là bằng máy tính và sản phẩm. Cách bố cục các thành phần trong bản vẽ đồ án.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ: 30%. Bài tập lớn: 70%.

55. Quảng cáo đại cương

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và khái niệm về các loại hình truyền thông quảng cáo. Hiểu rõ quy trình thực hiện một chiến dịch quảng cáo và tầm quan trọng của đồ họa truyền thông trong truyền thông tiếp thị.

Nội dung văn tắt: Khái niệm chung về quảng cáo. Các giai đoạn phát triển của quảng cáo. Các hình thức truyền thông. Sự ảnh hưởng của quảng cáo đến tâm lý người tiêu dùng. Hoạch định chiến lược quảng cáo, hoạch định ý tưởng quảng cáo. Các vấn đề về thương hiệu, các vấn đề về thị trường...

Sinh viên thực hiện bài tập theo nhóm với sự tham gia hướng dẫn của các chuyên viên quảng cáo. Viết tiểu luận về quá trình phát triển quảng cáo của một thương hiệu tự chọn.

56. Đồ án chuyên ngành 1: Đồ họa hệ thống

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế các ấn phẩm theo hệ thống một thương hiệu hoặc một sản phẩm bao gồm biểu trưng logo, tiêu đề, tờ gấp quảng cáo, lịch, apphic,...

Nội dung văn tắt: Nguyên lý thiết kế hệ thống (corporate identity design) và đặc trưng của từng loại ấn phẩm thuộc hệ thống đồ họa. Các bản vẽ thể hiện hồ sơ thiết kế và phương pháp trình bày, bảo vệ trước Hội đồng.

57. Đồ án chuyên ngành 2: Đồ họa chữ và tín hiệu

Mục đích môn học: Giúp sinh viên có được những kiến thức chuyên sâu về thiết kế chữ. Trang bị các phương pháp nghiên cứu tìm tòi ý tưởng và kỹ thuật phát triển một bộ chữ mới và các tín ký hiệu đồ họa thay cho ngôn ngữ biểu đạt thông điệp và truyền tải thông tin.

Nội dung văn tắt: Sinh viên nghiên cứu, thực hiện phác thảo và thể hiện các phương án về ý tưởng cho một thiết kế ấn phẩm về chữ và xây dựng hệ thống tín ký hiệu cho một mục tiêu cụ thể.

- Giai đoạn 1 phác thảo tìm ý, thuyết trình ý tưởng mang tính thuyết phục người xem. Yêu cầu các kỹ năng phác thảo bằng bút chì hoặc màu, thể hiện nội dung chữ theo chủ đề.
- Giai đoạn 2 diễn họa kỹ thuật nhiều phương án, thể hiện hoàn chỉnh tác phẩm dựa trên phác thảo đã duyệt.

58. Đồ án chuyên ngành 3: Tổ chức sự kiện

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên khái niệm và quy trình của một sự kiện từ khâu tiếp nhận đề án đến việc tổ chức thành công một sự kiện thực tế.

Tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu và làm việc theo nhóm nhằm nâng cao ý thức làm việc đồng đội.

Nội dung văn tắt: Môn học chung cho các ngành. Mỗi nhóm sinh viên gồm đủ các chuyên ngành thực hiện đồ án gồm 2 giai đoạn.

- Giai đoạn 1 nghiên cứu thu thập thông tin về đề tài sự kiện cho trước, hoạch định ý tưởng tổng thể, lên kịch bản chương trình sự kiện, phác thảo ý tưởng của từng hạng mục trong sự kiện.
- Giai đoạn 2 thiết kế chi tiết từng hạng mục, lên kịch bản chương trình chi tiết, hoàn thành in ấn và trình chiếu bảo vệ đề tài.

59. Đồ án chuyên ngành 4: Đồ họa minh họa

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế các ấn phẩm minh họa.

Nội dung văn tắt: Sinh viên được học các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng kỹ năng hội họa cũng như phần mềm thiết kế đồ họa vào minh họa các ấn phẩm đồ họa như bìa sách, vỏ đĩa CD, minh họa sách, tạp chí, sáng tác truyện tranh,...

60. Đồ án chuyên ngành 5: Báo hình, báo điện tử

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp và thực hành kỹ năng thiết kế các loại báo hình, website, báo điện tử, đặc biệt sử dụng đồ họa như một công cụ cơ bản cùng với các phần mềm thiết kế hữu hiệu thường xuyên được cập nhật.

Nội dung văn tắt: Sinh viên được học các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng phần mềm thiết kế đồ họa vào sáng tạo báo hình, báo điện tử như các loại sản phẩm nghe nhìn.

61. Đồ án chuyên ngành 6: Đồ họa dàn trang

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế dàn trang các ấn phẩm đồ họa như sách báo, tạp chí, loch, catalogue, brochure,...

Nội dung văn tắt: Sinh viên được học các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng kỹ năng phần mềm thiết kế đồ họa vào thiết kế dàn trang các ấn phẩm đồ họa như bìa sách, vỏ đĩa CD, sách, báo, tạp chí,...

62. Chuyên đề chuyên ngành (Kỹ thuật ấn loát)

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về in ấn, các quy trình in ấn. Chú trọng kiến thức trong in offset trong tất cả các giai đoạn nhận file đến khi ra thành phẩm. Giúp sinh viên có khả năng trình bày một file in thực tế theo các hình thức in khác nhau.

Nội dung văn tắt: Cung cấp các lý thuyết về: Tổng quan lịch sử ngành in, tính chất và ứng dụng của các hình thức in khác nhau. Phương thức in offset, kỹ thuật tách màu, xuất film, xuất kẽm. Tiêu chuẩn về giấy in. Kỹ thuật bình trang tự động. In lụa.

Tham quan một số nhà máy in và xưởng thành phẩm sau in. Sinh viên được thực hiện bình bản một nội dung tài liệu nhiều trang.

63. Nghiên cứu chuyên đề

Mục đích môn học: Hoàn thiện khả năng nghiên cứu khoa học, tổng hợp và hệ thống hóa một khối lượng kiến thức lớn về chuyên ngành đã tích lũy được trong quá trình học ở 6 học kỳ đầu. Sinh viên làm quen với các phương pháp lập luận, phương pháp trình bày hoàn chỉnh, logic một đề tài nghiên cứu khoa học và bảo vệ đề tài đó trước hội đồng phản biện.

Nội dung văn tắt: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu theo hướng phát triển đề án tổng hợp và những nghiên cứu trong quá trình thực hiện thực tập tốt nghiệp nhằm mục tiêu nghiên cứu lý luận những vấn đề mục tiêu của đề án tốt nghiệp sau này. Sinh viên viết bài luận về đề tài nghiên cứu đã chọn, trình bày đề tài dưới dạng thuyết trình trước hội đồng phản biện.

64. Đồ án tự chọn

Sinh viên tham gia một cuộc thi thiết kế website lấy từ ngoài thực tiễn trong năm học hoặc các đề án trong danh mục đề tài đồ án. Ví dụ đồ án Thiết kế tổ chức sự kiện.

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên khái niệm và quy trình của một sự kiện từ khâu tiếp nhận đề án đến việc tổ chức thành công một sự kiện thực tế.

Tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu và làm việc theo nhóm nhằm nâng cao ý thức làm việc đồng đội.

Nội dung văn tắt: Môn học chung cho các ngành. Mỗi nhóm sinh viên gồm đủ các chuyên ngành thực hiện đồ án gồm 2 giai đoạn.

- Giai đoạn 1 nghiên cứu thu thập thông tin về đề tài sự kiện cho trước, hoạch định ý tưởng tổng thể, lên kịch bản chương trình sự kiện, phác thảo ý tưởng của từng hạng mục trong sự kiện.
- Giai đoạn 2 thiết kế chi tiết từng hạng mục, lên kịch bản chương trình chi tiết, hoàn thành in ấn và trình chiếu bảo vệ đề tài.

65. Đồ án tổng hợp

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tìm tòi giải pháp tổng hợp cho một thương hiệu hay một sản phẩm, một doanh nghiệp và thực hành kỹ năng thiết kế các sản phẩm đồ họa công ty từ logo tới poster, brochure, catalogue, calendar,...

Nội dung văn tắt: Sinh viên được thực hiện đồ án tổng hợp theo chủ đề lựa chọn định hướng cho bài tốt nghiệp. Thực hiện nghiên cứu và tìm tòi ý tưởng sáng tạo theo hướng chuyên sâu. Sinh viên

dùng các nguyên lý, thủ pháp và ứng dụng phần mềm thiết kế đồ họa vào sáng tạo đồ án như các phần mềm ứng dụng Corel, Illustrator, Photoshop,...

66. Bài thi tốt nghiệp chuyên ngành Lý luận và Lịch sử Design

Mục đích môn học: Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển của đề tài từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nội dung văn tắt: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh mô hình hoặc sản phẩm mẫu.

Khối kiến thức chuyên ngành Tạo mẫu Thời trang

67. Nguyên lý thiết kế trang phục

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế thời trang, ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế thời trang và các quy luật về bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc,... trang phục, lịch sử ngành thiết kế thời trang và nguyên lý thiết kế cho từng loại sản phẩm thời trang.

Nội dung văn tắt: Các nguyên lý thiết kế thời trang, ngôn ngữ tạo hình của ngành, nguyên lý thiết kế cho từng loại sản phẩm thời trang, lịch sử ngành thời trang, phương pháp hình thành và phát triển ý tưởng trong thời trang. Hệ thống các bài tập nghiên cứu, sưu tầm và ứng dụng các nguyên lý thiết kế thời trang.

68. Kỹ thuật cắt may 1

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cắt may, kỹ năng cắt may nhằm hướng tới mục tiêu mỗi sinh viên đều có thể tự thực hiện sản phẩm thiết kế thời trang của mình.

Nội dung văn tắt: Sơ lược về nguyên liệu và dụng cụ may mặc, những kỹ thuật cắt may cơ bản. Hệ thống các bài tập thực hành về cắt may cơ bản. Sinh viên thực hiện ở xưởng trong quá trình thực hành và thời điểm nộp bài do giảng viên quy định.

69. Kỹ thuật cắt may 2

Mục đích môn học: Môn học giúp sinh viên nắm vững và vận dụng tốt các kỹ thuật cơ bản trong cắt may thời trang nhằm hướng đến việc mỗi sinh viên có thể tự thực hiện các sản phẩm thiết kế thời trang của mình. Môn học là nền tảng vững chắc trong việc thiết kế, ứng dụng trong các đồ án thực tế của những học kỳ sau.

Nội dung văn tắt: Trọng tâm của môn học là thực hành cắt may. Môn học trình bày những kiến thức cơ bản về phương pháp thiết kế rập, công nghệ may, bao gồm: phương pháp thiết kế rập đầm cao cấp; áo vest nữ một lớp, hai lớp; áo vest nam; trang phục truyền thống.

70. Tạo mẫu vải

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về một số loại chất liệu phổ biến trên thị trường, kỹ năng nhận diện mẫu vải, sáng tác các mẫu vải cụ thể dựa trên nghiên cứu của mỗi sinh viên.

Nội dung vắn tắt: Các loại vải thông dụng và đặc tính của chúng, những nguyên lý về thiết kế mẫu vải, phương pháp nghiên cứu và thiết kế tạo mẫu vải. Hệ thống các bài tập nghiên cứu và thực hành tạo mẫu vải bằng tay hoặc bằng các chương trình đồ học vi tính.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập nghiên cứu, sưu tầm: 40%. Bài tập tạo mẫu vải: 60% (trung bình cộng của tối thiểu là 2 bài). Không có bài thi cuối học kỳ.

71. Kỹ thuật thể hiện Đồ án Thời trang 1 & 2

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để có thể thể hiện một đồ án chuyên ngành thời trang một cách logic, hợp lý, phương pháp nghiên cứu, trình bày ý tưởng thời trang để đạt hiệu quả cao nhất.

Nội dung vắn tắt: Phương pháp nghiên cứu, phát triển ý tưởng và trình bày ý tưởng trong thiết kế thời trang. Phương pháp thể hiện bản vẽ mỹ thuật, bản vẽ kỹ thuật và cách trình bày đồ án thời trang.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ: 40%.(trung bình cộng của các bài tập thành phần). Bài tập lớn: 60%. (Sinh viên thể hiện bài tập lớn như một đồ án cụ thể với đề tài do sinh viên tự chọn dưới sự hướng dẫn của giảng viên).

72. Đồ án chuyên ngành 1: Xử lý chất liệu và trang trí trang phục

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp, ý tưởng và thực hành kỹ năng xử lý chất liệu và trang trí trang phục cụ thể.

Nội dung vắn tắt: Phương pháp nhận diện chất liệu, gợi ý một số phương pháp xử lý chất liệu và trang trí trang phục, phương pháp trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng. Sinh viên thực hiện các bản vẽ thiết kế thời trang ứng dụng các phương pháp xử lý chất liệu và trang trí trang phục.

73. Đồ án chuyên ngành 2: Thiết kế trang phục trẻ em

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp và thực hành kỹ năng thiết kế trang phục dành cho trẻ em.

Nội dung vắn tắt: Nguyên lý thiết kế trang phục trẻ em, đặc trưng cơ bản các sản phẩm thời trang dành cho từng nhóm tuổi trẻ em. Hướng dẫn sinh viên tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế trang phục trẻ em, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.

74. Đồ án chuyên ngành 3: Thiết kế trang phục thể thao

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp, ý tưởng và thực hành kỹ năng thiết kế trang phục ứng dụng trong lĩnh vực thể thao hoặc trang phục ứng dụng thực tế (dạo phố) mang phong cách thể thao.

Nội dung văn tắt: Nguyên lý thiết kế trang phục thể thao, đặc trưng cơ bản các sản phẩm thời trang ứng với các môn thể thao cụ thể. Hướng dẫn sinh viên tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế trang phục thể thao, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.

75. Đồ án chuyên ngành 4: Thiết kế nội y và trang phục ở nhà

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp, ý tưởng và thực hành kỹ năng thiết kế trang phục ở nhà và nội y.

Nội dung văn tắt: Nguyên lý thiết kế trang phục ở nhà, nội y, đặc trưng cơ bản các sản phẩm nội y, trang phục ở nhà. Hướng dẫn sinh viên tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế trang phục ở nhà, nội y, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.

76. Đồ án chuyên ngành 5: Thiết kế trang phục công sở

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp, ý tưởng và thực hành kỹ năng thiết kế trang phục công sở.

Nội dung văn tắt: Nguyên lý thiết kế trang phục công sở, đồng phục, đặc trưng cơ bản các sản phẩm thời trang ứng dụng nơi công sở, đồng phục. Hướng dẫn sinh viên tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế trang phục công sở, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.

77. Đồ án chuyên ngành 6: Thiết kế trang phục lễ hội

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp, ý tưởng và thực hành kỹ năng thiết kế trang phục dành lễ hội, lễ phục.

Nội dung văn tắt: Nguyên lý thiết kế trang phục trang phục lễ hội, lễ phục, đặc trưng cơ bản các trang phục lễ hội, lễ phục. Hướng dẫn sinh viên tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế trang phục lễ hội, lễ phục, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.

78. Đồ án tự chọn (Phục trang, giày dép)

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp, ý tưởng và thực hành kỹ năng thiết kế phục trang, tạo mẫu giày dép, phụ trang hoặc trang phục trình diễn.

Nội dung văn tắt:

- Thiết kế phục trang: Nguyên lý thiết kế phục trang, sơ lược lịch sử trang phục thế giới và các quốc gia cụ thể. Hướng dẫn sinh viên tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế phục trang, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.
- Tạo mẫu giày dép: (Sinh viên học theo đề cương “Tạo mẫu giày dép” với sinh viên chuyên ngành tạo dáng sản phẩm).
- Thiết kế phụ trang: Các dạng phụ trang (nón, mắt kính, túi xách,...), nguyên lý thiết kế phụ trang, đặc tính kỹ thuật của các dạng phụ trang. Hướng dẫn sinh viên tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế phụ trang, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.
- Thiết kế trang phục trình diễn: Nguyên lý thiết kế trang phục trình diễn, đặc trưng cơ bản và các yếu tố ảnh hưởng đến trang phục trình diễn. Hướng dẫn sinh viên

tiến hành nghiên cứu tìm ý tưởng, thể hiện bản vẽ thiết kế trang phục trình diễn, thực hiện mẫu thật và bảo vệ ý tưởng trước hội đồng.

79. Chuyên đề chuyên ngành (Nghệ thuật trang điểm, chải búi)

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và những kỹ năng cơ bản về nghệ thuật trang điểm, chải búi để phục vụ cho việc làm tôn lên sản phẩm thời trang.

Nội dung vấn đề: Sơ lược về các loại mỹ phẩm và dụng cụ trang điểm chuyên dùng. Những nguyên lý cơ bản về nghệ thuật trang điểm, thực hành trang điểm và chải búi trên người mẫu.

80. Nghiên cứu chuyên đề

Mục đích môn học: Hoàn thiện khả năng nghiên cứu khoa học, tổng hợp và hệ thống hóa một khối lượng kiến thức lớn về chuyên ngành đã tích lũy được trong quá trình học ở 6 học kỳ đầu. Sinh viên làm quen với các phương pháp lập luận, phương pháp trình bày hoàn chỉnh, logic một đề tài nghiên cứu khoa học và bảo vệ đề tài đó trước hội đồng phản biện.

Nội dung vấn đề: Phương pháp nghiên cứu khoa học. Sinh viên tự chọn đề tài và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên viết bài luận về đề tài nghiên cứu đã chọn, trình bày đề tài dưới dạng thuyết trình trước hội đồng phản biện.

81. Đồ án tổng hợp

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tòi giải pháp tổng hợp cho một thương hiệu hay một sản phẩm thời trang cụ thể, thực hành kỹ năng thiết kế một loại hình sản phẩm thời trang (do sinh viên lựa chọn), và thực hiện các phương pháp quảng cáo (poster thời trang) cho sản phẩm đó.

Nội dung vấn đề: Sinh viên thực hiện đồ án tổng hợp theo chủ đề lựa chọn định hướng cho bài tốt nghiệp, thực hành nghiên cứu và tìm tòi ý tưởng sáng tạo theo hướng chuyên sâu. Sinh viên ứng dụng những nguyên lý thiết kế thời trang và những kỹ năng chuyên ngành đã học vào việc sáng tác và thực hiện đồ án.

82. Bài thi tốt nghiệp chuyên ngành Tạo mẫu Thời trang

Mục đích môn học: Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển của đề tài từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nội dung vấn đề: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh mô hình hoặc sản phẩm mẫu.

Khối kiến thức chuyên ngành Trang trí Nội thất

83. Nguyên lý thiết kế nội thất

Mục đích môn học: Hình thành cho sinh viên một kiến thức tổng quan về ngành nghề, các nguyên lý cơ bản nhất để tạo dựng các không gian nội thất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về công năng và thẩm mỹ. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế Nội thất. Ngôn ngữ tạo không gian và các quy luật của bố cục, đường nét, hình dáng, chất liệu, màu sắc,... trong không gian nội thất. Cấu trúc của nội thất và những sản phẩm nội thất.

Nội dung văn tắt: Tổng quan về lịch sử ngành. Các nguyên lý thiết kế chuyên ngành. Sinh viên thực hiện các đề tài nghiên cứu, seminar và các bài tập ứng dụng nguyên lý thiết kế vào không gian cụ thể.

Những nguyên lý bố cục 3D. Bài tập thực hành về nguyên lý nội thất. Những nguyên lý thiết kế nội thất đại cương về không gian, giao thông trong nội thất, chất liệu và cấu trúc nội thất,...

Cách đánh giá kết quả học tập: Bài tập ứng dụng nguyên lý: 20% (bài tập cá nhân), tham gia Seminar: 20% (Tham gia theo nhóm). Đề tài nghiên cứu nhỏ (tiểu luận): 60% (đề tài cá nhân hoặc nhóm, tùy theo quy mô đề tài). Nộp tiểu luận vào thời điểm cuối học kỳ. Không có bài thi học kỳ.

84. Cấu tạo nội thất

Mục đích môn học: Các kiến thức về cấu tạo các thành phần cấu thành không gian nội thất. Các kỹ năng thiết kế kỹ thuật và hoàn thiện hồ sơ thiết kế một công trình nội thất.

Nội dung văn tắt: Lý thuyết: Các kiến thức về cấu tạo không gian kiến trúc, nội thất và đồ đạc (sàn, tường, trần, cửa đi, cửa sổ, cầu thang, trang thiết bị và đồ đạc nội thất,...), các quy ước về ký hiệu trên bản vẽ, kỹ năng thể hiện bản vẽ cấu tạo nội thất hoàn chỉnh (bản vẽ thi công). Thực hành: hệ thống bài tập nhỏ và một bài tập lớn + Tham quan xưởng chế tác đồ gỗ.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ: 40%. Bài tập lớn: 60%. Không có bài kiểm tra cuối học kỳ.

85. Vật liệu nội thất

Mục đích môn học: Tìm hiểu về đặc trưng tính chất, phương pháp chế tác và ứng dụng của các vật liệu nội thất.

Nội dung văn tắt: Lý thuyết về tính chất, phương pháp chế tác và ứng dụng của vật liệu nội thất. Các thông tin về giá cả, thi công của vật liệu trên thị trường thực tế. Bài tập nhỏ ứng dụng vật liệu. Tiểu luận nghiên cứu về một vật liệu và ứng dụng.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập ứng dụng vật liệu (bài tập cá nhân), điểm 30%. Tiểu luận nghiên cứu về một vật liệu và ứng dụng (tiểu luận cá nhân hoặc nhóm tùy theo quy mô đề tài), điểm 70%. Không có bài thi cuối học kỳ.

86. Kỹ thuật thể hiện Đồ án Nội thất 1 & 2

Mục đích môn học: Kỹ thuật trình bày các đồ án nội thất sao cho ý tưởng thiết kế được trình bày một cách logic, hợp lý và có hiệu quả lôi cuốn người xem hơn.

Nội dung văn tắt: Các tiêu chuẩn và quy ước của bản vẽ kỹ thuật; Các kỹ thuật thể hiện bản vẽ bằng các chất liệu khác nhau (bút chì, bút kim, màu bột, màu nước, bút sáp, marker,...), cách bố cục

các thành phần trong bản vẽ đồ án. Bài tập nhỏ: Các bản vẽ tại lớp, thể hiện bản vẽ 2D, 3D bằng các chất liệu khác nhau. Bài tập lớn: Thể hiện hoàn chỉnh một bản vẽ đồ án cụ thể.

Cách đánh giá kết quả: Bài tập nhỏ: 30%. Bài tập lớn: 70%.

87. Đồ án chuyên ngành 1: Nội thất nhà ở

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình nhà ở.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại công trình nhà ở; Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất nhà ở và xu hướng thiết kế gần nhất; giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế một không gian nội thất nhà ở cụ thể.

88. Đồ án chuyên ngành 2: Sân vườn, công viên

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả ngoại thất các công trình sân vườn, công viên; Hoàn thiện kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế bằng mô hình.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại công trình sân vườn công viên; Sự tương đồng và khác biệt trong phong cách thiết kế cảnh quan giữa phương Đông và phương Tây; Sơ lược các kỹ năng thực hiện mô hình ngoại thất. Sinh viên thiết kế và thể hiện ý tưởng thiết kế bằng mô hình và bản vẽ phụ trợ.

89. Đồ án chuyên ngành 3: Nội thất trung bày

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình trung bày.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại công trình nội thất trung bày; Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất trung bày và xu hướng thiết kế gần nhất; giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế một không gian nội thất trung bày cụ thể.

90. Đồ án chuyên ngành 4: Nội thất văn phòng

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình văn phòng công sở.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại công trình nội thất văn phòng công sở; Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất văn phòng công sở và xu hướng thiết kế gần nhất; giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm.

91. Đồ án chuyên ngành 5: Nội thất công trình dịch vụ giải trí

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình dịch vụ giải trí.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại công trình nội thất dịch vụ giải trí; Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất dịch vụ giải trí và xu hướng thiết kế gần nhất; giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm.

92. Đồ án chuyên ngành 6: Nội thất công trình văn hóa giáo dục

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thiết kế hoàn chỉnh và hiệu quả nội thất các công trình văn hóa giáo dục.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại công trình nội thất dịch vụ văn hóa giáo dục. Lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế nội thất công trình văn hóa giáo dục và xu hướng thiết kế gần nhất. Giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm.

93. Chuyên đề chuyên ngành (Nghệ thuật sắp đặt)

Mục đích môn học: Sinh viên làm quen với nghệ thuật sắp đặt đương đại đang có xu hướng ảnh hưởng tới trang trí nội thất hiện đại.

Nội dung văn tắt: Triết lý và ngôn ngữ, chất liệu của loại hình nghệ thuật sắp đặt. Không gian, thời gian và con người trong nghệ thuật sắp đặt. Sinh viên được hướng dẫn thực hiện một tác phẩm sắp đặt. Điểm tiểu luận và bài sắp đặt là điểm môn học.

94. Nghiên cứu chuyên đề

Mục đích môn học: Hoàn thiện khả năng nghiên cứu khoa học, tổng hợp và hệ thống hóa một khối lượng kiến thức lớn về chuyên ngành đã tích lũy được trong quá trình học ở 6 học kỳ đầu. Sinh viên làm quen với các phương pháp lập luận, phương pháp trình bày hoàn chỉnh, logic một đề tài nghiên cứu khoa học và bảo vệ đề tài đó trước hội đồng phản biện.

Nội dung văn tắt: Phương pháp nghiên cứu khoa học. Sinh viên tự chọn đề tài và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên viết bài luận về đề tài nghiên cứu đã chọn, trình bày đề tài dưới dạng thuyết trình trước hội đồng phản biện.

95. Đồ án tự chọn

Mục đích môn học: Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên có đủ kiến thức, kỹ năng để thiết kế và thể hiện mô hình hoàn chỉnh.

Nội dung văn tắt: Tính chất, đặc điểm, yêu cầu cơ bản của loại hình sản phẩm; lịch sử phát triển của các phong cách thiết kế và xu hướng thiết kế gần nhất; giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thảo luận và thuyết trình bảo vệ quan điểm thiết kế theo cá nhân hoặc theo nhóm. Sinh viên ứng dụng đề tài nghiên cứu để thực hiện bản vẽ thiết kế 3D và thể hiện mô hình cụ thể tại xưởng, có vật liệu và các dụng cụ hỗ trợ.

96. Đồ án tổng hợp

Mục đích môn học: Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Giảng viên khuyến khích sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn đề tài từ đồ án nghiên cứu chuyên đề, làm tư liệu phục vụ cho đề tài tốt nghiệp.

Nội dung vấn đề: Sinh viên tự chọn đề tài và nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên viết tóm lược nội dung đề tài nghiên cứu và nội dung ứng dụng thực tiễn của đề tài, thuyết trình trước hội đồng phản biện. Sinh viên thiết kế ứng dụng vào công trình cụ thể, trình bày trên các bản vẽ khổ A1.

97. Bài thi tốt nghiệp chuyên ngành Trang trí Nội thất

Mục đích môn học: Sinh viên hoàn thành đồ án này sẽ chứng minh được khả năng tự đặt ra vấn đề liên quan đến ngành nghề và giải quyết vấn đề sao cho hiệu quả theo cách riêng của mình. Sinh viên tiếp tục nghiên cứu sâu hơn một trong những hướng phát triển của đề tài từ đồ án nghiên cứu, đồ án tổng hợp và nghiên cứu chuyên đề từ đó thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng chuyên ngành và thái độ nghề nghiệp cho bài đồ án cuối cùng trước khi tốt nghiệp ra trường đủ chất lượng chuyên môn đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Nội dung vấn đề: Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu thông qua đề cương đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên tự thực hiện đồ án tốt nghiệp cùng với sự hướng dẫn của giảng viên và khuyến khích sinh viên lựa chọn những đề tài gắn với thực tiễn xã hội. Sinh viên nộp bản in phần thuyết minh đề tài và bản vẽ thiết kế, ảnh mô hình hoặc sản phẩm mẫu.

CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO HỆ ĐẠI HỌC
KHÓA 2014

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: D510203)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	1CBTODC001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
3	1	1CBTODC002	Toán A2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	1CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - Nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
9	1	9DTVECS003	Vẽ kỹ thuật (CDT)	3	30	30	0	0	0	0	0	60	4	
10	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
				23	270	150	45	0	0	0	0	465	31	
11	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
12	2	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vectơ)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
13	2	1CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
14	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
15	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
16	2	1CKCOCS001	Kỹ thuật nhiệt	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
17	2	1CKDICS001	Giải tích mạch điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	2	9CKDICS008	Thực tập Điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
19	2	1DDDICS007	Thí nghiệm Mạch điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
20	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
21	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
22	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
				20	240	90	135	0	0	0	0	465	31	
23	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	1CKCOCS002	Cơ ứng dụng 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
25	3	1CKCOCS003	Kỹ thuật đo lường cơ khí	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
26	3	1CKDICS002	Máy điện 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	3	1DDDTC001	Điện tử 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: D510203)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
28	3	9CKDICS009	Thực tập Điện tử	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
29	3	1CKDICS010	Thí nghiệm Máy điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
30	3	1CKCOCS014	Thí nghiệm Kỹ thuật đo lường cơ khí	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
31	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
32	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
				13	150	75	150	0	0	0	375	25	
33	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
34	4	1CKCOCS004	Cơ ứng dụng 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
35	4	1CKCOCS005	Vật liệu kỹ thuật	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
36	4	1CKCOCS006	Nguyên lý máy	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
37	4	1DDDTCS002	Điện tử 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
38	4	1DDCHCN005	Cung cấp điện	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
39	4	1CKCDCN005	Truyền động điện 1	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
40	4	1CKDICS011	Thí nghiệm Điện tử 1 & 2	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
41	4	1DDCHCN014	Thí nghiệm Cung cấp điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
42	4	1DDCHCN012	Thí nghiệm Truyền động điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
43	4	1CKCDCN014	Đồ án Cung cấp điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
44	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
45	4	9CKCHCS001	Anh văn chuyên ngành	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
				20	240	120	120	0	0	0	480	32	
46	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	45	3	
47	5	1CKCOCS007	Chi tiết máy	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
48	5	1CKCOCS008	Công nghệ cơ khí	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
49	5	1CKCOCS009	Công nghệ thủy lực	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
50	5	1CKCOCS010	Môi trường công nghiệp và An toàn lao động	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
51	5	1CKDICS003	Kỹ thuật số	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
52	5	1CKDICS004	Điện tử công suất	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
53	5	1CKDICS006	Điều khiển tự động	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
54	5	1CKCOCS015	Thí nghiệm Nguyên lý máy - Chi tiết máy	1	0	0	30	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: D510203)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
55	5	1CKCOCS016	Đồ án Chi tiết máy	1	0	0	0	0	15	0	15	1	
56	5	1DDCHCN010	Thí nghiệm Điện tử công suất	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
57	5	1CKDICS012	Thí nghiệm Kỹ thuật số	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
				21	255	105	90	0	15	0	465	31	
58	6	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
59	6	1CKCOCS011	Công nghệ khí nén	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
60	6	1CKCOCS012	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
61	6	1CKDICS005	PLC	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
62	6	1CKDICS007	Đo lường công nghiệp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
63	6	1CKCDCN001	Quản lý sản xuất	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
64	6	1CKCDCN006	Vi xử lý và vi điều khiển	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
65	6	1CKCOCS017	Thực tập Cơ khí	2	0	0	90	0	0	0	90	6	
66	6	1CKCOCS018	Thí nghiệm Công nghệ thủy lực	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
67	6	1CKCOCS019	Thí nghiệm Công nghệ khí nén	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
68	6	1CKDICS013	Thí nghiệm PLC	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
				19	210	105	180	0	0	0	495	33	
69	7	9DTXHTC101	KHXHNV tự chọn 1 : Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 1
70	7	9DTXHTC203	KHXHNV tự chọn 2 : Phương pháp luận sáng tạo	2	30	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
71	7	9DTXHTC104	KHXHNV tự chọn 1 : Đại cương văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
72	7	1CKCOCS013	Công nghệ chế tạo máy	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
73	7	1CKCDCN002	Robot công nghiệp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
74	7	1CKCDCN003	Hệ thống sản xuất tự động	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
75	7	9CKCDCN004	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	30	30	0	0	0	0	60	4	
76	7	1CKCDTC101	Tự chọn tự do 1 : Kỹ thuật điều khiển tự động	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
77	7	1CKCDTC202	Tự chọn tự do 2 : Trang bị điện trong máy công nghiệp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
78	7	1CKCOCS020	Đồ án Công nghệ chế tạo máy	1	0	0	0	0	15	0	15	1	
79	7	1CKCDCN012	Thí nghiệm Vi xử lý và vi điều khiển	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
80	7	1CKCDCN013	Thí nghiệm Cơ điện tử	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
				18	210	120	60	0	15	0	405	27	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: D510203)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
81	8	1CKDTC300	Tự chọn tự do 3 : Mạng công nghiệp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
82	8	1CKDTC400	Tự chọn tự do 4 : Bảo trì công nghiệp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
83	8	9CKCDCN011	Thực hành CNC	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
84	8	1CKTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
85	8	1CKBTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	0	225	225	15	
86	8	1CBBTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
TỔNG CỘNG				15	75	45	120	0	0	225	465	29		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: D510301)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
1	1	1CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - Nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
2	1	1CBTODC001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
3	1	1CBTODC002	Toán A2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
4	1	1DDDICS005	Kỹ thuật điện	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
5	1	1DDDICS008	Thực hành Điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
6	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
8	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
9	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	15	1	
10	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
11	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	75	5	
				24	285	135	75	0	0	0	495	33	
12	2	1CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
13	2	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vectơ)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
14	2	1DDCHCS001	Tin học chuyên ngành 1 : Ngôn ngữ lập trình C / C++	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
15	2	1DDCHCS002	Thực hành Tin học chuyên ngành 1	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
16	2	1DDDICS001	Mạch điện	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
17	2	1DDDICS007	Thí nghiệm Mạch điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
18	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
19	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	15	1	
20	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
21	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
22	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
23	2	9DTVECS002	Vẽ kỹ thuật (CHUNG : DDT & CNTP)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
24	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
				23	285	105	135	0	0	0	525	35	
25	3	1DDDICS002	An toàn điện	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
26	3	1DDDICS004	Tín hiệu và hệ thống	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
27	3	1DDDICS006	Đo lường điện và thiết bị đo	2	30	15	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: D510301)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
28	3	1DDDICS009	Thực hành Điện tử	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
29	3	1DDDICS010	Thí nghiệm Đo lường và thiết bị điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
30	3	1DDDTCS001	Điện tử 1	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
31	3	1DDDTCS005	Thí nghiệm Điện tử 1 (cơ bản)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
32	3	1DDDTCS003	Kỹ thuật số (Điện tử số)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
33	3	1DDDTCS007	Thí nghiệm Kỹ thuật số (Điện tử số)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
34	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
35	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
36	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
				16	180	90	180	0	0	0	450	30	
37	4	1DDCHCN003	Đo lường và cảm biến	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
38	4	1DDCHCN009	Thí nghiệm Đo lường và cảm biến	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
39	4	1DDCHCS003	Đồ án môn học 1	1	0	0	0	0	30	0	30	2	
40	4	1DDDICS003	Trường điện tử	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
41	4	1DDDTCS002	Điện tử 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
42	4	1DDDTCS004	Vi xử lý	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
43	4	1DDDTCS006	Thí nghiệm Điện tử 2 (cơ bản)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
44	4	1DDDTCS008	Thí nghiệm Vi xử lý	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
45	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
46	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				14	150	75	90	0	30	0	345	23	
47	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	45	3	
48	5	1DDDICN002	Hệ thống điện	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
49	5	1DDCHCN002	Điện tử công suất	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
50	5	1DDCHCN006	Khí cụ điện và máy điện	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
51	5	1DDCHCN010	Thí nghiệm Điện tử công suất	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
52	5	1DDCHCN011	Thí nghiệm Khí cụ điện và máy điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
53	5	1DDTDCS001	Hệ thống điều khiển tự động	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
54	5	1DDTDCS002	Thí nghiệm Hệ thống điều khiển tự động	1	0	0	30	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: D510301)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
55	5	9CBTOCS001	Xác suất thống kê	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				18	225	75	90	0	0	0	0	390	26	
56	6	1DDCHCN005	Cung cấp điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
57	6	1DDCHCN007	Truyền động điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
58	6	1DDCHCN008	Tự động hóa lập trình PLC	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
59	6	1DDCHCN012	Thí nghiệm Truyền động điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
60	6	1DDCHCN013	Thí nghiệm Tự động hóa lập trình PLC	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
61	6	1DDCHCN014	Thí nghiệm Cung cấp điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
62	6	1DDCHTC106	MHTC 1 : Autocad - Thiết kế vẽ mạch	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
63	6	1DDCHCN001	Xử lý tín hiệu số	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
64	6	1DDVTCN011	Thí nghiệm Xử lý tín hiệu số	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
65	6	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				16	180	90	120	0	0	0	0	390	26	
66	7	9DTXHTC101	KHXHNV tự chọn 1 : Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 1
67	7	9DTXHTC203	KHXHNV tự chọn 2 : Phương pháp luận sáng tạo	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
68	7	9DTXHTC104	KHXHNV tự chọn 1 : Đại cương văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
69	7	1DDCHCN004	Thiết bị và hệ thống công nghiệp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
70	7	1DDDICN001	Bảo vệ hệ thống điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
71	7	1DDDICN003	Vận hành và điều khiển hệ thống điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
72	7	1DDCHTC207	MHTC 2 : PIC và ứng dụng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
73	7	1DDDICN004	Thí nghiệm Thiết bị và hệ thống công nghiệp	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
74	7	1DDDICN005	Đồ án môn học 2 (DDT)	1	0	0	0	0	30	0	0	30	2	
				12	150	75	30	0	30	0	0	285	19	
75	8	1DDCHTC300	MHTC 3 : Điều khiển thông minh	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
76	8	1DDTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
77	8	1DDBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	0	225	225	15	
78	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
				12	45	30	90	0	0	0	225	390	24	
TỔNG CỘNG				135	1500	675	810	0	60	225	3270	216		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG (MÃ NGÀNH: D510302)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
1	1	1CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - Nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
2	1	1CBTODC001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
3	1	1CBTODC002	Toán A2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
4	1	1DDDICS005	Kỹ thuật điện	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
5	1	1DDDICS008	Thực hành Điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
6	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
8	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
9	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	15	1	
10	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
11	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	75	5	
				24	285	135	75	0	0	0	495	33	
12	2	1CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
13	2	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vectơ)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
14	2	1DDCHCS001	Tin học chuyên ngành 1 : Ngôn ngữ lập trình C / C++	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
15	2	1DDCHCS002	Thực hành Tin học chuyên ngành 1	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
16	2	1DDDICS001	Mạch điện	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
17	2	1DDDICS007	Thí nghiệm Mạch điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
18	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
19	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	15	1	
20	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
21	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
22	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
23	2	9DTVECS002	Vẽ kỹ thuật (CHUNG : DDT & CNTP)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
24	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
				23	285	105	135	0	0	0	525	35	
25	3	1DDDICS002	An toàn điện	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
26	3	1DDDICS004	Tín hiệu và hệ thống	2	30	15	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG (MÃ NGÀNH: D510302)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
27	3	1DDDICS006	Đo lường điện và thiết bị đo	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
28	3	1DDDICS009	Thực hành Điện tử	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
29	3	1DDDICS010	Thí nghiệm Đo lường và thiết bị điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
30	3	1DDDTCS001	Điện tử 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
31	3	1DDDTCS005	Thí nghiệm Điện tử 1 (cơ bản)	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
32	3	1DDDTCS003	Kỹ thuật số (Điện tử số)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
33	3	1DDDTCS007	Thí nghiệm Kỹ thuật số (Điện tử số)	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
34	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
36	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				16	180	90	180	0	0	0	0	450	30	
37	4	1DDCHCS003	Đồ án môn học 1	1	0	0	0	0	30	0	0	30	2	
38	4	1DDDICS003	Trường điện tử	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	4	1DDDTCS002	Điện tử 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
40	4	1DDDTCS004	Vi xử lý	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
41	4	1DDDTCS006	Thí nghiệm Điện tử 2 (cơ bản)	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
42	4	1DDDTCS008	Thí nghiệm Vi xử lý	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
43	4	1DDVTCN002	Hệ thống viễn thông	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
44	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
45	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				14	165	75	60	0	30	0	0	330	22	
46	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
47	5	1DDCHCN002	Điện tử công suất	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
48	5	1DDCHCN010	Thí nghiệm Điện tử công suất	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
49	5	1DDTDCS001	Hệ thống điều khiển tự động	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
50	5	1DDTDCS002	Thí nghiệm Hệ thống điều khiển tự động	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
51	5	1DDVTCN001	Điện tử thông tin	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
52	5	1DDVTCN004	Ăng ten truyền sóng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG (MÃ NGÀNH: D510302)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
53	5	1DDVTCN009	Thí nghiệm Điện tử thông tin	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
54	5	9CBTOCS001	Xác suất thống kê	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
				17	210	75	90	0	0	0	375	25	
55	6	1DDCHCN001	Xử lý tín hiệu số	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
56	6	1DDCHTC107	MHTC 1 : Truyền hình số	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
57	6	1DDVTCN006	Truyền số liệu	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
58	6	1DDVTCN008	Công nghệ Chip	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
59	6	1DDVTCN011	Thí nghiệm Xử lý tín hiệu số	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
60	6	1DDVTCN010	Thí nghiệm Công nghệ Chip	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
61	6	1DDVTCN014	Đồ án môn học 2 (DTVT)	1	0	0	0	0	30	0	30	2	
62	6	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
				13	150	75	60	0	30	0	315	21	
63	7	9DTXHTC101	KHXHNV tự chọn 1 : Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 1
64	7	9DTXHTC203	KHXHNV tự chọn 2 : Phương pháp luận sáng tạo	2	30	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
65	7	9DTXHTC104	KHXHNV tự chọn 1 : Đại cương văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
66	7	1DDVTCN003	Máy tính và mạng	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
67	7	1DDVTCN005	Hệ thống thông tin quang	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
68	7	1DDVTCN007	Kỹ thuật chuyển mạch	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
69	7	1DDCHTC208	MHTC 2 : Chuyên đề mạng Cisco	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
70	7	2DDVTCN005	Thí nghiệm Kỹ thuật chuyển mạch	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
71	7	1DDVTCN015	Thí nghiệm Thông tin quang	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
72	7	1DDVTCN013	Thực hành Mạng máy tính	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
				13	150	75	90	0	0	0	315	21	
73	8	1DDCHTC307	MHTC 3 : NGN	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
74	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	30	2	
75	8	1DDTTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	90	4	
76	8	1DDBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	225	225	15	
				13	45	30	90	0	0	225	390	24	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG (MÃ NGÀNH: D510302)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC							TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN			TỔNG
TỔNG CỘNG				133	1470	660	780	0	60	225	3195	211	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH: D480201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	1CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - Nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	1CBTODC001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
3	1	1CBTODC002	Toán A2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
9	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
				20	240	120	45	0	0	0	0	405	27	
10	2	1CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
11	2	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vectơ)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
12	2	1THCHCS001	Nhập môn lập trình	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	1THCHCS002	Thực hành Nhập môn lập trình	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
14	2	1THCHCS003	Hệ thống số	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
15	2	1THCHCS004	Thí nghiệm Hệ thống số	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
17	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
18	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
19	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
20	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
				20	240	90	135	0	0	0	0	465	31	
22	3	1THCHCS005	Tổ chức cấu trúc máy tính	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
23	3	1THCHCS006	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
24	3	1THCHCS007	Kỹ thuật lập trình	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
25	3	1THCHCS008	Thực hành Kỹ thuật lập trình	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
26	3	1THCHCS009	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	3	1THCHCS010	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH: D480201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
28	3	1THCHCS017	Toán tin học	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
29	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
31	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				13	150	75	150	0	0	0	0	375	25	
32	4	1THCHCS011	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
33	4	1THCHCS012	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
34	4	1THCHCS013	Cơ sở dữ liệu	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	4	1THCHCS014	Thực hành Cơ sở dữ liệu	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
36	4	1THCHCS015	Hệ điều hành	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
37	4	1THCHCS016	Thực hành Hệ điều hành	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
38	4	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	1	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
40	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				12	150	75	90	0	0	0	0	315	21	
41	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
42	5	1THCHCN001	Công nghệ phần mềm	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
43	5	1THCHCN002	Lập trình hướng đối tượng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	5	1THCHCN003	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
45	5	1THCHCN004	Nhập môn Web và ứng dụng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
46	5	1THCHCN005	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
47	5	1THCHCN006	Đồ án tin học	2	0	0	0	0	45	0	0	45	3	
48	5	1THCHCS018	Mạng máy tính	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				17	165	60	60	0	45	0	0	330	22	
49	6	1THCHCN007	Tham quan	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
50	6	1THCHCN008	Quản trị mạng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
51	6	1THCHCN011	Tự chọn ngành 1 : Thương mại điện tử	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
52	6	1THCHCN012	Tự chọn ngành 1 : Quản lý dự án	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
53	6	1THCHCN018	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH: D480201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
54	6	1THWECN012	Tự chọn ngành 2 : Quản trị cơ sở dữ liệu	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
55	6	1THLTCN012	Tự chọn ngành 2 : An ninh máy tính	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
56	6	1THCHCN013	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
57	6	1THWECN002	Thực hành Quản trị cơ sở dữ liệu	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 4
58	6	1THLTCN004	Thực tập An ninh máy tính	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 4
				14	120	60	75	0	0	0	0	255	17	
59	7	9DTXHTC101	KHXHNV tự chọn 1 : Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 1
60	7	9DTXHTC203	KHXHNV tự chọn 2 : Phương pháp luận sáng tạo	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
61	7	9DTXHTC104	KHXHNV tự chọn 1 : Đại cương văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
62	7	1THWECN005	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
63	7	1THWECN006	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2	0	0	0	0	45	0	0	45	3	
64	7	1THWECN010	Đồ án Chuyên ngành (Hệ thống thông tin và Web)	2	0	0	0	0	45	0	0	45	3	
			Nhóm môn tự chọn 1: Chọn 2 trong 4 môn:											
65	7	1THCHCN009	Phát triển phần mềm nguồn mở	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 5
66	7	1THCHCN014	Lập trình Web	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 5
67	7	1THLTCN001	Lập trình Windows	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 5
68	7	1THLTCN007	Lập trình cho thiết bị di động	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 5
			Nhóm môn tự chọn 2: Chọn 2 trong 4 môn (chọn tương đương với môn lý thuyết):											
69	7	1THCHCN010	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 6
70	7	1THCHCN015	Thực hành Lập trình Web	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 6
71	7	1THLTCN002	Thực hành Lập trình Windows	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 6
72	7	1THLTCN008	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 6
				14	120	60	60	0	90	0	0	330	22	
73	8	1THWECN009	Xây dựng phần mềm Web	3	30	0	15	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 7
74	8	1THLTCN009	Xây dựng phần mềm Windows	3	30	0	15	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 7
75	8	1THCHCN016	Triển khai Hệ thống thông tin	3	30	0	15	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 7
76	8	1CBBTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
77	8	1THTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
78	8	1THBTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	0	225	225	15	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH: D480201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
				13	45	15	105	0	0	225	390	24	
TỔNG CỘNG				123	1230	555	720	0	135	225	2865	189	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (MÃ NGÀNH: D540101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	1CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - Nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	1CBTODC001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
3	1	1CBTODC002	Toán A2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
7	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
8	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
9	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
				20	240	120	45	0	0	0	0	405	27	
10	2	1CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
11	2	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vectơ)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
12	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
14	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
15	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
17	2	9TPHODC002	Thực hành Hóa đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
18	2	1TPCHCS001	Nhập môn công nghệ thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
19	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
20	2	9DTVECS002	Vẽ kỹ thuật (CHUNG : DDT & CNTP)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				19	240	75	105	0	0	0	0	420	28	
21	3	9DTXHTC101	KHXHNV tự chọn 1 : Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	1TPCHCS002	Vật lý thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
23	3	1TPCHCS003	Hóa học thực phẩm	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
24	3	1TPCHCS005	Vi sinh đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
25	3	1TPCHCS017	Thí nghiệm Hóa thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
26	3	1TPCHCS018	Thí nghiệm Vi sinh đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
27	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (MÃ NGÀNH: D540101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
28	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
29	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
30	3	1TPCHCS024	Hóa lý	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
				15	195	60	120	0	0	0	375	25	
31	4	1TPCHCS004	Hóa sinh thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
32	4	1TPCHCS006	Vi sinh thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
33	4	1TPCHCS007	Phân tích thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
34	4	1TPCHCS012	Kỹ thuật thực phẩm 1	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
35	4	1TPCHCS015	Toán kỹ thuật (Quy hoạch thực nghiệm)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
36	4	1TPCHCS019	Thí nghiệm Vi sinh thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
37	4	1TPCHCS020	Thí nghiệm Phân tích thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
38	4	1TPCHCS022	Bài tập lớn Kỹ thuật thực phẩm 1	1	0	0	0	30	0	0	30	2	
39	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
40	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
41	4	9TPCHCS001	Anh văn chuyên ngành 1	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
				18	225	60	60	30	0	0	375	25	
42	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	45	3	
43	5	1TPCHCN004	Công nghệ sau thu hoạch	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
44	5	1TPCHCN019	Kinh tế đại cương	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
45	5	1TPCHCS008	Dinh dưỡng	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
46	5	1TPCHCS009	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
47	5	1TPCHCS010	An toàn thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
48	5	1TPCHCS013	Kỹ thuật thực phẩm 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
49	5	1TPCHCS021	Thực hành Cảm quan thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
50	5	1TPCHCS023	Bài tập lớn Kỹ thuật thực phẩm 2	1	0	0	0	30	0	0	30	2	
51	5	9TPCHCS002	Anh văn chuyên ngành 2	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
52	5	1TPCHCN016	Đồ án 1 : Nguyên liệu thực phẩm	1	0	0	0	0	30	0	30	2	
				20	255	60	30	30	30	0	405	27	
53	6	1TPCHCN001	Công nghệ bao gói thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (MÃ NGÀNH: D540101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
54	6	1TPCHCN002	Công nghệ chế biến thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
55	6	1TPCHCN003	Công nghệ sinh học thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
56	6	1TPCHCN011	Thực hành Công nghệ bao gói	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
57	6	1TPCHCN012	Thực hành Công nghệ sinh học thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
58	6	1TPCHCN020	Quản trị sản xuất / Quản lý doanh nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
59	6	1TPCHCN021	Tin học chuyên ngành	1	15	0	15	0	0	0	0	30	2	
60	6	1TPCHCS025	Phụ gia thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
61	6	1TPCHCS016	Thiết kế công nghệ và nhà máy thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
62	6	1TPCHCN017	Đồ án 2 : Quy trình sản xuất	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
				17	210	60	75	0	30	0	0	375	25	
63	7	1TPCHCS011	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
64	7	1TPCHCN005	Văn hóa ẩm thực	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
65	7	1TPCHCN008	Quản lý môi trường	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
66	7	1TPCHCN009	Marketing thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
67	7	1TPCHCN010	Phát triển sản phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
68	7	1TPCHTC104	Môn học chuyên ngành tự chọn 1	3	60	0	0	0	0	0	0	60	4	
69	7	1TPCHTC205	Môn học chuyên ngành tự chọn 2	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
70	7	1TPCHCN013	Thực hành Chế biến thực phẩm 1	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
71	7	1TPCHCN015	Thực hành Phát triển sản phẩm	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
72	7	1TPCHCN018	Đồ án 3 : Thành phẩm	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
				18	240	45	60	0	30	0	0	375	25	
73	8	9DTXHDC003	Công tác kỹ sư	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
74	8	1TPCHTC304	Môn học chuyên ngành tự chọn 3	2	60	0	0	0	0	0	0	60	4	
75	8	1TPCHTC404	Môn học chuyên ngành tự chọn 4	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
76	8	1CBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
77	8	1TPCHCN014	Thực hành Chế biến thực phẩm 2	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
78	8	1TPTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
79	8	1TPBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	0	225	225	15	Hình thức bài thi tốt nghiệp
80	8	1TPBTTN002	Môn thi tốt nghiệp 1 (CS_CNTP)	3	45	0	0	0	0	0	0	45	9	sẽ được thông báo vào cuối

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (MÃ NGÀNH: D540101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
81	8	1TPBTTN003	Môn thi tốt nghiệp 2 (CN_CNTP)	3	45	0	0	0	0	0	45	9	học kỳ.
				23	225	15	120	0	0	225	585	49	
TỔNG CỘNG				150	1830	495	615	60	90	225	3315	231	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	1CBTODC004	Toán C1 (Vi tích phân hàm 1 biến và nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	1QTCHCS001	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	1QTCHCS002	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				18	195	105	30	0	0	0	0	330	22	
8	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	1CBTODC005	Toán C2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
11	2	9QITODC001	Xác suất thống kê và thực hành	3	30	6	9	0	0	0	0	45	3	
12	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	1QTCHCS003	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	210	81	69	0	0	0	0	360	24	
17	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	3	1QTCHCS004	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	3	1QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
20	3	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	1QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
23	3	1QTCHCN002	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	240	75	60	0	0	0	0	375	25	
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
27	4	1QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (DH)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
28	4	1QTCHCS011	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
29	4	1QTCHCS018	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	4	1QTKDCN002	Quản trị bán hàng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
31	4	1QTCHCS021	Hành vi tổ chức	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
32	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	180	90	0	0	0	0	0	270	18	
33	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
34	5	9QTCHCS004	Thông kê trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	5	1QTCHCS020	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	1QTCHCS022	Thị trường chứng khoán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	1QTCHCN001	Quản trị tài chính căn bản (Quản trị tài chính 1)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	1QTCHCN009	Quản trị Marketing	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	5	1QTCHTC102	MHTC 1 : Đồ án Nghiên cứu thị trường	1	0	0	0	0	15	0	15	15	1	Nhóm môn học tự chọn 1
40	5	1QTCHTC101	MHTC 1 : Đồ án Quản trị tài chính	1	0	0	0	0	15	0	15	15	1	Nhóm môn học tự chọn 1
41	5	1QTCHTC103	MHTC 1 : Đồ án Tìm hiểu văn bản luật (kinh tế)	1	0	0	0	0	15	0	15	15	1	Nhóm môn học tự chọn 1
				19	195	75	0	0	15	0	285	19		
42	6	1QTCHCN011	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
43	6	1QTCHCN008	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	6	1QTCHCN003	Quản trị chiến lược	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
45	6	1QTKDCN003	Quản trị dự án	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
46	6	1QTKDCN004	Quản trị vận hành	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
47	6	1QTCHTC205	MHTC 2 : Thương mại điện tử	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
48	6	1QTCHTC202	MHTC 2 : Marketing quốc tế	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
49	6	1QTCHTC206	MHTC 2 : Thanh toán quốc tế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
50	6	1QTCHTC207	MHTC 2 : Kế toán Mỹ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
51	6	1QTCHTC302	MHTC 3 : Đạo đức trong kinh doanh	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
52	6	1QTCHTC303	MHTC 3 : Nghệ thuật lãnh đạo	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
53	6	1QTCHTC307	MHTC 3 : Quản trị ngân hàng thương mại	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
				20	225	90	0	0	0	0	0	315	21	
54	7	1QTCHCN005	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
55	7	1QTCHCN006	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
56	7	1QTKDCN006	Quản trị rủi ro	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
57	7	1QTCHCN012	Lập kế hoạch kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
58	7	1QTCHCN015	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 4
59	7	1QTCHCN016	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 4
60	7	1QTCHTC404	MHTC 4 : Thực hành Tin học trong kế toán (Excel)	2	0	0	45	0	0	0	0	45	3	
				16	150	75	45	0	0	0	0	270	18	
61	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
62	8	1QTTTTN001	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
63	8	1QTCHCN017	Marketing giữa các tổ chức	2	30	0	0	0	0	0	0	30	15	Nhóm môn thay thế BTTN
64	8	1QTCHCN018	Thị trường tài chính phái sinh	2	30	0	0	0	0	0	0	30		Nhóm môn thay thế BTTN
65	8	1QTCHCN019	Quản trị dịch vụ	3	30	15	0	0	0	0	0	45		Nhóm môn thay thế BTTN
				12	105	30	90	0	0	0	0	225	21	
TỔNG CỘNG				146	1500	621	294	0	15	0	0	2430	168	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	1CBTODC004	Toán C1 (Vi tích phân hàm 1 biến và nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	1QTCHCS001	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	1QTCHCS002	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				18	195	105	30	0	0	0	0	330	22	
8	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	1CBTODC005	Toán C2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
11	2	9QITODC001	Xác suất thống kê và thực hành	3	30	6	9	0	0	0	0	45	3	
12	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	1QTCHCS003	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	210	81	69	0	0	0	0	360	24	
17	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	3	1QTCHCS004	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	3	1QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
20	3	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	1QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
23	3	1QTCHCN002	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	240	75	60	0	0	0	0	375	25	
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
27	4	1QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (DH)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
28	4	1QTCHCS011	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
29	4	1QTCHCS018	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	4	1QTKDCN002	Quản trị bán hàng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
31	4	1QTCHCS021	Hành vi tổ chức	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
32	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	180	90	0	0	0	0	0	270	18	
33	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
34	5	9QTCHCS004	Thông kê trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	5	1QTCHCS020	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	1QTCHCS022	Thị trường chứng khoán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	1QTCHCN001	Quản trị tài chính căn bản (Quản trị tài chính 1)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	1QTCHCN009	Quản trị Marketing	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	5	1QTCHTC102	MHTC 1 : Đồ án Nghiên cứu thị trường	1	0	0	0	0	15	0	15	1	1	Nhóm môn học tự chọn 1
40	5	1QTCHTC101	MHTC 1 : Đồ án Quản trị tài chính	1	0	0	0	0	15	0	15	1	1	Nhóm môn học tự chọn 1
41	5	1QTCHTC103	MHTC 1 : Đồ án Tìm hiểu văn bản luật (kinh tế)	1	0	0	0	0	15	0	15	1	1	Nhóm môn học tự chọn 1
				19	195	75	0	0	15	0	285	19		
42	6	1QTCHCN011	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
43	6	1QTCHCN008	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	6	1QTCHCN003	Quản trị chiến lược	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
45	6	1QTMACN009	Nghiên cứu Marketing	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
46	6	1QTMACN010	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
47	6	1QTCHTC205	MHTC 2 : Thương mại điện tử	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
48	6	1QTCHTC202	MHTC 2 : Marketing quốc tế	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
49	6	1QTCHTC206	MHTC 2 : Thanh toán quốc tế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
50	6	1QTCHTC207	MHTC 2 : Kế toán Mỹ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
51	6	1QTCHTC302	MHTC 3 : Đạo đức trong kinh doanh	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
52	6	1QTCHTC303	MHTC 3 : Nghệ thuật lãnh đạo	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
53	6	1QTCHTC307	MHTC 3 : Quản trị ngân hàng thương mại	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
				20	225	90	0	0	0	0	0	315	21	
54	7	1QTCHCN005	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
55	7	1QTCHCN006	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
56	7	1QTMACN011	Tiếp thị truyền thông và tích hợp	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
57	7	1QTMACN002	Hành vi người tiêu dùng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
58	7	1QTMACN001	Quản trị thương hiệu	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 4
59	7	1QTMACN012	Marketing dịch vụ	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 4
60	7	1QTCHTC404	MHTC 4 : Thực hành Tin học trong kế toán (Excel)	2	0	0	45	0	0	0	0	45	3	
				17	150	75	45	0	0	0	0	270	18	
61	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
62	8	1QTTTTN001	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
63	8	1QTCHCN017	Marketing giữa các tổ chức	2	30	0	0	0	0	0	0	30	15	Nhóm môn thay thế BTTN
64	8	1QTCHCN018	Thị trường tài chính phái sinh	2	30	0	0	0	0	0	0	30		Nhóm môn thay thế BTTN
65	8	1QTCHCN019	Quản trị dịch vụ	3	30	15	0	0	0	0	0	45		Nhóm môn thay thế BTTN
				12	105	30	90	0	0	0	0	225	21	
TỔNG CỘNG				147	1500	621	294	0	15	0	0	2430	168	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH) (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	1CBTODC004	Toán C1 (Vi tích phân hàm 1 biến và nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	1QTCHCS001	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	1QTCHCS002	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				18	195	105	30	0	0	0	0	330	22	
8	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	1CBTODC005	Toán C2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
11	2	9QITODC001	Xác suất thống kê và thực hành	3	30	6	9	0	0	0	0	45	3	
12	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	1QTCHCS003	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	210	81	69	0	0	0	0	360	24	
17	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	3	1QTCHCS004	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	3	1QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
20	3	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	1QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
23	3	1QTCHCN002	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	240	75	60	0	0	0	0	375	25	
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH) (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
27	4	1QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (DH)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
28	4	1QTCHCS011	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
29	4	1QTCHCS018	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	4	1QTCHCS019	Nghiệp vụ ngân hàng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
31	4	1QTCHCS021	Hành vi tổ chức	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
32	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				16	180	90	0	0	0	0	0	270	18	
33	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
34	5	9QTCHCS004	Thông kê trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	5	1QTCHCS020	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	1QTCHCS022	Thị trường chứng khoán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	1QTCHCN001	Quản trị tài chính căn bản (Quản trị tài chính 1)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	1QTCCN001	Kế toán tài chính 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	5	1QTCHTC102	MHTC 1 : Đồ án Nghiên cứu thị trường	1	0	0	0	0	15	0	15	15	1	Nhóm môn học tự chọn 1
40	5	1QTCHTC101	MHTC 1 : Đồ án Quản trị tài chính	1	0	0	0	0	15	0	15	15	1	Nhóm môn học tự chọn 1
41	5	1QTCHTC103	MHTC 1 : Đồ án Tìm hiểu văn bản luật (kinh tế)	1	0	0	0	0	15	0	15	15	1	Nhóm môn học tự chọn 1
				19	195	75	0	0	15	0	285	19		
42	6	1QTCHCN008	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
43	6	1QTCHCN003	Quản trị chiến lược	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
44	6	1QTCCN003	Kế toán tài chính 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
45	6	1QTCCN004	Quản trị tài chính nâng cao (Quản trị tài chính 2)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
46	6	1QTCCN008	Thị trường và các định chế tài chính	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
47	6	1QTCHTC205	MHTC 2 : Thương mại điện tử	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
48	6	1QTCHTC202	MHTC 2 : Marketing quốc tế	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
49	6	1QTCHTC206	MHTC 2 : Thanh toán quốc tế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
50	6	1QTCHTC207	MHTC 2 : Kế toán Mỹ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 2
51	6	1QTCHTC302	MHTC 3 : Đạo đức trong kinh doanh	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
52	6	1QTCHTC303	MHTC 3 : Nghệ thuật lãnh đạo	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3
53	6	1QTCHTC307	MHTC 3 : Quản trị ngân hàng thương mại	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH) (MÃ NGÀNH: D340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
				20	225	90	0	0	0	0	0	315	21	
54	7	1QTCHCN005	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
55	7	1QTCHCN006	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
56	7	1QTCHCN009	Quản trị Marketing	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
57	7	1QTCHCN013	Thẩm định dự án	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 4
58	7	1QTCCN006	Quản trị chi phí	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 4
59	7	1QTCHCN014	Kiểm toán (45t)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 5
60	7	1QTCCN002	Tài chính quốc tế	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 5
61	7	1QTCHTC404	MHTC 4 : Thực hành Tin học trong kế toán (Excel)	2	0	0	45	0	0	0	0	45	3	
				17	150	75	45	0	0	0	0	270	18	
62	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
63	8	1QTTTIN001	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
64	8	1QTCHCN017	Marketing giữa các tổ chức	2	30	0	0	0	0	0	0	30	15	Nhóm môn thay thế BTTN
65	8	1QTCHCN018	Thị trường tài chính phái sinh	2	30	0	0	0	0	0	0	30		Nhóm môn thay thế BTTN
66	8	1QTCHCN019	Quản trị dịch vụ	3	30	15	0	0	0	0	0	45		Nhóm môn thay thế BTTN
				12	105	30	90	0	0	0	0	225	21	
TỔNG CỘNG				146	1500	621	294	0	15	0	0	2430	168	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (MÃ NGÀNH: D580201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	1CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - Nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	1CBTODC001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
3	1	1CBTODC002	Toán A2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
7	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
8	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
9	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
				20	240	120	45	0	0	0	0	405	27	
10	2	1CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
11	2	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vectơ)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
12	2	1XDCHCS008	Cơ lý thuyết	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
17	2	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
				16	210	75	75	0	0	0	0	360	24	
19	3	1XDCHCS010	Sức bền vật liệu 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
20	3	1XDCHCS015	Vật liệu xây dựng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	1XDCHCS016	Vẽ kỹ thuật căn bản (XD)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	1XDCHCS018	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
23	3	1XDCHCS023	Cơ lưu chất	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
25	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
26	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (MÃ NGÀNH: D580201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
27	3	9DDCHCS001	Kỹ thuật điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				13	180	90	90	0	0	0	0	360	24	
28	4	1XDCHCS001	Anh văn chuyên ngành 1	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
29	4	1XDCHCS005	Cơ học đất	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	4	1XDCHCS006	Cơ học kết cấu 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
31	4	1XDCHCS011	Sức bền vật liệu 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
32	4	1XDCHCS012	Tin học chuyên ngành 1	2	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
33	4	1XDCHCS014	Trắc địa	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
34	4	1XDCHCS017	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành (XD)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	4	1XDCHCS019	Thí nghiệm Sức bền vật liệu	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
36	4	1XDCHCS020	Thực tập Trắc địa	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
37	4	1XDCHCS021	Thí nghiệm Cơ học đất	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
38	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (DH)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				19	240	90	105	0	0	0	0	435	29	
40	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
41	5	1XDCHCS002	Anh văn chuyên ngành 2	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
42	5	1XDCHCS003	Kỹ thuật an toàn và môi trường	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
43	5	1XDCHCS004	Kết cấu bê tông cốt thép 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	5	1XDCHCS007	Cơ học kết cấu 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
45	5	1XDCHCS013	Tin học chuyên ngành 2	2	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
46	5	1XDCHCS022	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép 1	1	0	0	0	0	30	0	0	30	2	
47	5	1XDCHCS024	Kết cấu thép 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
48	5	1XDCHCS025	Kiến trúc 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
49	6	1XDCHCN014	Tham quan	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
50	5	9CBTOCS001	Xác suất thống kê	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				21	285	90	45	0	30	0	0	450	30	
51	6	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (MÃ NGÀNH: D580201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
52	6	1XDCHCN001	Tin học chuyên ngành 3	2	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
53	6	1XDCHCN002	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
54	6	1XDCHCN003	Nền móng công trình	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
55	6	1XDCHCN008	Thi công 1 (Kỹ thuật Thi công)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
56	6	1XDCHCN010	Đồ án Kết cấu bê tông cốt thép 2	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
57	6	1XDCHCN011	Đồ án Nền móng	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
58	6	1XDDDCN001	Thiết kế công trình dân dụng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
59	6	1XDDDCN002	Kết cấu thép 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
60	6	1XDDDCN003	Kiến trúc 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
61	6	1XDDDCN006	Đồ án Kết cấu thép	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
				19	240	105	15	0	90	0	0	450	30	
62	7	9DTXHTC101	KHXHNV tự chọn 1 : Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	Nhóm môn học tự chọn 1
63	7	9DTXHTC203	KHXHNV tự chọn 2 : Phương pháp luận sáng tạo	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
64	7	9DTXHTC104	KHXHNV tự chọn 1 : Đại cương văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
65	7	1XDCHCN004	Quản lý xây dựng 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
66	7	1XDCHCN006	Dự toán công trình	2	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
67	7	1XDCHCN007	Kinh tế xây dựng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
68	7	1XDCHCN009	Thi công 2 (Tổ chức Thi công)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
69	7	1XDDDCN004	Nhà cao tầng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
70	7	1XDDDCN005	Móng trên nền đất yếu	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
71	7	1XDCHTC001	MHTC : Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
72	7	1XDCHCN012	Đồ án Thi công 1	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
73	7	1XDDDCN007	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
				18	240	105	15	0	60	0	0	420	28	
74	8	1XDCHCN005	Quản lý xây dựng 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
75	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
76	8	1XDCHCN013	Đồ án Thi công 2	1	0	0	0	0	0	30	0	30	2	
77	8	1XDTTTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014
NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (MÃ NGÀNH: D580201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
78	8	1XDBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	225	225	15	
				13	45	30	90	0	30	225	420	26	
TỔNG CỘNG				139	1680	705	480	0	210	225	3300	218	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH TẠO DÁNG SẢN PHẨM) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	9DECHCS022	Design đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
4	1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	3	30	30	0	0	0	0	0	60	4	
6	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9DEMTC001	Hình họa 1	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
				21	210	105	105	0	0	0	0	420	28	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	9DECHCS014	Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế công nghiệp	3	30	30	0	0	0	0	0	60	4	
11	2	9DECHCS010	Ergonomics	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
12	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
13	2	9DEMTC002	Hình họa 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
14	2	9DEMTC006	Kỹ thuật mô hình sản phẩm	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				17	150	60	195	0	0	0	0	405	27	
17	HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	1	0	0	45	0	0	0	0	45	4	
				1	0	0	45	0	0	0	0	45	4	
18	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	3	9DECHCS018	Văn hóa và phong cách trong thiết kế công nghiệp	3	30	0	30	0	0	0	0	60	4	
20	3	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
21	3	9DETDCN001	Nguyên lý thiết kế tạo dáng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	9DEMTC010	Hình họa Tạo dáng 1	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
23	3	9DEMTC022	Điều khắc mỹ nghệ	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				16	135	30	270	0	0	0	0	435	29	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH TẠO DÁNG SẢN PHẨM) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	4	9DENACS004	Ảnh Studio	2	0	0	60	0	0	0	0	60	4	
28	4	9DETDNC004	Kỹ thuật thể hiện đồ án tạo dáng 1	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
29	4	9DEMTCS011	Hình họa Tạo dáng 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
30	4	9DEMTCS018	Mô hình sản phẩm	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
31	4	9DETDNC008	Đồ án Tạo dáng đồ trang trí	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
32	4	9DETDNC012	Đồ án Tạo dáng công cụ cầm tay	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
33	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	105	15	345	0	0	0	0	465	31	
34	HÈ	9DECHCN001	Thực tập chuyên ngành	2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
				2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
35	5	9CBCCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	9DETDNC016	Phương pháp luận sáng tạo trong thiết kế	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
37	5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	9DETDNC005	Kỹ thuật thể hiện đồ án tạo dáng 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
39	5	9DECHTC102	Vật liệu tạo dáng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
40	5	9DETDNC010	Đồ án Tạo dáng giày dép	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
41	5	9DETDNC011	Đồ án Tạo dáng đồ chơi	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				18	195	15	165	0	0	0	0	375	25	
42	6	9DECHCS002	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
43	6	9DECHCS009	Lịch sử Design	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
45	6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
46	6	9DETDNC009	Đồ án Tạo dáng đồ gia dụng	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
47	6	9DETDNC013	Đồ án Tạo dáng phương tiện giao thông	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				13	135	45	90	0	0	0	0	270	18	
48	7	9DEXHTC104	Tiếng Việt thực hành	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
49	7	9DECHCS003	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
50	7	9DETDNC006	Chuyên đề Tạo dáng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH TẠO DÁNG SẢN PHẨM) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
51	7	9DEXHDC003	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
52	7	9DETDNC014	Đồ án tự chọn_Tạo dáng	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
53	7	9DETDNC015	Đồ án tổng hợp_Tạo dáng	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
				16	165	45	105	0	0	0	0	315	21	
54	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
55	8	9DETTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
56	8	9DEBTTN001	Đồ án tốt nghiệp	10	0	0	0	0	0	0	300	300	20	
				14	15	15	90	0	0	0	300	420	26	
TỔNG CỘNG				135	1110	330	1500	0	0	300	3240	212		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
1	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
2	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
3	1	9DECHCS022	Design đại cương	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
4	1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
5	1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	3	30	30	0	0	0	0	60	4	
6	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	75	5	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
8	1	9DEMTC001	Hình họa 1	3	15	0	75	0	0	0	90	6	
				21	210	105	105	0	0	0	420	28	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
10	2	9DECHCS015	Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế trang phục	3	15	0	60	0	0	0	75	5	
11	2	9DECHCS010	Ergonomics	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
12	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
13	2	9DEMTC002	Hình họa 2	3	15	0	75	0	0	0	90	6	
14	2	9DEMTC007	Kỹ thuật mô hình trang phục	3	15	0	60	0	0	0	75	5	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
				17	135	30	255	0	0	0	420	28	
17	HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	1	0	0	45	0	0	0	45	4	
				1	0	0	45	0	0	0	45	4	
18	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
19	3	9DECHCS019	Văn hóa và phong cách trong thiết kế trang phục	3	15	0	60	0	0	0	75	5	
20	3	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2	15	0	30	0	0	0	45	3	
21	3	9DETCN001	Nguyên lý thiết kế trang phục	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
22	3	9DEMTC012	Hình họa Thời trang 1	3	15	0	75	0	0	0	90	6	
23	3	9DETCN002	Kỹ thuật cắt may 1	3	30	0	30	0	0	0	60	4	
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
				16	135	30	255	0	0	0	420	28	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	4	9DENACS004	Ảnh Studio	2	0	0	60	0	0	0	0	60	4	
28	4	9DETTTCN003	Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 1	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
29	4	9DEMTC019	Mô hình trang phục	3	0	0	60	0	0	0	0	60	4	
30	4	9DEMTC013	Hình họa Thời trang 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
31	4	9DETTTCN008	Đồ án Trang phục trẻ em	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
32	4	9DETTTCN009	Đồ án Trang phục thể thao	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
33	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	90	15	345	0	0	0	0	450	30	
34	HÈ	9DECHCN001	Thực tập chuyên ngành	2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
				2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
35	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	9DETTTCN004	Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
38	5	9DECHTC105	Chất liệu và xử lý chất liệu	2	0	0	60	0	0	0	0	60	4	
39	5	9DETTTCN018	Nghệ thuật trang điểm	2	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
40	5	9DETTTCN017	Đồ án Trang phục theo dáng người đặc biệt	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
41	5	9DETTTCN011	Đồ án Trang phục công sở	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				17	150	0	255	0	0	0	0	405	27	
42	6	9DECHCS002	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
43	6	9DECHCS009	Lịch sử Design	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
45	6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
46	6	9DETTTCN010	Đồ án Trang phục nội y	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
47	6	9DETTTCN012	Đồ án Trang phục lễ hội	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				13	135	45	90	0	0	0	0	270	18	
48	7	9DECHCS003	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
49	7	9DETTTCN005	Chuyên đề Thời trang	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
50	7	9DEXHDC003	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
51	7	9DETCN013	Đồ án tự chọn_Thời trang	2	15	0	45	0	0	0	60	4	
52	7	9DETCN014	Đồ án tổng hợp_Thời trang	3	15	0	60	0	0	0	75	5	
53	7	9DETCN016	Kỹ thuật cắt may 2 (áo dài - veston)	3	30	0	30	0	0	0	60	4	
				16	150	45	135	0	0	0	330	22	
54	8	1CBBTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	30	2	
55	8	9DETTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	90	4	
56	8	9DEBTN001	Đồ án tốt nghiệp	10	0	0	0	0	0	300	300	20	
				14	15	15	90	0	0	300	420	26	
TỔNG CỘNG				134	1020	285	1665	0	0	300	3270	214	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	9DECHCS022	Design đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
4	1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	3	30	30	0	0	0	0	0	60	4	
6	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9DEMTC001	Hình họa 1	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
				21	210	105	105	0	0	0	0	420	28	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	9DECHCS016	Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế đồ họa	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
11	2	9DECHCS010	Ergonomics	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
12	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
13	2	9DEMTC002	Hình họa 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
14	2	9DEMTC008	Kỹ thuật mô hình đồ họa	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				17	135	30	255	0	0	0	0	420	28	
17	HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	1	0	0	45	0	0	0	0	45	4	
				1	0	0	45	0	0	0	0	45	4	
18	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	3	9DECHCS020	Văn hóa và phong cách trong thiết kế đồ họa	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
20	3	9DECHCN002	Quảng cáo đại cương	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9DEDHCN001	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	9DEMTC014	Hình họa Đồ họa 1	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
23	3	9DEMTC020	Mô hình đồ họa	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				17	135	45	255	0	0	0	0	435	29	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	4	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
28	4	9DEDHCN015	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1	2	0	0	60	0	0	0	0	60	4	
29	4	9DECHTC101	Nghệ thuật chữ	3	30	0	30	0	0	0	0	60	4	
30	4	9DEMTCS011	Hình họa Đồ họa 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
31	4	9DEDHCN008	Đồ án Đồ họa chữ và tín hiệu	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
32	4	9DEDHCN007	Đồ án Đồ họa hệ thống	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
33	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				16	120	15	285	0	0	0	0	420	28	
34	HÈ	9DECHCN001	Thực tập chuyên ngành	2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
				2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
35	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	9DEDHCN002	Phát triển ý tưởng	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	9DENACS004	Ảnh Studio	2	0	0	60	0	0	0	0	60	4	
39	5	9DEDHCN004	Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
40	5	9DEDHCN010	Đồ án Đồ họa minh họa	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
41	5	9DEDHCN009	Đồ án Đồ họa quảng cáo	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				17	150	30	210	0	0	0	0	390	26	
42	6	9DECHCS002	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
43	6	9DECHCS009	Lịch sử Design	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
45	6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
46	6	9DEDHCN011	Đồ án Đồ họa bao bì	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
47	6	9DEDHCN012	Đồ án Đồ họa dân trang	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				13	135	45	90	0	0	0	0	270	18	
48	7	9DEXHTC104	KHXHNV & NT tự chọn : Tiếng Việt thực hành	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
49	7	9DECHCS003	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
50	7	9DEDHCN005	Chuyên đề Đồ họa	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
51	7	9DEXHDC003	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
52	7	9DEDHCN013	Đồ án tự chọn_Đồ họa	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
53	7	9DEDHCN014	Đồ án tổng hợp_Đồ họa	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
				16	165	45	105	0	0	0	0	315	21	
54	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
55	8	9DETTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
56	8	9DEBTTN001	Đồ án tốt nghiệp	10	0	0	0	0	0	0	300	300	20	
				14	15	15	90	0	0	0	300	420	26	
TỔNG CỘNG				134	1065	330	1530	0	0	0	300	3225	211	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH TRANG TRÍ NỘI THẤT) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	9DECHCS022	Design đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
4	1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	3	30	30	0	0	0	0	0	60	4	
6	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9DEMTC001	Hình họa 1	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
				21	210	105	105	0	0	0	0	420	28	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	9DECHCS017	Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế nội thất	3	30	0	30	0	0	0	0	60	4	
11	2	9DECHCS010	Ergonomics	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
12	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
13	2	9DEMTC002	Hình họa 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
14	2	9DEMTC009	Kỹ thuật mô hình nội thất	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
15	2	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				17	150	30	225	0	0	0	0	405	27	
17	HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	1	0	0	45	0	0	0	0	45	4	
				1	0	0	45	0	0	0	0	45	4	
18	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	3	9DECHCS021	Văn hóa và phong cách trong thiết kế nội thất	3	30	0	30	0	0	0	0	60	4	
20	3	9DENTCN001	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9DENTCN003	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
22	3	9DECHTC103	Vật liệu nội thất	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
23	3	9DEMTC016	Hình họa Nội thất 1	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				17	150	45	225	0	0	0	0	420	28	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH TRANG TRÍ NỘI THẤT) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	4	9DENTCN002	Cấu tạo nội thất	3	30	30	0	0	0	0	0	60	4	
28	4	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
29	4	9DENTCN004	Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2	3	15	0	60	0	0	0	0	75	5	
30	4	9DEMTC011	Hình họa Nội thất 2	3	15	0	75	0	0	0	0	90	6	
31	4	9DENTCN007	Đồ án Nội thất nhà ở	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
32	4	9DENTCN008	Đồ án Sân vườn công viên	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
33	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	135	45	255	0	0	0	0	435	29	
34	HÈ	9DECHCN001	Thực tập chuyên ngành	2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
				2	0	0	90	0	0	0	0	90	3	
35	5	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	9DENTCN018	Nghệ thuật chiếu sáng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	9DENACS004	Ảnh Studio	2	0	0	60	0	0	0	0	60	4	
39	5	9DEDHCN010	Đồ án Nội thất trưng bày	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
40	5	9DEDHCN009	Đồ án Nội thất văn phòng	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				15	150	15	150	0	0	0	0	315	21	
41	6	9DECHCS002	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
42	6	9DECHCS009	Lịch sử Design	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
43	6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
44	6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
45	6	9DENTCN011	Đồ án Nội thất công trình dịch vụ giải trí	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
46	6	9DENTCN012	Đồ án Nội thất công trình văn hóa giáo dục	2	15	0	45	0	0	0	0	60	4	
				13	135	45	90	0	0	0	0	270	18	
47	7	9DEXHTC104	Tiếng Việt thực hành	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
48	7	9DECHCS003	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	15	30	0	0	0	0	0	45	3	
49	7	9DENTCN005	Chuyên đề Nội thất	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
50	7	9DEXHDC003	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2014

NGÀNH: THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (CHUYÊN NGÀNH TRANG TRÍ NỘI THẤT) (MÃ NGÀNH: D210402)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
51	7	9DENTCN013	Đồ án tự chọn_Nội thất	2	15	0	45	0	0	0	60	4	
52	7	9DENTCN014	Đồ án tổng hợp_Nội thất	3	15	0	60	0	0	0	75	5	
				16	165	45	105	0	0	0	315	21	
53	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	30	2	
54	8	9DETTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	90	4	
55	8	9DEBTTN001	Đồ án tốt nghiệp	10	0	0	0	0	0	300	300	20	
				14	15	15	90	0	0	300	420	26	
TỔNG CỘNG				133	1110	345	1380	0	0	300	3135	205	

CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG
KHÓA 2014

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: C510203)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	2CBTODC001	Toán A1 (Vi tích phân hàm 1 biến + Đại số tuyến tính)	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
4	1	2CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9DTVECS003	Vẽ kỹ thuật (CDT)	3	30	30	0	0	0	0	0	60	4	
9	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
10	1	9CKDICS008	Thực tập Điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
11	1	9CKDICS009	Thực tập Điện tử	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				24	240	150	105	0	0	0	0	495	33	
12	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
13	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	2CBTODC002	Toán A2 (Vi tích phân hàm nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
15	2	2CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
16	2	2CKCOCS005	Vật liệu kỹ thuật	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
17	2	2CKDICS001	Mạch điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	2	2CKDICS002	Kỹ thuật điện 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	2	2CKDICS004	Mạch điện tử	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
20	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
21	2	2DDCHCS006	Thí nghiệm Mạch điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
22	2	2CKDICS006	Thí nghiệm Mạch điện tử	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				21	255	105	75	0	0	0	0	435	29	
23	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
25	3	2CKCOCS002	Cơ ứng dụng 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
26	3	2CKCOCS004	Dụng sai đo lường	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	3	2CKCOCS006	Truyền động cơ khí	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: C510203)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
28	3	2CKDICS003	Kỹ thuật điện 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
29	3	2CKDICS005	Điện tử số	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	3	2CKCOCS011	Thí nghiệm Truyền động cơ khí	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
31	3	2CKDICS007	Thí nghiệm Kỹ thuật điện 1	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
32	3	2CKDICS008	Thí nghiệm Kỹ thuật điện 2	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
33	3	2CKDICS009	Thí nghiệm Điện tử số	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
34	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
35	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				19	225	90	180	0	0	0	0	495	33	
36	4	9CKCHCS001	Anh văn chuyên ngành	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
37	4	2CKCOCS003	Cơ ứng dụng 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	4	2CKCOCS007	Công nghệ cơ khí	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	4	2CKCOCS008	Công nghệ thủy lực	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
40	4	2CKCOCS009	Công nghệ khí nén	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
41	4	2CKCDCN001	Tin học chuyên ngành	2	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
42	4	2CKCDCN002	Truyền động điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
43	4	2CKCOCS013	Thí nghiệm Công nghệ thủy lực	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
44	4	2CKCOCS014	Thí nghiệm Công nghệ khí nén	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
45	4	2CKDICS010	Bài tập lớn Kỹ thuật điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
46	4	2CKCOCS015	Bài tập lớn Truyền động cơ khí	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
47	4	2CKCDCN007	Thí nghiệm Truyền động điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
48	4	9DTQS00002	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				19	210	90	165	0	0	0	0	465	31	
49	5	2CKCHCS002	Quan hệ nhân văn	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
50	5	2CKCOCS001	Kỹ thuật nhiệt	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
51	5	2CKCOCS010	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
52	5	2CKCDCN003	Vi xử lý (CDT)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
53	5	2CKCDCN006	Điều khiển tự động	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
54	5	2CKCOCS012	Thực tập Cơ khí	2	0	0	60	0	0	0	0	60	4	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: C510203)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
55	5	2CKCOCS016	Bài tập lớn Khí nén	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
56	5	2CKCOCS017	Bài tập lớn Thủy lực	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
57	5	2CKCOCS018	Bài tập lớn Công nghệ chế tạo máy	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
58	5	2DDDICN005	Thí nghiệm Vi xử lý	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
				16	150	75	180	0	0	0	405	27	
59	6	2CKCHCS003	An toàn môi trường	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
60	6	2CKCDCN004	Điện tử công suất	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
61	6	2CKCDCN005	PLC	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
62	6	9CKCDCN004	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3	30	30	0	0	0	0	60	4	
63	6	2CKCDCN009	Thí nghiệm Điện tử công suất (CDT)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
64	6	2CKCDCN008	Thực hành PLC	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
65	6	9CKCDCN011	Thực hành CNC	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
66	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	30	2	
67	6	2CKTTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	90	4	
68	6	2CKBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	225	225	15	
				22	135	90	180	0	0	225	630	40	
TỔNG CỘNG				121	1215	600	885	0	0	225	2925	193	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: C510301)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	2CBTODC001	Toán A1 (Vi tích phân hàm 1 biến + Đại số tuyến tính)	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
4	1	2CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
9	1	2DDCHCS013	Kỹ thuật điện (DDT)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	1	2DDCHCS017	Thực hành Điện (Thực tập Điện)	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	240	135	75	0	0	0	0	450	30	
11	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
12	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	2CBTODC002	Toán A2 (Vi tích phân hàm nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	2CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
15	2	2DDCHCS001	Mạch điện	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
16	2	2DDCHCS011	Tin học 2 (Ngôn ngữ lập trình C / C++)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
17	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
18	2	2DDCHCS006	Thí nghiệm Mạch điện	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
19	2	2DDCHCS016	Thực hành Tin học 2 (Ngôn ngữ lập trình C / C++)	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				18	210	75	75	0	0	0	0	360	24	
20	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	2DDCHCS002	Điện tử 1 (cơ bản)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
23	3	2DDCHCS003	Đo lường điện và thiết bị đo	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	2DDCHCS004	Kỹ thuật số	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
25	3	2DDCHCS012	Tín hiệu và hệ thống	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
26	3	2DDCHCS014	An toàn điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	3	2DDCHCS007	Thí nghiệm Điện tử 1	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: C510301)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
28	3	2DDCHCS008	Thực hành Điện tử (Thực tập Điện tử)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
29	3	2DDCHCS009	Thí nghiệm Đo lường điện và thiết bị đo	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
30	3	2DDCHCS010	Thí nghiệm Kỹ thuật số	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
31	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
32	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
				20	240	90	180	0	0	0	510	34	
33	4	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
34	4	2DDDICN003	Cung cấp điện	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
35	4	2DDCHCS015	Trường điện tử	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
36	4	2DDDICS003	Đo lường và cảm biến	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
37	4	2DDDICN001	Vi xử lý	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
38	4	2DDDICN002	Điện tử 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
39	4	2DDDICS007	Thí nghiệm Đo lường và cảm biến	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
40	4	2DDDICN005	Thí nghiệm Vi xử lý	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
41	4	2DDVTCS004	Thí nghiệm Điện tử 2	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
42	4	2DDDICN009	Thí nghiệm Cung cấp điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
43	4	2DDDICN007	Đồ án môn học 1 (DDT)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
44	4	9DTQS00002	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	180	90	150	0	0	0	420	28	
45	5	9CBXHDC003	Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
46	5	2DDDICS001	Khí cụ điện và máy điện	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
47	5	2DDDICS002	Điện tử công suất	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
48	5	2DDDICS004	Hệ thống điều khiển tự động	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
49	5	2DDCHCS005	Truyền số liệu	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
50	5	2DDCHTC104	MHTC 1 : Autocad - Thiết kế và vẽ mạch ĐĐT	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
51	5	2DDDICS006	Thí nghiệm Điện tử công suất (DDT)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
52	5	2DDDICS005	Thí nghiệm Khí cụ điện và máy điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
53	5	2DDDICS008	Thí nghiệm Hệ thống điều khiển tự động	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
54	5	2DDDICN008	Đồ án môn học 2 (DDT)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ (MÃ NGÀNH: C510301)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
				16	180	90	120	0	0	0	390	26	
55	6	2DDDICN004	Tự động hóa lập trình PLC	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
56	6	2DDDICN006	Thí nghiệm Tự động hóa lập trình PLC	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
57	6	2DDCHTC204	MHTC 2 : Thiết bị và hệ thống công nghiệp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
58	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	30	2	
59	6	2DDTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	90	4	
60	6	2DDBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	225	225	15	
				15	75	45	120	0	0	225	465	29	
TỔNG CỘNG				108	1125	525	720	0	0	225	2595	171	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG (MÃ NGÀNH: C510302)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
1	1	2CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
2	1	2CBTODC001	Toán A1 (Vi tích phân hàm 1 biến + Đại số tuyến tính)	4	45	30	0	0	0	0	75	5	
3	1	2DDCHCS013	Kỹ thuật điện (DDT)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
4	1	2DDCHCS017	Thực hành Điện (Thực tập Điện)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
5	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
6	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	75	5	
7	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
8	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
9	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	15	1	
10	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
				22	240	135	75	0	0	0	450	30	
11	2	2CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
12	2	2CBTODC002	Toán A2 (Vi tích phân hàm nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
13	2	2DDCHCS001	Mạch điện	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
14	2	2DDCHCS006	Thí nghiệm Mạch điện	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
15	2	2DDCHCS011	Tin học 2 (Ngôn ngữ lập trình C / C++)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
16	2	2DDCHCS016	Thực hành Tin học 2 (Ngôn ngữ lập trình C / C++)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
17	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
18	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
19	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	15	1	
				18	210	75	75	0	0	0	360	24	
20	3	2DDCHCS002	Điện tử 1 (cơ bản)	3	45	15	0	0	0	0	60	4	
21	3	2DDCHCS003	Đo lường điện và thiết bị đo	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
22	3	2DDCHCS004	Kỹ thuật số	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
23	3	2DDCHCS007	Thí nghiệm Điện tử 1	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
24	3	2DDCHCS008	Thực hành Điện tử (Thực tập Điện tử)	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
25	3	2DDCHCS009	Thí nghiệm Đo lường điện và thiết bị đo	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
26	3	2DDCHCS010	Thí nghiệm Kỹ thuật số	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
27	3	2DDCHCS012	Tín hiệu và hệ thống	2	30	15	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG (MÃ NGÀNH: C510302)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
28	3	2DDCHCS014	An toàn điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
29	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
31	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
32	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				20	240	90	180	0	0	0	0	510	34	
33	4	2DDCHCS015	Trường điện từ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
34	4	2DDDICN001	Vi xử lý	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	4	2DDDICN002	Điện tử 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
36	4	2DDDICN005	Thí nghiệm Vi xử lý	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
37	4	2DDVTCN001	Anten truyền sóng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	4	2DDVTCN007	Đồ án môn học 1 (DTVT)	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
39	4	2DDVTCS003	Hệ thống viễn thông	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
40	4	2DDVTCS004	Thí nghiệm Điện tử 2	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
41	4	9DTQS00002	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
42	4	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				16	195	90	90	0	0	0	0	375	25	
43	5	9CBXHDC003	Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
44	5	2DDCHCS005	Truyền số liệu	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
45	5	2DDVTCS002	Điện tử thông tin	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
46	5	2DDVTCN002	Xử lý tín hiệu số	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
47	5	2DDCHTC101	MHTC 1 : Truyền hình số	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
48	5	2DDDICS002	Điện tử công suất	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
49	5	2DDDICS006	Thí nghiệm Điện tử công suất (DDT)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
50	5	2DDVTCS006	Thí nghiệm Xử lý tín hiệu số	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
51	5	2DDVTCS005	Thí nghiệm Điện tử thông tin	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
52	5	2DDVTCN008	Đồ án môn học 2 (DTVT)	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				17	180	90	120	0	0	0	0	390	26	
53	6	2DDVTCN003	Kỹ thuật chuyển mạch	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ TRUYỀN THÔNG (MÃ NGÀNH: C510302)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
54	6	2DDVTCN004	Công nghệ Chip	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
55	6	2DDVTCN005	Thí nghiệm Kỹ thuật chuyển mạch	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
56	6	2DDCHTC205	MHTC 2 : Chuyên đề mạng Cisco	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
57	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
58	6	2DDTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
59	6	2DDBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	0	225	225	15	
60	6	2DDVTCN006	Thí nghiệm Công nghệ Chip	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
TỔNG CỘNG				18	105	60	150	0	0	225	540	34		
TỔNG CỘNG				111	1170	540	690	0	0	225	2625	173		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH: C480201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	2CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	2CBTODC001	Toán A1 (Vi tích phân hàm 1 biến + Đại số tuyến tính)	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
3	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
5	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	2THCHCS001	Nhập môn lập trình	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
8	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
9	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
10	1	2THCHCS002	Thực hành Nhập môn lập trình	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				22	240	135	75	0	0	0	0	450	30	
11	2	9DTXHTC104	KHXHNV tự chọn 1 : Đại cương văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
12	2	2CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
13	2	2CBTODC002	Toán A2 (Vi tích phân hàm nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	2THCHCS012	Đồ họa ứng dụng	2	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
15	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
16	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
17	2	2THCHCN003	Nhập môn Web và ứng dụng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	2	2THCHCN004	TH Nhập môn Web và ứng dụng	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
19	2	2THCHCN006	Đồ án tin học 1	3	0	0	45	0	0	0	0	45	3	
20	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
				21	210	60	120	0	0	0	0	390	26	
21	3	2THCHCS003	Tổ chức cấu trúc máy tính	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	2THCHCS005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
23	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
25	3	2THCHCN001	Lập trình ứng dụng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
26	3	2THCHCS004	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
27	3	2THCHCS006	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH: C480201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
28	3	2THCHCN002	Thực hành Lập trình ứng dụng	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
29	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	30	2	
30	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	30	2	
				18	165	60	150	0	0	0	375	25	
31	4	2THPMC006	Chuyên đề tự chọn 1	3	15	0	30	0	0	0	45	3	
32	4	9CBXHDC003	Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
33	4	2THCHCS007	Mạng máy tính	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
34	4	2THPMC001	Nhập môn lập trình Web	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
35	4	2THCHCN009	Tin học ứng dụng	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
36	4	2THPMC002	Thực hành Nhập môn lập trình Web	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
37	4	2THPMC009	Thực hành Tin học ứng dụng	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
38	4	2THPMC010	Thực hành Chuyên đề tự chọn 1	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
39	4	2THCHCN007	Đồ án tin học 2	3	0	0	45	0	0	0	45	3	
40	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)		0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	135	60	165	0	0	0	360	24	
41	5	2THPMC003	Nhập môn lập trình Win	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
42	5	2THPMC005	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
43	5	2THCHCN005	Quản trị mạng	3	30	15	0	0	0	0	45	3	
44	5	2THPMC007	Chuyên đề tự chọn 2	3	15	0	30	0	0	0	45	3	
45	5	2THPMC004	Thực hành Nhập môn lập trình Win	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
46	5	2THPMC011	Thực hành Chuyên đề tự chọn 2	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
47	5	2THCHCN008	Đồ án tin học 3	3	0	0	45	0	0	0	45	3	
				15	105	45	135	0	0	0	285	19	
48	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	30	2	
49	6	2THPMC012	Triển khai Hệ thống thông tin	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
50	6	2THCHCN009	Kiến tập doanh nghiệp	1	0	0	15	0	0	0	15	2	
51	6	2THTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	90	4	
52	6	2THBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	225	225	15	
				13	45	30	105	0	0	225	405	26	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MÃ NGÀNH: C480201)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
TỔNG CỘNG				106	900	390	750	0	0	225	2265	150	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (MÃ NGÀNH: C540102)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	2CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	2CBTODC001	Toán A1 (Vi tích phân hàm 1 biến + Đại số tuyến tính)	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
3	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
5	1	9DTVECS002	Vẽ kỹ thuật (CHUNG : DDT & CNTP)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
8	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
9	1	9TPHODC002	Thực hành Hóa đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
10	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
				22	240	135	75	0	0	0	0	450	30	
11	2	2CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
12	2	2CBTODC002	Toán A2 (Vi tích phân hàm nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	2TPCHCS003	Nhập môn công nghệ thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
14	2	2TPCHCS004	Hóa học thực phẩm	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
15	2	2TPCHCS013	Thí nghiệm Hóa thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
16	2	2TPCHCS019	Hóa lý	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
17	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
19	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
				19	240	75	45	0	0	0	0	360	24	
20	3	2TPCHCS005	Vi sinh thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	2TPCHCS006	Phân tích thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	2TPCHCS011	Kỹ thuật thực phẩm 1	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
23	3	2TPCHCS014	Thí nghiệm Vi sinh thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
24	3	2TPCHCS015	Thí nghiệm Phân tích thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
25	3	2TPCHCS017	Bài tập lớn Kỹ thuật thực phẩm 1	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
26	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (MÃ NGÀNH: C540102)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
28	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
29	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
30	3	9CBXHDC003	Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
31	3	9TPCHCS001	Anh văn chuyên ngành 1	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
				19	240	75	150	0	0	0	465	31	
32	4	2TPCHCN010	Đồ án CNTP 1 : Nguyên liệu thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
33	4	2TPCHCS007	Dinh dưỡng	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
34	4	2TPCHCS008	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
35	4	2TPCHCS009	An toàn thực phẩm	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
36	4	2TPCHCS012	Kỹ thuật thực phẩm 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
37	4	2TPCHCS016	Thực hành Cảm quan thực phẩm	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
38	4	2TPCHCS018	Bài tập lớn Kỹ thuật thực phẩm 2	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
39	4	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
40	4	9DTQS00002	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
41	4	9TPCHCS002	Anh văn chuyên ngành 2	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
				15	180	60	90	0	0	0	330	22	
42	5	2TPCHCS010	Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
43	5	2TPCHCN001	Công nghệ chế biến thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
44	5	2TPCHCN002	Công nghệ bao gói thực phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
45	5	2TPCHCN003	Văn hóa ẩm thực	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
46	5	2TPCHCN004	Quản lý doanh nghiệp / Quản trị sản xuất	3	45	0	0	0	0	0	45	3	
47	5	2TPCHTC103	Môn học chuyên ngành tự chọn 1	2	30	0	0	0	0	0	30	2	
48	5	2TPCHCN006	Thực hành Công nghệ bao gói	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
49	5	2TPCHCN007	Thực hành Chế biến thực phẩm 1	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
50	5	2TPCHCN011	Đồ án CNTP 2 : Quy trình sản xuất	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
				16	195	45	90	0	0	0	330	22	
51	6	2TPCHCN005	Phát triển sản phẩm	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
52	6	2TPCHCN008	Thực hành Chế biến thực phẩm 2	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
53	6	2TPCHCN009	Thực hành Phát triển sản phẩm	1	0	0	30	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (MÃ NGÀNH: C540102)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
54	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
55	6	2TPTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
56	6	2TPCHTC202	Môn học chuyên ngành tự chọn 2	3	60	0	0	0	0	0	0	60	4	
57	6	2TPCHTC302	Môn học chuyên ngành tự chọn 3	3	60	0	0	0	0	0	0	60	4	
58	6	2TPBTTN002	Môn thi tốt nghiệp 1 (CS_CNTP)	3	45	0	0	0	0	0	0	45	9	} Hình thức bài thi tốt nghiệp sẽ được thông báo vào cuối học kỳ.
59	6	2TPBTTN003	Môn thi tốt nghiệp 2 (CN_CNTP)	3	45	0	0	0	0	0	0	45	9	
60	6	2TPBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	0	225	225	15	
TỔNG CỘNG				26	255	30	150	0	0	0	225	660	54	
				117	1350	420	600	0	0	0	225	2595	183	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (MÃ NGÀNH: C340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	2CBTODC003	Toán C	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	2QTCHCS001	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	2QTCHCS002	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
8	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				20	225	120	30	0	0	0	0	375	25	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	2QTCHCS003	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
11	2	2QTCHCS004	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
12	2	2QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	2QTCHCS006	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	2QTCHCS007	Tin học ứng dụng trong kinh doanh và thực hành	3	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
15	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
				19	195	75	30	0	0	0	0	300	20	
16	3	2QTCHCS008	Phương pháp định lượng và thực hành	3	30	12	3	0	0	0	0	45	3	
17	3	2QTCHCS014	Thị trường chứng khoán	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	3	2QTKDCN001	Kỹ thuật bán hàng	3	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
19	3	2QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (CD)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
20	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	9QTTODC001	Xác suất thống kê và thực hành	3	30	6	9	0	0	0	0	45	3	
23	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
24	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				23	225	63	87	0	0	0	0	375	25	
25	4	2QTCHCN001	Quản trị tài chính 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
26	4	2QTKDCN009	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (MÃ NGÀNH: C340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
27	4	2QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
28	4	2QTCHCS011	Luật trong doanh nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
29	4	2QTKDCN002	Quản trị vận hành	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	4	2QTKDCN003	Quản trị nguồn nhân lực	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
31	4	9DTXHTC201	KHXHNV tự chọn 2 : Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
32	4	9DTXHTC202	KHXHNV tự chọn 2 : Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
33	4	9DTQS00002	Giáo dục quốc phòng (CĐ)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				19	225	75	0	0	0	0	0	300	20	
34	5	2QTCHCS012	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	5	2QTCHCS013	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	2QTCHCN003	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	2QTKDCN004	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	2QTKDCN005	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
39	5	2QTKDCN010	Quản trị Marketing	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
40	5	2QTKDCN007	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
41	5	2QTCHCN004	Tự chọn tự do 3: Đồ án môn học (Tài chính, Thị trường, Luật)	1	0	0	0	0	15	0	0	15	1	
				20	210	105	0	0	15	0	0	330	22	
42	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
43	6	2QTTTN001	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
44	6	2QTCHCN005	Dự báo trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	15	Nhóm môn thay thế BTTN
45	6	2QTCHCN006	Thương mại điện tử	2	15	15	0	0	0	0	0	30		Nhóm môn thay thế BTTN
				10	60	45	90	0	0	0	0	195	21	
TỔNG CỘNG				111	1140	483	237	0	15	0	0	1875	133	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN) (MÃ NGÀNH: C340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	9CBCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
3	1	2CBTODC003	Toán C	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	2QTCHCS001	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	2QTCHCS002	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
8	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				20	225	120	30	0	0	0	0	375	25	
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
10	2	2QTCHCS003	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
11	2	2QTCHCS004	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
12	2	2QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
13	2	2QTCHCS006	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	2QTCHCS007	Tin học ứng dụng trong kinh doanh và thực hành	3	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
15	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
				19	195	75	30	0	0	0	0	300	20	
16	3	2QTCHCS008	Phương pháp định lượng và thực hành	3	30	12	3	0	0	0	0	45	3	
17	3	2QTCHCS009	Nghiệp vụ ngân hàng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	3	2QTKTCN001	Kế toán tài chính 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
19	3	2QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (CD)	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
20	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	
22	3	9QITODC001	Xác suất thống kê và thực hành	3	30	6	9	0	0	0	0	45	3	
23	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
24	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	2	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
				23	225	78	72	0	0	0	0	375	25	
25	4	2QTCHCN001	Quản trị tài chính 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
26	4	2QTCHCN002	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	4	2QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
28	4	2QTCHCS011	Luật trong doanh nghiệp	3	45	0	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN) (MÃ NGÀNH: C340101)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
29	4	2QTKTCN002	Kế toán tài chính 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
30	4	2QTKTCN003	Kế toán chi phí	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
31	4	9DTXHTC201	KHXHNV tự chọn 2 : Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
32	4	9DTXHTC202	KHXHNV tự chọn 2 : Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	Nhóm môn học tự chọn 1
33	4	9DTQS00002	Giáo dục quốc phòng (CĐ)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				19	225	75	0	0	0	0	0	300	20	
34	5	2QTCHCS012	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
35	5	2QTCHCS013	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
36	5	2QTCHCN003	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
37	5	2QTKTCN004	Hệ thống thông tin kế toán	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
38	5	2QTKTCN005	Chứng từ - Sổ sách - Báo cáo kế toán	3	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
39	5	2QTKTCN006	Tin học ứng dụng trong kế toán	3	15	0	30	0	0	0	0	45	3	
40	5	2QTKTCN007	Kế toán tài chính 3	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
41	5	2QTCHCN004	Tự chọn tự do 3: Đồ án môn học (Tài chính, Thị trường, Luật)	1	0	0	0	0	15	0	0	15	1	
				20	195	75	45	0	15	0	0	330	22	
42	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	0	30	2	
43	6	2QTTTIN001	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	0	0	90	4	
44	6	2QTCHCN005	Dự báo trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	0	0	45	15	Nhóm môn thay thế BTTN
45	6	2QTCHCN006	Thương mại điện tử	2	15	15	0	0	0	0	0	30		Nhóm môn thay thế BTTN
				10	60	45	90	0	0	0	0	195	21	
TỔNG CỘNG				111	1125	468	267	0	15	0	0	1875	133	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (MÃ NGÀNH: C510102)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ	
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG			
1	1	2CBLYDC001	Vật lý 1 (Cơ - nhiệt)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
2	1	2CBTODC001	Toán A1 (Vi tích phân hàm 1 biến + Đại số tuyến tính)	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
3	1	2XDCHCS004	Cơ lý thuyết	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
4	1	2XDCHCS008	Vẽ kỹ thuật xây dựng 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
5	1	2XDCHCS010	Cơ lưu chất	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
6	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
7	1	9CBCCTDC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	0	0	75	5	
8	1	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
9	1	9THTHDC002	Thực hành Tin học đại cương	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
10	1	9CBLYDC004	Thí nghiệm Vật lý 1	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
11	1	9TPHODC001	Hóa đại cương	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				25	300	165	45	0	0	0	0	510	34	
12	2	2CBLYDC002	Vật lý 2 (Điện từ - quang)	3	45	15	0	0	0	0	0	60	4	
13	2	2CBTODC002	Toán A2 (Vi tích phân hàm nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
14	2	2XDCHCS005	Sức bền vật liệu 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
15	2	2XDCHCS007	Vật liệu xây dựng	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
16	2	2XDCHCS012	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	1	0	0	30	0	0	0	0	30	2	
17	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
18	2	9CBCCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	0	30	2	
19	2	9CBLYDC005	Thí nghiệm Vật lý 2	1	0	0	15	0	0	0	0	15	1	
20	2	9CBXHDC003	Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
21	2	9DDCHCS001	Kỹ thuật điện	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
				20	255	105	45	0	0	0	0	405	27	
22	3	2XDCHCN001	Tin học chuyên ngành 1	2	30	0	15	0	0	0	0	45	3	
23	3	2XDCHCS003	Kỹ thuật an toàn môi trường	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
24	3	2XDCHCS006	Sức bền vật liệu 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
25	3	2XDCHCS009	Vẽ kỹ thuật xây dựng 2	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
26	3	2XDCHCS011	Cơ học kết cấu 1	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	
27	3	2XDCHCS013	Trắc địa	2	30	15	0	0	0	0	0	45	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (MÃ NGÀNH: C510102)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
28	3	2XDCHCS014	Thực tập Trắc địa	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
29	3	2XDCHCS015	Thí nghiệm Sức bền vật liệu	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
30	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
31	3	9CBCTDC003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	0	0	0	45	3	
32	3	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
33	3	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	0	30	2	
34	3	9CBXHDC001	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
				21	285	105	135	0	0	0	525	35	
35	4	2XDCHCN002	Tin học chuyên ngành 2	2	30	0	15	0	0	0	45	3	
36	4	2XDCHCN004	Cơ học đất	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
37	4	2XDCHCN005	Kết cấu thép 1	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
38	4	2XDCHCN006	Kiến trúc 1	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
39	4	2XDCHCN007	Thi công 1 (Kỹ thuật Thi công)	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
40	4	2XDCHCN008	Bê tông cốt thép 1	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
41	4	2XDCHCN015	Thí nghiệm Cơ học đất	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
42	4	2XDCHCN016	Đồ án Thi công 1	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
43	4	2XDCHCN017	Đồ án Bê tông cốt thép 1	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
44	4	2XDCHCS001	Anh văn chuyên ngành 1	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
45	4	9DTQS00002	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				17	210	90	105	0	0	0	405	27	
46	5	2XDCHCS002	Anh văn chuyên ngành 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
47	5	2XDCHCN003	Tin học chuyên ngành 3 (tự chọn)	2	30	0	15	0	0	0	45	3	
48	5	2XDCHCN009	Bê tông cốt thép 2	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
49	5	2XDCHCN010	Nền móng công trình	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
50	5	2XDCHCN011	Thiết kế công trình dân dụng	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
51	5	2XDCHCN012	Kinh tế xây dựng	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
52	5	2XDCHCN021	Tham quan	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
53	5	2XDCHCN018	Đồ án Bê tông cốt thép 2	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
54	5	2XDCHCN019	Đồ án Thiết kế công trình dân dụng	1	0	0	30	0	0	0	30	2	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÓA 2014
NGÀNH: KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (MÃ NGÀNH: C510102)

STT	HỌC KỲ	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC								TÍN CHỈ HỌC PHÍ	GHI CHÚ
				TÍN CHỈ	LT	BT	TH	BTL	ĐA	LA/TN	TỔNG		
55	5	2XDCHCN020	Đồ án Nền móng công trình	1	0	0	30	0	0	0	30	2	
				16	180	75	135	0	0	0	390	26	
56	6	2XDCHCN013	Dự toán công trình	2	30	0	15	0	0	0	45	3	
57	6	2XDCHCN014	Nhập môn nghề xây dựng	2	30	15	0	0	0	0	45	3	
58	6	2CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	0	30	2	
59	6	2XDTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	0	0	90	0	0	0	90	4	
60	6	2XDBTTN001	Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	0	0	0	225	225	15	
				14	75	30	105	0	0	225	435	27	
TỔNG CỘNG				113	1305	570	570	0	0	225	2670	176	

Ca khúc do nhạc sĩ Vũ Hoàng tặng nhân kỷ niệm 10 năm thành lập STU

NHỮNG CÁNH DIỀU BAY XA

18. Hát Khúc. Tự do

WU HOANG

Giết sân trường tôi thể nào nào mãi.
Giết giảng đường tôi phước lành lập nên.
Vầng trời chim lốt lìa lo bên trời.
Pao có thể gần ấy vẫn một mai.
Đốt sừng viên in dấu tuổi đời mới.
Cũng chong vai tung cánh dệt thắp lai.
Kỳ túc xa nhớ thủa bao nụ cười.
(Giết giảng...)

thầy ... Bao cặp hì, nhớ này ở đây
Đông Bắc nam xưa
Rì dưng trong ta
những cánh diều bay. Hơi bão khát khao
lên chước tôi ca. Kỳ viết thật tha
mà ước mơ cháy. Giết chết những này
hết thắp lửa đời. Pong đời này
vẹn đời luyến tại. Bên đời Tung cánh
pho xa thật là... 126
vẫn nhớ lòng ai? ... Cánh diều bao la
bay cao bay xa!

SAIGON
TECHNOLOGY
UNIVERSITY



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
www.stu.edu.vn

SỨC TRẺ - TRÍ TUỆ - ƯỚC VỌNG



◀ Giờ học ném bóng rổ
trong sân trường



Đăng ký xét tuyển bổ sung 2014 ➤

180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: +84.8.38505520; Fax: +84.8.38506595